

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**BỘ Y TẾ**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG**



**ĐỀ ÁN ĐĂNG KÝ MỞ MÃ NGÀNH ĐÀO TẠO  
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**

**Ngành: SẢN PHẨM KHOA**

**Mã số: 8720105**

**Hải Phòng, 2025**

## MỤC LỤC

I. NỘI DUNG ĐỀ ÁN MỞ MÃ NGÀNH ĐÀO TẠO.....	1
1. Giới thiệu về cơ sở đào tạo.....	1
2. Sự cần thiết mở mã ngành Thạc sĩ Sản Phụ khoa .....	5
3. Căn cứ pháp lý đảm bảo điều kiện mở mã ngành .....	12
4. Điều kiện về đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học để mở mã ngành đào tạo .....	13
5. Cơ sở vật chất phục vụ cho đào tạo.....	16
6. Điều kiện về bộ máy tổ chức quản lý để mở mã ngành đào tạo .....	17
7. Phương án, giải pháp đề phòng, ngăn ngừa, xử lý rủi ro trong mở ngành đào tạo .....	17
I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO .....	18
1.1. Một số thông tin chung về chương trình đào tạo .....	18
1.2. Mục tiêu của chương trình đào tạo.....	18
1.3. Mục tiêu của chương trình đào tạo (Program Objectives: POs).....	19
II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	20
2.1. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes: PLOs).....	20
2.2. Sự phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam và chuẩn năng lực ngành .....	23
2.3. Các hoạt động chuyên môn chủ chốt – Entrustable Professional Activities (EPA) .....	25
III. VỊ TRÍ VIỆC LÀM – CƠ HỘI HỌC TẬP NÂNG CAO .....	27
3.1. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp .....	27
3.2. Cơ hội học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp.....	27
IV. Tuyển sinh.....	27
4.1. Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển.....	27
4.2. Đối tượng tuyển sinh và điều kiện dự tuyển .....	27
4.3. Thông tin tuyển sinh và thời gian tuyển sinh .....	28
4.4. Môn xét tuyển.....	28

4.5. Trúng tuyển và nhập học .....	28
4.6. Số lượng tuyển sinh: 10 học viên/năm .....	29
4.7. Đợt tuyển sinh: 2 lần/năm vào tháng 7 và tháng 10 hàng năm .....	29
V. Tiến trình đào tạo– điều kiện tốt nghiệp.....	29
5.1. Tiến trình đào tạo .....	29
5.2. Điều kiện tốt nghiệp .....	30
VI. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH.....	32
6.1. Khối lượng kiến thức toàn khóa.....	32
6.2. Khung chương trình.....	32
6.3. Khung chương trình.....	35
6.4. Ma trận Học phần và Chuẩn đầu ra của CTĐT.....	38
VII. PHƯƠNG PHÁP DẠY-HỌC.....	40
7.1. Dạy học ngoài nơi thực hành lâm sàng .....	40
7.2. Dạy học tại nơi thực hành lâm sàng .....	40
7.3. Ma trận các phương pháp dạy - học .....	40
VIII. PHƯƠNG PHÁP LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ.....	41
8.1. Các phương pháp lượng giá áp dụng với các năng lực cốt lõi.....	43
8.2. Các phương pháp lượng giá áp dụng với Lượng giá quá trình (giữa kỳ) và lượng giá cuối kỳ.....	44
8.3. Kế hoạch lượng giá trong quá trình học 2 năm Thạc sĩ (Phần do Bộ môn Sản Phụ khoa chịu trách nhiệm).....	44
IX. TỔ CHỨC THỰC HIỆN .....	47
9.1. Dạy học lý thuyết .....	47
9.2. Dạy học lâm sàng .....	47
X. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO .....	47
PHỤ LỤC CÁC CHỈ TIÊU LÂM SÀNG.....	49
PHỤ LỤC BẢNG MÔ TẢ KHUNG TRÌNH ĐỘ QUỐC GIA VIỆT NAM (BẬC 7) .....	52
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN .....	53

## ĐỀ ÁN MỞ MÃ NGÀNH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Tên ngành đào tạo : Thạc sĩ Sản Phụ khoa

Mã số : 8720105

Tên cơ sở đào tạo : Trường ĐH Y Dược Hải Phòng

Trình độ đào tạo : Thạc sĩ

### I. NỘI DUNG ĐỀ ÁN MỞ MÃ NGÀNH ĐÀO TẠO

#### 1. Giới thiệu về cơ sở đào tạo

Trường Đại học Y Hải Phòng (nay là Trường Đại học Y Dược Hải Phòng) được thành lập dựa trên Cơ sở II Trường Đại học Y Hà Nội tại Hải Phòng (1979) phân hiệu Đại Học Y Hải Phòng (1985) với sứ mạng là đào tạo nguồn nhân lực y tế uy tín, chất lượng; là trung tâm nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ; cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khoẻ và chú trọng phát triển y dược biển đảo Việt Nam; với chức năng và nhiệm vụ là đào tạo nguồn nhân lực y tế phục vụ nhu cầu khám, chữa bệnh cho nhân dân.

#### 1.1. Chức năng nhiệm vụ của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

Trường Đại học Y Dược Hải Phòng là cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ y tế và nghiên cứu khoa học thuộc hệ thống giáo dục đại học, là đơn vị sự nghiệp có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng, có biểu tượng đặc trưng cho ngành nghề.

Trường Đại học Y Dược Hải Phòng là cơ sở đào tạo có chức năng: đào tạo cán bộ khoa học có trình độ đại học, sau đại học và tổ chức thực hiện nghiên cứu khoa học, áp dụng các thành quả nghiên cứu về y học trong công tác đào tạo và khám chữa bệnh. Triển khai xây dựng và thực hiện các dự án, các công trình nghiên cứu cấp cơ sở, cấp Thành phố, cấp Bộ, cấp Nhà nước và hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học.

#### 1.2. Bộ máy tổ chức

Hiện nay, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng đã hoàn thiện cơ cấu tổ chức gồm: Đảng ủy- Ban giám hiệu, Hội đồng trường, 09 khoa (02 văn phòng khoa), 66

bộ môn trực thuộc), 11 phòng ban, 08 trung tâm, 1 tạp chí sức khỏe và 01 bệnh viện Đại học Y Hải Phòng với 28 Khoa, phòng chức năng.

Các khoa đào tạo của trường: Khoa Dược, Khoa Sản Phụ khoa, Khoa Điều dưỡng, Khoa Y học cổ truyền, Khoa Kỹ thuật y học, khoa Y tế công cộng, khoa Y học biển, Khoa Y.

Các phòng ban chức năng gồm: phòng Quản lý Đào tạo Đại học, phòng Quản lý Đào tạo Sau Đại học, phòng Công nghệ thông tin, phòng Quản lý khoa học, phòng Tài chính kế toán, phòng Tổ chức cán bộ, phòng Hợp tác quốc tế, phòng Quản trị, phòng Hành chính tổng hợp, Phòng Vật tư - Trang thiết bị, phòng Công tác chính trị, Ban thanh tra – Pháp chế.

Các bộ môn trực thuộc trường: bộ môn Nội, bộ môn Ngoại & PTHH, bộ môn Sản - Phụ khoa, bộ môn Nhi, bộ môn Mắt, bộ môn Tai - Mũi - Họng, bộ môn Thần kinh, bộ môn Da liễu, bộ môn Tâm thần, bộ môn Lao và Bệnh phổi, bộ môn Truyền nhiễm, bộ môn Giải phẫu, bộ môn Hóa sinh, bộ môn Sinh lý, bộ môn Sinh lý bệnh - Dự ứng - Miễn dịch, bộ môn Ký sinh trùng, bộ môn Chẩn đoán hình ảnh, bộ môn Mô - Bệnh học, bộ môn Vi sinh vật, bộ môn Ung bướu, bộ môn Phục hồi chức năng, bộ môn Y học gia đình, bộ môn Toán, bộ môn Tin, bộ môn Giáo dục thể chất, bộ môn Sinh học di truyền, bộ môn Ngoại ngữ, bộ môn Hóa học, bộ môn Lý luận chính trị.

Các trung tâm trực thuộc trường: Trung tâm Khảo thí và Quản lý chất lượng giáo dục, Trung tâm Thông tin - Thư viện, Trung tâm Hợp tác và Phát triển đào tạo, Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học, Trung tâm Mô phỏng lâm sàng, Trung tâm Giáo dục y học và Nghiên cứu khoa học, Trung tâm Thử nghiệm lâm sàng và tương đương sinh học.

Bệnh viện trực thuộc trường: Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng.

### **1.3. Quy mô đào tạo**

Qua 46 năm xây dựng và phát triển, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng đã hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy, đào tạo nhiều cán bộ, góp phần cho xã hội, bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân thành phố Hải Phòng và các tỉnh phía Bắc.

**Đào tạo trình độ đại học:** Trường đã nhận nhiệm vụ đào tạo trình độ đại học từ năm 1979, tới nay đã có 07 ngành gồm: Y đa khoa, Dược, Sản Phụ khoa, Y học dự phòng, Y học cổ truyền, Điều dưỡng và Kỹ thuật Y học.

**Đào tạo trình độ thạc sĩ:** Trường nhận nhiệm vụ đào tạo trình độ cao học và cấp bằng thạc sĩ từ năm 2004 theo Quyết định số 44/2004/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Hiện nay, Trường được Bộ Giáo dục và Đào tạo giao 08 chuyên ngành gồm: Ngoại khoa, Nội khoa, Nhi khoa, Y học biển, Y tế công cộng, Kỹ thuật y học, Điều Dưỡng, Dược lý & Dược lâm sàng.

**Đào tạo trình độ tiến sĩ:** Trường nhận nhiệm vụ đào tạo trình độ tiến sĩ từ năm 2011 theo quyết định số 4386/QĐ-GDDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường đã và đang đào tạo 04 chuyên ngành gồm: Y tế công cộng (2011), Nhi khoa (2014), chuyên ngành Nội Hô hấp (2017), chuyên ngành Ngoại Tiêu hoá (2017).

**Đào tạo trình độ bác sĩ nội trú, chuyên khoa cấp I, cấp II:** Hiện Trường nhận nhiệm vụ đào tạo 6 mã ngành BSNT, 23 mã ngành CKI và 16 mã ngành CKII.

**Kiểm định chương trình đào tạo:** Tính đến nay Trường đã thực hiện đánh giá ngoài 7 CTĐT trình độ Đại học và 3 chương trình đào tạo Sau đại học.

**Hội đồng xét chức danh GS, PGS cấp cơ sở:** Từ năm 2009 tới nay, trường Đại học Y Dược Hải Phòng là cơ sở xét chức danh giáo sư, phó giáo sư thuộc lĩnh vực khoa học sức khỏe. Từ năm 2012 tới nay, trường đã có 107 ứng cử viên của cơ sở được Hội đồng chức danh GS, PGS cấp Nhà nước công nhận đạt tiêu chuẩn.

**Nghiên cứu khoa học:** Trường luôn xác định nghiên cứu khoa học là một phần không thể thiếu được đối với mỗi cán bộ giảng dạy cũng như các tập thể khoa, bộ môn, phòng. Chỉ tính từ năm 2012 tới nay cán bộ giảng viên đã thực hiện 06 đề tài cấp Nhà nước, 55 đề tài cấp Bộ, 1407 đề tài cấp Trường, công bố 1447 bài báo trong nước và 170 bài báo quốc tế.

**Hợp tác quốc tế:** Hợp tác quốc tế trong đào tạo cũng là thế mạnh của nhà Trường. Trường Đại học Y Dược Hải Phòng là một trong những trung tâm đào tạo của hệ thống Pháp ngữ (Filiere francophone). Trường đã nhận nhiệm vụ của Hiệp hội các trường đại học sử dụng từng phần hoặc toàn phần tiếng Pháp (AUPELE –

UREE) đào tạo trình độ thạc sĩ y tế công cộng cho Lào và Campuchia tại Viên Chăn - Lào. Nhiều giảng viên được đi học tập các chuyên đề nâng cao tại Nhật Bản, Đài Loan, Hoa Kỳ, Liên bang Nga và một số nước Châu Á. Một số đề tài nghiên cứu khoa học trong hợp tác quốc tế đang được triển khai thực hiện. Hiện nay, Nhà trường đã có mối quan hệ hợp tác với 61 tổ chức quốc tế trong đào tạo và nghiên cứu khoa học.

**Khen thưởng:** Với sự nỗ lực không ngừng của các thế hệ lãnh đạo, các chủ nhiệm bộ môn, chủ nhiệm khoa, phòng và tập thể cán bộ giảng dạy, các thế hệ sinh viên, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng vinh dự được nhận các phần thưởng cao quý của Đảng và Nhà nước, của các Bộ/ Ngành đoàn thể gồm: 01 Huân chương Độc lập hạng ba năm 2014, Huân chương lao động hạng nhất, nhì, ba, 18 Huân chương lao động hạng ba cho các đơn vị và các cá nhân, 04 Huy chương kháng chiến, nhiều cờ thi đua của thành phố Hải Phòng, Thanh Hóa, Nghệ An, Bắc Ninh, Bắc Giang, Hải Dương, Hưng Yên, Quảng Ninh, của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ công an, Hội chữ thập đỏ, Thành đoàn thành phố Hải Phòng, Trung ương Đoàn, Hội sinh viên Việt Nam vì thành tích đào tạo nguồn nhân lực y tế cho địa phương và cơ quan nêu trên. Năm 2019 nhà trường vinh dự nhận được Bằng khen, Giấy khen của Bộ Y Tế, Bộ Giáo Dục và Đào Tạo, của Thành ủy và UBND thành phố Hải Phòng. Đặc biệt nhà trường đạt danh hiệu tập thể lao động xuất sắc liên tục từ năm 2014 đến nay.

#### ***1.4. Giới thiệu về Bộ môn Sản - Phụ khoa***

Trước năm 1978 (trước khi thành lập phân hiệu ĐHY Hải Phòng). Bộ môn Sản là đơn vị thực hành của ĐHY Hà Nội do các giáo viên của trường Đại học Y Hà Nội về giảng dạy từng đợt, ngoài ra có các bác sỹ Khoa sản của Hải Phòng kiêm chức tham gia phối hợp, hướng dẫn. Lúc này đối tượng là sinh viên năm thứ 4 của trường ĐHY HN xuống thực tập

Năm 1979 Cơ sở 2 trường Đại học Y Hà Nội đặt tại Hải Phòng được thành lập và tổ bộ môn được thành lập đặt tại bệnh viện Phụ sản Hải Phòng (thành lập năm 1978).

+ Từ năm 1978 đến năm 1983: tiếp nhận các sinh viên năm thứ 4 của trường ĐH Y HN chuyển xuống thực tập

+ Từ năm 1984 trở đi: bắt đầu đào tạo sinh viên bao gồm Y4, Y6, hệ chính quy và chuyên tu học hoàn toàn tại HP

+ Từ năm 1982, là cơ sở đào tạo BSCKI của trường ĐH Y Hà Nội.

**Cán bộ cơ hữu:** gồm 20 cán bộ, trong đó: 01 PGS.TS, 05 TS, 08 ThS, 01 BSCKII, 02 BSNT, 02 NCS (01 đang theo học tại Okayama, Nhật Bản, 01 đang theo học tại Trường Đại học Y Dược Huế), 04 cán bộ đang theo học chương trình sau đại học.

**Cán bộ thỉnh giảng:** gồm 11 cán bộ, trong đó: 02 PGS, 04 TS, 5 BSCKII

**Công tác Đào tạo:** Năm 1982 Nhà trường bắt đầu đào tạo Bác sĩ chuyên khoa I Sản Phụ khoa năm 2014 đào tạo Bác sĩ nội trú Sản Phụ khoa

## **2. Sự cần thiết mở mã ngành Thạc sĩ Sản Phụ khoa**

### **2.1. Lý do đề nghị mở mã ngành đào tạo**

Với xu thế phát triển và hội nhập, ngành Y tế nước ta đang phát triển với các xu thế cơ bản: gia tăng nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân, hiện đại hóa nhanh chóng, xã hội hóa ngày càng cao, mô hình bệnh tật có sự thay đổi. Ngành Sản Phụ khoa nằm trong sự phát triển chung của ngành Y tế cần phải đẩy mạnh các định hướng về: hiện đại hóa ngành, triển khai nhiều kỹ thuật mới đáp ứng thiết thực cho chẩn đoán lâm sàng, điều trị các bệnh lý liên quan đến Sản Phụ khoa, phục vụ ngày càng tốt hơn nữa công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học, chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.

Cần phải có một đội ngũ cán bộ được trang bị đầy đủ kiến thức, phương tiện để đáp ứng công tác quản lý, tổ chức chỉ đạo thực hiện các kỹ thuật khám chữa bệnh hiện đại, chủ động sáng tạo trong phục vụ chẩn đoán và điều trị tại các bệnh viện.

Để chủ động hội nhập quốc tế và hợp tác giữa các Trường Y - Dược trong nước, đòi hỏi phải có mô hình đào tạo đa ngành đa cấp theo quy hoạch mạng lưới các trường đại học trong cả nước.

Nhu cầu chăm sóc sức khỏe sinh sản (SKSS) tại Việt Nam hiện nay rất đa dạng và ngày càng tăng do nhiều yếu tố như sự thay đổi về cơ cấu dân số, nhận thức

của người dân, và sự phát triển của hệ thống y tế. Dưới đây là một số xu hướng và thách thức chính.

Tỷ lệ sinh tại Việt Nam đã giảm đáng kể trong những năm gần đây. Năm 2023, tổng tỷ suất sinh (TFR) là 1,96 con/phụ nữ, và tiếp tục giảm xuống 1,91 con/phụ nữ vào năm 2024. Mức sinh này thấp hơn mức sinh thay thế là 2,1 con/phụ nữ, cần thiết để duy trì dân số ổn định. Đặc biệt, hai vùng Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long có mức sinh thấp nhất, lần lượt là 1,48 và 1,62 con/phụ nữ. Trước xu hướng này, Bộ Y tế đặt mục tiêu duy trì mức sinh thay thế 2,1 con/phụ nữ vào năm 2025. Tuy nhiên, nếu không có biện pháp phù hợp, mức sinh có thể tiếp tục giảm, ảnh hưởng đến cơ cấu dân số và tăng trưởng kinh tế trong tương lai.

Theo thống kê của Bộ Y tế, khoảng 90% phụ nữ Việt Nam trong độ tuổi sinh sản (15-49 tuổi) mắc bệnh phụ khoa ít nhất một lần trong đời. Số ca mắc bệnh phụ khoa mỗi năm tăng từ 15% đến 27%.

Tỷ lệ mắc các bệnh lý thường gặp trong thai kỳ còn cao. Theo thống kê, tỷ lệ mắc GDM tại Việt Nam dao động từ 3,6% đến 7,8% tùy theo nghiên cứu và tiêu chuẩn chẩn đoán. Tuy nhiên, một số báo cáo gần đây cho thấy con số này có thể lên đến 20,3%. Tỷ lệ dị tật bẩm sinh ở trẻ sơ sinh tại Việt Nam khoảng 1,73%, tương đương hơn 41.000 trẻ mỗi năm. Các dị tật thường gặp bao gồm hội chứng Down, dị tật ống thần kinh và tim bẩm sinh. Thai ngoài tử cung xảy ra khi trứng thụ tinh làm tổ ngoài tử cung, thường gặp ở vòi trứng. Tỷ lệ mắc thai ngoài tử cung ước tính từ 1/200 đến 1/500 thai phụ. Thai ngoài tử cung xảy ra khi trứng thụ tinh làm tổ ngoài tử cung, thường gặp ở vòi trứng. Tỷ lệ mắc thai ngoài tử cung ước tính từ 1/200 đến 1/500 thai phụ. Việt Nam có tỷ lệ lưu hành viêm gan B cao, với khoảng 20% dân số mắc bệnh. Trong đó, hơn 10% phụ nữ mang thai nhiễm viêm gan B.

Do đó, xã hội rất cần các bác sĩ có trình độ cao để cung cấp cho mạng lưới y tế của đất nước. Xu hướng phát triển và ứng dụng các thành tựu của khoa học công nghệ trong y học trong những năm gần đây đã giúp cho ngành Y tế có những bước phát triển đột phá. Công tác khám chữa bệnh cần ngày càng được nâng cao hơn nữa, ứng dụng nhiều kỹ thuật tiên tiến, hiện đại trong thăm khám, chẩn đoán và điều trị các bệnh lý Sản Phụ khoa.

Do sự phát triển mạnh mẽ về kinh tế, xã hội trong thời kỳ đổi mới, sự thay đổi về cơ cấu bệnh tật với xu hướng gia tăng nhu cầu cung cấp dịch vụ y tế ngày càng cao, đòi hỏi phải có chuyên khoa sâu. Do vậy, nhu cầu đào tạo lực lượng cán bộ ngành Sản Phụ khoa có trình độ cao và năng lực làm việc tốt, chuyên nghiệp ngày càng tăng và trở nên cấp thiết.

## **2.2. Phân tích về nhu cầu đào tạo, nhu cầu sử dụng nhân lực hiện tại**

Tiến hành khảo sát nhu cầu của các bệnh viện và Sở Y tế trên toàn miền Bắc, đặc biệt ở Hải Phòng như Bệnh Viện Phụ Sản Hải Phòng, Bệnh Viện Quốc tế Sản Nhi Hải Phòng, Bệnh Viện Hữu nghị Việt Tiệp và các bệnh viện thuộc các tỉnh lân cận như Hải Dương, Quảng Ninh và các tỉnh khác, các Sở Y Tế tại các tỉnh thành cho thấy nhu cầu của các bệnh viện cần Bác sĩ Sản Phụ khoa trình độ Thạc sĩ khá cao (có minh chứng kèm theo).

Nhân sự thạc sĩ Sản Phụ khoa tại các bệnh viện cần cho các vị trí việc làm như trưởng, phó trưởng các khoa khám, liên chuyên khoa điều trị và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân tại địa phương.

Năng lực người học sau khi tốt nghiệp mà nhà tuyển dụng mong muốn bác sĩ Sản Phụ khoa trình độ thạc sĩ sẽ có kiến thức, kỹ năng và thái độ như sau:

- Về kiến thức:

- Vận dụng được phương pháp luận của triết học Mác – Lênin trong việc nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn của xã hội, của ngành khoa học.
- Vận dụng các nguyên lý của xây dựng chương trình đào tạo dựa trên năng lực để triển khai một hoạt động dạy học.
- Vận dụng được kiến thức tổng hợp về pháp luật, tổ chức quản lý và bảo vệ môi trường trong hành nghề Sản Phụ khoa.
- Vận dụng được kiến thức khoa học cơ bản, cơ sở, kiến thức liên chuyên khoa để chẩn đoán và điều trị các vấn đề Sản Phụ khoa.
- Vận dụng được kiến thức khoa học cơ bản, kiến thức liên chuyên khoa trong nghiên cứu các vấn đề Sản Phụ khoa.
- Phân tích được kiến thức chuyên sâu trong điều trị và nghiên cứu các vấn đề Sản Phụ khoa.

- Vận dụng được kiến thức về nghiên cứu khoa học để thực hiện đề tài nghiên cứu trong vấn đề Sản Phụ khoa và viết báo.

- Về kỹ năng:

- Thực hiện được một hoạt động dạy học tại các cơ sở thực hành.
- Chẩn đoán và điều trị các vấn đề thường gặp trong Sản Phụ khoa.
- Chẩn đoán và điều trị một số vấn đề phức tạp trong Sản Phụ khoa.
- Xử trí được các cấp cứu thông thường trong Sản Phụ khoa.
- Tư vấn và can thiệp dự phòng được các vấn đề răng miệng thường gặp cho trẻ em và cộng đồng.
- Hoàn thành và bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ ngành Sản Phụ khoa.
- Viết báo cáo khoa học, bài báo khoa học, bài trình bày hội nghị khoa học.

- Về thái độ (tự chủ và tự chịu trách nhiệm)

- Tuân thủ quy chế, quy định, quy trình chuyên môn kỹ thuật và các quy định khác của pháp luật, của các cơ quan quản lý và bảo vệ môi trường liên quan đến lĩnh vực được đào tạo của ngành Sản Phụ khoa.
- Thể hiện các hành vi chuyên nghiệp, đạo đức trong thực hành nghề nghiệp.
- Giao tiếp hiệu quả với người bệnh, người nhà bệnh nhân và đồng nghiệp, trong thực hành nghề nghiệp.
- Chủ động cập nhật kiến thức để nâng cao năng lực thực hành nghề nghiệp.

Bộ môn Sản Phụ khoa mở mã ngành đào tạo thạc sĩ là phù hợp xu hướng phát triển ngành đào tạo Sản Phụ khoa trên thế giới, trong nước, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu chiến lược của Trường cũng như sự phát triển kinh tế - xã hội của Hải Phòng và cả nước.

### **2.3. Năng lực cơ sở đào tạo Thạc sĩ ngành Sản Phụ khoa**

Trước năm 1978 (trước khi thành lập phân hiệu ĐH Y Hải Phòng). Bộ môn Sản là đơn vị thực hành của ĐH Y Hà Nội do các giáo viên của trường Đại học Y Hà Nội về giảng dạy từng đợt, ngoài ra có các bác sỹ Khoa sản của Hải Phòng kiêm chức tham gia phối hợp, hướng dẫn. Lúc này đối tượng là sinh viên năm thứ 4 của trường ĐH Y HN xuống thực tập.

Năm 1979 Cơ sở 2 trường Đại học Y Hà Nội đặt tại Hải Phòng được thành lập và tổ bộ môn được thành lập đặt tại bệnh viện Phụ sản Hải Phòng (thành lập năm 1978).

+ Từ năm 1978 đến năm 1983: tiếp nhận các sinh viên năm thứ 4 của trường ĐH Y HN chuyển xuống thực tập

+ Từ năm 1984 trở đi: bắt đầu đào tạo sinh viên bao gồm Y4, Y6, hệ chính quy và chuyên tu học hoàn toàn tại Hải Phòng

+ Từ năm 1982, là cơ sở đào tạo BSCKI của trường Đại học Y Hà Nội.

Qua quá trình phát triển và phấn đấu không ngừng, hiện tại đội ngũ giảng dạy rất ổn định. Nhân sự của Khoa trưởng thành hơn về số lượng và cả chất lượng.

Đội ngũ cán bộ giảng dạy cơ hữu gồm có 20 giảng viên: trong đó 01 PGS, 05 TS, 01 BSCKII, 02 NCS (01 ThS, 01 BSNT), 08 ThS, 01 cán bộ đang theo học ThS.

Đội ngũ kiêm chức có 14 cán bộ gồm 01 PGS, 04 TS, 9 BSCKII đều là các giảng viên bác sĩ có uy tín của trường Đại Học Y Hải Phòng, Bệnh viện Phụ Sản Hải Phòng để giảng dạy các môn học chuyên ngành, các môn chung, môn cơ sở và môn hỗ trợ.

Nhà trường trang bị cho khoa đầy đủ về cơ sở vật chất nhằm đáp ứng cho học tập, thực hành và nghiên cứu như các khu giảng đường, trung tâm thư viện, trung tâm nghiên cứu, trung tâm mô phỏng tiền lâm sàng và các bệnh viện thực hành vệ tinh như:

Bệnh viện Hữu Nghị Việt Tiệp căn cứ theo bản công bố số 1331/BVVT-TTĐTCDT ngày 14/04/2025 về cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe; căn cứ theo hợp đồng nguyên tắc về đào tạo thực hành số 31/2025/HĐTH-BVVT ngày 16/04/2025 cho các đối tượng bao gồm nghiên cứu sinh Nội khoa, Ngoại khoa, Nhi khoa, Y tế công cộng; Thạc sĩ Nội khoa, Ngoại khoa, Nhi Khoa, Y tế công cộng, Xét nghiệm Y học, Y học biển, Dược lý & Dược lâm sàng, Điều dưỡng, Y học dự phòng; Chuyên khoa cấp II Nội hô hấp, Nội tim mạch, Nội chung, Sản phụ khoa, Nhi chung, Nhi-thận tiết niệu, Nhi Hô hấp, Ngoại chung, Ngoại chấn thương chỉnh hình, Ngoại tiêu hoá, Răng Hàm Mặt, Tâm thần, Tai Mũi Họng, Y học cổ truyền. Chuyên khoa cấp I Nội khoa, Ngoại khoa, Sản phụ khoa, Nhi khoa, Mắt, Tai Mũi Họng, Hoá sinh, Răng Hàm Mặt, Chẩn

đoán hình ảnh, Lao, Y học cổ truyền, Y học gia đình, Y tế công cộng, Ung thư, Tâm thần, Xét nghiệm Y học, Gây mê hồi sức, Điều dưỡng, Dược lý & Dược lâm sàng, Y học dự phòng.

Hợp đồng nguyên tắc về đào tạo thực hành với Bệnh viện Phụ Sản Hải Phòng số 01/2025/HĐTH-BVPSHP ký ngày 09 tháng 04 năm 2025 cho các đối tượng bao gồm Chuyên khoa cấp II Sản phụ khoa; Chuyên khoa cấp I Sản phụ khoa; Chuyên khoa Cấp I Điều dưỡng; Bác sĩ nội trú Sản phụ khoa; Thạc sĩ Điều Dưỡng.

Bệnh viện Đại Học Y Hải Phòng là bệnh viện thực hành của Trường.

Các bệnh viện đáp ứng là cơ sở thực hành đào tạo khối ngành sức khỏe được công bố công khai trên cổng thông tin Sở Y tế Hải Phòng theo đường link

<https://soytehaiphong.gov.vn/ds-co-so-dap-ung-co-so-thuc-hanh-dao-tao-khoi-nganh-suc-khoe/thong-bao-ve-viec-cong-bo-benh-vien-phu-san-dap-ung-yeu-cau-la-co-so-thuc-hanh-trong-dao-tao-kho-747504/>,  
<https://soytehaiphong.gov.vn/ds-co-so-dap-ung-co-so-thuc-hanh-dao-tao-khoi-nganh-suc-khoe/thong-bao-ve-viec-cong-bo-benh-vien-huu-nghi-viet-tiep-dap-ung-yeu-cau-la-co-so-thuc-hanh-trong--747506>

<https://cdn.haiphong.gov.vn/gov-hpg/6530/tintuc/2025/4/tb-co-so-thuc-hanh-bvps.2025.4..signed638815337598882732.pdf>

#### **2.4. Về mục tiêu phát triển ngành đào tạo**

Phát biểu tại Hội nghị chuyên ngành Sản Phụ khoa năm 2023, GS.TS Trần Văn Thuận cho biết: công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe bà mẹ - trẻ em ở Việt Nam đã đạt được những thành tựu rất đáng khích lệ. Trong vòng 30 năm qua, tỷ suất tử vong mẹ đã giảm gần 6 lần, từ mức 233/100.000 trẻ đẻ sống năm 1990 xuống còn khoảng 40/100.000 trẻ đẻ sống những năm gần đây.

Cũng trong thời kỳ đó, tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi cũng đã giảm gần 4 lần, từ mức 44‰ xuống còn khoảng 12‰. Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em thể nhẹ cân cũng đã giảm mạnh từ mức 33% năm 2000 xuống còn dưới 11% ở thời điểm hiện tại. Với những thành tựu đó, Việt Nam được cộng đồng quốc tế đánh giá là điểm sáng trong việc thực hiện các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ về sức khỏe bà mẹ, trẻ em.

Để có được những thành tựu đó có sự đóng góp không nhỏ của đội ngũ thầy thuốc chuyên ngành sản phụ khoa trong cả nước. Trong thời gian qua, chuyên ngành sản phụ khoa đã lớn mạnh không ngừng: Hàng loạt các can thiệp đã được chứng minh hiệu quả trong chăm sóc sức khỏe, phòng ngừa tai biến, tử vong ở bà mẹ và trẻ sơ sinh đã được triển khai đồng loạt, mạnh mẽ trong cả nước; Rất nhiều kỹ thuật tiên tiến trên thế giới đã được áp dụng nhằm cứu sống tính mạng, cải thiện giống nòi, cải thiện chất lượng cuộc sống của phụ nữ và trẻ em.

Chuyên ngành sản phụ khoa cũng là một trong những chuyên ngành tiên phong trong việc tham mưu cho Bộ Y tế ban hành các hướng dẫn chuyên môn để phát triển kỹ thuật, điển hình là Hướng dẫn quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản (CSSKSS). Được ban hành lần đầu tiên năm 2003, trải qua 2 lần chỉnh sửa, cập nhật vào các năm 2009 và 2016 với sự tham gia của các nhà khoa học hàng đầu về sản phụ khoa trong nước, sự hỗ trợ kỹ thuật của các tổ chức quốc tế, hướng dẫn quốc gia về các dịch vụ CSSKSS đã trở thành một tài liệu quan trọng, có tính chất định hướng về kỹ thuật chuyên môn cho cán bộ y tế các tuyến, đồng thời cũng là cơ sở để xây dựng các giáo trình đào tạo chính quy cho sinh viên y khoa; chương trình và tài liệu đào tạo liên tục cho cán bộ y tế.

Tuy nhiên, đặc tính của y học nói chung và chuyên ngành sản phụ, nhi khoa nói riêng là phát triển không ngừng, đặc biệt là trong giai đoạn hiện nay. Trên thế giới, nhiều phát minh trong các lĩnh vực sinh học, hóa học, tin học, trí tuệ nhân tạo... đã được áp dụng trong khám bệnh, chữa bệnh. Tại Việt Nam, các cơ sở y tế cũng không ngừng cập nhật phương pháp mới, kỹ thuật mới trong chăm sóc sức khỏe nói chung và sức khỏe sinh sản nói riêng.

Chính vì vậy, việc mở mã ngành đào tạo Thạc sĩ Sản Phụ khoa nhằm đào tạo nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn vững vàng, có khả năng thích ứng cao trước sự phát triển của khoa học kỹ thuật y học, có khả năng độc lập nghiên cứu khoa học, có khả năng phát hiện và giải quyết được những vấn đề về bệnh lý Sản Phụ khoa, góp phần hoàn thành nhiệm vụ mà Bộ y tế đã phê duyệt.

Bởi vậy, Nhà trường và Bộ môn mở mã ngành trong thời điểm này là phù hợp với xu hướng phát triển ngành đào tạo Sản Phụ khoa trên thế giới, trong nước, phù

hợp với sứ mạng và mục tiêu chiến lược của Trường cũng như sự phát triển kinh tế - xã hội của Hải Phòng và khu vực.

### **3. Căn cứ pháp lý đảm bảo điều kiện mở mã ngành**

Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Sản phụ khoa được xây dựng trên cơ sở pháp lý của các văn bản sau:

1. Luật giáo dục được Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2019.
2. Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học.
3. Nghị định số 84/2020/NĐ-CP, ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục.
4. Nghị định số 111/2017/NĐ-CP, ngày 05/10/2017 của Chính phủ quy định tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành Sức khỏe.
5. Nghị định số 43/2000/NĐ - CP ngày 30/08/2000 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục.
6. Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 04 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Ban hành Quy định về khối kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.
7. Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 về quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng; thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.
8. Thông tư 09/2017/TT-BGDĐT ngày 4 tháng 4 năm 2017 về việc quy định điều kiện, hồ sơ, quy trình cho phép đào tạo, đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định cho phép đào tạo các ngành hoặc chuyên ngành trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

9. Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 1 năm 2022 về quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở mã ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.
10. Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 5 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học.
11. Thông tư số 07/2020/TT-BGDĐT ngày 20/3/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28/2/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng các ngành đào tạo giáo viên; trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ, được bổ sung tại Thông tư 01/2019/TT-BGDĐT ngày 28/02/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
12. Thông tư số 23/2021/TT-BGD&ĐT, ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng GD&ĐT về ban hành quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ 13. Quyết định số 18/2000/QĐ-BGD&ĐT, ngày 8/6/2000 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Quy chế đào tạo sau đại học.
14. Quyết định số 02/2001/QĐ-BGD&ĐT, ngày 29/01/2001 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Quy chế Tuyển sinh sau đại học.
15. Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT, ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo về Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

#### **4. Điều kiện về đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học để mở mã ngành đào tạo**

##### **4.1. Nguồn nhân lực**

Cán bộ cơ hữu chuyên ngành Sản Phụ khoa : gồm 20 cán bộ, trong đó: 01 PGS.TS, 05 TS, 01 BSCKII, 08 Ths, 2 BSNT (Mẫu 1, 2). Trong số đó, các cán bộ giảng viên cơ hữu chủ trì ngành đào tạo như:

<b>STT</b>	<b>Họ và tên, ngày sinh, chức vụ hiện tại</b>	<b>Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp</b>	<b>Ngành/ Chuyên ngành</b>
1	Vũ Văn Tâm, 08/05/1965	Phó giáo sư năm	Sản phụ khoa

	Trưởng bộ môn Sản Phụ khoa, Khoa Y- Trường đại học Y Dược Hải Phòng	2018	
2	Phạm Thị Mai Anh, 31/05/1977 Phó trưởng bộ môn Sản Phụ khoa, Khoa Y- Trường đại học Y Dược Hải Phòng	Tiến sỹ năm 2018, Đại học Y Hà Nội	Sản phụ khoa
3	Nguyễn Thị Hoàng Trang, 09/12/1979 Giảng viên bộ môn Sản Phụ khoa, Khoa Y- Trường đại học Y Dược Hải Phòng	Tiến sỹ 2024, Đại học Y Dược Huế	Sản phụ khoa
4	Đỗ Quang Anh, 08/07/1984 Giảng viên bộ môn Sản Phụ khoa, Khoa Y- Trường đại học Y Dược Hải Phòng	Tiến sỹ 2023, Đại học Y Khoa Đài Bắc, Đài Loan	Sản phụ khoa
5	Vũ Thúy Hà, 31/8/1995 Giảng viên Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	Tiến sỹ 2025, Đại học Okayama, Nhật Bản	Sản Phụ khoa
6	Đào Thị Hải Yến, 12/07/1972 Phó trưởng bộ môn Sản Phụ khoa, Khoa Y- Trường đại học Y Dược Hải Phòng	TS. BSCKII 2024, Đại học Y Dược Hải Phòng	Sản phụ khoa
7	Thái Thị Huyền, 08/01/1982 Giảng viên bộ môn Sản Phụ	BS CKII năm 2023, Đại học Y	Sản phụ khoa

	khoa, khoa Y - Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	Hà Nội	
--	------------------------------------------------	--------	--

Cán bộ thỉnh giảng: gồm 11 cán bộ, trong đó: 02 PGS, 04 TS, 5 BSCKII

#### **4.2. Hoạt động nghiên cứu khoa học**

Bộ môn định hướng phát triển mạnh các công trình nghiên cứu khoa học theo các hướng: lâm sàng, cộng đồng, thực nghiệm ... đặc biệt các đề tài được thực hiện tại vùng Duyên Hải, mang nét đặc trưng riêng về yếu tố địa dư mà ít cơ sở nào có được. Sự tham gia của các giảng viên, học viên và sinh viên đã hoàn thành nhiệm vụ cho nhiều công trình nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp Thành phố và cơ sở.

- Các đề tài nghiên cứu khoa học của giảng viên chuyên ngành Sản Phụ khoa do cơ sở đào tạo thực hiện (Mẫu 4).

- Các công trình công bố của giảng viên, nhà khoa học cơ hữu thuộc ngành đăng ký đào tạo của cơ sở đào tạo trong 5 năm trở lại đây (Mẫu 5).

- Các hướng nghiên cứu đề tài luận văn mà học viên có thể tiếp cận (Mẫu 4, 5).

#### **4.3. Hợp tác quốc tế trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học**

Trong những năm trở lại đây, quan hệ quốc tế và xu thế hội nhập ngày càng phát triển mạnh mẽ. Bộ môn đã hợp tác với các trường đại học trên thế giới như Pháp, Nhật Bản, Đài Loan,... luôn luôn có sự gắn kết với các cơ sở đào tạo trên toàn quốc và kết nối với Hội Phụ Sản Việt Nam. Hàng năm, chương trình trao đổi học viên và giảng viên với các nước trên thế giới đã giúp nâng cao trình độ nghiệp vụ giảng dạy và chuyên ngành. Hàng năm, các giảng viên nhà trường nhận được học bổng toàn phần của các chương trình ngắn hạn và dài hạn sau đại học tại Nhật Bản, Đài Loan và nhiều nước khác.

#### **4.4. Lộ trình kế hoạch phát triển nhân lực**

Đội ngũ giảng viên không ngừng học tập vươn lên về cả chuyên ngành và ngoại ngữ, bộ môn có kế hoạch mỗi năm sẽ có 02 giảng viên đi học NCS và Chuyên khoa II để đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo.

Hàng năm, chương trình trao đổi học viên và giảng viên với các nước trên thế giới đã giúp nâng cao trình độ nghiệp vụ giảng dạy và chuyên ngành. Hàng năm, các giảng viên nhà trường nhận được học bổng toàn phần của các chương trình ngắn hạn và dài hạn sau đại học tại Nhật Bản, Đài Loan và nhiều nước khác.

Bộ môn thực hiện kế hoạch rà soát tự đánh giá chương trình đào tạo 02 năm một lần và kiểm định chương trình theo chu kỳ 05 năm nhằm duy trì tập huấn nâng cao năng lực của đội ngũ giảng viên, đổi mới phương pháp giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy.

### **5. Cơ sở vật chất phục vụ cho đào tạo**

Bộ môn Sản Phụ khoa có cơ sở thực hành tại trường, và các bệnh viện trên địa bàn thành phố. Tại trường, khoa có khu Thực hành tiền lâm sàng, gồm các phòng học riêng được trang bị đầy đủ các thiết bị mô phỏng hiện đại phục vụ cho tất cả các đối tượng đại học và sau đại học. Ngoài ra, khoa còn có các cơ sở thực hành tại các Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng, Bệnh viện Kiến An, Bệnh viện Phụ Sản Hải Phòng. Đây cũng là nơi tiếp đón các chuyên gia trong nước và quốc tế đến giảng dạy và chuyển giao công nghệ.

- Trường Đại học Y Dược Hải Phòng hiện có trên 50 Giảng đường, 12 phòng học riêng, các phòng hội thảo khoa học được trang bị đầy đủ máy chiếu, máy tính, âm thanh và 01 Trung tâm Mô phỏng Lâm sàng (Mẫu 6).

- Thư viện Trường Đại học Y Dược Hải Phòng có 60 đầu sách chuyên ngành và tạp chí Y học trong và ngoài nước đảm bảo đủ nhu cầu học tập và tham khảo. Ngoài ra người học có thể truy cập thư viện điện tử (Mẫu 7).

- Bên cạnh đó còn có cơ sở thực hành tại Bệnh viện Hữu Nghị Việt Tiệp, Bệnh viện Phụ Sản Hải Phòng với 200 thiết bị, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng và Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng với 104 thiết bị phục vụ công tác đào tạo (Mẫu 8).

- Kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất: Trong năm 2018 Bộ môn được trang bị thêm các trang thiết bị đặt tại Trung Tâm Mô phỏng gồm: 01 máy siêu âm mô phỏng thế hệ mới, bộ dụng cụ nội soi mô phỏng, mô hình đỡ đẻ tự động có khả năng xây dựng các ca lâm sàng như thực tế để đảm bảo cho đào tạo. Kế hoạch 5 năm 2022 - 2027

mở rộng cơ sở bệnh viện thực hành nhằm nâng cao chất lượng và quy mô đào tạo. Ứng dụng công nghệ 4.0 trong quản lý, giảng dạy và công tác đào tạo

#### **6. Điều kiện về bộ máy tổ chức quản lý để mở mã ngành đào tạo**

a) Phòng Quản lý đào tạo Sau đại học thực hiện quản lý đào tạo chung và Bộ môn Sản Phụ khoa- thuộc khoa Y là đơn vị đào tạo quản lý các hoạt động chuyên môn.

b) Dựa theo các học phần được xây dựng trong chương trình đào tạo, phân công cán bộ trưởng các học phần quản lý chuyên môn và tổ chức các hoạt động chuyên môn ở từng học phần đó.

#### **7. Phương án, giải pháp đề phòng, ngăn ngừa, xử lý rủi ro trong mở ngành đào tạo**

a) Báo cáo phân tích tình hình phát triển kinh tế xã hội, dự báo những biến động có thể xảy ra, phân tích điểm mạnh, điểm yếu của cơ sở đào tạo và những nội dung khác có liên quan, từ đó dự báo các rủi ro có thể xảy ra khi mở ngành và triển khai tuyển sinh, đào tạo cùng các giải pháp chung để ngăn ngừa kịp thời nhằm hạn chế rủi ro cũng như đề xuất các phương án cụ thể mang tính chủ động để ngăn ngừa và xử lý khi rủi ro xảy ra.

b) Báo cáo thuyết minh về các giải pháp xử lý rủi ro trong trường hợp cơ sở đào tạo bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo với các phương án, giải pháp cụ thể.

**HIỆU TRƯỞNG**



TRƯỜNG  
ĐẠI HỌC  
Y DƯỢC  
HẢI PHÒNG

**PGS.TS. NGUYỄN VĂN KHẢI**

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ SẢN PHỤ KHOA

MÃ SỐ:

### I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

#### 1.1. Một số thông tin chung về chương trình đào tạo

Tên chương trình đào tạo: **Thạc sĩ ứng dụng chuyên ngành Sản Phụ khoa**

Trình độ đào tạo: **Thạc sĩ**

Khối ngành: **Sức khỏe**

Nhóm ngành: **Y học**

Ngành đào tạo: **Sản Phụ khoa (Obstetrics and Gynecology)**

Mã ngành: **8720105**

Hệ đào tạo: **Chính quy**

Hình thức đào tạo: **Tập trung**

Thời gian đào tạo: **24 tháng**

Tên văn bằng tốt nghiệp:

+ Tiếng Việt: **Thạc sĩ Sản Phụ khoa**

+ Tiếng Anh: **Master of Science in Obstetrics and  
Gynecology**

Đơn vị đào tạo, cấp bằng: **Trường đại học Y Dược Hải Phòng**

Ngôn ngữ đào tạo: **Tiếng Việt**

Thời gian áp dụng: **Năm học 2025 - 2027**

#### 1.2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

Mục tiêu của chương trình đào tạo Thạc sĩ Sản Phụ khoa được xây dựng phù hợp với Tầm nhìn – Sứ mạng – Triết lý giáo dục của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

**Sứ mạng – Tầm nhìn – Triết lý giáo dục của Trường**

**Sứ mạng:** Đào tạo nguồn nhân lực y tế chất lượng; là trung tâm nghiên cứu khoa học chuyển giao công nghệ; cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe và phát triển y dược biển đảo.

**Tầm nhìn:** Xây dựng trường Đại học Y Dược Hải Phòng phát triển thành đại học tự chủ khối ngành sức khỏe có chất lượng, uy tín định hướng ứng dụng (tới năm 2025); đạt chuẩn khu vực (tới năm 2030) và hội nhập quốc tế.

**Triết lý giáo dục:** Lấy người học làm trung tâm – Lấy người bệnh làm trung tâm – Vì sức khỏe cộng đồng.

**Giá trị cốt lõi:** Chất lượng, Chuyên nghiệp, Trách nhiệm, Hội nhập.

Đề hoàn thành sứ mệnh, chúng tôi làm việc cùng nhau và cam kết:

*Chất lượng:* Đảm bảo chất lượng cao nhất trong mọi hoạt động Dạy – Học, nghiên cứu khoa học và chăm sóc sức khỏe cho người bệnh và cộng đồng.

*Chuyên nghiệp:* Thể hiện hành vi chuyên nghiệp trong mọi hoạt động chuyên môn.

*Trách nhiệm:* Chịu trách nhiệm và giải trình về tất cả công việc của mình.

*Hội nhập:* Thường xuyên đổi mới, sáng tạo và cập nhật đảm bảo hội nhập trong nước và quốc tế trong mọi hoạt động chuyên môn.

### **1.3. Mục tiêu của chương trình đào tạo (Program Objectives: POs)**

Đào tạo thạc sĩ Sản Phụ khoa định hướng ứng dụng, có khả năng thích ứng cao trước sự phát triển của khoa học kỹ thuật y học, có đầy đủ năng lực thực hiện khám chữa bệnh trong chuyên khoa ở các cơ sở y tế, có khả năng quản lý và điều phối nhóm chăm sóc, tham gia đào tạo nhân lực y tế, có năng lực thực hiện nghiên cứu và ứng dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật để giải quyết các vấn đề sức khỏe phổ biến trong chuyên ngành sản phụ khoa.

- **PO1.** Vận dụng thành thạo kiến thức khoa học cơ bản và y học cơ sở liên quan, các bằng chứng khoa học vào chẩn đoán, điều trị, phòng bệnh và nghiên cứu khoa học trong chuyên ngành Sản Phụ khoa.

- **PO2.** Thực hành lâm sàng tốt, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về phòng bệnh, khám bệnh, chữa bệnh trong chuyên khoa.

- **PO3.** Có khả năng độc lập trong thực hiện nghiên cứu khoa học và có khả năng đào tạo cán bộ ngành y tế.

- **PO4.** Chuyên nghiệp, tự chủ trong thực hành nghề nghiệp; thích ứng và chuyên môn với nhu cầu thực tiễn của xã hội.

## **II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

### **2.1. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes: PLOs)**

*Tại thời điểm tốt nghiệp, Thạc sĩ chuyên ngành Sản phụ khoa phải đạt được các năng lực sau:*

#### **2.2.1. Về kiến thức**

**PLO1.** Vận dụng được kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở, chuyên ngành trong chăm sóc sức khỏe sinh sản, quản lý và chăm sóc tiền sản cũng như trong chẩn đoán, điều trị và dự phòng các bệnh lý Sản phụ khoa.

**PLO2.** Vận dụng được phương pháp luận nghiên cứu khoa học trong nghiên cứu các bệnh lý Sản Phụ khoa.

**PLO3.** Vận dụng được kiến thức về phương pháp giảng dạy để hướng dẫn đồng nghiệp trong thực hành nghề nghiệp.

#### **2.2.1. Về kỹ năng**

**PLO4.** Thực hiện thành thạo việc đánh giá người bệnh và biện luận chẩn đoán để đưa ra chẩn đoán sơ bộ, chẩn đoán phân biệt theo thứ tự ưu tiên và chẩn đoán xác định bệnh lý sản phụ khoa; độc lập theo dõi và phát hiện kịp thời hầu hết các biến

chúng sau thủ thuật/phẫu thuật sản phụ khoa, kể cả các biến chứng phức tạp, ít gặp dưới sự giám sát tối thiểu của giảng viên.

**PLO5.** Lập kế hoạch và thực hiện điều trị, tiên lượng, phòng bệnh cho các bệnh lý sản phụ khoa dựa trên lập luận và chứng cứ khoa học, đảm bảo hợp lý, toàn diện, an toàn, đúng quy định của ngành và pháp luật Việt Nam, phù hợp với quyền, văn hóa, tín ngưỡng, điều kiện kinh tế, tâm sinh lý của từng người bệnh dưới sự giám sát tối thiểu của giảng viên.

**PLO6.** Thực hiện một cách độc lập, thành thạo và đảm bảo an toàn các thủ thuật – phẫu thuật Sản phụ khoa cơ bản, một phần hay toàn bộ thủ thuật- phẫu thuật Sản phụ khoa nâng cao dưới sự giám sát tối thiểu của giảng viên.

**PLO7.** Sử dụng được các trang thiết bị y tế và ứng dụng một số kỹ thuật hiện đại nhằm góp phần tích cực trong chẩn đoán và điều trị bệnh lý Sản Phụ khoa.

**PLO8.** Áp dụng thành thạo các kiến thức thống kê y sinh, y học chứng cứ vào việc chăm sóc phù hợp với từng người bệnh có cân nhắc đến nguồn lực của cơ sở thực hành và kinh nghiệm lâm sàng của bản thân.

**PLO9.** Thực hiện độc lập được một nghiên cứu khoa học.

**PLO10.** Hướng dẫn được đồng nghiệp trong thực hành nghề.

**PLO11.** Giao tiếp hiệu quả với đồng nghiệp, người bệnh và gia đình người bệnh.

### **2.2.3. Về mức tự chủ và trách nhiệm**

**PLO12.** Có hành vi chuyên nghiệp trong các hoạt động học thuật và thực hành lâm sàng.

**PLO13.** Chủ động thực hiện các chiến lược để đảm bảo đáp ứng các nhu cầu của người bệnh, nhóm làm việc và hệ thống y tế.

**PLO14.** Thực hiện thành thạo việc quản lý điều trị có quan tâm đến an toàn và lợi ích của người bệnh, phòng ngừa biến cố và đảm bảo chất lượng chăm sóc y tế.

**PLO15.** Tôn trọng các qui định của ngành và đơn vị công tác, đóng góp tích cực vào việc cải tiến các thủ tục hành chính và cải cách hệ thống y tế.

Chuẩn đầu ra CTĐT	Mục tiêu của chương trình đào tạo			
	PO1	PO2	PO3	PO4

PLO1	X	X	X	
PLO2	X	X		
PLO3	X	X	X	
PLO4		X		
PLO5		X		
PLO6		X		
PLO7		X		
PLO8		X		
PLO9			X	
PLO10			X	
PLO11		X	X	X
PLO12				X
PLO13				X
PLO14				X
PLO15				X

2.2. Sự phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam và chuẩn năng lực ngành

Khung Trình độ quốc gia VN (Bậc 7)	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)														
	PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PL O9	PL O10	PL O11	PL 12	PL 13	PL 14	PL 15
Xác nhận trình độ đào tạo của người học có kiến thức thực tế, kiến thức lý thuyết sâu, rộng ở mức độ làm chủ kiến thức trong phạm vi của ngành đào tạo	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x		
Có kỹ năng phân biện, phân tích, tổng hợp và đánh giá dữ liệu, thông tin một cách khoa học và tiên tiến	x	x	x	x	x								x	x	x
Kỹ năng nghiên cứu phát triển, đổi mới và sử dụng các công nghệ phù hợp trong	x	x				x	x	x	x						x



### 2.3. Các hoạt động chuyên môn chủ chốt – Entrustable Professional Activities (EPA)

EPA	Diễn giải	Mức độ giám sát	
		Năm 1	Năm 2
1A	Khai thác bệnh sử, tiền sử	4	5
1B	Khám thực thể	4	5
2	Liệt kê các chẩn đoán tiềm năng	4	5
3	Chỉ định và phân tích kết quả CLS thông thường	4	5
4	Kê đơn thuốc	3	4
5	Ghi chép hồ sơ, bệnh án	4	5
6	Trình bày ca lâm sàng	4	5
7	Tìm kiếm chứng cứ y khoa trong chăm sóc người bệnh	4	5
8	Bàn giao và tiếp nhận người bệnh	3	4
9	Hợp tác trong nhóm chăm sóc người bệnh	3	4
10	Phát hiện và xử trí các tiến triển nặng của người bệnh	1	2
11	Thảo luận để có sự đồng thuận của người bệnh	3	4
12	Thực hiện các thủ thuật/ kỹ thuật	1	2
13	Thực hiện các kỹ thuật mổ sản phụ khoa cơ bản	1	2
14	Tham gia phụ mổ các vấn đề ngoại khoa chuyên sâu	1	2
15	Phòng ngừa các sự cố y khoa	1	3
16	Kết hợp nghiên cứu khoa học và phân tích thống kê y sinh trong chăm sóc người bệnh	3	4

17	Ứng dụng nghiên cứu khoa học và phân tích thống kê y sinh trong thực hành y khoa	3	4
----	----------------------------------------------------------------------------------	---	---

**\* Ghi chú:**

1: Giám sát trực tiếp (Directsupervision): học viên có thể tiến hành được cùng với sự giám sát trực tiếp của người hướng dẫn có mặt bên giường bệnh. Một phần của hoạt động ở trình độ này có thể được phối kết hợp với hoạt động của người hướng dẫn để hoàn thành được.

2. Giám sát chủ động (Proactive supervision): học viên có thể triển khai đầy đủ hoạt động chuyên môn khi có mặt người giám sát. Người giám sát có thể can thiệp khi thấy cần thiết và có trách nhiệm kiểm chứng lại toàn bộ những điều học viên tìm được.

3: Giám sát đáp ứng (Responsive supervision): học viên có thể tiến hành hoạt động chuyên môn một cách hoàn toàn độc lập trong khi người hướng dẫn chỉ có mặt tại nơi tiến hành trong một vài phút. Học viên có thể sử dụng liên hệ trợ giúp qua điện thoại với người hướng dẫn. Người hướng dẫn chịu trách nhiệm kiểm chứng lại các điểm mấu chốt trong những điểm học viên tìm được.

4: Giám sát gián đoạn (Postponed supervision): học viên có thể tiến hành toàn bộ hoạt động chuyên môn chỉ với sự giám sát gián đoạn của người hướng dẫn. Học viên có thể tiến hành báo cáo sau khi đã hoàn thành hoạt động chuyên môn. Giai đoạn này thường định hướng tới việc thực hành không cần sự giám sát và đánh dấu một sự tin tưởng đủ vững chắc cho phép cấp chứng chỉ để học viên được tiếp nhận toàn bộ trách nhiệm trong các hoạt động chuyên môn được giao phó.

5: Cung cấp sự giám sát (Provide supervision): học viên cho thấy được khả năng giám sát và có thể đảm nhiệm vai trò này đối với các học viên khóa sau.

### **III. VỊ TRÍ VIỆC LÀM – CƠ HỘI HỌC TẬP NÂNG CAO**

#### **3.1. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp**

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo Thạc sĩ chuyên ngành Sản Phụ khoa, học viên có khả năng đảm nhiệm công tác khám chữa bệnh, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và quản lý tại:

- Các cơ sở y tế: Trung tâm Y tế, bệnh viện các tuyến...
- Các cơ sở giáo dục đào tạo đại học, cao đẳng thuộc khối ngành khoa học sức khỏe với chức danh giảng viên, nghiên cứu viên.
- Các Viện nghiên cứu, cơ quan quản lý hay tổ chức chuyên môn với chức danh nghiên cứu viên, chuyên viên y tế.
- Tại đơn vị khám, chữa bệnh với công tác tổ chức, quản lý và điều hành chuyên môn.

#### **3.2. Cơ hội học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp**

Sau tốt nghiệp, học viên có thể tiếp tục các bậc học nâng cao: Tiến sĩ Sản phụ khoa, bác sĩ chuyên khoa cấp 2 Sản phụ khoa.

### **IV. TUYỂN SINH**

Căn cứ thông tư 23/2021/TT-BGDĐT về quy chế tuyển sinh trình độ thạc sĩ ban hành ngày 30/8/2021

Theo quy định về tuyển sinh trình độ tiến sĩ, thạc sĩ tại công văn số 96/TB-YDHP của trường ĐHY Dược Hải Phòng ngày 23/02/2024 về Thông báo tuyển sinh trình độ tiến sĩ, thạc sĩ năm 2024.

#### **4.1. Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển**

#### **4.2. Đối tượng tuyển sinh và điều kiện dự tuyển**

1) Thí sinh đã tốt nghiệp hoặc đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học ngành đúng/ngành phù hợp (được quy định tại phụ lục 2) đối với tuyển sinh trình độ thạc sĩ định hướng ứng dụng.

2) Thí sinh có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và còn hiệu lực tính đến ngày đăng kí dự tuyển (Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/8/2021 và Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021)

3) Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của cơ sở đào tạo.

#### **4.3. Thông tin tuyển sinh và thời gian tuyển sinh**

- Thời gian xét tuyển theo quy định của Bộ GD&ĐT và Hiệu trưởng tùy theo điều kiện thực tế ra quyết định

- Thông báo tuyển sinh ít nhất 45 ngày trước khi thi tuyển.

- Thông báo tuyển sinh được niêm yết tại Trường, gửi đến các đơn vị đào tạo của Nhà trường, các trường đào tạo nhân viên y tế, các cơ sở y tế và các cơ quan, đơn vị có liên quan và được đăng tải trên website của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

#### **4.4. Môn xét tuyển**

- Môn cơ sở và Môn chuyên ngành, căn cứ vào kết quả học tập ở trình độ đại học hoặc tương đương để xét tuyển

• Môn cơ sở: Giải phẫu

• Môn chuyên ngành: Sản Phụ khoa

- Điều kiện xét tuyển: điểm của môn cơ sở và môn chuyên ngành được quy đổi theo thang điểm 10 và phải đạt từ 4,0 trở lên

#### **4.5. Trúng tuyển và nhập học**

- Điểm xét tuyển là tổng điểm của các thành phần: điểm môn cơ sở, điểm môn chuyên ngành và điểm ưu tiên khu vực, điểm ưu tiên đối tượng (nếu có)

- Các thí sinh có điểm đạt của các môn xét tuyển sẽ được xếp theo thứ tự tổng điểm môn chuyên ngành, môn cơ sở cộng với điểm ưu tiên (nếu có), tính từ cao xuống thấp theo ngành/chuyên ngành đăng kí dự thi và sẽ được xét trúng tuyển cho đến khi đủ chỉ tiêu đã được phê duyệt

- Điểm xét tuyển lấy đến 2 chữ số thập phân

- Trường hợp có nhiều thí sinh cùng tổng điểm hai môn thi như nhau (đã cộng cả điểm ưu tiên) thì xác định người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên sau:

• Tiêu chí phụ 1: điểm trung bình của toàn khóa bậc đại học (theo thang điểm 10)

• Tiêu chí phụ 2: học phần chuyên ngành (theo thang điểm 10, kết quả học tập đại học)

• Tiêu chí phụ 3: học phần cơ sở (theo thang điểm 10, kết quả học tập đại học)

- **Công nhận trúng tuyển:** Sau khi có kết quả thi tuyển, học viên trúng tuyển

sẽ nhận được giấy báo nhập học từ Phòng Đào tạo Sau đại học của trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

**4.6. Số lượng tuyển sinh:** 10 học viên/năm

**4.7. Đợt tuyển sinh:** 2 lần/năm vào tháng 7 và tháng 10 hàng năm

## V. TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO- ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

### 5.1. Tiến trình đào tạo

Trong thời gian đào tạo 24 tháng, được chia 4 học kỳ:

- Học kỳ 1: Học viên học các học phần thuộc khối kiến thức chung và kiến thức cơ sở.
- Học kỳ 2, 3: Học viên học các học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành bao gồm cả lý thuyết và thực hành lâm sàng tại các khoa phòng của các Bệnh viện thực hành; đồng thời triển khai đề tài thuộc luận văn tốt nghiệp.
- Học kỳ 4: Học viên học các môn chuyên ngành tự chọn; hoàn thiện luận văn tốt nghiệp và báo cáo luận văn tốt nghiệp.

**Bảng phân bố tổng quát các môn học theo học kỳ trong toàn khoá**

Mã số	TÊN MÔN HỌC	Thời lượng (Tín chỉ)	Học kỳ			
			I	II	III	IV
<b>A. PHẦN KIẾN THỨC CHUNG</b>		<b>10</b>				
	1. Triết học	3				
	2. Phương pháp nghiên cứu khoa học	2				
	3. Phương pháp giảng dạy	2				
	4. Thống kê Y sinh	3				
<b>B. PHẦN KIẾN THỨC CƠ SỞ</b>		<b>5</b>				
	5. Hỗ trợ ngoại	3				
	6. Y học chứng cứ	2				
<b>C. CÁC MÔN CHUYÊN NGÀNH BẮT BUỘC</b>		<b>27</b>				
	7. Quản lý tiền sản và thai kỳ	4				
	8. Chuyên dạ và hậu sản	4				

	9. Phụ khoa tổng quát	4				
	10. Kế hoạch hóa gia đình	3				
	11. Các bệnh lý và cấp cứu sản khoa	4				
	12. Các bệnh lý nội - ngoại khoa trong thai kỳ	4				
	13. Nội tiết sinh sản - vô sinh - mãn kinh	4				
<b>D. CÁC MÔN CHUYÊN NGÀNH TỰ CHỌN (CHỌN 3/7)</b>		<b>9</b>				
	14. Siêu âm sản phụ khoa	3				
	15. Phẫu thuật nội soi phụ khoa	3				
	16. Soi cổ tử cung	3				
	17. Hỗ trợ sinh sản	3				
	18. Nội tiết trong sản phụ khoa	3				
	19. EFM	3				
	20. Sàng lọc và chẩn đoán tiền sản	3				
<b>LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP</b>		<b>9</b>				
<b>TỔNG</b>		<b>60</b>	<b>15</b>	<b>15</b>	<b>15</b>	<b>15</b>

## 5.2. Điều kiện tốt nghiệp

### 5.2.1. Điều kiện dự thi kết thúc môn học

- Học viên được tham dự kỳ thi kết thúc môn học khi đủ các điều kiện sau:

a) Tham dự ít nhất 80% số tiết lên lớp lý thuyết đã quy định trong đề cương chi tiết môn học.

b) Tham dự đầy đủ các buổi thực tập, thực hành.

- Học viên học, thi chứng chỉ không đúng theo lịch của khoá phải chủ động liên hệ với Phòng Đào tạo Sau đại học để học, thi vào thời gian thích hợp và phải tự túc kinh phí.

- Học viên có điểm môn học không đạt yêu cầu sẽ được dự thi lại lần 2, lịch thi lại lần 2 do Phòng Đào tạo Sau đại học và đơn vị đào tạo sắp xếp. Với kết quả thi lại

mà điểm môn học vẫn không đạt yêu cầu, học viên phải học cùng với cao học khóa tiếp sau và phải tự túc kinh phí học tập.

- Học viên có 3 học phần trở lên phải thi lại hoặc có 1 học phần lý thuyết hoặc lâm sàng thi lại lần 3 vẫn không đạt yêu cầu học viên sẽ bị buộc thôi học.

### 5.2.2. Điều kiện bảo vệ luận văn tốt nghiệp

- Phòng Đào tạo Sau đại học sẽ xếp lịch bảo vệ cho học viên căn cứ vào đề nghị của đơn vị đào tạo.

- Học viên chỉ được bảo vệ luận văn tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện:

- + Đã học xong và đạt yêu cầu các học phần trong chương trình đào tạo
  - + Không đang trong thời gian chịu kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên hoặc đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự
  - + Không bị khiếu nại, tố cáo về nội dung khoa học trong luận văn
  - + Đóng học phí và lệ phí đầy đủ theo quy định
  - + Có chứng chỉ Ngoại ngữ (bậc 3/6) theo quy định
  - + Điều kiện cấp bằng điểm, văn bằng
- Hiệu trưởng ra quyết định cấp bằng thạc sĩ và bằng điểm cho học viên đủ điều kiện tốt nghiệp (Đạt trình độ ngoại ngữ theo quy định; Đủ điều kiện bảo vệ luận văn; Bảo vệ luận văn đạt yêu cầu)
- Bảng điểm cấp cho học viên phải liệt kê đầy đủ tên các học phần trong chương trình đào tạo, thời lượng của mỗi học phần, điểm đánh giá học phần lần 1 và lần 2 (nếu có), điểm trung bình chung học tập toàn khóa, tên đề tài luận văn tốt nghiệp, điểm luận văn và danh sách Hội đồng chấm luận văn.

## VI. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

### 6.1. Khối lượng kiến thức toàn khóa

Khối kiến thức	Số tín chỉ				Tỷ lệ (%)
	LT	TH	LS	Tổng	
Kiến thức chung	7	3	0	10	16,7
Cơ sở	2	0	3	5	8,3
Chuyên ngành	7	0	20	27	45
Tự chọn	3	0	6	9	15,0
Luận văn	0	9	0	9	15
<b>Tổng cộng</b>	<b>19</b>	<b>13</b>	<b>28</b>	<b>60</b>	<b>100</b>

### 6.2. Khung chương trình: số môn học/học phần/tín chỉ

STT	Mã số	Học phần – môn học	Tổng số tín chỉ	Phân bổ tín chỉ - tiết học		
				Tổng số tiết	LT	TH-LS
<b>Phân kiến thức chung</b>						
1		Triết học	10		7	3
2		Phương pháp NCKH	3		3	0
			2		1	1

STT	Mã số	Học phần – môn học	Tổng số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bố tín chỉ - tiết học	
					LT	TH-LS
3		Phương pháp giảng dạy	2		1	1
4		Thống kê Y sinh	3		2	1
<b>Phần kiến thức cơ sở</b>			<b>5</b>		<b>1</b>	<b>1</b>
5		Hỗ trợ ngoại	3		1	2
6		Y học chứng cứ	2		1	1
<b>Phần kiến thức chuyên ngành</b>			<b>27</b>		<b>7</b>	<b>20</b>
7		Quản lý tiền sản và thai kỳ	4		1	3
8		Chuyên dạ và hậu sản	4		1	3
9		Phụ khoa tổng quát	4		1	3
10		Kế hoạch hóa gia đình	3		1	2
11		Các bệnh lý và cấp cứu sản khoa	4		1	3
12		Các bệnh lý nội-ngoại khoa trong thai kỳ	4		1	3
13		Nội tiết sinh sản - vô sinh - mãn kinh	4		1	3

STT	Mã số	Học phần – môn học	Tổng số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bổ tín chỉ - tiết học	
					LT	TH-LS
<b>Phân kiến thức tự chọn (Chọn 3/7)</b>						
14 TC1		Siêu âm sản phụ khoa	3		1	2
15 TC2		Phẫu thuật nội soi phụ khoa	3		1	2
16 TC3		Soi cổ tử cung	3		1	2
17 TC4		Hỗ trợ sinh sản	3		1	2
18 TC5		Nội tiết trong sản phụ khoa	3		1	2
19 TC6		EFM	3		1	2
20 TC7		Sàng lọc và chẩn đoán tiền sản	3		1	2
<b>Luận văn</b>			<b>9</b>		<b>0</b>	<b>9</b>
<b>Tổng số</b>			<b>60 TC</b>		<b>19</b>	<b>41</b>

**6.3. Khung chương trình: môn học, thời khóa biểu và luận khoa**

4 tháng đầu (tháng 9 - 12): PHẦN KIẾN THỨC CHUNG – CO.SO			
Sáng	7:30 – 10:30	Thực hành lâm sàng tại khoa phòng	
	10:30 – 11:30	Học lý thuyết môn lâm sàng: presentation, CBL, CBD, PBL, TBL.	
Chiều	Phương pháp dạy học: lý thuyết – 1 tiết + thực hành – 2 tiết		
	Phương pháp nghiên cứu khoa học: lý thuyết – 3 tiết/thực hành – 4 tiết		
	Triết học: lý thuyết – 4 tiết		
	Thống kê Y sinh: lý thuyết – 1 tiết + thực hành - 3 tiết		
	Hỗ trợ ngoại: lý thuyết – 1 tiết		
Y học chung cứ: lý thuyết – 1 tiết			
6 tháng tiếp (Tháng 1-6): PHẦN CHUYÊN NGÀNH SẢN PHỤ KHOA			
Chuyên ngành	Quản lý tiền sản và thai kỳ	Phụ khoa tổng quát	KHHGD
Thời gian học	7 tuần	7 tuần	4 tuần
Lịch hàng ngày	Thực hành tại bệnh phòng/phòng khám ngoại trú		
Sáng	Thực hành tại bệnh phòng/phòng khám ngoại trú + học thêm về lý thuyết và những phần khác (theo lịch)		
Chiều	Thực hành tại bệnh phòng/phòng khám ngoại trú + học thêm về lý thuyết và những phần khác (theo lịch)		
Trực	Mỗi tuần trực 1 ngày tại chuyên khoa/BV đang thực hành theo phân công của bệnh viện		

	Viết đề cương và thông qua đề cương luận văn
--	----------------------------------------------

6 tháng tiếp (Tháng 8 - Tháng 2): CHUYÊN NGÀNH SẢN PHỤ KHOA (tiếp)				
Chuyên ngành	Các bệnh lý và cấp cứu sản khoa	Các bệnh lý nội - ngoại khoa trong thai kỳ	Nội tiết sinh sản - vô sinh - mãn kinh	TC1
Thời gian học	7 tuần	7 tuần	7 tuần	4 tuần
Lịch hàng ngày				
	Sáng	Thực hành tại bệnh phòng/phòng khám ngoại trú		
	Chiều	Thực hành tại bệnh phòng/phòng khám ngoại trú + học thêm về lý thuyết và những phần khác (theo lịch)		
Trực		Mỗi tuần trực 1 ngày tại chuyên khoa/BV đang thực hành		
Tháng 3 – tháng 6: THỰC HÀNH LÂM SANG, LUẬN VĂN VÀ TỐT NGHIỆP				
Tự chọn	TC2	TC3	Luận văn tốt nghiệp	
Thời gian học	4 tuần	4 tuần	8 tuần	
Lịch hàng ngày				
	Sáng	Thực hành tại bệnh phòng/phòng khám ngoại trú		
	Chiều	Viết luận văn, GV hướng dẫn góp ý và hoàn thiện luận văn		

NĂM II

NĂM II

	Ôn thi tốt nghiệp
	Học bổ sung những nội dung còn thiếu/nợ môn
	Bảo vệ luận văn

6.4. Ma trận Học phần và Chuẩn đầu ra của CTĐT

Học phần	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)														
	PLO	PL 02	PL 03	PL 04	PL 05	PL 06	PL 07	PL 08	PL 09	PL 10	PL 11	PL 12	PL 13	PL 14	PL 15
Triết học					X		X	X	X				X		X
Phương pháp NCKH										X	X				
Thông kê y sinh										X	X				
Phương pháp giảng dạy				X	X	X	X	X	X			X	X	X	X
Hỗ trợ ngoại	X	X	X												
Y học chứng cứ	X	X			X			X	X						
Quản lý tiền sản và thai kỳ	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Chuyên dạ và hậu sản	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Phụ khoa tổng quát	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
KHHGD	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Các bệnh lý và cấp cứu sản	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X



## VII. PHƯƠNG PHÁP DẠY-HỌC

### 7.1. Dạy học ngoài nơi thực hành lâm sàng

- Dạy học dựa trên ca bệnh (Case based learning)
- Thuyết trình có minh họa, báo cáo chuyên đề (Seminar, Presentation), hội thảo (Workshop)
- Thảo luận nhóm (TBL)

### 7.2. Dạy học tại nơi thực hành lâm sàng

- Dạy học một kỹ năng
- Dạy học qua quan sát và phản hồi
- Dạy học thông qua theo dõi, điều trị bệnh nhân
- Dạy học thông qua đi buồng điễm bệnh
- Dạy học thông qua ca trực
- Dạy học thông qua giao ban
- Dạy học thông qua hội chẩn
- Dạy học thông qua kiểm thảo tử vong/tai biến ca bệnh

### 7.3. Ma trận các phương pháp dạy - học

Học phần	Phương pháp dạy học											Tổng số phương pháp
	PP 1	PP 2	PP 3	PP 4	PP 5	PP 6	PP 7	PP 8	PP 9	PP 10	PP 11	
Triết học	x	x										2
Phương pháp NCKH	x	x		x								3
Thống kê y sinh	x	x		x								3
Phương pháp giảng dạy	x	x										2
Hỗ trợ ngoại	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	11
Y học chứng cứ	x	x	x		x	x			x	x	x	8
Quản lý tiền sản và thai kỳ	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	10

Chuyên dạ và hậu sản	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	10
Phụ khoa tổng quát	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	11
Kế hoạch hóa gia đình	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	11
Các bệnh lý và cấp cứu sản khoa	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	11
Các bệnh lý nội - ngoại khoa trong thai kỳ	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	11
Nội tiết sinh sản - vô sinh - mãn kinh	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	10
Tự chọn 1	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	11
Tự chọn 2	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	11
Tự chọn 3	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	11

*Ghi chú:*

PP1: Thuyết trình/Báo cáo chuyên đề/Hội thảo (Seminar/Workshop)

PP2: Thảo luận nhóm

PP3: Dạy học dựa trên ca bệnh (Case Based Learning - CBL)

PP4: Thực hành tại phòng lab

PP5: Dạy học một kỹ năng

PP6: Dạy học thông qua theo dõi, điều trị bệnh nhân

PP7: Dạy học thông qua đi buồng điểm bệnh

PP8: Dạy học thông qua trực

PP9: Dạy học thông qua giao ban

PP10: Dạy học thông qua hội chẩn

PP11: Dạy học thông qua kiểm thảo tử vong/tai biến ca bệnh

## VIII. PHƯƠNG PHÁP LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ

Để đảm bảo thạc sĩ được đánh giá đúng năng lực và hỗ trợ thạc sĩ trong quá trình học để đạt được các mốc năng lực đã xác định, việc lượng giá thạc sĩ được áp dụng theo nguyên tắc:

- Áp dụng nhiều Phương pháp lượng giá khác nhau, tùy theo từng năng lực
- Việc lượng giá được thực hiện tại nhiều thời điểm khác nhau trong quá trình học, gồm các lượng giá trong quá trình học và lượng giá cuối vòng luân khoa (theo yêu cầu của Bộ GDĐT, Bộ Y tế và Nhà trường);
- Việc lượng giá do nhiều người tham gia.

**8.1. Các phương pháp lượng giá áp dụng với các năng lực cốt lõi**

	Lượng giá tính điểm						Lượng giá không tính điểm			
	Thi lý thuyết (MCQ)	Báo cáo chuyên đề	Thi vấn đáp (CBD)	Mini-CEX	DOPS	QS và phản hồi	Chỉ tiêu lâm sàng	Case log/portfolio	Feedback	
Kiến thức y khoa	X	X	X	X				X		
Kỹ năng			X	X	X	X	X		X	
Mức tự chủ và chịu trách nhiệm		X	X	X		X	X	X	X	

**8.2. Các phương pháp lượng giá áp dụng với Lượng giá quá trình (giữa kỳ) và lượng giá cuối kỳ**

Phương pháp lượng giá	Áp dụng với LG quá trình	Áp dụng với LG cuối kỳ (VLK)
MCQ		X
Báo cáo chuyên đề (BC)	X	
Thi vấn đáp (CBD)		X
Mini-CEX (M)	X	
DOPS (D)	X	X
Quan sát và phản hồi	X	
Chỉ tiêu lâm sàng	X	
Case-log/portfolio	X	
Feedback 360	X	X
Đánh giá của CCC	X	X

**8.3. Kế hoạch lượng giá trong quá trình học 2 năm Thạc sĩ (Phân do Bộ môn Sản Phụ khoa chịu trách nhiệm)**

KHLG	Tuần		1-2	3-4	5-6	7-8	9-10	11-12	13-14	15-16	17-18	19-20	21-22	23-24	25-26	27-28	29-30	31-32	33-34	35-36	37-38	39-40	41-42	43-44	T7
	T8	T9	T8	T9	T10	T10	T11	T11	T12	T12	T1	T1	T2	T2	T3	T3	T4	T4	T5	T5	T6	T6	T7	T7	
Tháng																									
I																									



**Ghi chú:**

Các học phần kiến thức chung và cơ sở	Việc LG do các bộ môn này thực hiện theo quy định
Các học phần chuyên ngành	LG LS cuối vòng LK, LG KT một lần cuối học kỳ
Các học phần tự chọn	Việc LG do các bộ môn này thực hiện theo quy định
Thực hành lâm sàng và làm luận văn TN	Không LG lấy điểm

**Tổng hợp:** Kế hoạch lượng giá trong 2 năm thạc sĩ.

**1) Phần chuyên ngành do Bộ môn Sản Phụ khoa đảm nhiệm**

- Mini-CEX: 2 lần (mỗi vòng luân khoa)
- CBD: 4 lần (mỗi vòng luân khoa)
- DOPS: 2 lần (mỗi vòng luân khoa)
- FB (MSF): 2 lần (mỗi vòng luân khoa)
- MCQ: 1 lần (mỗi vòng luân khoa)
- Rà soát, phản hồi và hỗ trợ (Do CCC thực hiện): 2 lần
- Bảo vệ luận văn: 1 lần

**2) Các môn chuyên ngành tự chọn và môn hỗ trợ:** Hỗ trợ ngoại, , Siêu âm sản phụ khoa, Phẫu thuật nội soi phụ khoa, Soi cổ tử cung, Hỗ trợ sinh sản, Nội tiết trong sản phụ khoa, Y học chứng cứ, EFM, Sàng lọc chẩn đoán tiền sản.

Các hình thức lượng giá tương tự các môn chuyên ngành.

Do các bộ môn tương ứng phụ trách.

**3) Các môn đại cương, cơ sở, hỗ trợ và tự chọn khác: hình thức lượng giá chủ yếu là MCQ, báo cáo chuyên đề.**

## IX. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### 9.1. Dạy học lý thuyết

- Học viên được cung cấp bản đề cương chi tiết các học phần để nắm rõ chuẩn đầu ra; nội dung, phương pháp lượng giá; nội dung, phương pháp học tập.
- Học viên được yêu cầu tìm hiểu, nghiên cứu và viết các chuyên đề liên quan đến học phần.
- Học viên tham gia thảo luận nhóm trên giảng đường các ca lâm sàng liên quan đến nội dung kiến thức của học phần

### 9.2. Dạy học lâm sàng

- Học viên được chia nhóm thực hành lâm sàng tại các khoa lâm sàng thuộc hệ nội của bệnh viện thực hành, tham gia công tác thăm khám, điều trị, trực... để từng bước hoàn thiện các kỹ năng lâm sàng.

## X. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Các CTĐT, tài liệu, chuẩn quốc tế mà nhà trường tham khảo:

- Khung trình độ quốc gia Việt Nam (Quyết định 1982/QĐ-TTg, ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ).
- Quyết định Ban hành khung chương trình và kế hoạch đào tạo sau đại học năm học 2023-2024 của trường Đại học Y Dược Hà Nội, Đại học Y dược Hồ Chí Minh, Đại học Y dược Huế.
- Chương trình đào tạo thạc sĩ Sản Phụ khoa, ĐHYD Tp. Hồ Chí Minh
- Chương trình đào tạo thạc sĩ Sản Phụ khoa, Đại học Y Hà Nội
- Chương trình đào tạo thạc sĩ Sản Phụ khoa, ĐHYD Huế
- Obstetrics and Gynecology Milestones, ACGME 2022.

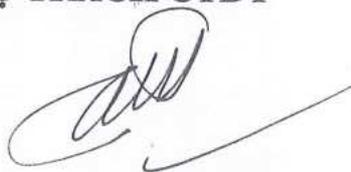
### *Đối sánh với các chương trình đào tạo Thạc sĩ Sản Phụ khoa*

CTĐT Thạc sĩ Sản Phụ khoa đã được đối sánh với các CTĐT của các trường Đại học cùng chuyên ngành làm cơ sở xây dựng CTĐT:

Mô tả	Trường ĐHYD Hải Phòng (2025)	Trường ĐHY Hà Nội (2023)	Trường ĐHY Dược Huế	ĐHY Dược TPHCM (2017)

Kiến thức cơ bản	10	16,7%	7	11,7%	25	18,7%	5	8,3%
Kiến thức sở ngành	5	8,3%	8	13,3%	21	15,7%	8	13,3%
Kiến thức chuyên ngành	26	43,3%	33	55,0%	63	47,0%	18	30,0%
Tự chọn	9	15,0%	Ghép cùng chuyên ngành		Ghép vào chuyên ngành		20	33,4%
Luận văn	10	16,7%	12	20,0%	25	18,6%	9	15,0%
<b>Tổng</b>	<b>60</b>	<b>100%</b>	<b>60</b>	<b>100%</b>	<b>134</b>	<b>100%</b>	<b>60</b>	<b>100%</b>

**PHỤ TRÁCH CTĐT**



**PGS.TS Vũ Văn Tâm**

**HIỆU TRƯỞNG**



**HIỆU TRƯỞNG**

*PGS. TS. Nguyễn Văn Khải*

**PHỤ LỤC CÁC CHỈ TIÊU LÂM SÀNG**

Thủ thuật sản phụ khoa	Năm 1			Năm II	
	Quan sát	Giám sát trực tiếp	Giám sát chủ động	Giám sát trực tiếp	Giám sát chủ động
Đỡ đẻ ngôi chỏm	20	5	3	10	5
Đỡ đẻ ngôi ngược	2	2	0	2	1
Sinh thủ thuật (Forceps, Giác hút, Odons)	5	0	0	2	0
Xử trí đẻ khó do vai	3	1	0	1	0
Kiểm soát tử cung - bóc rau nhân tạo	10	5	0	10	5
Kỹ thuật khâu phục hồi âm đạo – tầng sinh môn	20	20	5	20	10
Kỹ thuật khâu phục hồi rách phức tạp âm đạo - TSM	5	0	0	5	2
Khởi phát chuyển dạ bằng sonde Forley	10	10	5	20	10
Chăm sóc thiết yếu BMSS ngay sau sinh	50	30	20	50	30
Khám phụ khoa (khám vú, khám bụng, khám mỏ vịt, khám tiểu khung bằng tay)	0	0	50	0	100
Soi CTC	10	50	20	0	40
Các kỹ thuật điều trị lộ tuyến CTC (đốt điện, Laser, Áp lạnh)	10	5	3	10	5
LEEP điều trị tổn thương CTC	10	0	0	5	3
Khâu vòng CTC	10	5	0	5	2

Đặt-tháo DCTC (Tcu-380A, Mirena)	5	5	3	0	5
Kỹ thuật phá thai đến 12 tuần	10	5	10	0	20
Kỹ thuật phá thai trên 12 tuần	10	5	3	5	3
Cấy - tháo que cấy tránh thai	10	5	10	0	20

Phẫu thuật sản phụ khoa	Năm 1			Năm 2	
	Quan sát	Giám sát trực tiếp	Giám sát chủ động	Giám sát trực tiếp	Giám sát chủ động
Phụ mổ lấy thai	0	0	100	0	100
Mổ lấy thai ngôi đầu	50	10	3	5	10
Mổ lấy thai khó (lấy thai ngôi ngược, ngang, mông, đầu cắm sâu; khâu cơ tử cung)	10	5	0	10	3
Các kỹ thuật cầm máu điều trị BHSS (chẹn ĐMC bụng, ép tử cung, bóng chèn BTC, thắt các mạch máu cấp máu cho tử cung, khâu ép tử cung)	10	0	0	5	2
Kỹ thuật mổ cắt tử cung điều trị băng huyết sau sinh	5	0	0	3	0
Mổ mở bóc u xơ tử cung	20	5	0	5	3
Mổ mở bóc u buồng trứng	10	5	0	5	2
Mổ mở cắt tử cung bán phần	10	5	0	5	2
Mổ mở cắt TC hoàn toàn	10	5	0	5	2
Soi buồng tử cung chẩn đoán	10	5	0	5	2
PTNS điều trị chữa vôi tử cung (cắt vôi, bảo tồn)	50	10	5	20	10

PTNS triệt sản	5	3	0	5	2
Triệt sản nữ trong mổ lấy thai	20	10	5	10	5
PT làm lại thành trước, thành sau âm đạo	20	10	5	10	5
PT bóc kén tuyến Bartholin	10	5	2	5	3
PTNS bóc u BT	20	5	0	10	5
PTNS cắt phần phụ	20	5	0	10	5
PTNS bóc u xơ TC	20	5	0	10	5
PTNS cắt TC bán phần	20	5	0	10	5
PTNS cắt TC hoàn toàn	20	5	0	10	5
PT soi buồng tử cung can thiệp (điều trị chữa VM, Polyp BTC, u xơ TC dưới niêm mạc, dính BTC)	20	5	0	10	5
PT cắt TC đường âm đạo	20	5	0	5	3

**PHỤ LỤC BẢNG MÔ TẢ KHUNG TRÌNH ĐỘ QUỐC GIA VIỆT NAM  
(BẬC 7)**

*(Kèm theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016*

*của Thủ tướng Chính phủ)*

<b>Chuẩn đầu ra – Người tốt nghiệp khóa đào tạo phải có:</b>	
<b>Kiến thức</b>	
KT1	Kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến, nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu thuộc chuyên ngành đào tạo.
KT2	Kiến thức liên ngành có liên quan.
KT3	Kiến thức chung về quản trị và quản lý.
<b>Kỹ năng</b>	
KN1	Kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề một cách khoa học;
KN2	Có kỹ năng truyền đạt tri thức dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học với người cùng ngành và với những người khác.
KN3	Kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý các hoạt động nghề nghiệp tiên tiến.
KN4	Kỹ năng nghiên cứu phát triển và sử dụng các công nghệ một cách sáng tạo trong lĩnh vực học thuật và nghề nghiệp.
KN5	Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.
<b>Mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm</b>	
TC1	Nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan trọng.
TC2	Thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác.

TC3	Đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn.
TC4	Quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn.

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TRIẾT HỌC

### 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: Triết học		
Mã học phần: 004793		
Đối tượng áp dụng: THẠC SĨ		
Loại học phần: <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn		
Thuộc khối kiến thức:	<input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức chung <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở <input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành	<input type="checkbox"/> Kiến thức tự chọn <input type="checkbox"/> Đồ án
Khoa/Bộ môn/Module/Đơn vị phụ trách: - Bộ môn LLCT <div style="text-align: right;">- GV phụ trách: TS.GVC Trịnh Thị Thủy.</div> Email liên hệ: ttthuy@hpmu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0916626226		

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Lâm sàng	Tự học
Tín chỉ	A= 03	a	b	c	
Số tiết	B = 45	$x = a \times 15$	$y = b \times 30$	$z = c \times 45$	$C = a \times 30 + b \times 15$
Số buổi	09	09	0	0	90

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: Không

- Điều kiện khác:

## 2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

### 2.1. Mô tả chung

Học phần Triết học được bố trí giảng dạy – học tập trong giai đoạn đầu của chương trình đào tạo sau đại học nhằm mục đích nâng cao tính khoa học và tính hiện đại của lý luận, gắn lý luận với những vấn đề của thời đại và của đất nước, đặc biệt, nâng cao năng lực vận dụng lý luận vào thực tiễn, vào lĩnh vực khoa học chuyên môn của học viên cao học và nghiên cứu sinh. Học phần bồi dưỡng tư duy triết học; định hướng người học xây dựng thế giới quan, phương pháp luận khoa học; củng cố cơ sở lý luận triết học trong đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam.

### 2.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	CĐR của CTĐT
CLO1	Kế thừa được những kiến thức đã học ở trình độ đại học và phát triển sâu thêm những nội dung cơ bản trong Lịch sử triết học và trong Triết học Mác – Lênin.	PLO1
CLO2	Giải thích được vai trò TGQ, phương pháp luận của triết học và mối quan hệ giữa Triết học Mác - Lênin và các chuyên ngành thuộc lĩnh vực tự nhiên, công nghệ hiện đại, với những vấn đề do thời đại và đất nước ta đặt ra.	PLO1
CLO3	Phân tích được các nội dung của Triết học Mác – Lênin ảnh hưởng đến các lĩnh vực đời sống của Việt Nam trong giai đoạn hiện nay	PLO1
CLO4	Vận dụng được thế giới quan, phương pháp luận khoa học trong quá trình phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc	PLO1,5

chuyên ngành nghiên cứu, đặc biệt là trong nghiên cứu đối tượng thuộc ngành khoa học tự nhiên và công nghệ.
-------------------------------------------------------------------------------------------------------------

### 3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

#### a. Lượng giá chuyên cần

- Hình thức: Điểm danh/làm bài tập cá nhân/ thảo luận nhóm,...
- Thời gian: trong suốt quá trình học tại bộ môn/module....

#### b. Lượng giá giữa kỳ

- Hình thức: Tiểu luận
- Thời gian: sau 1/2 thời gian học lý thuyết.

#### c. Lượng giá cuối kỳ

$$\text{Điểm TKHP} = \text{CC} \cdot 0.1 + \text{LTGK} \cdot 0.2 + \text{LTKT} \cdot 0.7.$$

- Hình thức: + Lý thuyết: Tự luận có cấu trúc, đề có 3 câu, thời gian thi: 90 phút

Mục tiêu	Nhớ: (20%)	Hiểu: (30%)	Áp dụng: (20%)	Phân tích: (30%)	Đánh giá (...%)	Sáng tạo (...%)	Tổng (%)
CLO1 (20%)	1						20
CLO2 (40%)		1					40
CLO3 (20%)				1			20
CLO4 (20%)			1				20
<b>Tổng</b>							<b>100</b>

+ Thực hành: Không

*HV được coi là ĐẠT học phần nếu điểm kết thúc học phần  $\geq 5,5$ . Ngược lại, học viên bị đánh giá là trượt, phải học lại và thi lại học phần theo quy chế Nhà trường.*

### 4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

Nội dung	Số tiết	CĐRHP	PP dạy học
----------	---------	-------	------------

	Lý thuyết	Thực hành /Lâm sàng	Tự học		
<b>CHƯƠNG 1: KHÁI LUẬN VỀ TRIẾT HỌC</b> <b>I. Triết học là gì?</b> <b>II. Triết học phương Đông</b> <b>III. Triết học phương Tây hiện đại</b> <b>IV. Tư tưởng Triết học Việt Nam</b>	15	0	30	CLO1: CLO4:	- Phương pháp thuyết trình - Kết hợp những phương pháp: nêu vấn đề, thảo luận nhóm, hỏi - đáp, đối thoại, xêmina..
<b>CHƯƠNG 2. TRIẾT HỌC MÁC – LÊNIN</b> <b>I. Sự ra đời triết học Mác – Lênin</b> <b>II. Chủ nghĩa duy vật biện chứng</b> <b>III. Chủ nghĩa duy vật lịch sử</b> <b>IV. Triết học Mác – Lênin trong giai đoạn hiện nay</b>	15	0	30	CLO2: CLO3 CLO4:	- Phương pháp thuyết trình - Kết hợp những phương pháp: nêu vấn đề, thảo luận nhóm, hỏi - đáp, đối thoại, xêmina,..
<b>CHƯƠNG 3. MỐI QUAN HỆ GIỮA TRIẾT HỌC VÀ CÁC KHOA HỌC</b>	10	0	20	CLO2: CLO3 CLO4:	- Phương pháp thuyết trình - Kết hợp những phương pháp: nêu

<b>I. Mối quan hệ giữa khoa học với triết học</b> <b>II. Vai trò thế giới quan và phương pháp luận của triết học đối với sự phát triển của khoa học</b>				vấn đề, thảo luận nhóm, hỏi - đáp, đối thoại, xêmina,..
<b>CHƯƠNG 4. VAI TRÒ CỦA KHOA HỌC CÔNG NGHỆ TRONG SỰ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI</b> <b>I. Ý thức khoa học</b> <b>II. Khoa học công nghệ - động lực của sự phát triển xã hội</b> <b>III. Khoa học công nghệ ở Việt Nam</b>	5	0	10	CLO2: CLO3 CLO4: - Phương pháp thuyết trình - Kết hợp những phương pháp: nêu vấn đề, thảo luận nhóm, hỏi - đáp, đối thoại, xêmina...

## 5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

### 1. Tài liệu học tập

[1]. Giáo trình Triết học Mác -Lênin (Dành cho đào tạo trình độ Ths, TS các ngành KHXH-NV không chuyên ngành Triết học) - Nhà xuất bản ĐHSP, 2020.

### 5.2. Tài liệu tham khảo

[1]. C.MÁC và PH. ĂNG-GHEN Toàn tập, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.

[2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Giáo trình Triết học Mác -Lênin (Dành cho học viên cao học, nghiên cứu sinh không thuộc chuyên ngành Triết học) - Nhà xuất bản LLCT, 2007

[3]. Một số tạp chí chuyên ngành và một số trang web:

<http://philosophy.vass.gov.vn/tap-chi>

[1]. Giáo trình Triết học Mác -Lênin (Dành cho đào tạo trình độ Ths, TS các ngành KHXH-NV không chuyên ngành Triết học) - Nhà xuất bản ĐHSP, 2020.

### 5.2. Tài liệu tham khảo

[1]. C.MÁC và PH. ĂNG-GHEN Toàn tập, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.

[2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Giáo trình Triết học Mác -Lênin (Dành cho học viên cao học, nghiên cứu sinh không thuộc chuyên ngành Triết học) - Nhà xuất bản LLCT, 2007

[3]. Một số tạp chí chuyên ngành và một số trang web:

<http://philosophy.vass.gov.vn/tap-chi>

<http://www.tapchidangcongsan.org.vn>

6. **GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY** (phụ lục).

7. **CƠ SỞ VẬT CHẤT**

- Máy chiếu, giảng đường, các thiết bị hỗ trợ giảng dạy khác.

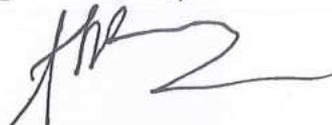
- Phòng thực hành/thí nghiệm

8. **NGÀY PHÊ DUYỆT:**

**Phụ trách Học**

**phần**

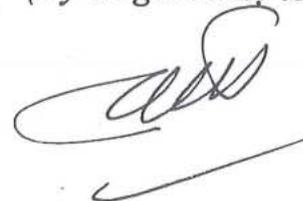
(Ký và ghi rõ họ tên)



**TS. Trịnh Thị Thủy**

**PHỤ TRÁCH CTĐT**

(Ký và ghi rõ họ tên)



**PGS.TS. Vũ Văn Tâm**

## PHỤ LỤC

### 1. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1	TS.GVC Trịnh Thị Thủy	BM LLCT	tthuy@hpmu.edu.vn
2	Th.s Lại Thị Mai	BM LLCT	ltmai@hpmu.edu.vn

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

## PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

### 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: Phương pháp nghiên cứu khoa học	
Mã học phần: 004794	
Đối tượng áp dụng: Học viên sau đại học	
Loại học phần: <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức:	<input type="checkbox"/> Giáo dục đại cương <input type="checkbox"/> Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/> Cơ sở ngành. <input type="checkbox"/> Tự chọn <input type="checkbox"/> Ngành
Khoa/Bộ môn/Module/Đơn vị phụ trách: Trung tâm Giáo dục Y học-Nghiên cứu khoa học	
Email liên hệ: giaoducyhoc@hpmu.edu.vn	
Điện thoại liên hệ:	

	<b>Tổng</b>	<b>Lý thuyết</b>	<b>Thực hành</b>	<b>Lâm sàng</b>	<b>Tự học</b>
Tín chỉ	2	1	1	0	0
Số tiết	90	15	30	0	45
Số buổi	26	11	6	0	9

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết: không
- Học phần học trước: không

### 2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

#### 2.1. Mô tả chung (Course objective: CO)

Học phần cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản của nghiên cứu khoa học trong y sinh; trên cơ sở đó người học có thể thực hiện được các bước xây dựng và hoàn thiện một đề cương nghiên cứu, bao gồm: lựa chọn chủ đề nghiên cứu, xác định mục tiêu, đối tượng, biến số nghiên cứu; cách viết tổng quan tài liệu,

trích dẫn và quản lý tài liệu tham khảo, lựa chọn được thiết kế nghiên cứu phù hợp với vấn đề và mục tiêu nghiên cứu, lập kế hoạch nghiên cứu, viết và trình bày đề cương nghiên cứu.

## 2.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

<b>CĐR học phần</b>	<b>Mô tả CĐR học phần</b>	<b>CĐR của CTĐT</b>
CLO1	Vận dụng được tiêu chí FINER, SMART và các khái niệm cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học để lựa chọn được chủ đề, viết mục tiêu và thiết kế nghiên cứu phù hợp.	PLO1,9
CLO2	Vận dụng được khái niệm về biến số/chỉ số nghiên cứu, mẫu nghiên cứu và phương pháp thu thập thông tin để tính được cỡ mẫu cần thiết cho nghiên cứu cụ thể và thiết kế bộ công cụ thu thập thông tin phù hợp	PLO9
CLO3	Lựa chọn được tài liệu tham khảo trích dẫn phù hợp	PLO9
CLO4	Vận dụng được các khái niệm về sai số có thể xảy ra trong nghiên cứu để đề xuất các biện pháp hạn chế sai số phù hợp	PLO9
CLO5	Vận dụng được nguyên tắc cơ bản trong phân tích số liệu để lựa chọn một phương pháp thống kê phù hợp cho một nghiên cứu cụ thể	PLO9
CLO6	Vận dụng được nguyên tắc sử dụng bảng và biểu đồ để thiết kế được các bảng trống và biểu đồ dự kiến cho kết quả nghiên cứu	PLO9
CLO7	Viết được đề cương nghiên cứu khoa học	PLO9

CLO8	Sử dụng được một số phần mềm hỗ trợ nghiên cứu (bao gồm phần mềm thống kê, phần mềm quản lý tài liệu tham khảo, hệ thống tra cứu tài liệu)	PLO9
CLO9	Tuân thủ các quy tắc đạo đức trong nghiên cứu	PLO9

### 3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

#### 3.1. Lượng giá thực hành (LGTH)

\* Hình thức: Viết đề cương

Hạn nộp đề cương: 2 tuần sau khi kết thúc học lý thuyết

\* Ma trận lượng giá

Chuẩn đầu ra	Hiểu và biết cách làm	Làm có sự giám sát	Làm độc lập, không giám sát	Dạy người khác làm
CLO1	-	-	X	-
CLO2	-	-	X	-
CLO3	-	-	X	-
CLO4	-	-	X	-
CLO 5	-	-	X	-
CLO 6	-	-	X	-
CLO 7	-	-	X	-
CLO 8	-	-	X	-
CLO 9	-	-	X	-
Tổng			100%	

- Tiêu chí đánh giá đề cương: Rubric

#### Bảng Rubric lượng giá đề cương

CĐR	Điểm	Nội dung	Mức đánh giá (Điểm)		
			Kém (0-30%)	Trung Bình (31-70%)	Tốt (71%-100%)

<b>Thể thức</b>					
CLO7	2	Trang bìa; phụ bìa	Thiếu thông tin; layout không cân đối; sai chính tả; tên đề tài sai	Tất cả các thông tin được đưa ra và trình bày	Tất cả các thông tin được đưa ra đầy đủ và trình bày cân đối
	1	Danh mục từ viết tắt	Không có	Có; nhưng không đầy đủ/rõ ràng	Có; đầy đủ và rõ ràng
	1	Mục lục	Không có	Có; nhưng không đầy đủ/rõ ràng	Có; đầy đủ và rõ ràng
	1	Danh mục hình/bảng	Không có	Có; nhưng không đầy đủ/rõ ràng	Có; đầy đủ và rõ ràng
	5	Font chữ; cỡ chữ; căn lề	Không theo yêu cầu	Không đồng nhất	Tuân thủ yêu cầu trình bày
<b>Đặt vấn đề (1-1,5 trang)</b>					
CLO1, CLO7, CLO8	2	Khái niệm về vấn đề nghiên cứu	Không đưa ra khái niệm về vấn đề nghiên cứu	Đã trình bày một số khái niệm quan trọng trong nghiên cứu nhưng chưa đầy đủ/rõ ràng	Tất cả các khái niệm cơ bản quan trọng liên quan đến vấn đề nghiên cứu được định nghĩa và trình bày rõ ràng

	8	Lý do chọn lựa vấn đề nghiên cứu	Không có phần giới thiệu về vấn đề nghiên cứu (các số liệu thể hiện tính cấp bách)	Thiếu các yêu cầu của giới thiệu vấn đề nghiên cứu: các số liệu thể hiện tính cấp bách; tính mới; tính ứng dụng...	Có đầy đủ nội dung yêu cầu giới thiệu vấn đề nghiên cứu; trình bày được tầm quan trọng; cơ sở lý luận và ý nghĩa của vấn đề nghiên cứu
	3	Câu hỏi nghiên cứu	Không có câu hỏi nghiên cứu	Có; nhưng không rõ ràng cụ thể.	Câu hỏi nghiên cứu được trình bày rõ ràng.
	7	Mục tiêu nghiên cứu	Không có mục tiêu nghiên cứu; hoặc mục tiêu nghiên cứu không bắt đầu bằng động từ nghiên cứu	Có mục tiêu nghiên cứu; mục tiêu được viết bằng động từ nhưng chưa rõ ràng; không trả lời được câu hỏi nghiên cứu; chưa thể hiện rõ tiêu chí SMART	Mục đích của nghiên cứu được trình bày rõ ràng; phù hợp câu hỏi nghiên cứu; sử dụng các động từ hợp lý theo tiêu chí SMART
<b>Tổng quan tài liệu (5-10 trang)</b>					
CLO3, CLO7, CLO8	10	Các khái niệm về vấn đề	Không đề cập các khái niệm liên quan vấn	Các khái niệm liên quan đến vấn đề nghiên	Các khái niệm liên quan đến vấn đề nghiên cứu được đề

		được nghiên cứu	đề được nghiên cứu	cứu được để cấp	cập chi tiết; rõ ràng và có sắp xếp hợp lý
	15	Tham khảo bằng chứng nghiên cứu trước đây có liên quan	Mỗi đoạn văn tóm tắt kết quả của một nghiên cứu mà không có đánh giá, tích hợp hoặc tổng hợp.	Tài liệu liên quan bao gồm các bằng chứng thực nghiệm và lý thuyết cần thiết để hỗ trợ giả thuyết được mô tả.	Các kết quả của nghiên cứu thực nghiệm và lý thuyết trước đó được tích hợp, đánh giá và tổng hợp để làm rõ luận điểm về giả thuyết nghiên cứu
	5	Trích dẫn tài liệu tham khảo	Không có trích dẫn	Trích dẫn chưa đầy đủ/chính xác nguồn thông tin tham khảo; trích dẫn nguồn thông tin không có giá trị	Trích dẫn đầy đủ chính xác và có giá trị nguồn thông tin tham khảo
<b>Phương pháp nghiên cứu (5-10 trang)</b>					
CLO2, CLO3, CLO4, CLO5,	3	Đối tượng NC	Không xác định được đối tượng NC	Xác định được đối tượng NC nhưng chưa trình bày được	Xác định được đối tượng NC; trình bày được đầy đủ chính

CLO7, CLO8, CLO9.				đầy đủ chính xác về các tiêu chuẩn lựa chọn và loại trừ đối tượng NC	xác về các tiêu chuẩn lựa chọn và loại trừ đối tượng NC
	2	Địa điểm NC	Không có/Không chính xác	Có địa điểm NC	Xác định cụ thể và giới thiệu về địa điểm NC
	2	Thời gian NC	Không có	Có nhưng không chính xác	Cỡ; rõ ràng; chính xác
	3	Thiết kế nghiên cứu	Không có	Không phù hợp với mục tiêu nghiên cứu	Xác định thiết kế phù hợp với mục tiêu nghiên cứu
	10	Cỡ mẫu- chọn mẫu	Không có	Có; nhưng chưa phù hợp với NC	Có; phù hợp với mục tiêu NC
	10	Biến số-Chỉ số nghiên cứu	Không có	Có; không đầy đủ; rõ ràng; không giải thích được khái niệm của biến số; chưa phù hợp với mục tiêu	Có; đầy đủ; rõ ràng; giải thích được khái niệm của biến số, phù hợp với mục tiêu
	10	Phương pháp thu	Không có bộ công cụ;	Thiết kế được bộ công cụ thu	Thiết kế được bộ công cụ thu

	thập thông tin	Không xây dựng các bước thu thập thông tin	thập thông tin; trình bày được các bước tiến hành thu thập thông tin; nhưng chưa đầy đủ/hợp lý	thập thông tin; trình bày được các bước tiến hành thu thập thông tin phù hợp với mục tiêu nghiên cứu
3	Sai số NC	Không có/Xác định sai	Trình bày được các sai số có thể có của nghiên cứu	Trình bày được đủ/rõ ràng các sai số có thể có của nghiên cứu và cách khống chế sai số
5	Xử lý- Phân tích số liệu	Không trình bày cách quản lý số liệu; Không có/Sai test thống kê	Trình bày được các bước quản lý; làm sạch số liệu; xác định được test thống kê sử dụng cho nghiên cứu	Trình bày được đầy đủ/rõ ràng các bước nhập liệu; làm sạch số liệu; quản lý số liệu và xác định chính xác test thống kê phù hợp với nghiên cứu
5	Đạo đức nghiên cứu	Không trình bày	Liệt kê được các vấn đề đạo đức liên quan cần chú ý	Trình bày được đầy đủ các nội dung liên quan đến đạo đức nghiên cứu cần thiết

<b>Dự kiến kết quả; bàn luận; khuyến nghị</b>					
CLO6, CLO7, CLO8	15	Kết quả nghiên cứu	Không trình bày được các bảng/biểu đồ dự kiến kết quả NC theo mục tiêu	Trình bày được các bảng/biểu đồ dự kiến kết quả nghiên cứu theo mục tiêu; nhưng sơ sài và chưa phù hợp	Thiết kế được các bảng/hình dự kiến kết quả nghiên cứu phù hợp với mục tiêu
CLO7	2	Bàn luận; khuyến nghị	Không có	Có; không thể hiện được bàn luận và dự kiến khuyến nghị theo mục tiêu và kết quả nghiên cứu	Trình bày dự kiến bàn luận và dự kiến khuyến nghị đầy đủ rõ ràng theo mục tiêu và kết quả NC
<b>Lập kế hoạch nghiên cứu</b>					
CLO7	5	Kế hoạch nghiên cứu	Không xác định được kế hoạch tiến hành nghiên cứu	Lập được kế hoạch thể hiện được nhân lực và nguồn lực cho các bước nghiên cứu	Lập được kế hoạch thể hiện được rõ ràng nhân lực và nguồn lực cho các bước nghiên cứu; Thiết kế được biểu đồ GANTT thể hiện kế hoạch NC

Tài liệu tham khảo					
CLO7, CLO8	5	Tài liệu tham khảo	Không có danh mục tài liệu tham khảo	Có danh mục tài liệu tham khảo nhưng chưa đầy đủ	Có danh mục đầy đủ tài liệu tham khảo và trích dẫn đúng yêu cầu

### 3.2. Lượng giá kết thúc (LGKT)

- Hình thức: MCQ
- Thời gian thi: 40 phút
- Tổng số câu: 30 câu

Ma trận lượng giá

Chuẩn đầu ra	Nhớ	Hiểu	Áp dụng	Tổng
CLO1	-	-	6 câu	20%
CLO2	-	-	6 câu	20%
CLO4	-	-	5 câu	16%
CLO 5	-	-	5 câu	17%
CLO 6	-	-	5 câu	17%
CLO 9	-	-	3 câu	10%
Tổng			30 câu	100%

### 3.3. Công thức tính điểm tổng kết học phần:

$$\text{Điểm TKHP} = \text{LGTH} \cdot 0.5 + \text{LGKT} \cdot 0.5$$

Học viên được coi là ĐẠT học phần nếu điểm lượng giá thực hành và lượng giá lý thuyết của học phần  $\geq 5,5$ . Ngược lại, học viên bị đánh giá là trượt, phải học lại và thi lại học phần thực hành và/hoặc lý thuyết có điểm thi không đạt.

## 4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

Bài	Nội dung	Số tiết			Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy-học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học		

					<b>học phần</b>	
1	<p>Chủ đề, mục tiêu nghiên cứu và các bước tiến hành nghiên cứu</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• LLO1: Áp dụng các tiêu chí cơ bản của một vấn đề sức khỏe ưu tiên để lựa chọn được chủ đề nghiên cứu.</li> <li>• LLO1: Áp dụng tiêu chí FINER để lựa chọn được vấn đề nghiên cứu phù hợp.</li> <li>• LLO2: Áp dụng được tiêu chí SMART để viết được mục tiêu cho một nghiên cứu cụ thể</li> </ul>	1	4	4	CLO1, CLO7	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Thuyết trình</li> <li>• Thảo luận nhóm</li> <li>• Báo cáo bài tập nhóm</li> </ul>
2	<p>Tổng quan tài liệu trong nghiên cứu</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• LLO1: Lựa chọn được vấn đề trích dẫn phù hợp cho nghiên cứu</li> <li>• LLO2: Sử dụng được cơ bản phần mềm quản lý và trích dẫn tài liệu tham khảo</li> </ul>	1	4	4	CLO1, CLO3, CLO7, CLO8	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Thuyết trình</li> <li>• Thảo luận nhóm</li> <li>• Báo cáo bài tập nhóm</li> </ul>

3	<p>Thiết kế nghiên cứu trong nghiên cứu y sinh</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>LLO1: Vận dụng được kiến thức cơ bản về các thiết kế nghiên cứu dịch tễ học để lựa chọn thiết kế nghiên cứu phù hợp</li> </ul>	2	4	6	CLO1, CLO7	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thuyết trình</li> <li>Thảo luận nhóm</li> <li>Báo cáo bài tập nhóm</li> </ul>
4	<p>Mẫu và cỡ mẫu nghiên cứu</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>LLO1: Vận dụng được các kiến thức cơ bản về cỡ mẫu để tính toán được cỡ mẫu cần thiết cho một NC cụ thể</li> <li>LLO2: Xác định được phương pháp chọn mẫu thích hợp cho NC cụ thể</li> </ul>	1	2	3	CLO2, CLO7	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thuyết trình</li> <li>Thảo luận nhóm</li> <li>Báo cáo bài tập nhóm</li> </ul>
5	<p>Thiết kế công cụ thu thập thông tin</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>LLO1: Phân loại được các biến số nghiên cứu theo bản chất của biến số</li> <li>LLO2: Vận dụng được khái niệm về biến số/chỉ số nghiên cứu và</li> </ul>	1	3	3	CLO2, CLO7	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thuyết trình</li> <li>Thảo luận nhóm</li> <li>Báo cáo bài tập nhóm</li> </ul>

	phương pháp thu thập thông tin để thiết kế bộ công cụ thu thập thông tin phù hợp					
6	<p>Sai số và nhiễu</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• LLO1: Xác định được sai số có thể xảy ra trong nghiên cứu</li> <li>• LLO2: Đề xuất các biện pháp hạn chế sai số phù hợp cho nghiên cứu</li> <li>• LLO2: Xác định được nhiễu và đề xuất được phương pháp khống chế nhiễu trong NC</li> </ul>	1	2	3	CLO4, CLO7	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Thuyết trình</li> <li>• Thảo luận nhóm</li> <li>• Báo cáo bài tập nhóm</li> </ul>
7	<p>Nguyên tắc cơ bản trong phân tích số liệu</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• LLO1: Vận dụng được nguyên tắc cơ bản trong phân tích số liệu để lựa chọn một test kiểm định thống kê phù hợp cho một nghiên cứu cụ thể.</li> </ul>	2	4	6	CLO5, CLO7, CLO8	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Thuyết trình</li> <li>• Thảo luận nhóm</li> <li>• Báo cáo bài tập nhóm</li> </ul>
8	<p>Đạo đức trong nghiên cứu</p> <p>Mục tiêu:</p>	2	0	4	CLO9	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Thuyết trình</li> </ul>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>LLO1: Phân tích được những vấn đề đạo đức cơ bản trong các nghiên cứu y sinh học</li> <li>LLO2: Ý thức được tầm quan trọng của việc tuân thủ các nguyên tắc đạo đức khi tiến hành các nghiên cứu y sinh học</li> </ul>					<ul style="list-style-type: none"> <li>Thảo luận nhóm</li> <li>Báo cáo bài tập nhóm</li> </ul>
9	<p>Trình bày kết quả nghiên cứu</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>LLO1: Thiết kế được các bảng trống và biểu đồ dự kiến cho kết quả NC.</li> </ul>	1	2	3	CLO6, CLO7	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thuyết trình</li> <li>Thảo luận nhóm</li> <li>Báo cáo bài tập nhóm</li> </ul>
10	<p>Lập kế hoạch nghiên cứu</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>LLO1: Lập được kế hoạch nghiên cứu cho một nghiên cứu cụ thể</li> </ul>	1	4	4	CLO7, CLO8	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thuyết trình</li> <li>Thảo luận nhóm</li> <li>Báo cáo bài tập nhóm</li> </ul>
11	<p>Cách viết đề cương nghiên cứu</p> <p>Mục tiêu:</p>	1	4	4	CLO7	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thuyết trình</li> </ul>

<ul style="list-style-type: none"> <li>• LLO1: Xác định được các nội dung cần thiết trong một đề cương nghiên cứu</li> <li>• LLO2: Viết được đề cương nghiên cứu cụ thể</li> </ul>					<ul style="list-style-type: none"> <li>• Thảo luận nhóm</li> <li>• Báo cáo bài tập nhóm</li> </ul>
------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--	--	--	--	----------------------------------------------------------------------------------------------------

## 5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

### 1. Tài liệu học tập

- Lưu Ngọc Hoạt (2016). Nghiên cứu khoa học, Tập 1, Phương pháp viết đề cương nghiên cứu, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội
- Lưu Ngọc Hoạt (2016). Nghiên cứu khoa học, Tập 2, Phân tích và trình bày kết quả nghiên cứu, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội

### 2. Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Thy Khuê (2011). *Phương pháp nghiên cứu khoa học cơ bản dành cho bác sĩ lâm sàng*, Nhà xuất bản Y học, TP Hồ Chí Minh
- Peter Manson, Pamela Wright, Lưu Ngọc Hoạt (2017). *Viết và xuất bản bài báo khoa học quốc tế*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội

## 6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY.

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1	Phạm Minh Khuê	Khoa Y tế công cộng	pmkhue@hpmu.edu.vn
2	Nguyễn Thị Thu Thảo	Khoa Y tế công cộng Trung tâm GDYH- NCKH	ntthao@hpmu.edu.vn
3	Nguyễn Thanh Hải	Khoa Y tế công cộng Trung tâm GDYH- NCKH	nthanhhai@hpmu.edu.vn

[2] Nguyen TH, Hoang DL, Hoang TG, et al. Quality of life among district hospital nurses with multisite musculoskeletal symptoms in Vietnam. J Occup Health. 2020;62:e12161. <https://doi.org/10.1002/1348-9585.12161>.

[3] Thi Tham Nguyen, Thanh Hai Nguyen, Duc Luan Hoang, Thi Giang Hoang, Minh Khue Pham, "Effectiveness of Interventions to Prevent Musculoskeletal Disorders among District Hospital Nurses in Vietnam", BioMed Research International, vol. 2022, Article ID 1539063, 10 pages, 2022. <https://doi.org/10.1155/2022/1539063>

[4] Hoang Duc Luan, Nguyen Thanh Hai, Pham Thu Xanh, et al., "Musculoskeletal Disorders: Prevalence and Associated Factors among District Hospital Nurses in Haiphong, Vietnam," BioMed Research International, vol. 2018, Article ID 3162564, 9 pages, 2018. <https://doi.org/10.1155/2018/3162564>

[5] Hoang Duc Luan, Nguyen Thanh Hai, Nguyen Thuy Ngan, Pham Thanh Hai, Pham Minh Khue (2019). "Prevalence of musculoskeletal disorders and its impact on quality of life among district hospitals nurses in Hai Phong, Vietnam", Journal of Preventive Medicine, Volume XXIX, No 9 (35). (Article in Vietnamese).

[6] Hoang Duc Luan, Nguyen Thanh Hai, Nguyen Thi Ha Thu, Pham Thanh Hai, Pham Minh Khue (2019). "Current situation and related factors of musculoskeletal disorders among nurses at 7 district hospitals in Hai Phong, 2019", Journal of Preventive Medicine, Volume XXIX, No 9 (27). (Article in Vietnamese).

## 6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY (phụ lục).

### 7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu
- Giảng đường, phấn, bảng, bút viết bảng...
- Phòng thực hành (phòng máy tính)

### 8. NGÀY PHÊ DUYỆT: .....

**Phụ trách Học phần**

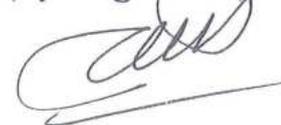
(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thanh Hải

**Phụ trách CTĐT**

(Ký và ghi rõ họ tên)



PGS.TS. Từ Văn Cẩm

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

### 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: <b>PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC</b>	
Mã học phần:	
Đối tượng áp dụng: Thạc sĩ	
Loại học phần: <input type="checkbox"/> x Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức:	<input checked="" type="checkbox"/> x Giáo dục đại cương <input type="checkbox"/> Chuyên ngành <input type="checkbox"/> Cơ sở ngành. <input type="checkbox"/> Tự chọn <input type="checkbox"/> Ngành
Khoa/Bộ môn/Module/Đơn vị phụ trách: Ban Phát triển Giảng viên - Trung tâm Giáo dục Y học và Nghiên cứu khoa học - Phòng 512, tầng 5 nhà A - Trường ĐHYD Hải Phòng Email liên hệ: giaoducyhoc@hpmu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0983731209	

	<b>Tổng</b>	<b>Lý thuyết</b>	<b>Thực hành</b>	<b>Lâm sàng</b>	<b>Tự học</b>
Tín chỉ/ĐVHT	2	1	1	0	
Số tiết	45	15	30	0	77
Số buổi	10	4	6	0	

### 2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

#### 2.1. Mô tả chung

Giảng dạy là một nhiệm vụ tất yếu của các học viên thạc sĩ tại các cơ sở đào tạo Y tế như các Trường Đại học, Cao đẳng Y và các bệnh viện thực hành. Học phần “Phương pháp dạy học” đào tạo cho học viên khả năng thiết kế bài dạy học và thực hiện dạy học dựa trên năng lực Y khoa một cách hiệu quả, đáp ứng với nhu cầu xã hội.

- Các khái niệm then chốt (nếu có):
  - Giáo dục Y khoa dựa trên năng lực
  - Nguyên lý constructive alignment
  - Mục tiêu đạt ABCD và SMART
  - Thang Bloom, Dave, Krathword
  - Chiến lược lượng giá
  - Tính tin cậy, tính giá trị của phương pháp lượng giá
  - MCQ hiệu quả
  - 5 nguyên tắc thuyết trình hiệu quả
  - Tương tác hệ thống
  - CBL
  - Hoạt động dạy học tích cực

## 2.2. Mục tiêu của học phần (Course Objectives - COs)

Mục tiêu học phần (COs)	Mô tả mục tiêu học phần (COs)	Mục tiêu của CTĐT (PO)
CO1	Giải thích được tính ưu việt của Giáo dục Y khoa dựa trên năng lực	PO1,3,10
CO2	Vận dụng được kiến thức về 4 thành phần và 5 tiêu chí của mục tiêu học tập để nhận diện được mục tiêu học tập tốt	
CO3	Vận dụng được kiến thức về vai trò, ý nghĩa của phương pháp lượng giá, chiến lược lượng giá và tiêu chí của câu hỏi MCQ tốt để nhận diện được chiến lược lượng giá phù hợp và bộ công cụ lượng giá tốt	
CO4	Vận dụng kiến thức về 7 nguyên tắc dạy học người lớn, 5 nguyên tắc thuyết trình hiệu quả, 7 nguyên tắc của 10 hoạt động dạy học tích cực, nguyên tắc thiết kế kế hoạch	

	bài dạy học để nhận diện được hoạt động dạy học phù hợp với mục tiêu và lượng giá	
CO5	Viết được mục tiêu học tập tốt không giám sát	
CO6	Xây dựng được chiến lược lượng giá và bộ công cụ lượng giá phù hợp với MTHT không giám sát	
CO7	Lựa chọn được phương pháp dạy học và thực hiện được hoạt động dạy học tích cực không giám sát	
CO8	Xây dựng được kế hoạch dạy học phù hợp không giám sát	

### 2.3. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes –CLOs)

<b>CĐR học phần (CLO)</b>	<b>Mô tả CĐR học phần (CLO)</b>	<b>CĐR của CTĐT (PLO)</b>
CLO1	Trình bày được tính ưu việt của Giáo dục Y khoa dựa trên năng lực	PLO1,3,10
CLO2	Giải thích được ý nghĩa của 4 thành phần và 5 tiêu chí của mục tiêu học tập tốt	
CLO3	Giải thích được vai trò, ý nghĩa của phương pháp lượng giá, chiến lược lượng giá và tiêu chí của câu hỏi MCQ tốt	
CLO4	Mô tả 7 nguyên tắc dạy học người lớn, 5 nguyên tắc thuyết trình hiệu quả, 7 nguyên tắc của 10 hoạt động dạy học tích cực, nguyên tắc thiết kế kế hoạch bài dạy học	
CLO5	Viết được mục tiêu học tập tốt có giám sát	
CLO6	Xây dựng được chiến lược lượng giá và bộ công cụ lượng giá phù hợp với MTHT có giám sát	

CLO7	Lựa chọn được phương pháp dạy học và thực hiện được hoạt động dạy học tích cực có giám sát	
CLO8	Xây dựng được kế hoạch dạy học phù hợp không giám sát	

### 3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

3.1 Lượng giá chuyên cần: điểm trung bình các bài pretest của học viên

3.2 Lương giá lý thuyết - lượng giá kiến thức

- Điều kiện dự thi lý thuyết: tham dự >85% số tiết học trên lớp
- Phương pháp: thi trắc nghiệm
- Công cụ: 30 câu MCQ/ 30'
- Chiến lược lượng giá

CĐR	Trọng số	Mức độ			Tổng số câu
		Nhớ (3%)	Hiểu (37%)	Áp dụng (60%)	
<b>CLO1:</b> Trình bày được tính ưu việt của Giáo dục Y khoa dựa trên năng lực	13%	1	3	0	4
<b>CLO2:</b> Giải thích được ý nghĩa của 4 thành phần và 5 tiêu chí của mục tiêu học tập tốt	13%	0	1	3	4
<b>CLO3:</b> Giải thích được kiến thức về vai trò, ý nghĩa của phương pháp lượng giá, chiến lược lượng giá và tiêu chí của câu hỏi MCQ tốt	34%	0	2	8	10
<b>CLO4:</b> Mô tả 7 nguyên tắc dạy học người lớn, 5 nguyên tắc thuyết trình hiệu quả, 7 nguyên tắc của 10 hoạt	40%	0	3	9	12

động dạy học tích cực, nguyên tắc thiết kế kế hoạch bài dạy học					
Tổng số		1	9	20	30

### 3.3 Lượng giá thực hành – lượng giá kỹ năng thiết kế và tổ chức dạy học:

- Phương pháp : thi thực hành đóng vai
- Công cụ: Rubric cho 1 bài giảng trong 20'
- Điều kiện đạt: 5,5/10 điểm
- Chiến lược lượng giá :

CĐR	%	Bắt buộc	Thành thạo có giám sát	Thành thạo không giám sát	Dạy được người khác
CLO5 Viết được mục tiêu học tập tốt	10%			x	
CLO6 Xây dựng được chiến lược lượng giá và bộ công cụ lượng giá phù hợp với MTHT	6%			x	
CLO7 Lựa chọn được phương pháp dạy học và thực hiện được hoạt động dạy học tích cực	81%			x	
CLO8 Xây dựng được kế hoạch dạy học phù hợp	3%			x	

- Điểm tổng kết học phần (TKHP) = CCx0.1 + TH x0.4 + LTCKx0.5

*HV được coi là ĐẠT học phần nếu điểm lượng giá thực hành và lượng giá lý thuyết của học phần  $\geq 5,5$ . Ngược lại, học viên bị đánh giá là trượt, phải học lại và thi lại học phần thực hành và/hoặc lý thuyết có điểm thi không đạt.*

#### 4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

STT	Nội dung	Số tiết	CLO	PPDH
-----	----------	---------	-----	------

		LT	TH	Tự học		
1.	<p><b>Chương 1: Giới thiệu môn học</b></p> <p>Bài 1. Giáo dục Y khoa dựa trên năng lực.</p> <p>1. Trình bày được lý do chuyển đổi sang GDYK dựa trên năng lực.</p> <p>2. Liệt kê 4 đặc điểm của GDYK dựa trên năng lực.</p> <p>3. Liệt kê sự khác biệt giữa GDYK dựa trên năng lực với dựa trên cấu trúc-qui trình.</p> <p>4. Mô tả trình tự 6 bước xây dựng chương trình đào tạo dựa trên năng lực theo nguyên lý “constructive alignment”.</p>	2	0	3	CLO1	Thuyết trình + Thảo luận
2.	<p><b>Chương 2: Mục tiêu học tập</b></p> <p>Bài 2: Mục tiêu học tập</p> <p>1. Trình bày được vai trò của viết mục tiêu học tập tốt trong giáo dục Y khoa</p> <p>2. Mô tả được 6 mức độ của thang nhận thức, 5 mức độ của thang kỹ năng và thái độ</p> <p>3. Giải thích ý nghĩa của 4 thành phần A.B.C.D và 5 tiêu chí S.M.A.R.T</p> <p>4. Viết được 3 mục tiêu cụ thể trong một bài giảng chuyên ngành</p>	2	4	9	CLO2 CLO5	Thuyết trình + Động não/ Thảo luận

3	<b>Chương 3. Lượng giá dựa trên năng lực</b>	5	8	20		
	<p>Bài 3 Chiến lược lượng giá.</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Giải thích 2 tiêu chí của lượng giá dựa trên năng lực.</li> <li>2. Định nghĩa được chiến lược lượng giá</li> <li>3. Xác định các thành phần, các bước xây dựng chiến lược lượng giá</li> <li>4. Thiết kế được chiến lược lượng giá module, môn học.</li> </ol>	1	2	4.5	CLO3 CLO6	Thuyết trình + Thảo luận
	<p>Bài 4 : Phương pháp và công cụ lượng giá.</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Giải thích ưu-nhược điểm của các phương pháp lượng giá &amp; biện pháp khắc phục.</li> <li>2. Giải thích nguyên tắc chọn lựa phương pháp &amp; công cụ lượng giá.</li> </ol>	2	2	6	CLO3 CLO6	Thuyết trình + Thảo luận
	<p>Bài 5 : MCQ hiệu quả</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Giải thích được tiêu chí của 3 thành phần trong câu hỏi MCQ</li> <li>2. Trình bày 10 nguyên tắc viết câu hỏi tốt, 11 lỗi thường gặp</li> <li>3. Viết được 03 câu MCQ tốt phù hợp thang Bloom</li> </ol>	2	4	9	CLO3 CLO6	Thuyết trình + Thảo luận
4.	<b>Chương 4: Một số phương pháp/ hoạt động dạy học tích cực</b>	5	14	28		
	Bài 6: Thuyết trình hiệu quả	1		2	CLO4	Thuyết trình +

	1. Giải thích được ý nghĩa của 5 yếu tố thiết yếu giúp thuyết trình hiệu quả 2. Mô tả 5 nguyên tắc thiết kế slide tốt và cải thiện kỹ năng thuyết trình				CLO7	Thảo luận
	Bài 7: Hệ thống tương tác 1. Giải thích được ưu điểm của AIRS 2. Sử dụng được AIRS để tạo bài giảng	0	4	6	CLO4 CLO7	Dạy 1 kỹ năng
	Bài 8: Các phương pháp dạy học tích cực 1. Định nghĩa khái niệm dạy-học tích cực 2. Giải thích lý do phải dạy-học tích cực 3. Giải thích được ý nghĩa của 7 nguyên tắc dạy-học tích cực 4. Tổ chức được bài dạy học tích cực	4	10	21	CLO4 CLO7	Thuyết trình + Thảo luận
5.	<b>Chương 5: Kế hoạch bài dạy học</b> 1. Mô tả các thành phần và nguyên tắc thiết kế kế hoạch bài dạy học 2. Xây dựng được một kế hoạch bài dạy học tốt	1	4	7.5	CLO4 CLO8	Thuyết trình + Thảo luận
<b>Tổng số</b>		<b>15</b>	<b>30</b>	<b>77</b>		

## 5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

### 5.1. Tài liệu học tập

1) Nguyễn Thị Phương Mai, Đào Thu Hồng (2024). Phương pháp dạy học Y học cơ bản. Nxb Y học Hà Nội

### 5.2 Tài liệu tham khảo

5.	<b>Chương 5: Kế hoạch bài dạy học</b> 1. Mô tả các thành phần và nguyên tắc thiết kế kế hoạch bài dạy học 2. Xây dựng được một kế hoạch bài dạy học tốt	1	4	7.5	CLO4 CLO8	Thuyết trình + Thảo luận
<b>Tổng số</b>		<b>15</b>	<b>30</b>	<b>77</b>		

## 5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

### 5.1. Tài liệu học tập

- 1) Nguyễn Thị Phương Mai, Đào Thu Hồng (2024). Phương pháp dạy học Y học cơ bản. Nxb Y học Hà Nội

### 5.2 Tài liệu tham khảo

- 1) Phạm Thị Minh Đức (2020). Sư phạm Y học Thực hành. Nxb Giáo dục Việt Nam
- 2) Trần Diệp Tuấn (2020). Giảng dạy lâm sàng dựa trên năng lực. Nxb Y học tp HCM
- 3) Nghiêm Xuân Đức, Phạm Văn Tác (2020) Hướng dẫn dạy và học trong khối ngành sức khoẻ. Nxb Y học Hà Nội

## 6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY

- 1) TS.BS Nguyễn Thị Phương Mai - Bộ môn Hoá sinh; Trung tâm Giáo dục Y học và Nghiên cứu khoa học - Phụ trách học phần.
- 2) TS.BS Đào Thu Hồng – Bộ môn Sinh lý; Trung tâm Giáo dục Y học và Nghiên cứu khoa học.
- 3) TS.BS Vũ Mạnh Tân - Bộ môn Nội; Trung tâm Giáo dục Y học và Nghiên cứu khoa học.
- 4) TS.BS Kê Thị Lan Anh - Bộ môn Nội; Giảng viên Trung tâm Giáo dục Y học và Nghiên cứu khoa học.
- 5) TS.BS Lê Thị Diệu Hiền - Bộ môn Nội; Giảng viên Trung tâm Giáo dục Y học và Nghiên cứu khoa học.

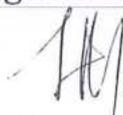
## 7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu, bảng di động, mic không dây, wifi, phần mềm tương tác Kahoot, Poll Everywhere, Menti

## 8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

**Phụ trách Học phần**

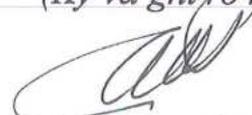
(Ký và ghi rõ họ tên)



**Nguyễn Thị Phương Mai**

**Phụ trách CTĐT**

(Ký và ghi rõ họ tên)



**PGS.TS. Vũ Văn Tâm**

1	Nguyễn Thị Phương Mai	Bộ môn Hoá sinh, Khoa Y	ntpmai@hpmu.edu.vn
2	Đào Thu Hồng	Bộ môn Sinh lý, Khoa Y	dthong@hpmu.edu.vn
3	Vũ Mạnh Tân	Bộ môn Nội, Khoa Y	<u>vmtan@hpmu.edu.vn</u>
4	Kê Lan Anh	Bộ môn Nội, Khoa Y	<u>kelananh1980@gmail.com</u>

## 2. Danh sách cán bộ hỗ trợ giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Nhiệm vụ
1	Lê Thi Yên	BM Giải Phẫu, Khoa Y	Giáo vụ, Trợ giảng
2	Nguyễn Thị Chinh	TT GDYH&NCKH	Cán bộ hành chính
3	Đặng Văn Minh	TT GDYH&NCKH	Trợ giảng

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN THỐNG KÊ Y SINH

### 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: Thống kê Y sinh	
Mã học phần: 004795	
Đối tượng áp dụng: Sau đại học (CKII, ThS, BSNT, CKI YTCC và CKI YHDP)	
Loại học phần: <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức:	<input type="checkbox"/> Giáo dục đại cương <input type="checkbox"/> Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/> Cơ sở ngành. <input type="checkbox"/> Tự chọn <input type="checkbox"/> Ngành
Khoa/Bộ môn/Module/Đơn vị phụ trách: Khoa Y tế công cộng	
Email liên hệ: nthanhhai@hpmu.edu.vn	
Điện thoại liên hệ: 0913 513 654	

	<b>Tổng</b>	<b>Lý thuyết</b>	<b>Thực hành</b>	<b>Lâm sàng</b>	<b>Tự học</b>
Tín chỉ	3	1	2	0	0
Số tiết	135	15	60	0	60
Số buổi	29	4	12	0	12

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết: không
- Học phần học trước: PPNCKH

### 2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

#### 2.1. Mô tả chung

*(Mô tả vị trí của học phần đối với chương trình đào tạo, những nội dung chính yếu của học phần).*

Thống kê y sinh là một môn khoa học ứng dụng. Ứng dụng của nó có thể từ sinh học phân tử, sinh lý học, giải phẫu, tế bào học đến nghiên cứu lâm sàng và sức khỏe cộng đồng và từ đó cung cấp bằng chứng cho thực hành y khoa. Thống kê do đó ngày

càng đóng vai trò quan trọng trong thực hành y khoa và là phần không thể thiếu trong nghiên cứu y học. Cùng với xu hướng phát triển ngày càng phức tạp của thống kê và sự chú trọng vào “y học dựa vào bằng chứng”, chất lượng thống kê ứng dụng trong các nghiên cứu y học ngày càng được quan tâm.

Môn học này sẽ cung cấp cho học viên những cơ sở thiết yếu để hiểu và ứng dụng thống kê trong khoa học y sinh và chăm sóc sức khoẻ cộng đồng, ứng dụng các loại kiểm định thống kê khác nhau vào bộ số liệu thực. Điểm chính của môn học này là phát triển kỹ năng thống kê thực hành. Học viên sẽ được học cách phân tích số liệu bằng phần mềm Stata cũng như cách phiên giải đúng đắn những kết quả của nghiên cứu và áp dụng phương thức lý luận có khả năng giúp đưa ra quyết định trong thực hành y học.

- Các khái niệm then chốt (nếu có) (*các khái niệm chính yếu, then chốt bắt buộc sinh viên phải nhớ sau khi học xong module/học phần*)

- Quản lý và xử lý số liệu
- Thống kê mô tả
- Thống kê suy luận
- Ước lượng điểm, ước lượng khoảng
- Độ tin cậy của một nghiên cứu
- Khoảng tin cậy
- Ngưỡng ý nghĩa thống kê  $\alpha$
- Giá trị p
- Kiểm định giả thuyết thống kê
- Nhiễu
- Cỡ mẫu

- Sơ đồ khái niệm then chốt (nếu có)

## 2.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	CĐR của CTĐT

CLO1	Phân biệt được các loại thiết kế nghiên cứu định lượng cơ bản (các loại nghiên cứu quan sát, thực nghiệm)	PLO2,8,9
CLO2	Mô tả được quá trình chuẩn bị bộ số liệu, các nguyên tắc mã hoá số liệu	PLO2,8,9
CLO3	Giải thích được các loại hình thống kê mô tả thích hợp với các loại biến số, lập luận được lý do lựa chọn các thống kê mô tả phù hợp.	PLO2,8,9
CLO4	Giải thích được lý do cơ bản của việc dùng các phép tính toán của mỗi kiểm định thống kê suy luận.	PLO2,8,9
CLO5	Phân biệt được nhiễu và việc sai lệch kết quả khi có nhiễu.	PLO2,8,9
CLO6	Mô tả được cách tiếp cận thông thường để tính cỡ mẫu cần thiết cho một câu hỏi nghiên cứu.	PLO2,8,9
CLO7	Xây dựng được kế hoạch chuẩn bị bộ số liệu, làm sạch và quản lý số liệu trên phần mềm máy tính	PLO2,8,9
CLO8	Tính toán và vẽ biểu đồ thị được các thống kê mô tả qua sử dụng phần mềm thống kê.	PLO2,8,9

CLO9	Chọn được kiểm định thống kê phù hợp để so sánh các kiểu dữ liệu khác nhau và phiên giải được các kết quả phân tích số liệu cho mỗi loại kiểm định	PLO2,8,9
CLO10	Thực hiện được việc phân tích phân tầng và xây dựng mô hình đa biến đơn giản cho khử nhiễu.	PLO2,8,9
CLO11	Thực hiện được tính cỡ mẫu cho một đề cương hoặc báo cáo nghiên cứu.	PLO2,8,9
CLO12	Nhận thức được vai trò và tầm quan trọng của thống kê trong nghiên cứu y sinh và chăm sóc sức khỏe cộng đồng.	PLO2,8,9
CLO13	Sẵn sàng áp dụng những nguyên tắc và kỹ thuật thống kê y sinh để đảm bảo tính giá trị của những thông tin y học.	PLO2,8,9

### 3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- (- Nêu rõ: chiến lược lượng giá, phương pháp, công cụ, tiêu chí và thời điểm lượng giá;
- Công thức tính điểm tổng kết học phần theo quy chế đào tạo).

**3.1.Lượng giá học phần gồm:** lượng giá quá trình (chuyên cần) và lượng giá kết thúc.

#### a) Lượng giá chuyên cần

- Hình thức: Điểm danh, học viên không được nghỉ quá 10% số buổi lý thuyết và phải tham gia toàn bộ số buổi thực hành.
- Thời gian: Trong suốt quá trình học học phần

- Học viên đủ điều kiện tham gia thi kết thúc học phần khi đạt lượng giá chuyên cần.

**b) Lượng giá cuối kỳ**

- Hình thức: Lý thuyết và thực hành

+ Lý thuyết: MCQ, 30 câu / 40 phút, cấu trúc theo ma trận sau:

Mục tiêu	Nhớ	Hiểu	Áp dụng	Phân tích	Tổng (Số câu)
CLO1 (120%)	4	2	0		6
CLO2 (13,33%)	1	1	2		4
CLO3 (20%)	2	2	2		6
CLO4 (16,67%)	1	2	2		5
CLO5 (16,67%)	1	2	2		5
CLO6 (13,33%)	1	1	2		4
<b>Tổng (số câu)</b>	<b>10</b>	<b>10</b>	<b>10</b>	<b>0</b>	<b>30</b>

+ Thực hành: học viên thi thực hành trên máy tính, 60 phút, cấu trúc đề thi theo ma trận sau :

Mục tiêu	Hiểu và biết cách làm	Làm được có giám sát	Làm được độc lập (không giám sát)	Dạy được người khác làm
CĐRHP7 (20%)	-	-	x	-
CĐRHP8 (20%)	-	-	x	-
CĐRHP9 (25%)	-	-	x	-
CĐRHP10 (25%)	-	-	x	-
CĐRHP11 (10%)	-	-	x	-
<b>Tổng (100%)</b>	-	-	<b>5</b>	-

+ Thái độ, mức tự chủ/chịu trách nhiệm (*quy đổi thành các hành vi được làm và không được làm*):

- Tham gia đầy đủ và đúng giờ các buổi học lý thuyết và thực hành.
- Tự hoàn thành các bài tập được giao và nộp bài đúng thời gian quy định.
- Nghiêm túc trong các buổi học lý thuyết và thực hành.

### 3.2. Đánh giá học phần

$$\text{Điểm TKHP} = \text{TH} \times 0.5 + \text{LTCK} \times 0.5$$

Học viên được coi là ĐẠT học phần nếu điểm lượng giá thực hành và lượng giá lý thuyết của học phần  $\geq 5,5$ . Ngược lại, học viên bị đánh giá là trượt, phải học lại và thi lại học phần thực hành và/hoặc lý thuyết có điểm thi không đạt.

## 4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

### 4.1. Lý thuyết

Nội dung	Số tiết			Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học
	Lý thuyết	Thực hành /Lâm sàng	Tự học		
Bài 1: Thống kê và vai trò trong nghiên cứu và thực hành y sinh	2	0	4	CLO1	Thuyết trình/ thảo luận nhóm
Bài 2: Sơ lược các phương pháp nghiên cứu định lượng	1	0	2	CLO1	Thuyết trình/ thảo luận nhóm
Bài 3: Cỡ mẫu trong nghiên cứu định lượng	2	0	4	CLO6	Thuyết trình/ thảo luận nhóm

Bài 4: Quản lý số liệu bằng stata	2	0	4	CLO3	Thuyết trình/ thảo luận nhóm
Bài 5: Phân tích thống kê mô tả	2	0	4	CLO3	Thuyết trình/ thảo luận nhóm
Bài 6: Phân tích thống kê suy luận	4	0	8	CLO4	Thuyết trình/ thảo luận nhóm
Bài 7: Nhiễu và không chế nhiễu	2	0	4	CLO5	Thuyết trình/ thảo luận nhóm
<b>Tổng</b>	<b>15</b>	<b>0</b>	<b>30</b>		

#### 4.2. Thực hành

Nội dung	Số tiết			Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học
	Lý thuyết	Thực hành /Lâm sàng	Tự học		
Bài 1: Cỡ mẫu trong nghiên cứu định lượng: Tính cỡ mẫu dựa trên ước lượng đo lường vấn đề nghiên cứu với độ chính xác nhất định	0	5	2,5	CLO11	Quan sát/Thực hành
Bài 2: Cỡ mẫu trong nghiên cứu định lượng: Tính cỡ mẫu cho một số nghiên cứu dựa trên	0	5	2,5	CLO11	Quan sát/Thực hành

kiểm định giả thuyết hoặc chứng minh sự khác biệt có ý nghĩa					
Bài 3: Quản lý số liệu	0	10	5	CLO7	Quan sát/Thực hành
Bài 4: Phân tích thống kê mô tả- Phân tích và phiên giải thống kê mô tả biến định lượng trong STATA	0	2,5	1,75	CLO8	Quan sát/Thực hành
Bài 5: Phân tích thống kê mô tả- Phân tích và phiên giải thống kê mô tả biến định tính trong STATA	0	2,5	1,75	CLO8	Quan sát/Thực hành
Bài 6: Phân tích thống kê mô tả- Vẽ đồ thị thống kê mô tả trong STATA	0	2,5	1,75	CLO8	Quan sát/Thực hành
Bài 7: Phân tích thống kê mô tả- Trình bày kết quả phân tích thống kê mô tả	0	2,5	1,75	CLO8	Quan sát/Thực hành
Bài 8: Phân tích thống kê suy luận – Phân tích và phiên giải kết quả các kiểm định trung bình	0	5	2,5	CLO9	Quan sát/Thực hành
Bài 9: Phân tích thống kê suy luận – Phân tích và phiên giải kết quả các kiểm định tỷ lệ	0	5	2,5	CLO9	Quan sát/Thực hành

Bài 10: Phân tích thống kê suy luận – Phân tích và phiên giải kết quả hồi quy logistic nhị phân	0	5	2,5	CLO9	Quan sát/Thực hành
Bài 11: Phân tích thống kê suy luận – Phân tích và phiên giải kết quả hồi quy đa biến	0	5	2,5	CLO9	Quan sát/Thực hành
Bài 12: Nhiễu và không chế nhiễu: Lập bảng 2x2 thô, xác định yếu tố nhiễu tiềm ẩn và phân tầng theo yếu tố nhiễu	0	5	2,5	CLO10	Quan sát/Thực hành
Bài 13: Nhiễu và không chế nhiễu: Các tính toán hiệu chỉnh và phiên giải.	0	5	2,5	CLO10	Quan sát/Thực hành
<b>Tổng</b>	<b>0</b>	<b>60</b>	<b>30</b>		

## 5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

### 5.2. Tài liệu học tập

[1]. Phạm Minh Khuê (2021). Giáo trình thống kê y sinh ứng dụng, NXB Y học, Hà Nội.

### 5.3. Tài liệu tham khảo

[1]. Phạm Việt Cường (2004). Thống kê Y tế công cộng, Phần II – Phân tích số liệu định lượng, NXB Y học, Hà Nội.

[2] Statistics and data analytics for health data management / Nadinia Davis. - 1st edition. - Missouri : Elsevier, 2017. - 247p

[3] Toán học và thống kê trong khoa học y tế (Mathematics and statistics in the Health Sciences). Tuyển tập các chủ đề cơ bản về Y tế cộng đồng. Nhóm biên soạn: Klaus Krickeberg, Phan Vũ Diễm Hằng, Nguyễn Văn Sơn, 2017.

[4] Nguyễn Văn Tuấn (2019). Y học thực chứng (Evidence – Based Medicine). Nhà xuất bản Tổng hợp TP HCM, 2019.

***Công trình NCKH đã công bố có liên quan:***

[1] Thanh Hai Nguyen, Duc Luan Hoang, Thi Giang Hoang, Minh Khue Pham, Julie Bodin, Jean Dominique Dewitte, Yves Roquelaure, "Prevalence and Characteristics of Multisite Musculoskeletal Symptoms among District Hospital Nurses in Haiphong, Vietnam", BioMed Research International, vol. 2020, Article ID 3254605, 11 pages, 2020. <https://doi.org/10.1155/2020/3254605>

[2] Nguyen TH, Hoang DL, Hoang TG, et al. Quality of life among district hospital nurses with multisite musculoskeletal symptoms in Vietnam. J Occup Health. 2020;62:e12161. <https://doi.org/10.1002/1348-9585.12161>.

[3] Thi Tham Nguyen, Thanh Hai Nguyen, Duc Luan Hoang, Thi Giang Hoang, Minh Khue Pham, "Effectiveness of Interventions to Prevent Musculoskeletal Disorders among District Hospital Nurses in Vietnam", BioMed Research International, vol. 2022, Article ID 1539063, 10 pages, 2022. <https://doi.org/10.1155/2022/1539063>

[4] Hoang Duc Luan, Nguyen Thanh Hai, Pham Thu Xanh, et al., "Musculoskeletal Disorders: Prevalence and Associated Factors among District Hospital Nurses in Haiphong, Vietnam," BioMed Research International, vol. 2018, Article ID 3162564, 9 pages, 2018. <https://doi.org/10.1155/2018/3162564>

[5] Hoand Duc Luan, Nguyen Thanh Hai, Nguyen Thuy Ngan, Pham Thanh Hai, Pham Minh Khue (2019). "Prevalence of musculoskeletal disorders and its impact on quality of life among district hospitals nurses in Hai Phong, Vietnam", Journal of Preventive Medicine, Volume XXIX, No 9 (35). (Article in Vietnamese).

[6] Hoand Duc Luan, Nguyen Thanh Hai, Nguyen Thi Ha Thu, Pham Thanh Hai, Pham Minh Khue (2019). "Current situation and related factors of musculoskeletal disorders among nurses at 7 district hospitals in Hai Phong,

2019”, Journal of Preventive Medicine, Volume XXIX, No 9 (27). (Article in Vietnamese).

## 6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY (phụ lục).

## 7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu
- Giảng đường, phấn, bảng, bút viết bảng...
- Phòng thực hành (phòng máy tính)

## 8. NGÀY PHÊ DUYỆT: .....

**Phụ trách Học phần**

(Ký và ghi rõ họ tên)

  
Hoàng Thị Giang

**Phụ trách CTĐT**

(Ký và ghi rõ họ tên)

  
PGS.TS. Vũ Văn Tâm

**PHỤ LỤC**

### 1. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1	GS.TS Phạm Minh Khuê	Khoa YTCC- Trường ĐH Y Dược Hải Phòng	<a href="mailto:pmkhue@hpmu.edu.vn">pmkhue@hpmu.edu.vn</a>
2	TS Hoàng Thị Giang	Khoa YTCC- Trường ĐH Y Dược Hải Phòng	<a href="mailto:hoanggiang0708@gmail.com">hoanggiang0708@gmail.com</a>
3	TS Nguyễn Thanh Hải	Khoa YTCC- Trường ĐH Y	<a href="mailto:nthanhhai@hpmu.edu.vn">nthanhhai@hpmu.edu.vn</a>

		Dược Hải Phòng	
--	--	-------------------	--

## 2. Danh sách cán bộ hỗ trợ giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Nhiệm vụ
1	ThS. Nguyễn Quang Đức	Khoa YTCC- Trường ĐH Y Dược Hải Phòng	Trợ giảng thực hành
2	ThS. Nguyễn Thanh Bình	Khoa YTCC- Trường ĐH Y Dược Hải Phòng	Trợ giảng thực hành

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

### HỖ TRỢ NGOẠI

#### 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: Hỗ trợ ngoại	
Mã học phần: LT: 005031; LS: 005032	
Đối tượng áp dụng: Thạc sĩ Sản	
Loại học phần: <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức:	<input type="checkbox"/> Môn chung <input type="checkbox"/> Chuyên ngành bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/> Cơ sở và hỗ trợ <input type="checkbox"/> Chuyên ngành tự chọn
Khoa/Bộ môn/Module/Đơn vị phụ trách: Bộ môn Ngoại và phẫu thuật thực hành	
Email liên hệ: pvthuong@hpmu.edu.vn	
Điện thoại liên hệ: 0904289259	

	<b>Tổng</b>	<b>Lý thuyết</b>	<b>Lâm sàng</b>	<b>Tự học</b>
Tín chỉ	3	1	2	0
Số tiết	135	15	60	60
Số buổi	29	5	12	12

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Điều kiện khác: Không

#### 2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

##### 2.1. Mô tả chung

- Học phần hỗ trợ ngoại cung cấp cho học viên các kiến thức về ngoại khoa cơ bản. Nội dung kiến thức tập chung hướng dẫn học viên về các kỹ năng trong chuyên ngành tiêu hoá và tiết niệu.

- Tiêu hóa, gan mật là một lĩnh vực rất quan trọng trong bệnh học ngoại khoa, hiện nay ở nước ta các bệnh ngoại khoa về tiêu hóa và gan mật còn khá phổ biến, đòi hỏi phải được xử trí kịp thời để cứu sống người bệnh.

- Trong quá trình học đại học, sinh viên đã được học một số bệnh lý ngoại khoa cơ bản về tiêu hóa, gan mật. Trong quá trình học thạc sĩ, học viên sẽ được học những kiến thức chưa được học trong quá trình học đại học, bổ sung những kiến thức nâng cao về lĩnh vực ngoại tiêu hóa – gan mật.

- Học phần phẫu thuật tiết niệu có liên quan mật thiết với các môn chuyên ngành ngoại trong chẩn đoán và điều trị. Môn học này nhằm trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản có hệ thống và kỹ năng thực hành giúp cho việc chẩn đoán và điều trị các bệnh ngoại khoa thường gặp thuộc lĩnh vực tiết niệu.

#### **Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)**

<b>CĐR học phần</b>	<b>Mô tả CĐR học phần</b>	<b>CĐR của CTĐT</b>
CLO1	Khám sàng lọc và phân loại được các trường hợp cấp cứu liên quan đến các bệnh lý tiêu hoá, tiết niệu	PLO1,4
CLO2	Phân loại, chẩn đoán và xử trí bệnh tiêu hoá thường gặp.	
CLO3	Phân loại, chẩn đoán và xử trí bệnh tiết niệu thường gặp	
CLO4	Thực hiện được một số kỹ năng cơ bản trong phẫu thuật tiêu hoá: khâu đóng bụng, cố định dẫn lưu, phụ mổ ruột thừa...	PLO1,6

CLO5	Thực hiện được một số kỹ thuật cơ bản để điều trị các vết thương phần mềm, lỗ rò cạnh hậu môn, trực tràng....	
CLO6	Thực hành được một số phẫu thuật tiết niệu cơ bản như: soi quang quang, đặt sonde tiêu.....	

### 3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Lượng giá học phần gồm: lượng giá lý thuyết và lượng giá lâm sàng

#### 3.1. Lượng giá lý thuyết:

Lượng giá lý thuyết = (chuyên cần \* 0,1) + (báo cáo chuyên đề) \* 0,3 + MCQs \* 0,6

##### a. Chuyên cần

- Học viên tham dự ít nhất 80% số tiết lên lớp lý thuyết đã quy định trong đề cương chi tiết môn học
- Trọng số điểm là: 0.1 tổng điểm lượng giá lý thuyết

##### b. Bài thu hoạch học phần

- Hình thức: Khi bắt đầu học phần học viên được lựa chọn ngẫu nhiên một chủ đề lý thuyết và chuẩn bị viết báo cáo dưới dạng báo cáo chuyên đề trong vòng 10 đến 20 trang, trình bày báo cáo bằng Powerpoint.

- Thời gian dự kiến: 2 tuần trước khi kết thúc học phần
- Trọng số điểm là: 0.3 tổng điểm lượng giá lý thuyết

##### c. Thi MCQs:

- Hình thức: Thi tự luận có cấu trúc MCQs 30 câu trong thời gian 40 phút liên quan đến các vấn đề phẫu thuật cấp cứu ổ bụng.

- Thời gian dự kiến: vào tuần cuối của học phần
- Trọng số điểm là: 0.6 tổng điểm lượng giá lý thuyết

Test Blue Print lý thuyết

Mục tiêu	Nhớ	Hiểu	Áp dụng	Tổng (số câu)
CLO 1 (12%)	0	2	8	10
CLO 2 (12%)	0	2	8	10
CLO 3 (12%)	0	2	8	10
<b>Tổng</b>	<b>0</b>	<b>6</b>	<b>24</b>	<b>30</b>

### 3.2. Lượng giá lâm sàng:

Lượng giá lâm sàng = (chuyên cần \* 0,1) + (chỉ tiêu tay nghề) \* 0,4 + (biện luận lâm sàng) \* 0,5

#### a. Chuyên cần

- Học viên chỉ được thi kỹ năng khi tham gia đầy đủ các buổi học lâm sàng.
- Trọng số điểm là: 0,1 tổng điểm lượng giá kỹ năng

#### b. Chỉ tiêu tay nghề

- Hình thức: Học viên phải tham gia tối thiểu 30 ca mổ của khoa đang đi lâm sàng và có minh chứng là chữ kí của phẫu thuật viên chính vào sổ tay lâm sàng
- Thời gian dự kiến: Vào tuần cuối của học phần
- Trọng số điểm là: 0,4 tổng điểm lượng giá kỹ năng

#### c. Biện luận lâm sàng

- Hình thức : Thi biện luận lâm sàng trên bàn thi tại khoa lâm sàng, lượng giá bằng Mini
- Thời gian dự kiến: tuần cuối cùng kết thúc học phần
- Trọng số điểm: 0,6 tổng điểm lâm sàng

### 3.3. Điểm tổng kết học phần

$$\text{Điểm TKHP} = \text{LS} \times 0,5 + \text{LT} \times 0,5$$

Học viên được coi là ĐẠT học phần nếu điểm lượng giá lâm sàng và lượng giá lý thuyết của học phần  $\geq 5,5$ . Ngược lại, học viên bị đánh giá là trượt, phải học lại và thi lại học phần lâm sàng và/hoặc lý thuyết có điểm thi không đạt.

Chuẩn đầu ra	Hiểu và biết cách làm	Làm có sự giám sát	Làm độc lập, không giám sát	Dạy người khác làm
CLO 4(30%)	-	x	-	-
CLO 5(30%)	-	x	-	-
CLO 6(40%)	-	x	-	-
Tổng		100%		

#### 4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

TT	Nội dung	Số tiết		Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học	Số lượng giảng viên (phụ trách/đồng giảng*)	Số lượng trợ giảng **
		LT	LS				
1	Chương 1: Thủng tạng rỗng	3	15	CLO1 CLO2 CLO4 CLO5	CBL	PGS. Duyệt	02
2	Chương 2: Viêm ruột thừa cấp	3	20	CLO1 CLO2 CLO4 CLO5	CBL	TS. Thương	02
3	Chương 3: U phì đại lành tính tuyến tiền liệt	3	15	CLO1 CLO3 CLO6	CBL	PGS. Bình	02
4	Chương 4 : Sỏi hệ tiết niệu	3	20	CLO1 CLO3	CBL	BSCCKII. Cường	02

				CLO6			
5	Chương 5: Sỏi mật	3	20	CLO1 CLO3 CLO6	CBL	PGS. Duyệt	02
	Tổng	15	90				

## 5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

### 5.1. Tài liệu học tập:

- Bộ môn Ngoại - Trường đại học Y Dược Hải Phòng, Bệnh học Ngoại Khoa Tiết niệu – Lồng ngực – Sọ não – Bông. (Tài liệu lưu hành nội bộ).
- Bộ môn Ngoại – PTTH Đại học Y Dược Hải Phòng. Bài giảng bệnh học ngoại khoa tiêu hoá – Tập 1 (Tài liệu lưu hành nội bộ)
- Bộ môn Ngoại – PTTH Đại học Y Dược Hải Phòng. Bài giảng bệnh học ngoại khoa tiêu hoá – Tập 2 (Tài liệu lưu hành nội bộ)

### 5.2. Tài liệu tham khảo

- Phạm Văn Thương (2023), Phẫu thuật nội soi điều trị thoát vị bẹn
- Đặng Hanh Đệ (2013). Chẩn đoán và điều trị các bệnh ngoại khoa, Đặng Hanh Đệ, NXB Giáo dục Việt Nam
- Hà Văn Quyết (2006). Bệnh học ngoại dùng cho sđh tập 1, NXB Y học
- Hà Văn Quyết (2006). Bệnh học ngoại dùng cho sđh tập 2, NXB Y học
- Phạm Đức Huân (2021). Bệnh học ngoại khoa tiêu hóa SĐH, NXBY học
- Nguyễn Đức Ninh Bệnh ngoại sau đại học tụy-lách (2001), NXB Khoa học và kỹ thuật
- Cấp cứu ngoại tiêu hóa (2020), Nguyễn Văn Hải, Nxb Thanh niên
- Atlas of trauma/emergency surgical techniques / William G. Cioffi. - Philadelphia: Elsevier, 2014. - 347p; 29cm
- Maingot's abdominal operations / Michael J. Zinner. - 12th ed. - New York: McGraw-Hill, 2013. - 1309p; 28cm
- Surgery of the liver and biliary tract: Vol 2 / Blumgart H. L. - Philadelphia:

Saunders, 2000. - 2180p; 27cm

- Surgery of the liver and biliary tract: Vol 1 / Blumgart H. L. - Philadelphia:  
Saunders, 2000.

**6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY (phụ lục).**

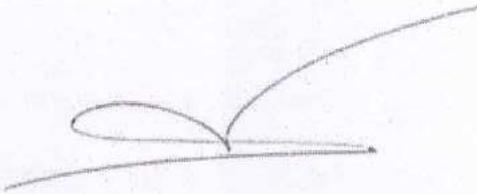
**7. CƠ SỞ VẬT CHẤT**

- Máy chiếu
- Giảng đường
- Các bệnh viện thực hành

**8. NGÀY PHÊ DUYỆT: .....**

**Phụ trách Học phần**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*



**TS. Phạm Văn Thương**

**Phụ trách CTĐT**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*



**PGS.TS. Vũ Văn Tâm**

## PHỤ LỤC

### Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1	PGS.TS.BS. Phạm Văn Thương	Bộ môn Ngoại	<a href="mailto:pvthuong@hpmu.edu.vn">pvthuong@hpmu.edu.vn</a>
2	TS. Đỗ Minh Tùng	Bộ môn Ngoại	<a href="mailto:dmtung@hpmu.edu.vn">dmtung@hpmu.edu.vn</a>
3	BSCCKII.ThS.BSNT. Hoàng Anh Công	Bộ môn Ngoại	<a href="mailto:hacong@hpmu.edu.vn">hacong@hpmu.edu.vn</a>
4	BSCCKII.ThS.BSNT. Trịnh Đình Thanh	Bộ môn Ngoại	<a href="mailto:tdthanh@hpmu.edu.vn">tdthanh@hpmu.edu.vn</a>
5	BSCCKII.ThS. Phạm Quốc Hiệu	Bộ môn Ngoại	<a href="mailto:pqhieu@hpmu.edu.vn">pqhieu@hpmu.edu.vn</a>

### Danh sách giảng viên tham gia trợ giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
2	Ths. Nguyễn Trung Thành	Bộ môn Ngoại	<a href="mailto:ntthanh@hpmu.edu.vn">ntthanh@hpmu.edu.vn</a>
3	Ths. BSNT. Bùi Văn Dương	Bộ môn Ngoại	<a href="mailto:bvduong@hpmu.edu.vn">bvduong@hpmu.edu.vn</a>
6	Ths.BSNT. Hoàng Hữu Đoàn	Bộ môn Ngoại	<a href="mailto:hhdoan@hpmu.edu.vn">hhdoan@hpmu.edu.vn</a>
7	Ths. BSNT. Phạm Tâm Long	Bộ môn Ngoại	<a href="mailto:ptlong@hpmu.edu.vn">ptlong@hpmu.edu.vn</a>
9	Ths. Phan Văn Tuấn	Bộ môn Ngoại	<a href="mailto:pvtuan@hpmu.edu.vn">pvtuan@hpmu.edu.vn</a>
10	Ths. BSNT. Đào Thị Ngọc Anh	Bộ môn Ngoại	<a href="mailto:dtnanh@hpmu.edu.vn">dtnanh@hpmu.edu.vn</a>

11	Ths. Bùi Phương Nam	Bộ môn Ngoại	bpnam@hpmu.edu.vn
----	---------------------	-----------------	-------------------

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**  
**Y HỌC CHỨNG CỨ**

**1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN**

Tên học phần: <b>Y HỌC CHỨNG CỨ</b>	
Mã học phần: Lâm sàng: 005811, lý thuyết: 005810	
Đối tượng áp dụng: Thạc sĩ ứng dụng	
Loại học phần: : <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức:	<input type="checkbox"/> Môn chung <input type="checkbox"/> Chuyên ngành bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/> Cơ sở và hỗ trợ <input type="checkbox"/> Chuyên ngành tự chọn
Khoa/Bộ môn/Module/Đơn vị phụ trách: Bộ môn Sản - Phụ khoa	
Email liên hệ: <a href="mailto:bmsan@hpmu.edu.vn">bmsan@hpmu.edu.vn</a> ; <a href="mailto:dqanh@hpmu.edu.vn">dqanh@hpmu.edu.vn</a>	
Điện thoại liên hệ: 0976134682	

	<b>Tổng</b>	<b>Lý thuyết</b>	<b>Thực hành</b>	<b>Lâm sàng</b>	<b>Tự học</b>
Tín chỉ/ĐVHT	2	1	1	0	0
Số tiết	45	15	30	0	55
Số buổi	11	5	6	0	11

**2. MÔ TẢ HỌC PHẦN**

**Mô tả chung**

Học Phần Y học chứng cứ là một trong những học phần tự chọn nhằm giúp học viên thạc sĩ sản phụ khoa đạt được các kiến thức, kỹ năng về y học thực chứng, có thái độ tôn trọng bằng chứng khoa học, từ đó có thể tìm kiếm, đánh giá và áp dụng một cách phù hợp các bằng chứng khoa học tốt nhất vào quá trình học tập, nghiên cứu và chăm sóc người bệnh.

**Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes –CLOs)**

<b>CĐR</b>	<b>Mô tả CĐR học phần (CLO)</b>	<b>CĐR</b>

<b>học phần (CLO)</b>		<b>của CTĐT (PLO)</b>
CLO1	Thành thạo kỹ năng đặt câu hỏi lâm sàng theo nguyên tắc PICO và áp dụng vào thực hành lâm sàng sản phụ khoa	PLO2,8
CLO2	Thành thạo kỹ năng tìm kiếm bằng chứng lâm sàng để trả lời cho các câu hỏi lâm sàng và áp dụng vào các tình huống thực hành lâm sàng sản phụ khoa cụ thể	PLO2,8
CLO3	Áp dụng kiến thức về thiết kế nghiên cứu lâm sàng vào nhận định giá trị của các nghiên cứu khoa học, phân giải kết quả nghiên cứu và trả lời cho các câu hỏi nghiên cứu và câu hỏi lâm sàng khác nhau trong lĩnh vực sản phụ khoa.	PLO2,8
CLO4	Áp dụng kiến thức cơ bản về dịch tễ học và thống kê y sinh để phân giải đúng kết quả nghiên cứu, đánh giá được bằng chứng nghiên cứu khoa học trong thực hành và nghiên cứu lâm sàng sản phụ khoa	PLO2,8
CLO5	Phân giải được kết quả sàng lọc, chẩn đoán và tiên lượng bệnh	PLO2,8
CLO6	Áp dụng các nguyên lý của y học thực chứng vào các tình huống thực hành lâm sàng sản phụ khoa khác nhau.	PLO2,8

### **3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN**

#### **3.1. Điều kiện tham dự kì thi kết thúc học phần**

- Tham gia đầy đủ và đúng giờ các buổi học lý thuyết và thực hành.
- Tự hoàn thành các bài tập được giao và nộp bài đúng thời gian quy định.
- Nghiêm túc trong các buổi học lý thuyết và thực hành.
- Học viên không được nghỉ quá 10% số buổi học.

#### **3.2. Nội dung lượng giá**

Để đảm bảo thạc sĩ được đánh giá đúng năng lực và hỗ trợ thạc sĩ trong quá trình học để đạt được các mốc năng lực đã xác định, thạc sĩ được lượng giá với các phương pháp cụ thể như sau:

- Lượng giá tiến trình (giữa kỳ): Diễn giải kết quả bài báo khoa học, Áp dụng Y học thực chứng vào tình huống lâm sàng.
- Lượng giá cuối kỳ: OSCE cho lượng giá thực hành, MCQs cho lượng giá kiến thức.
- Lượng giá không tính điểm, dùng tham khảo với quyết định cuối cùng:
  - o Chỉ tiêu lâm sàng, chuyên cần: rà soát, đánh giá và phản hồi sau vòng luân khoa
  - o Phản hồi 360, áp dụng cuối học kỳ (Lấy ý kiến phản hồi từ GV, Bác sĩ hướng dẫn)

Ban năng lực lâm sàng rà soát tổng thể vào cuối học kỳ và Quyết định mức năng lực mà thạc sĩ đạt được vào cuối học kỳ và có kế hoạch hỗ trợ tiếp theo – remediation (nếu cần).

### 3.3. Lượng giá thực hành

#### 3.3.1. Hình thức áp dụng và cách tính điểm

**Lượng giá tiến trình:** **50%**

- Phân tích 01 bài báo khoa học theo chỉ định: 10%
- Tiếp cận 01 tình huống lâm sàng theo nguyên lý y học thực chứng 20%
- Nhận xét từ GV phụ trách: 10%
- Chuyên cần: 10%

**Lượng giá cuối kỳ:** **50%**

- Ở tuần cuối của học phần, học viên sẽ áp dụng kiến thức về

Áp dụng nguyên lý y học thực chứng vào tiếp cận chẩn đoán, quản lý một ca lâm sàng cụ thể cho sẵn.

**Lượng giá thực hành** = 0.5\*Lượng giá tiến trình + 0.5\*Lượng giá cuối kỳ

#### 3.3.2. Lượng giá tiến trình

##### a. Phân tích 01 bài báo khoa học theo chỉ định

- Thời gian dự kiến: Vào giữa học phần

- Trọng số điểm là: 0,1 tổng điểm lượng giá lâm sàng

*b. Tiếp cận 01 tình huống lâm sàng theo y học thực chứng*

- Thời gian dự kiến: Vào giữa học phần
- Trọng số điểm là: 0,2 tổng điểm lượng giá lâm sàng

- Học viên chuẩn bị báo cáo 1 tình huống lâm sàng, với tình huống này: học viên cần đặt các câu hỏi lâm sàng, tìm kiếm bằng chứng khoa học về các vấn đề liên quan đến case lâm sàng (chẩn đoán, xử trí, tiên lượng, dự phòng...) theo cách tiếp cận của y học thực chứng.

*c. Nhận xét từ giảng viên phụ trách*

- Vào các thời điểm giữa và 02 tuần trước khi kết thúc học phần.
- Giảng viên theo dõi cho phản hồi về quá trình học tập của học viên theo mẫu.
- Trọng số điểm là: 0,1 tổng điểm lượng giá lâm sàng

*d. Chuyên cần*

- Học viên chỉ được thi kỹ năng khi tham gia đầy đủ các buổi học lâm sàng.
- Trọng số điểm là: 0,1 tổng điểm lượng giá lâm sàng

### **3.3.3. Lượng giá cuối kỳ**

*a. Điều kiện dự thi*

- Học viên không được nghỉ quá 10% số thực hành

*b. Nội dung thi*

Học viên áp dụng nguyên lý y học thực chứng, khả năng tìm kiếm tài liệu tham khảo để tiếp cận chẩn đoán, quản lý 1 tình huống lâm sàng cụ thể được thiết kế sẵn.

### **3.4. Tỷ lệ tính điểm cho các phần lượng giá kiến thức**

- |                                                   |            |
|---------------------------------------------------|------------|
| - Chuyên cần                                      | <b>10%</b> |
| - Lượng giá vào giữa kỳ học kỳ: báo cáo chuyên đề | <b>30%</b> |
| - Lượng giá vào cuối học kỳ: MCQs                 | <b>60%</b> |

Công thức tính điểm lượng giá kiến thức = 0.1 \* chuyên cần + 0.3\*Báo cáo chuyên đề + 0.6\*MCQs

Lượng giá MCQ, 30 câu/40 phút, cấu trúc theo ma trận sau:

	Bloom				Tổng (Số câu)
	Nhớ	Hiểu	Áp dụng	Phân tích	
CLO1	0	0	2	0	3
CLO2	0	0	5	0	4
CLO3	0	0	6	0	3
CLO4	0	0	6	0	4
CLO5	0	0	6	0	4
CLO6	0	0	5	0	4
<b>Tổng (số câu)</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>30</b>	<b>0</b>	<b>30</b>

Điểm số bài thi LT=số câu trả lời ĐÚNG/tổng số câu MCQs x 10.

### 3.5. Điểm tổng kết học phần

$$\text{Điểm TKHP} = \text{LS} \times 0,5 + \text{LT} \times 0,5$$

Học viên được coi là ĐẠT học phần nếu điểm lượng giá lâm sàng và lượng giá lý thuyết của học phần  $\geq 5,5$ . Ngược lại, học viên bị đánh giá là trượt, phải học lại và thi lại học phần lâm sàng và/hoặc lý thuyết có điểm thi không đạt.

### 4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

Nội dung	Số tiết			Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học	Giảng viên
	Lý thuyết	Thực hành /Lâm sàng	Tự học			
Bài 1: Lịch sử và các nguyên tác trong y học chứng cư	0	0	5	CLO1	Tự học	

Bài 2. Đặt câu hỏi trong thực thành y học chứng cứ	3	5	5	CLO2	TBL	TS.BS.Nguyễn Thị Thu Thảo
Bài 3. Tra cứu y văn để tìm chứng cứ	3	0	5	CLO2	TBL/Thực hành trên máy	TS.BS.Đỗ Quang Anh
Bài 4. Các thiết kế nghiên cứu và hệ thống phân cấp độ chứng cứ	3	0	5	CLO4, 5,6	TBL	PGSTS.BS. Phạm Thanh Hải
Bài 5. Tổng quan hệ thống và phân tích gộp	3	0	5	CLO3	TBL	TS.BS.Đinh Dương Tùng Anh
Bài 6. Đánh giá tính giá trị và tin cậy của chứng cứ từ bài báo khoa học	3	0	5	CLO4, 5,6	TBL	TS.BS.Vũ Thúy Hà
Bài 7. Áp dụng chứng cứ trong chẩn đoán bệnh	0	5	5	CLO4, 5,6	TBL	TS. BS. Nguyễn Thị Hoàng Trang
Bài 8. Áp dụng chứng cứ trong tiếp cận điều trị	0	5	5	CLO4, 5,6	Tự học	TS
Bài 9. Áp dụng chứng cứ trong tiên lượng bệnh	0	5	5	CLO4, 5,6	Tự học	
Bài 10. Áp dụng y học chứng cứ vào	0	5	5	CLO4, 5,6	Tự học	TS.BS. Đỗ Minh Tùng

điều trị và tiên lượng qua ca lâm sàng						
Bài 11. Áp dụng y học chứng cứ trong thực hành lâm sàng Sản Phụ khoa	0	5	5	CLO4, 5,6	TBL	TS.BS. Đỗ Quang Anh
Tổng	15	30	55			

## 5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

### 1) Tài liệu học tập

- Y học thực chứng, Nguyễn Văn Tuấn, NXB Y học, 2015.
- Tài liệu phát tay

### 2) Tài liệu tham khảo

- Thực hành y học chứng cứ, Tác giả: Phạm Phương Hạnh, Phan Quang Khải, Phạm Trần Thu Trang, NXB Thanh niên (2020).

## 6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1	Đỗ Quang Anh	Bộ môn Sản- Khoa Y	dqanh@hpmu.edu.vn
2	Nguyễn Thị Thu Thảo	Khoa Y tế công cộng	nttthao@hpmu.edu.vn
4	Đỗ Minh Tùng	Bộ môn Ngoại- Khoa Y	dmtung@hpmu.edu.vn
5	Vũ Thúy Hà	Bộ môn Mô Phôi	vtha@hpmu.edu.vn
6	Phạm Thanh Hải	Khoa Răng Hàm Mặt	pthai@hpmu.edu.vn

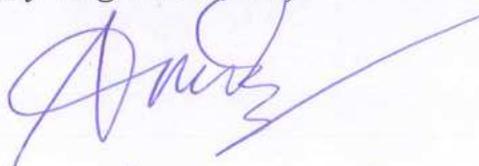
## 7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu, bảng di động, mic không dây, wifi, phần mềm tương tác Kahoot, Poll Everywhere, Menti, trung tâm mô phỏng.

## 8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

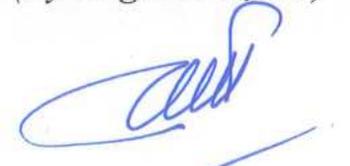
**Phụ trách Học phần**

(Ký và ghi rõ họ tên)

  
Đỗ Quang Anh

**Phụ trách CTĐT**

(Ký và ghi rõ họ tên)

  
PGS.TS. Vũ Văn Cẩm

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN QUẢN LÝ TIỀN SẢN VÀ THAI KỲ

## 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: <b>QUẢN LÝ TIỀN SẢN VÀ THAI KỲ</b>	
Mã học phần: Lâm sàng: 005785, lý thuyết: 005784	
Đối tượng áp dụng: Thạc sĩ ứng dụng	
Loại học phần: <input type="checkbox"/> x Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức:	<input type="checkbox"/> Giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/> Chuyên ngành <input type="checkbox"/> Cơ sở ngành. <input type="checkbox"/> Tự chọn <input type="checkbox"/> Ngành
Khoa/Bộ môn/Module/Đơn vị phụ trách: Bộ môn Sản - Phụ khoa Email liên hệ: <a href="mailto:nhtrang@hpmu.edu.vn">nhtrang@hpmu.edu.vn</a> Điện thoại liên hệ: 0938879590	

	<b>Tổng</b>	<b>Lý thuyết</b>	<b>Thực hành</b>	<b>Lâm sàng</b>	<b>Tự học</b>
Tín chỉ/ĐVHT	4	1	0	3	0
Số tiết	175	15	0	90	70
Số buổi	37	5	0	18	14

## 2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

### Mô tả chung

Quản lý tiền sản và thai kỳ học phần nhằm giúp học viên thạc sĩ đạt được các kiến thức, kỹ năng cơ bản và nâng cao về tiếp cận sàng lọc, chẩn đoán tiền sản, quản lý thai kỳ dựa trên bằng chứng khoa học tốt nhất; hình thành thái độ chuyên nghiệp, phối hợp hiệu quả với nhóm làm việc, tôn trọng các quy định của hệ thống y tế trong thực hành chuyên khoa. Học xong học phần này, học viên có khả năng cung cấp dịch

vụ có chất lượng tốt cho cộng đồng trong sàng lọc, chẩn đoán và quản lý các vấn đề tiền sản và thai kỳ thường gặp.

### Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes –CLOs)

<b>CĐR học phần (CLO)</b>	<b>Mô tả CĐR học phần (CLO)</b>	<b>CĐR của CTĐT (PLO)</b>
CLO1	Thực hành thuần thực thăm khám và tư vấn tiền sản cho cả vợ và chồng	PLO1,3,4, 5,6,7,8,10, 11,12,13, 14,15
CLO2	Tầm soát và chẩn đoán được các tình trạng và bệnh lý tiền sản thường gặp (bao gồm cả sử dụng thuốc và thai kỳ)	PLO1,3,4, 6,7,8,10, 11, 12,13, 14,15
CLO3	Vận dụng kiến thức di truyền học để tiếp cận chẩn đoán và quản lý bệnh lý di truyền trong sản khoa	PLO1,3,4, 5,6,7,8,10, 11, 12,13, 14,15
CLO4	Thực hành thuần thực thăm khám sản khoa	PLO6
CLO5	Chẩn đoán và quản lý thai kỳ bình thường và bệnh lý	PLO1,3,4, 5,6,7,8,10, 11, 12,13, 14,15

CLO6	Phân tích được cơ chế và ứng dụng lâm sàng của các phương pháp thăm dò sản khoa	PLO1,2,3, 7
CLO7	Tiếp cận chẩn đoán và quản lý toàn diện một trường hợp ra ra máu quý 1	PLO1,3,4, 6,7,8,10, 11, 12,13, 14,15
CLO8	Tiếp cận chẩn đoán và quản lý toàn diện một trường hợp ra máu quý 2	PLO1,3,4, 6,7,8,10, 11, 12,13, 14,15
CLO9	Sàng lọc, chẩn đoán và thực hiện quản lý bước đầu được các bệnh lý thường gặp của thai	PLO1,3,4, 5,6,7,8,10, 11, 12,13, 14,15
CLO10	Tư vấn bước đầu về can thiệp bào thai	PLO1,2,3, 4,5,6,7,8,1 0,11,12,13 ,14,15

### 3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

#### 3.1. Điều kiện tham dự kì thi kết thúc học phần

- Tham gia đầy đủ và đúng giờ các buổi học lý thuyết và thực hành.
- Tự hoàn thành các bài tập được giao và nộp bài đúng thời gian quy định.
- Nghiêm túc trong các buổi học lý thuyết và thực hành.
- Học viên không được nghỉ quá 10% số buổi lâm sàng và không bỏ buổi trực nào.

#### 3.2. Nội dung lượng giá

Để đảm bảo học viên thạc sĩ được đánh giá đúng năng lực và hỗ trợ trong quá trình học để đạt được các mốc năng lực đã xác định, học viên thạc sĩ được lượng giá với các phương pháp cụ thể như sau:

- Lượng giá tiến trình (giữa kỳ): báo cáo chuyên đề, báo cáo bệnh án và trình ca bệnh trong giao ban, DOPS với các thủ thuật thuộc khoa chuyên ngành
- Lượng giá cuối kỳ: thi lâm sàng vấn đáp – CBD, kết hợp DOPS
- Lượng giá không tính điểm, dùng tham khảo với quyết định cuối cùng:
  - o Chỉ tiêu lâm sàng: rà soát, đánh giá và phản hồi sau vòng luân khoa
  - o Phản hồi 360, áp dụng cuối học kỳ (Lấy ý kiến phản hồi từ GV, Bác sĩ hướng dẫn, học viên thạc sĩ đồng môn hoặc năm trên, Điều dưỡng)

Ban năng lực lâm sàng rà soát tổng thể vào cuối học kỳ và Quyết định mức năng lực mà học viên thạc sĩ đạt được vào cuối học kỳ và có kế hoạch hỗ trợ tiếp theo – remediation (nếu cần).

### 3.3. Lượng giá lâm sàng

#### 3.3.1. Hình thức áp dụng và cách tính điểm

<b>Lượng giá tiến trình:</b>	<b>50%</b>
- Mini-CEX cải tiến (M):	10%
- DOPS (D):	10%
- Báo cáo BA và Trình ca bệnh trong giao ban (CBD):	10%
- Nhận xét từ GV phụ trách:	10%
- Chuyên cần:	10%
<b>Lượng giá cuối kỳ:</b>	<b>50%</b>
- Vấn đáp – Bóc BN, làm BA và trình BA (CBD):	35%
- DOPS	15%

**Lượng giá lâm sàng** = 0.5\* Lượng giá tiến trình + 0.5\*Lượng giá cuối kỳ

#### 3.3.2. Lượng giá tiến trình

##### a. Mini-CEX cải tiến

- Thời gian dự kiến: Vào giữa học phần
- Trọng số điểm là: 0,1 tổng điểm lượng giá lâm sàng

##### b. DOPS

- Thời gian dự kiến: Vào giữa học phần
- Trọng số điểm là: 0,1 tổng điểm lượng giá lâm sàng

##### c. Báo cáo giao ban

Học viên báo cáo giao ban cần chuẩn bị:

- Case lâm sàng là bệnh nhân thực tế gặp tại khoa phòng, tua trực
- Cung cấp tài liệu tham khảo về tiêu chuẩn chẩn đoán, phương pháp điều trị, tiên và dự phòng... về chủ đề chọn báo cáo giao ban.
- Đưa ra những vấn đề cần làm sáng tỏ trên case lâm sàng
- Bàn luận dưới sự cố vấn và hướng dẫn của giảng viên để thực hiện chẩn đoán, đề xuất hướng quản lý tối ưu cho case lâm sàng theo cách tiếp cận dựa trên bằng chứng khoa học.

#### *d. Chuyên cần*

- Học viên chỉ được thi kỹ năng khi tham gia đầy đủ các buổi học lâm sàng.
- Trọng số điểm là: 0,1 tổng điểm lượng giá lâm sàng

### **3.3.3. Lượng giá cuối kỳ**

#### *a. Điều kiện dự thi*

- Học viên thực hiện đầy đủ số chỉ tiêu phẫu thuật – thủ thuật theo quy định và có minh chứng đầy đủ.
- Học viên không được nghỉ quá 10% số buổi lâm sàng và không bỏ buổi trực nào.

#### *b. DOPS*

- Thời gian dự kiến: vào cuối của học phần
- Trọng số điểm là: 0,15 tổng điểm lượng giá lâm sàng

<b>Chuẩn đầu ra</b>	<b>Hiểu và biết cách làm</b>	<b>Làm có sự giám sát liên tục</b>	<b>Làm có sự giám sát tối thiểu</b>	<b>Làm độc lập, không giám sát</b>	<b>Dạy người khác làm</b>
CLO 1	-	-	-	x	-
CLO 4	-	-	-	x	-

#### *c. Biện luận lâm sàng (CBD)*

- Hình thức: Thảo luận dựa trên các case lâm sàng tại các khoa lâm sàng
- Lượng giá dựa trên form chấm CBD xây dựng trước.
- Thời gian dự kiến: tuần cuối cùng kết thúc học phần.

- Trọng số điểm: 0,35 tổng điểm lâm sàng.

### 3.4. Lượng giá kiến thức

Tỷ lệ tính điểm cho các phần lượng giá kiến thức

- Chuyên cần **10%**
- Lượng giá vào giữa kỳ học kỳ: báo cáo chuyên đề **30%**
- Lượng giá vào cuối học kỳ: MCQs **60%**

Công thức tính điểm lượng giá kiến thức = 0.1 \* chuyên cần + 0.3\*Báo cáo chuyên đề + 0.6\*MCQs

Lượng giá MCQ, 30 câu/40 phút, cấu trúc theo ma trận sau:

	Bloom				Tổng (Số câu)
	Nhớ	Hiểu	Áp dụng	Phân tích	
CLO1	0	0	3	0	3
CLO2	0	0	4	0	4
CLO3	0	0	3	0	3
CLO5	0	0	4	0	4
CLO6	0	0	4	0	4
CLO7	0	0	4	0	4
CLO8	0	0	4	0	4
CLO9	0	0	2	0	2
CLO10	0	0	2	0	2
<b>Tổng (số câu)</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>30</b>	<b>0</b>	<b>30</b>

Điểm số bài thi LT = số câu trả lời ĐÚNG/tổng số câu MCQs x 10.

### 3.5. Điểm tổng kết học phần

$$\text{Điểm TKHP} = \text{LS} \times 0,5 + \text{LT} \times 0,5$$

Học viên được coi là ĐẠT học phần nếu điểm lượng giá lâm sàng và lượng giá lý thuyết của học phần  $\geq 5,5$ . Ngược lại, học viên bị đánh giá là trượt, phải học lại và thi lại học phần lâm sàng và/hoặc lý thuyết có điểm thi không đạt.

## 4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

Nội dung	Số tiết			Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học	Giảng viên
	Lý thuyết	Thực hành /Lâm sàng	Tự học			
Bài 1: Khám và tư vấn tiền hôn nhân	0	5	5	CLO1	Tự học	
Bài 2: Sàng lọc và chẩn đoán tiền sản	3	10	5	CLO2	CBL, Báo cáo chuyên đề	TS.BS. Nguyễn Thị Hoàng Trang
Bài 3: Các tác nhân gây độc và bất thường cho thai và sử dụng dụng thuốc trong thai kỳ	3	10	10	CLO2	CBL, Báo cáo chuyên đề	TS.BS. Nguyễn Hải Long
Bài 4: Chẩn đoán và quản lý thai kỳ	0	10	10	CLO4,5,6	Tự học	
Bài 5: Ứng dụng di truyền trong sản khoa	3	10	5	CLO3	CBL, Báo cáo chuyên đề	TS.BS ĐỖ Quang Anh
Bài 6: Sàng lọc tiền sản giật, dọa đẻ non, thiếu máu thai kỳ, nhiễm trùng và một số bệnh lý nội tiết trong thai kỳ	3	10	5	CLO4,5,6	CBL, Báo cáo chuyên đề	TS. Trần Mạnh Linh

Bài 7: Một số thăm dò tiền sản (siêu âm, CTG, MRI)	0	10	5	CLO6	CBL, Báo cáo chuyên đề	TS.BS. Nguyễn Hải Long
Bài 8: Bệnh lý và rối loạn của thai (Phù thai, bệnh lý hồng cầu bào thai, chảy máu mẹ - con, Hội chứng gương, giảm tiểu cầu khi mang thai)	0	10	10	CLO9,1 0	CBL, Báo cáo chuyên đề	TS.BS. Nguyễn Thị Hoàng Trang
Bài 9: Tổng quan trị liệu bào thai	0	10	5	CLO9,1 0	CBL, Báo cáo chuyên đề	TS.BS. Nguyễn Hải Long
Bài 10: Sảy, mất thai ở quý I và đầu quý II của thai kỳ	3	10	5	CLO7,8 ,9	CBL, Báo cáo chuyên đề	BSCCKII. Thái Thị Huyền
Bài 11: Bệnh lý nguyên bào nuôi trong thai kỳ	0	5	5	CLO5	Tự học	
Tổng	15	90	70			

Chỉ tiêu lâm sàng	Quan sát	Giám sát trực tiếp	Giám sát chủ động
Khám phụ khoa	0	50	50
Khám thai quý I	0	50	50
Khám thai quý II	0	50	50

## **5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC**

### **5.1. Tài liệu học tập**

1. Bộ môn Phụ Sản, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng (2014): “Bài giảng sau đại học”, Nhà xuất bản y học năm 2014

2. Tài liệu phát tay

### **5.2. Tài Liệu Tham Khảo**

1. Tình huống lâm sàng sản bệnh Tập 1, Tác giả Nguyễn Duy Tài (Biên dịch), Nhà xuất bản Y học (2013).

2. Tình huống lâm sàng sản bệnh Tập 2, Tác giả Nguyễn Duy Tài (Biên dịch), Nhà xuất bản Y học (2013).

3. Xử trí biến chứng trong khi mang thai và sinh đẻ, Tác giả Trần Thị Phương Mai, Nhà xuất bản Y học (2007)

4. Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị các bệnh sản phụ khoa, Tác giả: Nguyễn Việt Tiến, Nhà xuất bản Y học (2018)

5. Hướng dẫn quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, (Ban hành kèm theo Quyết định số 4128/QĐ-BYT ngày 29/7/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế, [https://file.medinet.gov.vn/Data/soytehcm/suckhoesinhsan/Attachments/2017\\_8/dvcsskss\\_48201712.pdf](https://file.medinet.gov.vn/Data/soytehcm/suckhoesinhsan/Attachments/2017_8/dvcsskss_48201712.pdf))

6. Kỹ năng thực hành sản phụ khoa, Tác giả Trần Thị Lợi, Nxb. ĐHQG tp. Hồ Chí Minh (2021).

7. Sản khoa, Tác giả Trần Danh Cường, Nhà xuất bản Y học (2020)

8. Giáo trình Sản phụ khoa, Tập 1: Sản khoa, Tác giả Nguyễn Vũ Quốc Huy, Cao Ngọc Thành, Lê Minh Tâm, Trương Quang Vinh, NXB Đại học Huế (2022).

9. Giáo trình Sản phụ khoa, Tập 2: Phụ khoa, Tác giả Nguyễn Vũ Quốc Huy, Cao Ngọc Thành, Lê Minh Tâm, Trương Quang Vinh, NXB Đại học Huế (2022).

10. Michael Belfort, Alireza Abdollah Shamshirsaz, Steven Clark, Karin Fox (2022): Operative Techniques in Obstetric Surgery, 1<sup>st</sup> edition, *Wolters Kluwer*.
11. F. Gary Cunningham, Kenneth J. Leveno (2022): Williams Obstetrics, 26<sup>th</sup> edition, *McGraw Hill*.
12. Paula J. Woodward (2021): Diagnostic Imaging: Diagnostic Imaging: Obstetrics 4<sup>th</sup> edition, *Elsevier*.
13. Robert Casanova, Alice Chuang, et al (2023): Beckmann and Ling's Obstetrics and Gynecology, 9<sup>th</sup> edition, *Wolters Kluwer*.
14. Sonal Panchal, Chaitanya Nagori (2022): Practical Guide to Ultrasound in Obstetrics and Gynecology: A Comprehensive Book, *Jaypee Brothers Medical Publishers*.
15. Peter M. Doubilet, Carol B. Benson, Beryl R. Benacerraf (2018): Atlas of Ultrasound in Obstetrics and Gynecology, *Wolters Kluwer*.

## 6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY

### 6.1. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1	TS.BS. Nguyễn Thị Hoàng Trang	BM SPK	nthtrang@hpmu.edu.vn
2	TS.BS Đỗ Quang Anh	BM SPK	dqanh@hpmu.edu.vn
3	TS.BSCKII. Đào Thị Hải Yến	BM SPK	dthyen@hpmu.edu.vn
4	BSCKII. Thái Thị Huyền	BM SPK	tthuyen@hpmu.edu.vn
5	TS.BS. Nguyễn Hải Long	BVPSHP	nguyenhl.pshp@gmail.com
6	BSCKII. Bùi Thị Minh Thu	BVPSHP	Buithu17977@gmail.com
7	BSCKII. Lê Thị Dung	BVPSHP	ledungpshp@gmail.com

### 6.1. Danh sách cán bộ hỗ trợ giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Nhiệm vụ
-----	-----------	--------	----------

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN CHUYÊN DẠ VÀ HẬU SẢN

### 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: <b>CHUYÊN DẠ VÀ HẬU SẢN</b>	
Mã học phần: Lâm sàng 005787, lý thuyết: 005786	
Đối tượng áp dụng: Thạc sĩ ứng dụng	
Loại học phần: <input type="checkbox"/> x Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức:	<input type="checkbox"/> Giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/> x Chuyên ngành <input type="checkbox"/> Cơ sở ngành. <input type="checkbox"/> Tự chọn <input type="checkbox"/> Ngành
Khoa/Bộ môn/Module/Đơn vị phụ trách: Bộ môn Sản - Phụ khoa	
Email liên hệ: dthyen@hpmu.edu.vn	
Điện thoại liên hệ: 0912082153	

	<b>Tổng</b>	<b>Lý thuyết</b>	<b>Thực hành</b>	<b>Lâm sàng</b>	<b>Tự học</b>
Tín chỉ/ĐVHT	4	1	0	3	0
Số tiết	175	15	0	90	70
Số buổi	37	5	0	18	14

### 2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

#### Mô tả chung

Chuyên dạ và hậu sản là một học phần nhằm bổ sung cho học viên thạc sĩ các kiến thức cơ bản và cung cấp kiến thức nâng cao về giai đoạn chuyên dạ và hậu sản. Học xong học phần này, học viên có khả năng cung cấp dịch vụ chăm sóc chất lượng cho cộng đồng trong việc chẩn đoán và quản lý các vấn đề thời kỳ chuyên dạ và hậu sản thường gặp.

**Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes –CLOs)**

<b>CĐR học phần (CLO)</b>	<b>Mô tả CĐR học phần (CLO)</b>	<b>CĐR của CTĐT (PLO)</b>
CLO1	Áp dụng kiến thức về giải phẫu tiểu khung, sinh lý nội tiết sản khoa để giải thích cơ chế đẻ, qua đó theo dõi được diễn biến của cuộc chuyển dạ bình thường	PLO1,2,3
CLO2	Áp dụng kiến thức về sinh lý chuyển dạ và khoa học lâm sàng để nhận diện được, dự phòng, điều trị, tiên lượng các bất thường trong cuộc chuyển dạ	PLO1,2,3, 4,5,6,7,8, 10,11,12,13, 14, 15
CLO3	Áp dụng kiến thức về sinh lý chuyển dạ và khoa học lâm sàng để giải thích được cơ chế, chỉ định, chống chỉ định, ưu nhược điểm của các phương pháp khởi phát chuyển dạ.	PLO1,2,3
CLO4	Áp dụng kiến thức về sinh lý bệnh, giải phẫu tiểu khung và khoa học lâm sàng để phát hiện được các yếu tố nguy cơ của chảy máu sau đẻ, qua đó dự phòng và chẩn đoán sớm, điều trị kịp thời chảy máu sau đẻ.	PLO1,2,3, 4,5,6,7,8, 10,11,12,13, 14, 15
CLO5	Áp dụng kiến thức về sơ sinh và khoa học lâm sàng để nhận diện và chăm sóc cho sơ sinh đủ tháng và thiếu tháng	PLO1,2,3, 4,5,6,8, 10,11,12,13, 14, 15
CLO6	Áp dụng kiến thức về nội khoa và khoa học lâm sàng để chẩn đoán, điều trị, tiên lượng và dự phòng cho các trường hợp nhiễm khuẩn hậu sản	PLO1,2,3, 4,5,6,7,8, 10,11,12,13, 14, 15
CLO7	Thực hiện độc lập các thủ thuật đơn giản (khám chẩn đoán ngôi, thế, kiểu thế, xác định độ lọt ngôi chỏm, chăm sóc	PLO6,10

	thiết yếu bà mẹ và trẻ sơ sinh ngay sau sinh, khâu phục hồi âm đạo – tầng sinh môn)	
CLO8	Thực hiện dưới sự giám sát tối thiểu phẫu thuật mổ lấy thai (phụ mổ lấy thai, mổ lấy thai ngôi đầu)	PLO6
CLO9	Thực hiện dưới sự giám sát liên tục thủ thuật khởi phát chuyển dạ	PLO6

### 3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

#### 3.1. Lượng giá lâm sàng

##### 3.1.1. Hình thức áp dụng và cách tính điểm

**Lượng giá tiền trình:** 50%

- Mini-CEX cải tiến (M): 10%
- DOPS (D): 10%
- Báo cáo BA và Trình ca bệnh trong giao ban (CBD): 10%
- Nhận xét từ GV phụ trách: 10%
- Chuyên cần: 10%

**Lượng giá cuối kỳ:** 50%

- Vấn đáp – Bóc BN, làm BA và trình BA (CBD): 35%
- DOPS 15%

**Lượng giá lâm sàng** = 0.5\* Lượng giá tiền trình + 0.5\*Lượng giá cuối kỳ

##### 3.1.2. Lượng giá tiền trình

###### a. Mini-CEX cải tiến

- Thời gian dự kiến: Vào giữa học phần
- Trọng số điểm là: 0,1 tổng điểm lượng giá lâm sàng

###### b. DOPS

- Thời gian dự kiến: Vào giữa học phần
- Trọng số điểm là: 0,1 tổng điểm lượng giá lâm sàng

###### c. Báo cáo giao ban

Học viên báo cáo giao ban cần chuẩn bị:

- Case lâm sàng là bệnh nhân thực tế gặp tại khoa phòng, tua trực

- Cung cấp tổng quan tài liệu tham khảo theo cách tiếp cận của y học thực chứng về tiêu chuẩn chẩn đoán, phương pháp điều trị, tiên và dự phòng... về chủ đề/bệnh chọn báo cáo giao ban.

- Đưa ra những vấn đề cần làm sáng tỏ trên case lâm sàng

- Bàn luận dưới sự cố vấn và hướng dẫn của giảng viên để thực hiện chẩn đoán, đề xuất hướng quản lý tối ưu cho case lâm sàng theo cách tiếp cận dựa trên bằng chứng khoa học.

#### d. Chuyên cần

- Học viên chỉ được thi kỹ năng khi tham gia đầy đủ các buổi học lâm sàng.

- Trọng số điểm là: 0,1 tổng điểm lượng giá lâm sàng

### 3.1.3. Lượng giá cuối kỳ

#### a. Điều kiện dự thi

- Học viên thực hiện đầy đủ số chỉ tiêu lâm sàng theo quy định và có minh chứng là chữ kí của phẫu thuật – thủ thuật viên chính vào sổ tay lâm sàng

- Học viên không được nghỉ quá 10% số buổi lâm sàng và không bỏ buổi trực nào.

#### b. DOPS

- Thời gian dự kiến: vào cuối của học phần

- Trọng số điểm là: 0,15 tổng điểm

#### Lượng giá lâm sàng

Chuẩn đầu ra	Hiểu và biết cách làm	Làm có sự giám sát liên tục	Làm có sự giám sát tối thiểu	Làm độc lập, không giám sát	Dạy người khác làm
CLO 7	-	-	-	X	-
CLO 8	-	-	X	-	-
CLO9	-	X	-	-	-

#### c. Biện luận lâm sàng (CBD)

- Hình thức: Thảo luận dựa trên các case lâm sàng tại các khoa lâm sàng

- Lượng giá dựa trên form chấm CBD xây dựng trước.

- Thời gian dự kiến: tuần cuối cùng kết thúc học phần.
- Trọng số điểm: 0,35 tổng điểm lâm sàng.

### 3.2. Lượng giá kiến thức

Tỷ lệ tính điểm cho các phần lượng giá kiến thức:

- Chuyên cần **10%**
- Lượng giá vào giữa kỳ học kỳ: báo cáo chuyên đề **30%**
- Lượng giá vào cuối học kỳ: MCQs **60%**

Công thức tính điểm lượng giá kiến thức =  $0.1 * \text{chuyên cần} + 0.3 * \text{Báo cáo chuyên đề} + 0.6 * \text{MCQs}$

#### a. Điều kiện dự thi

- Học viên tham dự ít nhất 80% số tiết lên lớp lý thuyết đã quy định trong đề cương chi tiết môn học
- Tự hoàn thành các bài tập được giao và nộp bài đúng thời gian quy định.

#### b. Báo cáo chuyên đề

- Hình thức: báo cáo chuyên đề trong word từ 10 đến 20 trang, trình bày báo cáo bằng Powerpoint.
- Thời gian dự kiến: 2 tuần trước khi kết thúc học phần
- Trọng số điểm là: 0.3 tổng điểm lượng giá lý thuyết

#### c. Thi MCQs:

- Hình thức: Thi tự luận có cấu trúc MCQs 30 câu trong thời gian 45 phút liên quan đến các vấn đề bệnh lý phụ khoa thường gặp.
- Thời gian dự kiến: vào tuần cuối của học phần
- Trọng số điểm là: 0.6 tổng điểm lượng giá lý thuyết

Lượng giá MCQ, 30 câu/45 phút, cấu trúc theo ma trận sau:

	Bloom				Tổng (Số câu)
	Nhớ	Hiểu	Áp dụng	Phân tích	
CLO1	0	0	5	0	5

CLO2	0	0	5	0	5
CLO3	0	0	5	0	5
CLO4	0	0	5	0	5
CLO5	0	0	5	0	5
CLO6	0	0	5	0	5
<b>Tổng (số câu)</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>30</b>	<b>0</b>	<b>30</b>

Điểm số MCQs = số câu trả lời ĐÚNG/tổng số câu MCQs x 10.

### 3.3. Điểm tổng kết học phần

$$\text{Điểm TKHP} = \text{LS} \times 0,5 + \text{LT} \times 0,5$$

*Học viên được coi là ĐẠT học phần nếu điểm lượng giá lâm sàng và lượng giá lý thuyết của học phần  $\geq 5,5$ . Ngược lại, học viên bị đánh giá là trượt, phải học lại và thi lại học phần lâm sàng và/hoặc lý thuyết có điểm thi không đạt.*

#### 4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

Nội dung	Số tiết			Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học	Giảng viên
	Lý thuyết	Thực hành /Lâm sàng	Tự học			
Bài 1: Cơ chế khởi phát chuyển dạ: vai trò của các Hormone Steroids sinh dục và Prostaglandins	0	10	10	CLO3	Tự học	
Bài 2: Sinh lý chuyển dạ và chuyển dạ bình thường	0	10	10	CLO1	Tự học	
Bài 3: Các bất thường trong chuyển dạ	3	10	5	CLO2	CBL, Báo cáo chuyên đề	TS.BS. Đào Thị Hải Yến
Bài 4: Chảy máu sau đẻ	3	20	10	CLO4	CBL, Báo cáo chuyên đề	TS. BS. Đỗ Quang Anh
Bài 5: Hồi sức sơ sinh tại phòng sinh (ngay sau sinh)	3	10	10	CLO5	CBL, Báo cáo chuyên đề	GS.TS. BS. Nguyễn Ngọc Sáng

Bài 6: Chăm sóc sơ sinh đủ tháng	3	10	10	CLO5	CBL, Báo cáo chuyên đề	GS.TS. BS. Nguyễn Ngọc Sáng
Bài 7: Chăm sóc sơ sinh non tháng	3	10	10	CLO5	CBL, Báo cáo chuyên đề	GS.TS. BS. Nguyễn Ngọc Sáng
Bài 8: Nhiễm khuẩn hậu sản	0	10	5	CLO6	CBL, Báo cáo chuyên đề	BS CKII. Thái Thị Huyền
Tổng	15	90	70			

Chỉ tiêu lâm sàng	Quan sát	Giám sát trực tiếp	Giám sát chủ động
Khám chẩn đoán ngôi, thế, kiểu thế, xác định độ lọt ngôi chỏm	0	0	100
Đỡ đẻ ngôi chỏm	20	5	3
Kỹ thuật khâu phục hồi âm đạo - TSM	20	20	5
Phụ mổ lấy thai	0	0	100
Mổ lấy thai ngôi đầu	50	10	3
Khởi phát chuyển dạ bằng sonde Forley	10	10	5
Chăm sóc thiết yếu bà mẹ và trẻ sơ sinh ngay sau sinh	50	30	20

## 5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

### 5.1. Tài liệu học tập

1. Bộ môn Phụ Sản, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng (2014): “Bài giảng sau đại học”, Nhà xuất bản y học năm 2014

2. Tài liệu phát tay

### 5.2. Tài Liệu Tham Khảo

1. Tình huống lâm sàng sản bệnh Tập 1, Tác giả Nguyễn Duy Tài (Biên dịch), Nhà xuất bản Y học (2013).

2. Tình huống lâm sàng sản bệnh Tập 2, Tác giả Nguyễn Duy Tài (Biên dịch), Nhà xuất bản Y học (2013).

3. Xử trí biến chứng trong khi mang thai và sinh đẻ, Tác giả Trần Thị Phương Mai, Nhà xuất bản Y học (2007)

4. Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị các bệnh sản phụ khoa, Tác giả: Nguyễn Việt Tiến, Nhà xuất bản Y học (2018)

5. Hướng dẫn quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, (Ban hành kèm theo Quyết định số 4128/QĐ-BYT ngày 29/7/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế, [https://file.medinet.gov.vn/Data/soytehcm/suckhoesinhsan/Attachments/2017\\_8/dvcsskss\\_48201712.pdf](https://file.medinet.gov.vn/Data/soytehcm/suckhoesinhsan/Attachments/2017_8/dvcsskss_48201712.pdf))

6. Kỹ năng thực hành sản phụ khoa, Tác giả Trần Thị Lợi, Nxb. ĐHQG tp. Hồ Chí Minh (2021).

7. Sản khoa, Tác giả Trần Danh Cường, Nhà xuất bản Y học (2020)

8. Giáo trình Sản phụ khoa, Tập 1: Sản khoa, Tác giả Nguyễn Vũ Quốc Huy, Cao Ngọc Thành, Lê Minh Tâm, Trương Quang Vinh, NXB Đại học Huế (2022).

9. Giáo trình Sản phụ khoa, Tập 2: Phụ khoa, Tác giả Nguyễn Vũ Quốc Huy, Cao Ngọc Thành, Lê Minh Tâm, Trương Quang Vinh, NXB Đại học Huế (2022).

10. Michael Belfort, Alireza Abdollah Shamsirsaz, Steven Clark, Karin Fox (2022): Operative Techniques in Obstetric Surgery, 1<sup>st</sup> edition, *Wolters Kluwer*.

11. F. Gary Cunningham, Kenneth J. Leveno (2022): Williams Obstetrics, 26<sup>th</sup> edition, *McGraw Hill*.

12. Paula J. Woodward (2021): Diagnostic Imaging: Diagnostic Imaging: Obstetrics 4<sup>th</sup> edition, *Elsevier*.

13. Robert Casanova, Alice Chuang, et al (2023): Beckmann and Ling's Obstetrics and Gynecology, 9<sup>th</sup> edition, *Wolters Kluwer*.

14. Sonal Panchal, Chaitanya Nagori (2022): Practical Guide to Ultrasound in Obstetrics and Gynecology: A Comprehensive Book, *Jaypee Brothers Medical Publishers*.

15. Peter M. Doubilet, Carol B. Benson, Beryl R. Benacerraf (2018): Atlas of Ultrasound in Obstetrics and Gynecology, *Wolters Kluwer*

## 6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY

### 6.1. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1	TS.BS. Nguyễn Thị Hoàng Trang	BM SPK	nthtrang@hpmu.edu.vn
2	TS.BSCKII. Đào Thị Hải Yến	BM SPK	dthyen@hpmu.edu.vn
3	TS. Phạm Thị Mai Anh	BM SPK	drmaianhhp3105@gmail.com
4	TS.BS Đỗ Quang Anh	BM SPK	dqanh@hpmu.edu.vn
5	GS.TS.BS. Nguyễn Ngọc Sáng	BM Nhi	nnsang@hpmu.edu.vn
6	TS.BS. Nguyễn Hải Long	BVPSHP	nguyenhl.pshp@gmail.com
7	BSCKII. Thái Thị Huyền	BM SPK	tthuyen@hpmu.edu.vn
8	BSCKII. Lê Thị Dung	BVPSHP	ledungpshp@gmail.com

### 6.2. Danh sách cán bộ hỗ trợ giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Nhiệm vụ
-----	-----------	--------	----------

1	ThS.BS. Nguyễn Thị Mai Phuong	BM SPK	Trợ giảng LT-TH
2	ThS.BS. Lê Anh Nam	BM SPK	Trợ giảng LT-TH
3	ThS.BS. Bùi Văn Hiếu	BM SPK	Trợ giảng LT-TH
4	BSNT. Lê Đắc Hiệp	BM SPK	Trợ giảng LT-TH
5	ThS.BS. Nguyễn Thị Thủy	BM SPK	Trợ giảng LT-TH
6	ThS.BS. Phạm Thanh Nhân	BM SPK	Trợ giảng LT-TH
7	ThS.BS. Trần Thu Hà	BM SPK	Trợ giảng LT-TH
8	ThS.BS. Nguyễn Thị Lan Oanh	BM SPK	Trợ giảng LT-TH
9	ThS.BS. Phạm Thị Diễm	BM SPK	Trợ giảng LT-TH

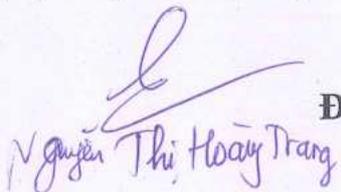
## 7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu, bảng di động, mic không dây, wifi, phần mềm tương tác Kahoot, Poll Everywhere, Menti, trung tâm mô phỏng.

## 8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

**Phụ trách Học phần**

(Ký và ghi rõ họ tên)

  
Nguyễn Thị Hoàng Trang

**Phụ trách CTĐT**

(Ký và ghi rõ họ tên)

  
PGS.TS. Từ Văn Cẩm

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**  
**PHỤ KHOA TỔNG QUÁT**

## 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: <b>PHỤ KHOA TỔNG QUÁT</b>	
Mã học phần: Lâm sàng: 005789, lý thuyết: 005788	
Đối tượng áp dụng: Thạc sĩ ứng dụng	
Loại học phần: <input type="checkbox"/> x Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức:	<input type="checkbox"/> Giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/> Chuyên ngành <input type="checkbox"/> Cơ sở ngành. <input type="checkbox"/> Tự chọn

<input type="checkbox"/> Ngành
Khoa/Bộ môn/Module/Đơn vị phụ trách: Bộ môn Sản - Phụ khoa
Email liên hệ: dqanh@hpmu.edu.vn
Điện thoại liên hệ: 0976134682

	<b>Tổng</b>	<b>Lý thuyết</b>	<b>Thực hành</b>	<b>Lâm sàng</b>	<b>Tự học</b>
Tín chỉ/ĐVHT	4	1	0	3	0
Số tiết	175	15	0	90	70
Số buổi	37	5	0	18	14

## 2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

### Mô tả chung

Phụ khoa tổng quát là một học phần nhằm giúp học viên thạc sĩ đạt được các kiến thức, kỹ năng cơ bản và nâng cao trong tiếp cận sàng lọc, chẩn đoán, quản lý, dự phòng các bệnh lý phụ khoa thường gặp dựa trên bằng chứng khoa học tốt nhất; hình thành thái độ chuyên nghiệp, phối hợp hiệu quả với nhóm làm việc, tôn trọng các qui định của hệ thống y tế trong thực hành chuyên khoa. Bên cạnh đó, học phần cung cấp cho học viên những kiến thức chuyên khoa các bệnh lý tiền ung thư, ung thư phụ khoa từ đó tiếp cận, sàng lọc, chẩn đoán, quản lý, dự phòng được các bệnh lý tiền ung thư, ung thư vú, ung thư phụ khoa. Học xong học phần này, học viên có khả năng cung cấp dịch vụ chăm sóc có chất lượng tốt cho cộng đồng trong việc chẩn đoán và quản lý các vấn đề phụ khoa.

### Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes –CLOs)

<b>CĐR học phần (CLO)</b>	<b>Mô tả CĐR học phần (CLO)</b>	<b>CĐR của CTĐT (PLO)</b>
CLO1	Áp dụng kiến thức về giải phẫu vú và tạng chậu, khoa học cơ bản, y học cơ sở, khoa học lâm sàng để giải thích chỉ định,	PLO1,2,3

	chống chỉ định và phiên giải kết quả của các phương pháp chẩn đoán hình ảnh trong phụ khoa	
CLO2	Áp dụng kiến thức về sinh lý bệnh phụ khoa, khoa học cơ bản, y học cơ sở, khoa học lâm sàng để sàng lọc, chẩn đoán, tiên lượng, điều trị và dự phòng các bệnh lý phụ khoa lành tính và ác tính	PLO1,2,3, 4,5,6,7,8, 10,11,12,13,14, 15
CLO3	Áp dụng kiến thức về giải phẫu vùng chậu, sinh lý bệnh phụ khoa, khoa học cơ bản, y học cơ sở, khoa học lâm sàng để sàng lọc, chẩn đoán, tiên lượng, điều trị và dự phòng các bệnh lý nhiễm trùng và đau vùng chậu	PLO1,2,3, 4,5,6,7,8, 10,11,12,13,14, 15
CLO4	Áp dụng cơ chế hoạt động của trục hạ đồi – tuyến yên – buồng trứng, khoa học cơ bản, y học cơ sở, khoa học lâm sàng để sàng lọc, chẩn đoán, tiên lượng, điều trị và dự phòng các bệnh lý xuất huyết tử cung bất thường	PLO1,2,3, 4,5,6,7,8, 10,11,12,13,14, 15
CLO5	Áp dụng kiến thức về giải phẫu vùng chậu, sinh lý bệnh, khoa học cơ bản, y học cơ sở, khoa học lâm sàng để chẩn đoán, tiên lượng, điều trị và dự phòng các bệnh lý rối loạn chức năng tạng chậu	PLO1,2,3, 4,5,6,7,8, 10,11,12,13,14, 15
CLO6	Thực hiện thành thạo và độc lập các quy trình của các phẫu thuật - thủ thuật phụ khoa đơn giản (khám phụ khoa, khám vú, soi cổ tử cung, kỹ thuật điều trị lộ tuyến cổ tử cung...)	PLO6,10
CLO7	Thực hiện dưới sự sát tối thiểu một phần hoặc toàn bộ các phẫu thuật đường bụng (cắt tử cung bán phần, toàn phần; bóc u xơ tử cung, bóc u buồng trứng, cắt phần phụ, triệt sản...)	PLO6
CLO8	Thực hiện dưới sự giám sát tối thiểu một phần hoặc toàn bộ các phẫu thuật – thủ thuật đường âm đạo (LEEP cổ tử cung, phẫu thuật làm lại thành âm đạo, bóc kén tuyến âm hộ-âm đạo...)	PLO6

CLO9	Thực hiện dưới sự giám sát tối thiểu một phần hoặc toàn bộ các phẫu thuật nội soi cơ bản (chửa ngoài tử cung, triệt sản, bóc u phần phụ, cắt phần phụ, nội soi BTC chẩn đoán...)	PLO6
CLO10	Thực hiện dưới sự giám sát liên tục một phần hoặc toàn bộ các phẫu thuật nâng cao (PTNS cắt tử cung hoàn toàn, bán phần, bóc u xơ tử cung, PTNS buồng tử cung can thiệp, PT cắt tử cung đường âm đạo...)	PLO6

### 3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

#### 3.1. Điều kiện tham dự kì thi kết thúc học phần

- Tham gia đầy đủ và đúng giờ các buổi học lý thuyết và thực hành.
- Tự hoàn thành các bài tập được giao và nộp bài đúng thời gian quy định.
- Nghiêm túc trong các buổi học lý thuyết và thực hành.
- Học viên không được nghỉ quá 10% số buổi lâm sàng và không bỏ buổi trực nào.

#### 3.2. Nội dung lượng giá

Để đảm bảo học viên thạc sĩ được đánh giá đúng năng lực và hỗ trợ học viên thạc sĩ trong quá trình học để đạt được các mốc năng lực đã xác định, học viên thạc sĩ được lượng giá với các phương pháp cụ thể như sau:

- Lượng giá tiến trình (giữa kỳ): báo cáo chuyên đề, báo cáo bệnh án và trình ca bệnh trong giao ban, DOPS với các thủ thuật thuộc khoa chuyên ngành
- Lượng giá cuối kỳ: thi lâm sàng vấn đáp – CBD, kết hợp DOPS
- Lượng giá không tính điểm, dùng tham khảo với quyết định cuối cùng:
  - o Chỉ tiêu lâm sàng: rà soát, đánh giá và phản hồi sau vòng luân khoa
  - o Phản hồi 360, áp dụng cuối học kỳ (Lấy ý kiến phản hồi từ GV, Bác sĩ hướng dẫn, học viên thạc sĩ đồng môn hoặc năm trên, Điều dưỡng)

Ban năng lực lâm sàng rà soát tổng thể vào cuối học kỳ và Quyết định mức năng lực mà học viên thạc sĩ đạt được vào cuối học kỳ và có kế hoạch hỗ trợ tiếp theo – remediation (nếu cần).

#### 3.3. Lượng giá lâm sàng

##### 3.3.1. Hình thức áp dụng và cách tính điểm

*Lượng giá tiến trình:*

**50%**

- Mini-CEX cải tiến (M):	10%
- DOPS (D):	10%
- Báo cáo BA và Trình ca bệnh trong giao ban (CBD):	10%
- Nhận xét từ GV phụ trách:	10%
- Chuyên cần:	10%
<b>Lượng giá cuối kỳ:</b>	<b>50%</b>
- Vấn đáp – Bốc BN, làm BA và trình BA (CBD):	35%
- DOPS	15%

**Lượng giá lâm sàng** = 0.5\* Lượng giá tiến trình + 0.5\*Lượng giá cuối kỳ

### 3.3.2. Lượng giá tiến trình

#### a. Mini-CEX cải tiến

- Thời gian dự kiến: Vào giữa học phần
- Trọng số điểm là: 0,1 tổng điểm lượng giá lâm sàng

#### b. DOPS

- Thời gian dự kiến: Vào giữa học phần
- Trọng số điểm là: 0,1 tổng điểm lượng giá lâm sàng

#### c. Báo cáo giao ban

Học viên báo cáo giao ban cần chuẩn bị:

- Case lâm sàng là bệnh nhân thực tế gặp tại khoa phòng, tua trực
- Cung cấp tài liệu tham khảo về tiêu chuẩn chẩn đoán, phương pháp điều trị, tiên và dự phòng... về chủ đề chọn báo cáo giao ban.

- Đưa ra những vấn đề cần làm sáng tỏ trên case lâm sàng

- Bàn luận dưới sự cố vấn và hướng dẫn của giảng viên để thực hiện chẩn đoán, đề xuất hướng quản lý tối ưu cho case lâm sàng theo cách tiếp cận dựa trên bằng chứng khoa học.

#### d. Chuyên cần

- Học viên chỉ được thi kỹ năng khi tham gia đầy đủ các buổi học lâm sàng.
- Trọng số điểm là: 0,1 tổng điểm lượng giá lâm sàng

### 3.3.3. Lượng giá cuối kỳ

#### a. Điều kiện dự thi

- Học viên thực hiện đầy đủ số chỉ tiêu lâm sàng theo quy định và có minh chứng là chữ kí của phẫu thuật – thủ thuật viên chính vào sổ tay lâm sàng
- Học viên không được nghỉ quá 10% số buổi lâm sàng và không bỏ buổi trực nào.

**b. DOPS**

- Thời gian dự kiến: vào cuối của học phần
- Trọng số điểm là: 0,15 tổng điểm lượng giá lâm sàng

Chuẩn đầu ra	Hiểu và biết cách làm	Làm có sự giám sát liên tục	Làm có sự giám sát tối thiểu	Làm độc lập, không giám sát	Dạy người khác làm
CLO 6	-	-	-	X	-
CLO 7	-	X	-	-	-
CLO 8	-	-	X	-	-
CLO 9	-	X	-	-	-
CLO 10	-	X	-	-	-

**c. Biện luận lâm sàng (CBD)**

- Hình thức: Thảo luận dựa trên các case lâm sàng tại các khoa lâm sàng
- Lượng giá dựa trên form chấm CBD xây dựng trước.
- Thời gian dự kiến: tuần cuối cùng kết thúc học phần.
- Trọng số điểm: 0,35 tổng điểm lâm sàng.

**3.4. Tỷ lệ tính điểm cho các phần lượng giá kiến thức**

- Chuyên cần **10%**
- Lượng giá vào giữa kỳ học kỳ: báo cáo chuyên đề **30%**
- Lượng giá vào cuối học kỳ: MCQs **60%**

Công thức tính điểm lượng giá kiến thức = 0.1 \* chuyên cần + 0.3\*Báo cáo chuyên đề + 0.6\*MCQs

**a. Điều kiện dự thi**

- Học viên tham dự ít nhất 80% số tiết lên lớp lý thuyết đã quy định trong đề cương chi tiết môn học
- Tự hoàn thành các bài tập được giao và nộp bài đúng thời gian quy định.

**b. Báo cáo chuyên đề**

- Hình thức: báo cáo chuyên đề trong word từ 10 đến 20 trang, trình bày báo cáo bằng Powerpoint.

- Thời gian dự kiến: 2 tuần trước khi kết thúc học phần
- Trọng số điểm là: 0.3 tổng điểm lượng giá lý thuyết

**c. Thi MCQs:**

- Hình thức: Thi tự luận có cấu trúc MCQs 45 câu trong thời gian 60 phút liên quan đến các vấn đề bệnh lý phụ khoa thường gặp.

- Thời gian dự kiến: vào tuần cuối của học phần
- Trọng số điểm là: 0.6 tổng điểm lượng giá lý thuyết

Lượng giá MCQ, 45 câu/60 phút, cấu trúc theo ma trận sau:

	Bloom				Tổng (Số câu)
	Nhớ	Hiểu	Áp dụng	Phân tích	
CLO1	0	0	9	0	9
CLO2	0	0	9	0	9
CLO3	0	0	9	0	9
CLO4	0	0	9	0	9
CLO5	0	0	9	0	9
<b>Tổng (số câu)</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>45</b>	<b>0</b>	<b>45</b>

Điểm số MCQs = số câu trả lời ĐÚNG/tổng số câu MCQs x 10.

**3.5. Điểm tổng kết học phần**

$$\text{Điểm TKHP} = \text{LS} \times 0,5 + \text{LT} \times 0,5$$

Học viên được coi là ĐẠT học phần nếu điểm lượng giá lâm sàng và lượng giá lý thuyết của học phần  $\geq 5,5$ . Ngược lại, học viên bị đánh giá là trượt, phải học lại và thi lại học phần lâm sàng và/hoặc lý thuyết có điểm thi không đạt.

#### 4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

##### 4.1. Các chủ đề chính

Nội dung	Số tiết			Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học	Giảng viên
	Lý thuyết	Thực hành /Lâm sàng	Tự học			
Bài 1: Các kỹ thuật chẩn đoán hình ảnh trong phụ khoa	0	5	5	CLO1	Tự học	
Bài 2: Nhiễm trùng trong phụ khoa	0	5	5	CLO1, 2,3	Tự học	TS. BS. Vũ Quang Vinh
Bài 3: Bệnh lý lành tính và ác tính đường sinh dục dưới	3	10	5	CLO1, 2	CBL, Báo cáo chuyên đề	TS.BS. Đào Thị Hải Yến
Bài 4: Chửa ngoài tử cung	0	5	5	CLO1, 2,3	CBL, Báo cáo chuyên đề	BSCCKII . Thái Thị Huyền

Bài 5: Phụ khoa tuổi vị thành niên	3	5	5	CLO1, 2,3,4	CBL, Báo cáo chuyên đề	TS. Phạm Thị Mai Anh
Bài 6: Xuất huyết từ cung bất thường	3	10	5	CLO1, 4	CBL, Báo cáo chuyên đề	TS.BS Đỗ Quang Anh
Bài 7: Các bệnh lý lành tính và ác tính tử cung	0	10	10	CLO1, 2	Tự học	
Bài 8: Các bệnh lý lành tính và ác tính phần phụ	3	10	5	CLO1, 2	CBL, Báo cáo chuyên đề	TS. Phạm Thị Mai Anh
Bài 9: Lạc nội mạc tử cung	0	5	5	CLO1, 2,3	CBL, Báo cáo chuyên đề	TS.BS Đỗ Quang Anh
Bài 10: Đau vùng chậu	0	10	5	CLO1, 3	Tự học	
Bài 11: Bệnh lý tuyến vú lành tính và ác tính	3	5	5	CLO1, 2	CBL, Báo cáo chuyên đề	TS.BS. Đào Thị Hải Yến
Bài 12: Sa tạng chậu	0	5	5	CLO1, 5	Tự học	
Bài 13: Rối loạn chức năng sàn	0	5	5	CLO1, 5	Tự học	

chậu (Đại tiểu không tự chủ)						
Tổng	15	90	70			

#### 4.2. Các phẫu thuật thủ thuật

Chỉ tiêu lâm sàng	Quan sát	Phụ giúp	Làm có giám sát
Khám phụ khoa (khám bụng, khám mỏ vịt, khám tiểu khung bằng tay)	0	0	50
Soi CTC	10	50	20
Các kĩ thuật điều trị lộ tuyến CTC (đốt điện, Laser, Áp lạnh)	10	5	3
LEEP điều trị tổn thương CTC	10	0	0
Mổ mở bóc u xơ TC	20	5	0
Mổ mở bóc u buồng trứng	10	5	0
Mổ mở cắt tử cung bán phần	10	5	0
Mổ mở cắt TC hoàn toàn	10	5	0
Soi buồng TC chẩn đoán	10	5	0
PTNS điều trị chữa VTC (cắt vòi, bảo tồn)	50	10	5
PTNS triệt sản	5	3	0
PT làm lại thành trước, thành sau âm đạo	20	10	5
PT bóc kén tuyến Bartholin	10	5	2
PTNS bóc u BT	20	5	0
PTNS cắt phần phụ	20	5	0
PTNS bóc u xơ TC	20	5	0
PTNS cắt TC bán phần	20	5	0
PTNS cắt TC hoàn toàn	20	5	0

PT soi buồng tử cung can thiệp (điều trị chữa VM, Polyp BTC, u xơ TC dưới niêm mạc, dính BTC)	20	5	0
PT cắt TC đường âm đạo	20	5	0

## 5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

### 5.1. Tài liệu học tập

1. Bộ môn Phụ Sản, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng (2014): “Bài giảng sau đại học”, Nhà xuất bản y học năm 2014

2. Tài liệu phát tay

### 5.2. Tài Liệu Tham Khảo

1. Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị các bệnh sản phụ khoa, Tác giả: Nguyễn Viết Tiến, Nhà xuất bản Y học (2018)

2. Kỹ năng thực hành sản phụ khoa, Tác giả Trần Thị Lợi, Nxb. ĐHQG tp. Hồ Chí Minh (2021).

3. Giáo trình Sản phụ khoa, Tập 2: Phụ khoa, Tác giả Nguyễn Vũ Quốc Huy, Cao Ngọc Thành, Lê Minh Tâm, Trương Quang Vinh, NXB Đại học Huế (2022).

4. Akram M Shaaban MBBCh, Douglas Rogers MD (2021): Diagnostic Imaging: Gynecology 3rd edition, Elsevier.

5. Robert Casanova, Alice Chuang, et al (2023): Beckmann and Ling’s Obstetrics and Gynecology, 9th edition, Wolters Kluwer.

6. Sonal Panchal, Chaitanya Nagori (2022): Practical Guide to Ultrasound in Obstetrics and Gynecology: A Comprehensive Book, Jaypee Brothers Medical Publishers.

7. Peter M. Doubilet, Carol B. Benson, Beryl R. Benacerraf (2018): Atlas of Ultrasound in Obstetrics and Gynecology, Wolters Kluwer.

8. Barbara L. Hoffman, John O. Schorge, Lisa M. Halvorson, Cherine A. Hamid, Marlene M. Corton, Joseph I. Schaffer (2020): Williams Gynecology 4<sup>th</sup> edition, McGraw Hill.

9. Linda Van Le, Victoria L. Handa, Danielle Patterson (2023): Te Linde's Operative Gynecology, 13<sup>th</sup> edition, Wolters Kluwer.

10. Tommaso Falcone, M. Jean Uy-Kroh, Linda Bradley, Jonathan S. Berek (2017): Operative Techniques in Gynecologic Surgery: Gynecology, *Wolters Kluwer*.

11. Steven T Nakajima, Travis W McCoy, Miriam S Krause, Jonathan S. Berek (2017): Operative Techniques in Gynecologic Surgery: REI: Reproductive, Endocrinology and Infertility, *Wolters Kluwer*.

12. Christopher M. Tarnay, Jonathan S. Berek (2018): Operative Techniques in Gynecologic Surgery: Urogynecology, *Wolters Kluwer*.

## 6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY

### 6.1. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1	TS. Phạm Thị Mai Anh	BM SPK	drmaianhhp3105@gmail.com
2	TS.BS Đỗ Quang Anh	BM SPK	dqanh@hpmu.edu.vn
3	TS.BS Vũ Quang Vinh	BVPSHP	tsvinhbvps@gmail.com
4	PGS.TS. BS Vũ Văn Tâm	BM SPK	drvuvantam@gmail.com
5	TS.BSCKII. Đào Thị Hải Yến	BM SPK	dthyen@hpmu.edu.vn
6	BSCKII. Thái Thị Huyền	BM SPK	tthuyen@hpmu.edu.vn
7	BSCKII. Nguyễn Thị Duyên Hải	BVPSHP	duyenhaibs@gmail.com

### 6.2. Danh sách cán bộ hỗ trợ giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Nhiệm vụ
1	ThS.BS. Nguyễn Thị Mai Phương	BM SPK	Trợ giảng LT-TH
2	ThS.BS. Lê Anh Nam	BM SPK	Trợ giảng LT-TH
3	ThS.BS. Bùi Văn Hiếu	BM SPK	Trợ giảng LT-TH
4	BSNT. Lê Đắc Hiệp	BM SPK	Trợ giảng LT-TH
5	ThS.BS. Nguyễn Thị Thủy	BM SPK	Trợ giảng LT-TH

6	ThS.BS. Phạm Thanh Nhân	BM SPK	Trợ giảng LT-TH
7	ThS.BS. Trần Thu Hà	BM SPK	Trợ giảng LT-TH
8	ThS.BS. Nguyễn Thị Lan Oanh	BM SPK	Trợ giảng LT-TH
9	ThS.BS. Phạm Thị Diễm	BM SPK	Trợ giảng LT-TH

### 7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu, bảng di động, mic không dây, wifi, phần mềm tương tác Kahoot, Poll Everywhere, Menti, trung tâm mô phỏng.

### 8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

**Phụ trách Học phần**

(Ký và ghi rõ họ tên)

TS.BS. Phạm Thị Mai Anh

**Phụ trách CTĐT**

(Ký và ghi rõ họ tên)

PGS.TS. Từ Văn Tâm

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH

### 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: <b>KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH</b>	
Mã học phần: Lâm sàng: 005791, lý thuyết: 005790	
Đối tượng áp dụng: Thạc sĩ	
Loại học phần: <input type="checkbox"/> x Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức:	<input type="checkbox"/> Giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/> Chuyên ngành <input type="checkbox"/> Cơ sở ngành. <input type="checkbox"/> Tự chọn <input type="checkbox"/> Ngành
Khoa/Bộ môn/Module/Đơn vị phụ trách: Bộ môn Sản - Phụ khoa	
Email liên hệ: dqanh@hpmu.edu.vn	
Điện thoại liên hệ: 0976134682	

	<b>Tổng</b>	<b>Lý thuyết</b>	<b>Thực hành</b>	<b>Lâm sàng</b>	<b>Tự học</b>
Tín chỉ/ĐVHT	3	1	0	2	0
Số tiết	130	15	0	60	55
Số buổi	28	5	0	12	11

### 2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

#### Mô tả chung

Học phần này giúp cho học viên đạt được các kiến thức về các biện pháp tránh thai, kỹ năng tư vấn kế hoạch hóa gia đình, thực hiện được các biện pháp phá thai an toàn dựa trên bằng chứng khoa học tốt nhất; giúp học viên hình thành thái độ chuyên nghiệp, phối hợp hiệu quả với nhóm làm việc, tôn trọng các qui định của hệ thống y tế trong thực hành chuyên khoa. Học xong học phần này, học viên có khả năng cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình có chất lượng tốt cho cộng đồng.



### Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes –CLOs)

CĐR học phần (CLO)	Mô tả CĐR học phần (CLO)	CĐR của CTĐT (PLO)
CLO1	Vận dụng các kiến thức về nội tiết sinh dục nữ, kiến thức về các biện pháp tránh thai, khoa học lâm sàng để tư vấn tránh thai	PLO1,2,3, 8,10,11,12, 13,14,15
CLO2	Vận dụng các kiến thức về siêu âm, kiến thức về phá thai an toàn, khoa học lâm sàng để tư vấn phá thai	PLO1,2,3, 4,5,6,7,8, 10,11,12,13,14,15
CLO3	Vận dụng các kiến thức về phá thai an toàn, khoa học lâm sàng để chẩn đoán, điều trị và dự phòng các biến chứng sau phá thai	PLO1,2,3, 4,5,6,7,8, 10,11,12,13,14,15
CLO4	Thực hiện thạo các thủ thuật tránh thai, phá thai đến 12 tuần	PLO 6,10,3
CLO5	Thực hiện thành thạo các phẫu thuật nội soi triệt sản và triệt sản nữ trong mổ lấy thai	PLO 4,5,6,7
CLO6	Thực hiện dưới sự giám sát liên tục một phần hoặc toàn bộ thủ thuật phá thai trên 12 tuần	PLO6

### 3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

#### 3.1. Điều kiện tham dự kì thi kết thúc học phần

- Tham gia đầy đủ và đúng giờ các buổi học lý thuyết và thực hành.
- Tự hoàn thành các bài tập được giao và nộp bài đúng thời gian quy định.
- Nghiêm túc trong các buổi học lý thuyết và thực hành.
- Học viên không được nghỉ quá 10% số buổi lâm sàng và không bỏ buổi thực nào.

#### 3.2. Nội dung lượng giá

Để đảm bảo học viên thạc sĩ được đánh giá đúng năng lực và hỗ trợ học viên thạc sĩ trong quá trình học để đạt được các mốc năng lực đã xác định, học viên thạc sĩ được lượng giá với các phương pháp cụ thể như sau:

- Lượng giá tiến trình (giữa kỳ): báo cáo chuyên đề, báo cáo bệnh án và trình ca bệnh trong giao ban, DOPS với các thủ thuật thuộc khoa chuyên ngành
- Lượng giá cuối kỳ: thi lâm sàng vấn đáp – CBD, kết hợp DOPS
- Lượng giá không tính điểm, dùng tham khảo với quyết định cuối cùng:
  - o Chỉ tiêu lâm sàng: rà soát, đánh giá và phản hồi sau vòng luân khoa
  - o Phản hồi 360, áp dụng cuối học kỳ (Lấy ý kiến phản hồi từ GV, Bác sĩ hướng dẫn, học viên thạc sĩ đồng môn hoặc năm trên, Điều dưỡng)

Ban năng lực lâm sàng rà soát tổng thể vào cuối học kỳ và Quyết định mức năng lực mà học viên thạc sĩ đạt được vào cuối học kỳ và có kế hoạch hỗ trợ tiếp theo – remediation (nếu cần).

### 3.3. Tỷ lệ tính điểm cho các phần lượng giá lâm sàng

<b>Lượng giá tiến trình:</b>	<b>50%</b>
- Mini-CEX cải tiến (M):	10%
- DOPS (D):	10%
- Báo cáo BA và Trình ca bệnh trong giao ban (CBD):	10%
- Nhận xét từ GV phụ trách:	10%
- Chuyên cần:	10%
<b>Lượng giá cuối kỳ:</b>	<b>50%</b>
- Vấn đáp – Bóc BN, làm BA và trình BA (CBD):	35%
- DOPS	15%

Lượng giá lâm sàng = 0.5\* Lượng giá tiến trình + 0.5\*Lượng giá cuối kỳ

#### 3.3.1. Lượng giá tiến trình

##### a. Mini-CEX cải tiến

- Thời gian dự kiến: Vào giữa học phần
- Trọng số điểm là: 0,1 tổng điểm lượng giá kỹ năng

##### b. DOPS

- Thời gian dự kiến: Vào giữa học phần

- Trọng số điểm là: 0,1 tổng điểm lượng giá kỹ năng

c. Báo cáo giao ban:

Học viên báo cáo giao ban cần chuẩn bị:

- Case lâm sàng là bệnh nhân thực tế gặp tại khoa phòng, tua trực
- Cung cấp tài liệu tham khảo về tiêu chuẩn chẩn đoán, phương pháp điều trị, tiên và dự phòng... về mặt bệnh báo cáo giao ban.
- Đưa ra những vấn đề cần làm sáng tỏ trên case lâm sàng

d. Chuyên cần

- Học viên chỉ được thi kỹ năng khi tham gia đầy đủ các buổi học lâm sàng.
- Trọng số điểm là: 0,1 tổng điểm lượng giá kỹ năng

3.3.2. Lượng giá cuối kỳ

a. Điều kiện dự thi

- Học viên thực hiện đầy đủ số chỉ tiêu lâm sàng theo quy định và có minh chứng là chữ kí của phẫu thuật – thủ thuật viên chính vào sổ tay lâm sàng
- Học viên không được nghỉ quá 10% số buổi lâm sàng và không bỏ buổi trực nào.

b. DOPS

- Thời gian dự kiến: vào cuối của học phần
- Trọng số điểm là: 0,15 tổng điểm lượng giá kỹ năng

Chuẩn đầu ra	Hiểu và biết cách làm	Làm có sự giám sát liên tục	Làm có sự giám sát tối thiểu	Làm độc lập, không giám sát	Dạy người khác làm
CLO4	-	-	-	X	-
CLO5	-	-	-	X	-
CLO6	-	X	-	-	-

c. Biện luận lâm sàng (CBD)

- Hình thức: Thi vấn đáp trên bàn thi tại khoa lâm sàng

- Thời gian dự kiến: tuần cuối cùng kết thúc học phần
- Trọng số điểm: 0,35 tổng điểm lâm sàng

### 3.4. Lượng giá kiến thức

Tỷ lệ tính điểm cho các phần lượng giá kiến thức

- Chuyên cần **10%**
- Lượng giá vào giữa kỳ học kỳ: báo cáo chuyên đề **30%**
- Lượng giá vào cuối học kỳ: MCQs **60%**

Công thức tính điểm lượng giá kiến thức = 0.1 \* chuyên cần + 0.3\*Báo cáo chuyên đề + 0.6\*MCQs

Lượng giá kiến thức gồm:

- Chuyên cần (10%): không nghỉ quá 20% số buổi lý thuyết
- Lượng giá giữa kỳ (30%): báo cáo chuyên đề
- Lượng giá cuối kỳ (70%): MCQs

#### a. Điều kiện dự thi

- Học viên tham dự ít nhất 80% số tiết lên lớp lý thuyết đã quy định trong đề cương chi tiết môn học
- Tự hoàn thành các bài tập được giao và nộp bài đúng thời gian quy định.

#### b. Báo cáo chuyên đề

- Hình thức: báo cáo chuyên đề trong word từ 10 đến 20 trang, trình bày báo cáo bằng Powerpoint.
- Thời gian dự kiến: 2 tuần trước khi kết thúc học phần
- Trọng số điểm là: 0.3 tổng điểm lượng giá lý thuyết

#### c. Thi MCQs:

- Hình thức: Thi tự luận có cấu trúc MCQs 45 câu trong thời gian 60 phút liên quan đến các vấn đề bệnh lý phụ khoa thường gặp.
- Thời gian dự kiến: vào tuần cuối của học phần
- Trọng số điểm là: 0.6 tổng điểm lượng giá lý thuyết

Lượng giá MCQ, 30 câu/40 phút, cấu trúc theo ma trận sau:

	<b>Bloom</b>	<b>Tổng</b>
--	--------------	-------------

	Nhớ	Hiểu	Áp dụng	Phân tích	(Số câu)
CLO1	0	0	10	0	10
CLO2	0	0	10	0	10
CLO3	0	0	10	0	10
<b>Tổng (số câu)</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>30</b>	<b>0</b>	<b>30</b>

Điểm số MCQs = số câu trả lời ĐÚNG/tổng số câu MCQs x 10.

### 3.5. Điểm tổng kết học phần

$$\text{Điểm TKHP} = \text{LS} \times 0,5 + \text{LT} \times 0,5$$

*Học viên được coi là ĐẠT học phần nếu điểm lượng giá lâm sàng và lượng giá lý thuyết của học phần  $\geq 5,5$ . Ngược lại, học viên bị đánh giá là trượt, phải học lại và thi lại học phần lâm sàng và/hoặc lý thuyết có điểm thi không đạt.*

#### 4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

Nội dung	Số tiết			Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học	Giảng viên
	Lý thuyết	Thực hành /Lâm sàng	Tự học			
Tư vấn các biện pháp tránh thai	5	20	Đóng vai, báo cáo chuyên đề	CLO1	Đóng vai, báo cáo chuyên đề	TS.BS Đào Thị Hải Yến
Tư vấn các phương pháp phá thai	5	20	Đóng vai, báo cáo chuyên đề	CLO2	Đóng vai, báo cáo chuyên đề	BSCCKII. Thái Thị Huyền
Các biến chứng sau phá thai	5	20	CBD, báo cáo chuyên đề	CLO3	CBD, báo cáo chuyên đề	BSCCKII. Thái Thị Huyền
Tổng	15	60	55			

CHỈ TIÊU LÂM SÀNG	Quan sát	Phụ giúp	Làm có giám sát
Đặt-tháo DCTC (Tcu-380A, Mirena)	5	5	3
Kỹ thuật phá thai đến 12 tuần	10	5	10
Kỹ thuật phá thai trên 12 tuần	10	5	3
Cấy - tháo que cấy tránh thai	10	5	10
Triệt sản nữ trong mổ lấy thai	20	10	5
PTNS triệt sản nữ	5	15	2

## 5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

### 5.1. Tài liệu học tập

1. Bộ môn Phụ Sản, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng (2014): “Bài giảng sau đại học”, Nhà xuất bản y học năm 2014

2. Tài liệu phát tay

### 5.2. Tài Liệu Tham Khảo

1. Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị các bệnh sản phụ khoa, Tác giả: Nguyễn Viết Tiến, Nhà xuất bản Y học (2018)

2. Kỹ năng thực hành sản phụ khoa, Tác giả Trần Thị Lợi, Nxb. ĐHQG tp. Hồ Chí Minh (2021).

3. Giáo trình Sản phụ khoa, Tập 2: Phụ khoa, Tác giả Nguyễn Vũ Quốc Huy, Cao Ngọc Thành, Lê Minh Tâm, Trương Quang Vinh, NXB Đại học Huế (2022).

4. Akram M Shaaban MBBCh, Douglas Rogers MD (2021): Diagnostic Imaging: Gynecology 3rd edition, Elsevier.

5. Robert Casanova, Alice Chuang, et al (2023): Beckmann and Ling's Obstetrics and Gynecology, 9th edition, Wolters Kluwer.

6. Sonal Panchal, Chaitanya Nagori (2022): Practical Guide to Ultrasound in Obstetrics and Gynecology: A Comprehensive Book, Jaypee Brothers Medical Publishers.

7. Peter M. Doubilet, Carol B. Benson, Beryl R. Benacerraf (2018): Atlas of Ultrasound in Obstetrics and Gynecology, Wolters Kluwer.

8. Barbara L. Hoffman, John O. Schorge, Lisa M. Halvorson, Cherine A. Hamid, Marlene M. Corton, Joseph I. Schaffer (2020): Williams Gynecology 4<sup>th</sup> edition, McGraw Hill.

9. Linda Van Le, Victoria L. Handa, Danielle Patterson (2023): Te Linde's Operative Gynecology, 13<sup>th</sup> edition, Wolters Kluwer.

10. Tommaso Falcone, M. Jean Uy-Kroh, Linda Bradley, Jonathan S. Berek (2017): Operative Techniques in Gynecologic Surgery: Gynecology, Wolters Kluwer.

11. Steven T Nakajima, Travis W McCoy, Miriam S Krause, Jonathan S. Berek (2017): Operative Techniques in Gynecologic Surgery: REI: Reproductive, Endocrinology and Infertility, *Wolters Kluwer*.

12. Christopher M. Tarnay, Jonathan S. Berek (2018): Operative Techniques in Gynecologic Surgery: Urogynecology, *Wolters Kluwer*.

## 6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY

### 6.1. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1	PGS. TS. Vũ Văn Tâm	BM SPK	vvtam@hpmu.edu.vn
1	TS.BSCKII. Đào Thị Hải Yến	BM SPK	dthyen@hpmu.edu.vn
2	BSCKII. Thái Thị Huyền	BM SPK	tthuyen@hpmu.edu.vn
3	BSCKII. Lê Thị Hoàn	BVPSHP	hoanle1976@gmail.com
4	BSCKII. Trần Văn Mạnh	BVPSHP	tranbie08@gmail.com

### 6.2. Danh sách cán bộ hỗ trợ giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Nhiệm vụ
1	ThS.BS. Nguyễn Thị Mai Phương	BM SPK	Trợ giảng LT-TH
2	ThS.BS. Lê Anh Nam	BM SPK	Trợ giảng LT-TH
3	ThS.BS. Bùi Văn Hiếu	BM SPK	Trợ giảng LT-TH
4	BSNT. Lê Đắc Hiệp	BM SPK	Trợ giảng LT-TH
5	ThS.BS. Nguyễn Thị Thủy	BM SPK	Trợ giảng LT-TH
6	ThS.BS. Phạm Thanh Nhân	BM SPK	Trợ giảng LT-TH
7	ThS.BS. Trần Thu Hà	BM SPK	Trợ giảng LT-TH
8	ThS.BS. Nguyễn Thị Lan Oanh	BM SPK	Trợ giảng LT-TH
9	ThS.BS. Phạm Thị Diễm	BM SPK	Trợ giảng LT-TH

## 7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu, bảng di động, mic không dây, wifi, phần mềm tương tác Kahoot, Poll Everywhere, Menti, trung tâm mô phỏng.

## 8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

**Phụ trách Học phần**

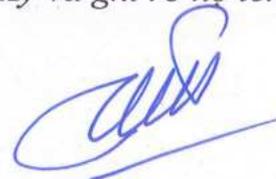
(Ký và ghi rõ họ tên)



PGS.TS. *Vũ Văn Tâm*

**Phụ trách CTĐT**

(Ký và ghi rõ họ tên)



PGS.TS. *Vũ Văn Tâm*

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**  
**CÁC BỆNH LÝ VÀ CẤP CỨU SẢN KHOA**

**1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN**

Tên học phần: <b>CÁC BỆNH LÝ VÀ CẤP CỨU SẢN KHOA</b>	
Mã học phần: Lâm sàng: 005793, lý thuyết: 005792	
Đối tượng áp dụng: Thạc sĩ ứng dụng	
Loại học phần: <input type="checkbox"/> x Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức:	<input type="checkbox"/> Giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/> x Chuyên ngành <input type="checkbox"/> Cơ sở ngành. <input type="checkbox"/> Tự chọn <input type="checkbox"/> Ngành
Khoa/Bộ môn/Module/Đơn vị phụ trách: Bộ môn Sản - Phụ khoa	
Email liên hệ: dqanh@hpmu.edu.vn	
Điện thoại liên hệ: 0976134682	

	<b>Tổng</b>	<b>Lý thuyết</b>	<b>Thực hành</b>	<b>Lâm sàng</b>	<b>Tự học</b>
Tín chỉ/ĐVHT	4	1	0	3	0
Số tiết	175	15	0	90	70
Số buổi	37	5	0	18	14

**2. MÔ TẢ HỌC PHẦN**

**Mô tả chung**

Học phần Các bệnh lý và cấp cứu sản khoa giúp học viên thạc sĩ đạt được các kiến thức, kỹ năng cơ bản và nâng cao trong tiếp cận sàng lọc, chẩn đoán, quản lý các trường hợp sản bệnh dựa trên bằng chứng khoa học tốt nhất; hình thành thái độ chuyên nghiệp, phối hợp hiệu quả với nhóm làm việc, tôn trọng các qui định của hệ thống y tế trong thực hành chuyên khoa. Học xong học phần này, học viên có khả năng cung cấp dịch vụ chăm sóc có chất lượng tốt cho cộng đồng trong việc

chẩn đoán và quản lý các vấn đề bệnh lý sản khoa, có khả năng tiếp cận chẩn đoán và đưa ra hướng xử trí chính xác, kịp thời cho các cấp cứu sản khoa.

**Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes –CLOs)**

<b>CĐR học phần (CLO)</b>	<b>Mô tả CĐR học phần (CLO)</b>	<b>CĐR của CTĐT (PLO)</b>
CLO1	Áp dụng kiến thức về khoa học cơ bản, y học cơ sở, khoa học lâm sàng để giải thích chỉ định, chống chỉ định và phiên giải kết quả của các xét nghiệm sàng lọc giúp phát hiện sớm các bệnh lý nửa sau thai kỳ (đẻ non, tiền sản giật, đái tháo đường thai kỳ)	PLO1,2, 3, 4, 5, 7, 8, 10,11,12, 13,14,15
CLO2	Áp dụng kiến thức về sinh lý bệnh sản khoa, khoa học cơ bản, y học cơ sở, khoa học lâm sàng và cận lâm sàng để chẩn đoán, tiên lượng, điều trị và dự phòng các bệnh lý nửa sau thai kỳ (dọa đẻ non, đẻ non, tiền sản giật, đái tháo đường thai kỳ, đa thai, thai quá ngày sinh, các rối loạn tang trường thai, rau tiền đạo)	PLO1,2, 3, 4, 5, 6, 7, 8,10,11,12 ,13,14,15
CLO3	Áp dụng kiến thức về sinh lý bệnh sản khoa, khoa học cơ bản, y học cơ sở, khoa học lâm sàng và cận lâm sàng để chẩn đoán sớm và đưa ra hướng xử trí chính xác, kịp thời cho các trường hợp cấp cứu sản khoa trong thai kỳ	PLO1,2, 3, 4, 5, 6, 7, 8,10,11,12 ,13,14,15
CLO4	Áp dụng kiến thức về sinh lý bệnh sản khoa, khoa học cơ bản, y học cơ sở, khoa học lâm sàng và cận lâm sàng để chẩn đoán sớm và đưa ra hướng xử trí chính xác, kịp thời cho các trường hợp cấp cứu sản khoa trong chuyển dạ	PLO1,2, 3, 4, 5, 6, 7, 8,10,11,12 ,13,14,15
CLO5	Thực hiện dưới sự giám sát liên tục một phần hoặc toàn bộ các thủ thuật cấp cứu trong chuyển dạ (xử trí đẻ khó do vai, đỡ đẻ ngôi ngược, sinh thủ thuật (Forceps, Giác hút, Odons), kiểm soát tử cung - bóc rau nhân tạo, các kỹ thuật cầm máu điều trị băng huyết sau sinh (chẹn ĐMC bụng, ép	PLO6

	TC, bóng chèn BTC), kỹ thuật khâu phục hồi rách phức tạp âm đạo – TSM)	
CLO6	Thực hiện dưới sự giám sát liên tục một phần hoặc toàn bộ các phẫu thuật trên thai kỳ bệnh lý (mổ lấy thai khó (ngôi ngược, ngang, đầu cắm sâu), các kỹ thuật cầm máu điều trị băng huyết sau sinh (thắt các mạch máu cấp máu cho TC, khâu b-lynch TC, cắt tử cung)	PLO6

### 3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

#### 3.1. Điều kiện tham dự kì thi kết thúc học phần

- Tham gia đầy đủ và đúng giờ các buổi học lý thuyết và thực hành.
- Tự hoàn thành các bài tập được giao và nộp bài đúng thời gian quy định.
- Nghiêm túc trong các buổi học lý thuyết và thực hành.
- Học viên không được nghỉ quá 10% số buổi lâm sàng và không bỏ buổi trực nào.

#### 3.2. Lượng giá lâm sàng

##### 3.2.1. Hình thức áp dụng và cách tính điểm

**Lượng giá tiến trình:** **50%**

- Mini-CEX cải tiến (M): 10%
- DOPS (D): 10%
- Báo cáo BA và Trình ca bệnh trong giao ban (CBD): 10%
- Nhận xét từ GV phụ trách: 10%
- Chuyên cần: 10%

**Lượng giá cuối kỳ:** **50%**

- Vấn đáp – Bộc BN, làm BA và trình BA (CBD): 35%
- DOPS 15%

**Lượng giá lâm sàng = 0.5\* Lượng giá tiến trình + 0.5\*Lượng giá cuối kỳ**

##### 3.2.2. Lượng giá tiến trình

###### a. Mini-CEX cải tiến

- Thời gian dự kiến: Vào giữa học phần
- Trọng số điểm là: 0,1 tổng điểm lượng giá lâm sàng

###### b. DOPS

- Thời gian dự kiến: Vào giữa học phần
- Trọng số điểm là: 0,1 tổng điểm lượng giá lâm sàng

### c. Báo cáo giao ban

Học viên báo cáo giao ban cần chuẩn bị:

- Case lâm sàng là bệnh nhân thực tế gặp tại khoa phòng, tua trực
- Cung cấp tổng quan tài liệu tham khảo theo cách tiếp cận của y học thực chứng về tiêu chuẩn chẩn đoán, phương pháp điều trị, tiên và dự phòng... về chủ đề/bệnh chọn báo cáo giao ban.
- Đưa ra những vấn đề cần làm sáng tỏ trên case lâm sàng
- Bàn luận dưới sự cố vấn và hướng dẫn của giảng viên để thực hiện chẩn đoán, đề xuất hướng quản lý tối ưu cho case lâm sàng theo cách tiếp cận dựa trên bằng chứng khoa học.

### d. Chuyên cần

- Học viên chỉ được thi kỹ năng khi tham gia đầy đủ các buổi học lâm sàng.
- Trọng số điểm là: 0,1 tổng điểm lượng giá lâm sàng

## 3.2.3. Lượng giá cuối kỳ

### a. Điều kiện dự thi

- Học viên thực hiện đầy đủ số chỉ tiêu lâm sàng theo quy định và có minh chứng là chữ kí của phẫu thuật – thủ thuật viên chính vào sổ tay lâm sàng.
- Học viên không được nghỉ quá 10% số buổi lâm sàng và không bỏ buổi trực nào.

### b. DOPS

- Thời gian dự kiến: vào cuối của học phần
- Trọng số điểm là: 0,15 tổng điểm

### Lượng giá lâm sàng

Chuẩn đầu ra	Hiểu và biết cách làm	Làm có sự giám sát liên tục	Làm có sự giám sát tối thiểu	Làm độc lập, không giám sát	Dạy người khác làm
CLO 5	-	x	-	-	-

CLO 6	-	x	-	-	-
-------	---	---	---	---	---

*c. Biện luận lâm sàng (CBD)*

- Hình thức: Thảo luận dựa trên các case lâm sàng tại các khoa lâm sàng
- Lượng giá dựa trên form chấm CBD xây dựng trước.
- Thời gian dự kiến: tuần cuối cùng kết thúc học phần.
- Trọng số điểm: 0,35 tổng điểm lâm sàng.

**3.3. Tỷ lệ tính điểm cho các phần lượng giá kiến thức**

- Chuyên cần 10%
- Lượng giá vào giữa kỳ học kỳ: báo cáo chuyên đề 30%
- Lượng giá vào cuối học kỳ: MCQs 60%

Công thức tính điểm lượng giá kiến thức = 0.1 \* chuyên cần + 0.3\*Báo cáo chuyên đề + 0.6\*MCQs

**a. Điều kiện dự thi**

- Học viên tham dự ít nhất 80% số tiết lên lớp lý thuyết đã quy định trong đề cương chi tiết môn học
- Tự hoàn thành các bài tập được giao và nộp bài đúng thời gian quy định.

**b. Báo cáo chuyên đề**

- Hình thức: báo cáo chuyên đề trong word từ 10 đến 20 trang, trình bày báo cáo bằng Powerpoint.
- Thời gian dự kiến: 2 tuần trước khi kết thúc học phần
- Trọng số điểm là: 0.3 tổng điểm lượng giá lý thuyết

**c. Thi MCQs:**

- Hình thức: Thi tự luận có cấu trúc MCQs 30 câu trong thời gian 45 phút liên quan đến các vấn đề bệnh lý phụ khoa thường gặp.
- Thời gian dự kiến: vào tuần cuối của học phần
- Trọng số điểm là: 0.6 tổng điểm lượng giá lý thuyết

Lượng giá MCQ, 30 câu/45 phút, cấu trúc theo ma trận sau:

	<b>Bloom</b>	<b>Tổng (Số)</b>
--	--------------	------------------

	Nhớ	Hiểu	Áp dụng	Phân tích	câu)
CLO1	0	0	8	0	8
CLO2	0	0	8	0	8
CLO3	0	0	7	0	7
CLO4	0	0	7	0	7
<b>Tổng (số câu)</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>30</b>	<b>0</b>	<b>30</b>

Điểm số MCQs = số câu trả lời ĐÚNG/tổng số câu MCQs x 10.

### 3.4. Điểm tổng kết học phần

$$\text{Điểm TKHP} = \text{LS} \times 0,5 + \text{LT} \times 0,5$$

Học viên được coi là ĐẠT học phần nếu điểm lượng giá lâm sàng và lượng giá lý thuyết của học phần  $\geq 5,5$ . Ngược lại, học viên bị đánh giá là trượt, phải học lại và thi lại học phần lâm sàng và/hoặc lý thuyết có điểm thi không đạt.

### NỘI DUNG GIẢNG DẠY

Nội dung	Số tiết			Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học	Giảng viên
	Lý thuyết	Thực hành /Lâm sàng	Tự học			
Bài 1: Dọa đẻ non - đẻ non	0	10	10	CLO1,2	CBL, Báo cáo chuyên đề	TS.BS. Nguyễn Thị Hoàng Trang
Bài 2: Rau tiền đạo	3	10	5	CLO13	CBL, Báo cáo	TS.BS. Phạm Thị Mai Anh

					chuyên đề	
Bài 3: Rau bong non	0	5	5	CLO1,2,3	CBL, Báo cáo chuyên đề	TS.BS. Phạm Thị Mai Anh
Bài 4: Dọa vỡ tử cung - vỡ tử cung	0	10	10	CLO4	Tự học	
Bài 5: Thai quá ngày sinh - thai già tháng	0	10	10	CLO1,2	Tự học	
Bài 6: Tiền sản giật	3	10	5	CLO1,2,3,4	CBL, Báo cáo chuyên đề	TS. BS. Đỗ Quang Anh
Bài 7: Các hình thái rối loạn tăng trưởng của thai	3	10	5	CLO1,2	CBL, Báo cáo chuyên đề	TS. Phạm Thị Mai Anh
Bài 8: Đa thai	0	5	5	CLO2	Tự học	
Bài 9: Đái tháo đường thai kỳ	3	10	10	CLO1,2	CBL, Báo cáo chuyên đề	TS. BS. Trần Mạnh Linh
Bài 10: Rau cài răng lược	3	10	5	CLO3,4	CBL, Báo cáo chuyên đề	PGS.TS. BS Vũ Văn Tâm

Tổng	15	90	70			
------	----	----	----	--	--	--

Chỉ tiêu lâm sàng	Quan sát	Phụ giúp	Làm có giám sát
Xử trí đẻ khó do vai	3	2	0
Đỡ đẻ ngôi ngược	2	4	1
Sinh thủ thuật (Forceps, Giác hút, Odons)	5	2	0
Mổ lấy thai khó (lấy thai ngôi ngược, ngang, mông, đầu cắm sâu; khâu cơ TC)	10	15	3
Các kĩ thuật cầm máu điều trị BHSS (chẹn ĐMC bụng, ép TC, bóng chèn BTC, thắt các mạch máu cấp máu cho TC, khâu ép TC)	10	5	2
Kỹ thuật khâu phục hồi rách phức tạp âm đạo - TSM	5	5	2
Kỹ thuật mổ cắt tử cung điều trị BHSS	5	3	0

## 5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

### 5.1. Tài liệu học tập

1. Bộ môn Phụ Sản, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng (2014): “Bài giảng sau đại học”, Nhà xuất bản y học năm 2014

2. Tài liệu phát tay

### 5.2. Tài Liệu Tham Khảo

1. Tình huống lâm sàng sản bệnh Tập 1, Tác giả Nguyễn Duy Tài (Biên dịch), Nhà xuất bản Y học (2013).

2. Tình huống lâm sàng sản bệnh Tập 2, Tác giả Nguyễn Duy Tài (Biên dịch), Nhà xuất bản Y học (2013).

3. Xử trí biến chứng trong khi mang thai và sinh đẻ, Tác giả Trần Thị Phương Mai, Nhà xuất bản Y học (2007)

4. Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị các bệnh sản phụ khoa, Tác giả: Nguyễn Viết Tiến, Nhà xuất bản Y học (2018)
5. Hướng dẫn quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, (Ban hành kèm theo Quyết định số 4128/QĐ-BYT ngày 29/7/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế, [https://file.medinet.gov.vn/Data/soytehcm/suckhoesinhsan/Attachments/2017\\_8/dvcsskss\\_48201712.pdf](https://file.medinet.gov.vn/Data/soytehcm/suckhoesinhsan/Attachments/2017_8/dvcsskss_48201712.pdf))
6. Kỹ năng thực hành sản phụ khoa, Tác giả Trần Thị Lợi, Nxb. ĐHQG tp. Hồ Chí Minh (2021).
7. Sản khoa, Tác giả Trần Danh Cường, Nhà xuất bản Y học (2020)
8. Giáo trình Sản phụ khoa, Tập 1: Sản khoa, Tác giả Nguyễn Vũ Quốc Huy, Cao Ngọc Thành, Lê Minh Tâm, Trương Quang Vinh, NXB Đại học Huế (2022).
9. Giáo trình Sản phụ khoa, Tập 2: Phụ khoa, Tác giả Nguyễn Vũ Quốc Huy, Cao Ngọc Thành, Lê Minh Tâm, Trương Quang Vinh, NXB Đại học Huế (2022).
10. Michael Belfort, Alireza Abdollah Shamshirsaz, Steven Clark, Karin Fox (2022): Operative Techniques in Obstetric Surgery, 1<sup>st</sup> edition, *Wolters Kluwer*.
11. F. Gary Cunningham, Kenneth J. Leveno (2022): Williams Obstetrics, 26<sup>th</sup> edition, *McGraw Hill*.
12. Paula J. Woodward (2021): Diagnostic Imaging: Diagnostic Imaging: Obstetrics 4<sup>th</sup> edition, *Elsevier*.
13. Robert Casanova, Alice Chuang, et al (2023): Beckmann and Ling's Obstetrics and Gynecology, 9<sup>th</sup> edition, *Wolters Kluwer*.
14. Sonal Panchal, Chaitanya Nagori (2022): Practical Guide to Ultrasound in Obstetrics and Gynecology: A Comprehensive Book, *Jaypee Brothers Medical Publishers*.
15. Peter M. Doubilet, Carol B. Benson, Beryl R. Benacerraf (2018): Atlas of Ultrasound in Obstetrics and Gynecology, *Wolters Kluwer*

## 6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY

### 6.1. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
-----	-----------	--------	-------

1	TS. Phạm Thị Mai Anh	BM SPK	drmaianhhp3105@gmail.com
2	PGS.TS. BS Vũ Văn Tâm	BM SPK	drvuvantam@gmail.com
3	TS.BS Đỗ Quang Anh	BM SPK	dqanh@hpmu.edu.vn
4	TS.BS. Nguyễn Thị Hoàng Trang	BM SPK	nthtrang@hpmu.edu.vn
5	TS.BS Vũ Quang Vinh	BVPSHP	tsvinhbvps@gmail.com
6	BSCCKII. Thái Thị Huyền	BM SPK	tthuyen@hpmu.edu.vn
7	BSCCKII. Bùi Thị Minh Thu	BVPSHP	Buithu17977@gmail.com
8	BSCCKII. Lê Thị Dung	BVPSHP	ledungpshp@gmail.com

## 6.2. Danh sách cán bộ hỗ trợ giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Nhiệm vụ
1	ThS.BS. Nguyễn Thị Mai Phương	BM SPK	Trợ giảng LT-TH
2	ThS.BS. Lê Anh Nam	BM SPK	Trợ giảng LT-TH
3	ThS.BS. Bùi Văn Hiếu	BM SPK	Trợ giảng LT-TH
4	BSNT. Lê Đắc Hiệp	BM SPK	Trợ giảng LT-TH
5	ThS.BS. Nguyễn Thị Thủy	BM SPK	Trợ giảng LT-TH
6	ThS.BS. Phạm Thanh Nhân	BM SPK	Trợ giảng LT-TH
7	ThS.BS. Trần Thu Hà	BM SPK	Trợ giảng LT-TH
8	ThS.BS. Nguyễn Thị Lan Oanh	BM SPK	Trợ giảng LT-TH
9	ThS.BS. Phạm Thị Diễm	BM SPK	Trợ giảng LT-TH

## 7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

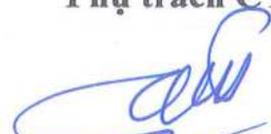
- Máy chiếu, bảng di động, mic không dây, wifi, phần mềm tương tác Kahoot, Poll Everywhere, Menti, trung tâm mô phỏng.

## 8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

  
TS.BS. Phạm Thị Mai Anh

Phụ trách CTĐT

  
PGS.TS. Vũ Văn Tâm

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**  
**CÁC BỆNH LÝ NỘI-NGOẠI KHOA TRONG THAI KỲ**

**1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN**

Tên học phần: <b>CÁC BỆNH LÝ NỘI-NGOẠI KHOA TRONG THAI KỲ</b>	
Mã học phần: Lâm sàng: 005795, lý thuyết: 005794	
Đối tượng áp dụng: Thạc sĩ	
Loại học phần: <input type="checkbox"/> x Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức:	<input type="checkbox"/> Giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/> x Chuyên ngành <input type="checkbox"/> Cơ sở ngành. <input type="checkbox"/> Tự chọn <input type="checkbox"/> Ngành
Khoa/Bộ môn/Module/Đơn vị phụ trách: Bộ môn Sản - Phụ khoa	
Email liên hệ: dthyen@hpmu.edu.vn	
Điện thoại liên hệ: 0912082153	

	<b>Tổng</b>	<b>Lý thuyết</b>	<b>Thực hành</b>	<b>Lâm sàng</b>	<b>Tự học</b>
Tín chỉ/ĐVHT	4	1	0	3	0
Số tiết	175	15	0	90	70
Số buổi	37	5	0	18	14

**2. MÔ TẢ HỌC PHẦN**

**Mô tả chung**

Học phần các bệnh lý nội-ngoại khoa trong thai kỳ là một trong những học phần bắt buộc nhằm cung cấp cho học viên những kiến thức về bệnh lý nội ngoại khoa trong thai kỳ thường gặp, từ đó tiếp cận, sàng lọc, chẩn đoán, quản lý ban đầu được các tình trạng này trong thai kỳ dựa trên bằng chứng khoa học tốt nhất; hình thành thái độ chuyên nghiệp, tôn trọng các qui định của hệ thống y tế trong thực hành chuyên khoa, phối hợp hiệu quả với nhóm làm việc và các chuyên khoa khác để

quản lý toàn diện các tình trạng/bệnh lý thường gặp trong thai kỳ, đảm bảo tối ưu hóa lợi ích cho cả bà mẹ và thai nhi.

### Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes –CLOs)

CĐR học phần (CLO)	Mô tả CĐR học phần (CLO)	CĐR của CTĐT (PLO)
CLO1	Áp dụng kiến thức về sinh lý bệnh, khoa học cơ bản, y học cơ sở, khoa học lâm sàng để thực hỏi bệnh, khám thực thể, đề xuất xét nghiệm và diễn giải kết quả các xét nghiệm phù hợp, quản lý bước đầu cho các thai kỳ có bệnh nội – ngoại khoa kèm theo.	PLO1,2,3, 4,5,6,7,8, 10,11,12, 13,14,15
CLO2	Áp dụng kiến thức về sinh lý bệnh, khoa học cơ bản, y học cơ sở, khoa học lâm sàng để tiếp cận ban đầu trong chẩn đoán, tiên lượng, điều trị và dự phòng một số bệnh hệ thống trong thai kỳ	PLO1,2,3, 4,5,6,7,8, 10,11,12, 13,14,15
CLO3	Áp dụng kiến thức về sinh lý bệnh, khoa học cơ bản, y học cơ sở, khoa học lâm sàng để tiếp cận ban đầu trong chẩn đoán, tiên lượng, điều trị và dự phòng một số bệnh của hệ cơ quan trong thai kỳ	PLO1,2,3, 4,5,6,7,8, 10,11,12, 13,14,15

### 3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

#### 3.1. Lượng giá lâm sàng

##### 3.1.1. Hình thức áp dụng và cách tính điểm

<i>Lượng giá tiến trình:</i>	<b>50%</b>
- Mini-CEX cải tiến (M):	10%
- DOPS (D):	10%
- Báo cáo BA và Trình ca bệnh trong giao ban (CBD):	10%
- Nhận xét từ GV phụ trách:	10%

- Chuyên cần:	10%
<b>Lượng giá cuối kỳ:</b>	<b>50%</b>
- Vấn đáp – Bóc BN, làm BA và trình BA (CBD):	35%
- DOPS	15%

**Lượng giá lâm sàng** = 0.5\* Lượng giá tiến trình + 0.5\*Lượng giá cuối kỳ

### 3.1.2. Lượng giá tiến trình

#### a. Mini-CEX cải tiến

- Thời gian dự kiến: Vào giữa học phần
- Trọng số điểm là: 0,1 tổng điểm lượng giá lâm sàng

#### b. DOPS

- Thời gian dự kiến: Vào giữa học phần
- Trọng số điểm là: 0,1 tổng điểm lượng giá lâm sàng

#### c. Báo cáo giao ban

Học viên báo cáo giao ban cần chuẩn bị:

- Case lâm sàng là bệnh nhân thực tế gặp tại khoa phòng, tua trực
- Cung cấp tổng quan tài liệu tham khảo theo cách tiếp cận của y học thực chứng về tiêu chuẩn chẩn đoán, phương pháp điều trị, tiên và dự phòng... về chủ đề/bệnh chọn báo cáo giao ban.
- Đưa ra những vấn đề cần làm sáng tỏ trên case lâm sàng
- Bàn luận dưới sự cố vấn và hướng dẫn của giảng viên để thực hiện chẩn đoán, đề xuất hướng quản lý tối ưu cho case lâm sàng theo cách tiếp cận dựa trên bằng chứng khoa học.

#### d. Chuyên cần

- Học viên chỉ được thi kỹ năng khi tham gia đầy đủ các buổi học lâm sàng.
- Trọng số điểm là: 0,1 tổng điểm lượng giá lâm sàng

### 3.1.3. Lượng giá cuối kỳ

#### a. Điều kiện dự thi

- Học viên không được nghỉ quá 10% số buổi lâm sàng và không bỏ buổi trực nào.

*b. DOPS*

- Thời gian dự kiến: vào cuối của học phần
- Trọng số điểm là: 0,15 tổng điểm

*c. Biện luận lâm sàng (CBD)*

- Hình thức: Thảo luận dựa trên các case lâm sàng tại các khoa lâm sàng
- Lượng giá dựa trên form chấm CBD xây dựng trước.
- Thời gian dự kiến: tuần cuối cùng kết thúc học phần.
- Trọng số điểm: 0,35 tổng điểm lâm sàng.

**3.2. Tỷ lệ tính điểm cho các phân lượng giá kiến thức**

- |                                                   |            |
|---------------------------------------------------|------------|
| - Chuyên cần                                      | <b>10%</b> |
| - Lượng giá vào giữa kỳ học kỳ: báo cáo chuyên đề | <b>30%</b> |
| - Lượng giá vào cuối học kỳ: MCQs                 | <b>60%</b> |

Công thức tính điểm lượng giá kiến thức =  $0.1 * \text{chuyên cần} + 0.3 * \text{Báo cáo chuyên đề} + 0.6 * \text{MCQs}$

Lượng giá kiến thức gồm:

- Chuyên cần (10%): không nghỉ quá 20% số buổi lý thuyết
- Lượng giá giữa kỳ (30%): báo cáo chuyên đề
- Lượng giá cuối kỳ (70%): MCQs

**a. Điều kiện dự thi**

- Học viên tham dự ít nhất 80% số tiết lên lớp lý thuyết đã quy định trong đề cương chi tiết môn học
- Tự hoàn thành các bài tập được giao và nộp bài đúng thời gian quy định.

**b. Báo cáo chuyên đề**

- Hình thức: báo cáo chuyên đề trong word từ 10 đến 20 trang, trình bày báo cáo bằng Powerpoint.

- Thời gian dự kiến: 2 tuần trước khi kết thúc học phần
- Trọng số điểm là: 0.3 tổng điểm lượng giá lý thuyết

**c. Thi MCQs:**

- Hình thức: Thi tự luận có cấu trúc MCQs 30 câu trong thời gian 45 phút liên quan đến các vấn đề bệnh lý phụ khoa thường gặp.

- Thời gian dự kiến: vào tuần cuối của học phần
- Trọng số điểm là: 0.6 tổng điểm lượng giá lý thuyết

Lượng giá MCQ, 30 câu/45 phút, cấu trúc theo ma trận sau:

	Bloom				Tổng (Số câu)
	Nhớ	Hiểu	Áp dụng	Phân tích	
CLO1	0	0	10	0	10
CLO2	0	0	10	0	10
CLO3	0	0	10	0	10
<b>Tổng (số câu)</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>30</b>	<b>0</b>	<b>30</b>

Điểm số MCQs = số câu trả lời ĐÚNG/tổng số câu MCQs x 10.

### 3.3. Điểm tổng kết học phần

$$\text{Điểm TKHP} = \text{LS} \times 0,5 + \text{LT} \times 0,5$$

Học viên được coi là ĐẠT học phần nếu điểm lượng giá lâm sàng và lượng giá lý thuyết của học phần  $\geq 5,5$ . Ngược lại, học viên bị đánh giá là trượt, phải học lại và thi lại học phần lâm sàng và/hoặc lý thuyết có điểm thi không đạt.

### 4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

Nội dung	Số tiết			Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học	Giảng viên
	Lý thuyết	Thực hành /Lâm sàng	Tự học			
Bài 1: Béo phì	0	5	5	CLO1,2	Tự học	
Bài 2: Bệnh lý tim mạch	0	10	5	CLO1,3	Tự học	

Bài 3: Huyết khối và thuyên tắc mạch trong thai kỳ	3	5	5	CLO1,2	CBL, Báo cáo chuyên đề	PGS.TS. BS Vũ Văn Tâm
Bài 4: Bệnh lý đường hô hấp trong thai kỳ	0	5	5	CLO1,3	Tự học	
Bài 5: Bệnh lý thận và đường tiết niệu trong thai kỳ	0	5	5	CLO1,3	Tự học	
Bài 6: Bệnh lý dạ dày - ruột trong thai kỳ	0	5	5	CLO1,3	CBL, Báo cáo chuyên đề	TS.BS Đỗ Quang Anh
Bài 7: Viêm gan virus và thai kỳ	3	10	5	CLO1,3	CBL, Báo cáo chuyên đề	BSCCKII. Thái Thị Huyền
Bài 8: Thiếu máu và thai kỳ	0	5	5	CLO1,3		TS. Nguyễn Hải Long
Bài 9: Bệnh lý đái tháo đường và thai kỳ	0	10	5	CLO1,2	Tự học	
Bài 10: Bệnh lý tuyền giáp và thai kỳ	3	10	5	CLO1,2	CBL, Báo cáo chuyên đề	TS. Phạm Thị Mai Anh
Bài 11: Bệnh lý mày đay mạn trong thai kỳ	0	5	5	CLO1,2	CBL, Báo cáo chuyên đề	TS.BS Đỗ

						Quang Anh
Bài 12: Các bệnh lý tự miễn và thai kỳ	3	5	5	CLO1,2	CBL, Báo cáo chuyên đề	TS.BS Đỗ Quang Anh
Bài 13: Rối loạn tâm thần (Trầm cảm, lo âu, stress, rối loạn ăn)	0	5	5	CLO1,3	CBL, Báo cáo chuyên đề	TS.BS Đỗ Quang Anh
Bài 14: Nhiễm trùng khi mang thai (Nhiễm Virus, Nhiễm khuẩn, Nhiễm ký sinh trùng và nấm, Các bệnh lây truyền qua đường tình dục (Lậu, Giang mai, Chlamydia, Herpes Simplex, HPV, HIV, viêm âm đạo,)	3	5	5	CLO1,2	CBL, Báo cáo chuyên đề	TS.BS. Nguyễn Thị Hoàng Trang
<b>Tổng</b>	<b>15</b>	<b>90</b>	<b>70</b>			

## 5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

### 5.1. Tài liệu học tập

1. Bộ môn Phụ Sản, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng (2014): “Bài giảng sau đại học”, Nhà xuất bản y học năm 2014
2. Tài liệu phát tay

## 5.2. Tài Liệu Tham Khảo

1. Tình huống lâm sàng sản bệnh Tập 1, Tác giả Nguyễn Duy Tài (Biên dịch), Nhà xuất bản Y học (2013).
2. Tình huống lâm sàng sản bệnh Tập 2, Tác giả Nguyễn Duy Tài (Biên dịch), Nhà xuất bản Y học (2013).
3. Xử trí biến chứng trong khi mang thai và sinh đẻ, Tác giả Trần Thị Phương Mai, Nhà xuất bản Y học (2007)
4. Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị các bệnh sản phụ khoa, Tác giả: Nguyễn Viết Tiến, Nhà xuất bản Y học (2018)
5. Hướng dẫn quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, (Ban hành kèm theo Quyết định số 4128/QĐ-BYT ngày 29/7/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế, [https://file.medinet.gov.vn/Data/soytehcm/suckhoesinhsan/Attachments/2017\\_8/dvcsskss\\_48201712.pdf](https://file.medinet.gov.vn/Data/soytehcm/suckhoesinhsan/Attachments/2017_8/dvcsskss_48201712.pdf)
6. Kỹ năng thực hành sản phụ khoa, Tác giả Trần Thị Lợi, Nxb. ĐHQG tp. Hồ Chí Minh (2021).
7. Sản khoa, Tác giả Trần Danh Cường, Nhà xuất bản Y học (2020)
8. Giáo trình Sản phụ khoa, Tập 1: Sản khoa, Tác giả Nguyễn Vũ Quốc Huy, Cao Ngọc Thành, Lê Minh Tâm, Trương Quang Vinh, NXB Đại học Huế (2022).
9. Giáo trình Sản phụ khoa, Tập 2: Phụ khoa, Tác giả Nguyễn Vũ Quốc Huy, Cao Ngọc Thành, Lê Minh Tâm, Trương Quang Vinh, NXB Đại học Huế (2022).
10. Michael Belfort, Alireza Abdollah Shamshirsaz, Steven Clark, Karin Fox (2022): Operative Techniques in Obstetric Surgery, 1<sup>st</sup> edition, *Wolters Kluwer*.
11. F. Gary Cunningham, Kenneth J. Leveno (2022): Williams Obstetrics, 26<sup>th</sup> edition, *McGraw Hill*.
12. Paula J. Woodward (2021): Diagnostic Imaging: Diagnostic Imaging: Obstetrics 4<sup>th</sup> edition, *Elsevier*.
13. Robert Casanova, Alice Chuang, et al (2023): Beckmann and Ling's Obstetrics and Gynecology, 9<sup>th</sup> edition, *Wolters Kluwer*.

14. Sonal Panchal, Chaitanya Nagori (2022): Practical Guide to Ultrasound in Obstetrics and Gynecology: A Comprehensive Book, *Jaypee Brothers Medical Publishers*.

15. Peter M. Doubilet, Carol B. Benson, Beryl R. Benacerraf (2018): Atlas of Ultrasound in Obstetrics and Gynecology, Wolters Kluwer

## 6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY

### 6.1. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1	TS.BS Đỗ Quang Anh	BM SPK	dqanh@hpmu.edu.vn
2	TS.BS. Nguyễn Thị Hoàng Trang	BM SPK	nthtrang@hpmu.edu.vn
3	PGS.TS. BS Vũ Văn Tâm	BM SPK	drvuvantam@gmail.com
4	TS.BSCKII. Đào Thị Hải Yến	BM SPK	dthyen@hpmu.edu.vn
5	TS. Phạm Thị Mai Anh	BM SPK	drmaianhhp3105@gmail.com
6	TS.BS. Nguyễn Hải Long	BVPSHP	nguyenhl.pshp@gmail.com
7	BSCKII. Thái Thị Huyền	BM SPK	tthuyen@hpmu.edu.vn

### 6.2. Danh sách cán bộ hỗ trợ giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Nhiệm vụ
1	ThS.BS. Nguyễn Thị Mai Phương	BM SPK	Trợ giảng LT-TH
2	ThS.BS. Lê Anh Nam	BM SPK	Trợ giảng LT-TH
3	ThS.BS. Bùi Văn Hiếu	BM SPK	Trợ giảng LT-TH
4	BSNT. Lê Đắc Hiệp	BM SPK	Trợ giảng LT-TH
5	ThS.BS. Nguyễn Thị Thủy	BM SPK	Trợ giảng LT-TH
6	ThS.BS. Phạm Thanh Nhân	BM SPK	Trợ giảng LT-TH
7	ThS.BS. Trần Thu Hà	BM SPK	Trợ giảng LT-TH

8	ThS.BS. Nguyễn Thị Lan Oanh	BM SPK	Trợ giảng LT-TH
9	ThS.BS. Phạm Thị Diễm	BM SPK	Trợ giảng LT-TH

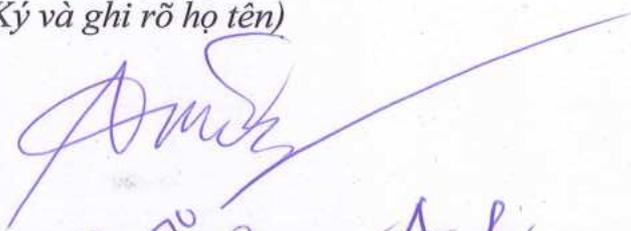
### 7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu, bảng di động, mic không dây, wifi, phần mềm tương tác Kahoot, Poll Everywhere, Menti, trung tâm mô phỏng.

### 8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

**Phụ trách Học phần**

(Ký và ghi rõ họ tên)

  
Đỗ Quang Anh

**Phụ trách CTĐT**

(Ký và ghi rõ họ tên)

  
PGS.TS. Từ Văn Cảm

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**  
**NỘI TIẾT SINH SẢN-VÔ SINH-MÃN KINH**

**1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN**

Tên học phần: <b>NỘI TIẾT SINH SẢN - VÔ SINH - MÃN KINH</b>	
Mã học phần: Lâm sàng: 005797, lý thuyết: 005796	
Đối tượng áp dụng: Thạc sĩ ứng dụng	
Loại học phần: <input type="checkbox"/> x Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức:	<input type="checkbox"/> Giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/> Chuyên ngành <input type="checkbox"/> Cơ sở ngành. <input type="checkbox"/> Tự chọn <input type="checkbox"/> Ngành
Khoa/Bộ môn/Module/Đơn vị phụ trách: Bộ môn Sản - Phụ khoa	
Email liên hệ: dqanh@hpmu.edu.vn	
Điện thoại liên hệ: 0976134682	

	<b>Tổng</b>	<b>Lý thuyết</b>	<b>Thực hành</b>	<b>Lâm sàng</b>	<b>Tự học</b>
Tín chỉ/ĐVHT	4	1	0	3	0
Số tiết	175	15	0	90	70
Số buổi	37	5	0	18	14

**2. MÔ TẢ HỌC PHẦN**

**Mô tả chung**

Học phần nội tiết sinh sản – vô sinh – mãn kinh là một trong những học phần tự chọn nhằm cung cấp cho học viên khả năng áp dụng kiến thức về hoạt động chức năng của hệ sinh dục sinh sản, sự điều hoà hormone, kiến thức cơ bản về vô sinh và hỗ trợ sinh sản vào tiếp cận, sàng lọc, chẩn đoán, quản lý được các rối loạn nội tiết sinh sản, vô sinh, mãn kinh dựa trên bằng chứng khoa học tốt nhất; hình thành thái độ chuyên nghiệp, phối hợp hiệu quả với nhóm làm việc, tôn trọng các qui định của hệ thống y tế trong thực hành chuyên khoa. Học xong học phần này, học viên có khả năng cung cấp dịch vụ chăm sóc có chất lượng tốt cho cộng đồng trong việc sàng

lọc, chẩn đoán và quản lý các vấn đề về nội tiết sinh sản, vô sinh, mãn kinh thường gặp.

### Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes –CLOs)

CĐR học phần (CLO)	Mô tả CĐR học phần (CLO)	CĐR của CTĐT (PLO)
CLO1	Áp dụng kiến thức về cơ chế hoạt động của trục hạ đồi – tuyến yên – buồng trứng, khoa học lâm sàng để giải thích các hiện tượng sinh lý và các rối loạn nội tiết sinh sản thường gặp qua các thời kỳ sinh sản và ứng dụng lâm sàng	PLO1,3, 4, 5
CLO2	Áp dụng kiến thức về cơ chế hoạt động của trục hạ đồi – tuyến yên – buồng trứng, khoa học lâm sàng để sàng lọc, chẩn đoán, điều trị các bệnh lý nội tiết thời kỳ sinh sản.	PLO1,2, 3, 4,5,6,7,8, 10,11,12, 13,14,15
CLO3	Áp dụng kiến thức giải phẫu cơ quan sinh dục sinh sản, sinh lý nội tiết sinh sản, phôi thai, di truyền và khoa học lâm sàng để phát hiện, chẩn đoán được các trường hợp bất thường về cấu trúc cơ quan sinh dục – sinh sản	PLO1,2, 3, 4,6,7,8, 10,11,12, 13,14,15
CLO4	Áp dụng kiến thức về sinh lý trục nội tiết sinh sản, kiến thức về giải phẫu đường sinh dục nam giới và nữ giới, khoa học lâm sàng và cận lâm sàng để chẩn đoán nguyên nhân và điều trị cho cặp vợ chồng vô sinh	PLO1,2, 3, 4,5,6,7,8, 10,11,12, 13,14,15
CLO5	Áp dụng kiến thức về cơ chế hoạt động của trục hạ đồi – tuyến yên – buồng trứng, khoa học lâm sàng để chẩn đoán, điều trị cho trường hợp mãn kinh	PLO1,2, 3, 4,5,6,7,8, 10,11,12, 13,14,15

### 3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

#### 3.1. Lượng giá lâm sàng

##### 3.1.1. Hình thức áp dụng và cách tính điểm

<b>Lượng giá tiến trình:</b>	<b>50%</b>
- Mini-CEX cải tiến (M):	10%
- DOPS (D):	10%
- Báo cáo BA và Trình ca bệnh trong giao ban (CBD):	10%
- Nhận xét từ GV phụ trách:	10%
- Chuyên cần:	10%
<b>Lượng giá cuối kỳ:</b>	<b>50%</b>
- Vấn đáp – Bóc BN, làm BA và trình BA (CBD):	35%
- DOPS	15%

**Lượng giá lâm sàng** = 0.5\* Lượng giá tiến trình + 0.5\*Lượng giá cuối kỳ

##### 3.1.2. Lượng giá tiến trình

###### a. Mini-CEX cải tiến

- Thời gian dự kiến: Vào giữa học phần
- Trọng số điểm là: 0,1 tổng điểm lượng giá lâm sàng

###### b. DOPS

- Thời gian dự kiến: Vào giữa học phần
- Trọng số điểm là: 0,1 tổng điểm lượng giá lâm sàng

###### c. Báo cáo giao ban

Học viên báo cáo giao ban cần chuẩn bị:

- Case lâm sàng là bệnh nhân thực tế gặp tại khoa phòng, tua trực
- Cung cấp tổng quan tài liệu tham khảo theo cách tiếp cận của y học thực chứng về tiêu chuẩn chẩn đoán, phương pháp điều trị, tiên và dự phòng... về chủ đề/bệnh chọn báo cáo giao ban.
- Đưa ra những vấn đề cần làm sáng tỏ trên case lâm sàng
- Bàn luận dưới sự cố vấn và hướng dẫn của giảng viên để thực hiện chẩn đoán, đề xuất hướng quản lý tối ưu cho case lâm sàng theo cách tiếp cận dựa trên bằng chứng khoa học.

#### d. Chuyên cần

- Học viên chỉ được thi kỹ năng khi tham gia đầy đủ các buổi học lâm sàng.
- Trọng số điểm là: 0,1 tổng điểm lượng giá lâm sàng

### 3.1.3. Lượng giá cuối kỳ

#### a. Điều kiện dự thi

- Học viên không được nghỉ quá 10% số buổi lâm sàng và không bỏ buổi trực nào.

#### b. DOPS

- Thời gian dự kiến: vào cuối của học phần
- Trọng số điểm là: 0,15 tổng điểm

#### c. Biện luận lâm sàng (CBD)

- Hình thức: Thảo luận dựa trên các case lâm sàng tại các khoa lâm sàng
- Lượng giá dựa trên form chấm CBD xây dựng trước.
- Thời gian dự kiến: tuần cuối cùng kết thúc học phần.
- Trọng số điểm: 0,35 tổng điểm lâm sàng.

### 3.2. Tỷ lệ tính điểm cho các phần lượng giá kiến thức

- |                                                   |     |
|---------------------------------------------------|-----|
| - Chuyên cần                                      | 10% |
| - Lượng giá vào giữa kỳ học kỳ: báo cáo chuyên đề | 30% |
| - Lượng giá vào cuối học kỳ: MCQs                 | 60% |

Công thức tính điểm lượng giá kiến thức =  $0.1 * \text{chuyên cần} + 0.3 * \text{Báo cáo chuyên đề} + 0.6 * \text{MCQs}$

Lượng giá kiến thức gồm:

- Chuyên cần (10%): không nghỉ quá 20% số buổi lý thuyết
- Lượng giá giữa kỳ (30%): báo cáo chuyên đề
- Lượng giá cuối kỳ (70%): MCQs

#### a. Điều kiện dự thi

- Học viên tham dự ít nhất 80% số tiết lên lớp lý thuyết đã quy định trong đề cương chi tiết môn học
- Tự hoàn thành các bài tập được giao và nộp bài đúng thời gian quy định.

#### b. Báo cáo chuyên đề

- Hình thức: báo cáo chuyên đề trong word từ 10 đến 20 trang, trình bày báo cáo bằng Powerpoint.
- Thời gian dự kiến: 2 tuần trước khi kết thúc học phần
- Trọng số điểm là: 0.3 tổng điểm lượng giá lý thuyết

c. Thi MCQs:

- Hình thức: Thi tự luận có cấu trúc MCQs 30 câu trong thời gian 45 phút liên quan đến các vấn đề bệnh lý phụ khoa thường gặp.

- Thời gian dự kiến: vào tuần cuối của học phần
- Trọng số điểm là: 0.6 tổng điểm lượng giá lý thuyết

Lượng giá MCQ, 30 câu/45 phút, cấu trúc theo ma trận sau:

	Bloom				Tổng (Số câu)
	Nhớ	Hiểu	Áp dụng	Phân tích	
CLO1	0	0	6	0	6
CLO2	0	0	6	0	6
CLO3	0	0	6	0	6
CLO4	0	0	6	0	6
CLO5	0	0	6	0	6
<b>Tổng (số câu)</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>30</b>	<b>0</b>	<b>30</b>

Điểm số MCQs = số câu trả lời ĐÚNG/tổng số câu MCQs x 10.

### 3.3. Điểm tổng kết học phần

$$\text{Điểm TKHP} = \text{LS} \times 0,5 + \text{LT} \times 0,5$$

Học viên được coi là ĐẠT học phần nếu điểm lượng giá lâm sàng và lượng giá lý thuyết của học phần  $\geq 5,5$ . Ngược lại, học viên bị đánh giá là trượt, phải học lại và thi lại học phần lâm sàng và/hoặc lý thuyết có điểm thi không đạt.

#### 4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

Nội dung	Số tiết			Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học	Giảng viên
	Lý thuyết	Thực hành /Lâm sàng	Tự học			
Bài 1: Nội tiết sinh sản	0	15	15	CLO1, 2	Tự học	
Bài 2: Vô kinh	3	15	10	CLO1, 2	CBL, Báo cáo chuyên đề	BSCCKII. Thái Thị Huyền
Bài 3: Hội chứng buồng trứng đa nang	3	15	10	CLO1, 2	CBL, Báo cáo chuyên đề	PGS.TS. BS Vũ Văn Tâm
Bài 4: Bất thường cấu trúc cơ quan sinh dục – sinh sản	3	15	10	CLO3	CBL, Báo cáo chuyên đề	PGS. Lê Hoàng
Bài 5: Tiếp cận và điều trị cặp vợ chồng vô sinh	3	15	15	CLO3, 4	CBL, Báo cáo chuyên đề	PGS.TS. BS Vũ Văn Tâm
Bài 6: Mãn kinh	3	15	10	CLO5	CBL, Báo cáo chuyên đề	TS.BS Đỗ Quang Anh

Tổng	15	90	70			
------	----	----	----	--	--	--

## 5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

### 5.1. Tài liệu học tập

1. Bộ môn Phụ Sản, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng (2014): “Bài giảng sau đại học”, Nhà xuất bản y học năm 2014

2. Tài liệu phát tay

### 5.2. Tài Liệu Tham Khảo

1. Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị các bệnh sản phụ khoa, Tác giả: Nguyễn Việt Tiến, Nhà xuất bản Y học (2018)

2. Kỹ năng thực hành sản phụ khoa, Tác giả Trần Thị Lợi, Nxb. ĐHQG tp. Hồ Chí Minh (2021).

3. Giáo trình Sản phụ khoa, Tập 2: Phụ khoa, Tác giả Nguyễn Vũ Quốc Huy, Cao Ngọc Thành, Lê Minh Tâm, Trương Quang Vinh, NXB Đại học Huế (2022).

4. Akram M Shaaban MBBCh, Douglas Rogers MD (2021): Diagnostic Imaging: Gynecology 3rd edition, Elsevier.

5. Robert Casanova, Alice Chuang, et al (2023): Beckmann and Ling’s Obstetrics and Gynecology, 9th edition, Wolters Kluwer.

6. Sonal Panchal, Chaitanya Nagori (2022): Practical Guide to Ultrasound in Obstetrics and Gynecology: A Comprehensive Book, Jaypee Brothers Medical Publishers.

7. Peter M. Doubilet, Carol B. Benson, Beryl R. Benacerraf (2018): Atlas of Ultrasound in Obstetrics and Gynecology, Wolters Kluwer.

8. Barbara L. Hoffman, John O. Schorge, Lisa M. Halvorson, Cherine A. Hamid, Marlene M. Corton, Joseph I. Schaffer (2020): Williams Gynecology 4<sup>th</sup> edition, *McGraw Hill*.

9. Linda Van Le, Victoria L. Handa, Danielle Patterson (2023): Te Linde's Operative Gynecology, 13<sup>th</sup> edition, *Wolters Kluwer*.

10. Tommaso Falcone, M. Jean Uy-Kroh, Linda Bradley, Jonathan S. Berek (2017): Operative Techniques in Gynecologic Surgery: Gynecology, *Wolters Kluwer*.

11. Steven T Nakajima, Travis W McCoy, Miriam S Krause, Jonathan S. Berek (2017): Operative Techniques in Gynecologic Surgery: REI: Reproductive, Endocrinology and Infertility, *Wolters Kluwer*.

12. Christopher M. Tarnay, Jonathan S. Berek (2018): Operative Techniques in Gynecologic Surgery: Urogynecology, *Wolters Kluwer*.

## 6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY

### 6.1. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1	PGS.TS. BS Vũ Văn Tâm	BM SPK	drvuvantam@gmail.com
2	PGS.TS.BS Lê Hoàng	BVĐK Tâm Anh	lehoang2001@gmail.com
6	TS.BS Đỗ Quang Anh	BM SPK	dqanh@hpmu.edu.vn
7	TS.BS. Nguyễn Thị Hoàng Trang	BM SPK	nthtrang@hpmu.edu.vn
9	TS.BS. Vũ Thị Bích Loan	BVPSHP	drloantss@gmail.com
13	BSCCKII. Thái Thị Huyền	BM SPK	tthuyen@hpmu.edu.vn

### 6.2. Danh sách cán bộ hỗ trợ giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Nhiệm vụ
1	ThS.BS. Nguyễn Thị Mai Phương	BM SPK	Trợ giảng LT-TH
2	ThS.BS. Lê Anh Nam	BM SPK	Trợ giảng LT-TH
3	ThS.BS. Bùi Văn Hiếu	BM SPK	Trợ giảng LT-TH
4	BSNT. Lê Đắc Hiệp	BM SPK	Trợ giảng LT-TH
5	ThS.BS. Nguyễn Thị Thủy	BM SPK	Trợ giảng LT-TH
6	ThS.BS. Phạm Thanh Nhân	BM SPK	Trợ giảng LT-TH
7	ThS.BS. Trần Thu Hà	BM SPK	Trợ giảng LT-TH
8	ThS.BS. Nguyễn Thị Lan Oanh	BM SPK	Trợ giảng LT-TH
9	ThS.BS. Phạm Thị Diễm	BM SPK	Trợ giảng LT-TH

## 7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu, bảng di động, mic không dây, wifi, phần mềm tương tác Kahoot, Poll Everywhere, Menti, trung tâm mô phỏng.

## 8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

**Phụ trách Học phần**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*



PGS.TS. Vũ Văn Cẩm

**Phụ trách CTĐT**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*



PGS.TS. Vũ Văn Cẩm

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**  
**SIÊU ÂM SẢN PHỤ KHOA**

**1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN**

Tên học phần: <b>SIÊU ÂM SẢN PHỤ KHOA</b>	
Mã học phần: Lâm sàng: 005801, lý thuyết: 005800	
Đối tượng áp dụng: Thạc sĩ ứng dụng	
Loại học phần: <input type="checkbox"/> Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/> xTự chọn	
Thuộc khối kiến thức:	<input type="checkbox"/> Giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/> x Chuyên ngành <input type="checkbox"/> Cơ sở ngành. <input type="checkbox"/> Tự chọn <input type="checkbox"/> Ngành
Khoa/Bộ môn/Module/Đơn vị phụ trách: Bộ môn Sản - Phụ khoa	
Email liên hệ: nthtrang@hpmu.edu.vn	
Điện thoại liên hệ: 0938879590	

	<b>Tổng</b>	<b>Lý thuyết</b>	<b>Thực hành</b>	<b>Lâm sàng</b>	<b>Tự học</b>
Tín chỉ/ĐVHT	3	1	0	2	0
Số tiết	100	15	0	60	25
Số buổi	22	5	0	12	5

**2. MÔ TẢ HỌC PHẦN**

**Mô tả chung**

Học phần Siêu âm sản phụ khoa là một trong các học phần tự chọn nhằm cung cấp cho học viên các kiến thức cơ bản về siêu âm trong sản phụ khoa. Sau khi kết thúc học phần, học viên có khả năng thực hành siêu âm thai ở mức độ cơ bản, siêu âm phát hiện một số bệnh lý sản phụ khoa thường gặp, góp phần phục vụ cho thực hành lâm sàng của chuyên khoa.

### Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes –CLOs)

CĐR học phần (CLO)	Mô tả CĐR học phần (CLO)	CĐR của CTĐT (PLO)
CLO1	Vận dụng các nguyên lý vật lý cơ bản của siêu âm và kiến thức giải phẫu để nhận định các hình ảnh trong siêu âm sản khoa	PO1,2,3,4,7
CLO2	Vận dụng các nguyên lý vật lý cơ bản của siêu âm và kiến thức giải phẫu để nhận định các hình ảnh trong siêu âm phụ khoa	PO1,2,3,4,7
CLO3	Vận dụng các nguyên lý vật lý cơ bản của siêu âm, kiến thức giải phẫu và khoa học lâm sàng để nhận định được bất thường thường gặp trong siêu âm sản phụ khoa	PO1,2,3,4,7
CLO4	Thực hành thành thạo các mặt cắt cơ bản trong siêu âm sản phụ khoa	PLO7

### 3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

#### 3.1. Lượng giá lâm sàng

##### 3.1.1. Hình thức áp dụng và cách tính điểm

<b>Lượng giá tiến trình:</b>	<b>50%</b>
- Mini-CEX cải tiến (M):	10%
- DOPS (D):	10%
- Báo cáo BA và Trình ca bệnh trong giao ban (CBD):	10%
- Nhận xét từ GV phụ trách:	10%
- Chuyên cần:	10%
<b>Lượng giá cuối kỳ:</b>	<b>50%</b>
- Vấn đáp – Bóc BN, làm BA và trình BA (CBD):	35%
- DOPS	15%

**Lượng giá lâm sàng** = 0.5\* Lượng giá tiến trình + 0.5\*Lượng giá cuối kỳ

### **3.1.2. Lượng giá tiến trình**

#### **a. Mini-CEX cải tiến**

- Thời gian dự kiến: Vào giữa học phần
- Trọng số điểm là: 0,1 tổng điểm lượng giá lâm sàng

#### **b. DOPS**

- Thời gian dự kiến: Vào giữa học phần
- Trọng số điểm là: 0,1 tổng điểm lượng giá lâm sàng

#### **c. Báo cáo giao ban**

Học viên báo cáo giao ban cần chuẩn bị:

- Case lâm sàng là bệnh nhân thực tế gặp tại khoa phòng, tua trực
- Cung cấp tổng quan tài liệu tham khảo theo cách tiếp cận của y học thực chứng về tiêu chuẩn chẩn đoán, phương pháp điều trị, tiên và dự phòng... về chủ đề/bệnh chọn báo cáo giao ban.
- Đưa ra những vấn đề cần làm sáng tỏ trên case lâm sàng
- Bàn luận dưới sự cố vấn và hướng dẫn của giảng viên để thực hiện chẩn đoán, đề xuất hướng quản lý tối ưu cho case lâm sàng theo cách tiếp cận dựa trên bằng chứng khoa học.

#### **d. Chuyên cần**

- Học viên chỉ được thi kỹ năng khi tham gia đầy đủ các buổi học lâm sàng.
- Trọng số điểm là: 0,1 tổng điểm lượng giá lâm sàng

### **3.1.3. Lượng giá cuối kỳ**

#### **a. Điều kiện dự thi**

- Học viên không được nghỉ quá 10% số buổi lâm sàng và không bỏ buổi trực nào.

#### **b. DOPS**

- Thời gian dự kiến: vào cuối của học phần
- Trọng số điểm là: 0,15 tổng điểm

#### **Lượng giá lâm sàng**

Chuẩn đầu ra	Hiểu và biết cách làm	Làm có sự giám sát liên tục	Làm có sự giám sát tối thiểu	Làm độc lập, không giám sát	Dạy người khác làm
CLO4	-	-	-	X	-

*c. Biện luận lâm sàng (CBD)*

- Hình thức: Thảo luận dựa trên các case lâm sàng tại các khoa lâm sàng
- Lượng giá dựa trên form chấm CBD xây dựng trước.
- Thời gian dự kiến: tuần cuối cùng kết thúc học phần.
- Trọng số điểm: 0,35 tổng điểm lâm sàng.

### 3.3. Tỷ lệ tính điểm cho các phần lượng giá kiến thức

- Chuyên cần 10%
- Lượng giá vào giữa kỳ học kỳ: báo cáo chuyên đề 30%
- Lượng giá vào cuối học kỳ: MCQs 60%

Công thức tính điểm lượng giá kiến thức = 0.1 \* chuyên cần + 0.3\*Báo cáo chuyên đề + 0.6\*MCQs

**a. Điều kiện dự thi**

- Học viên tham dự ít nhất 80% số tiết lên lớp lý thuyết đã quy định trong đề cương chi tiết môn học
- Tự hoàn thành các bài tập được giao và nộp bài đúng thời gian quy định.

**b. Báo cáo chuyên đề**

- Hình thức: báo cáo chuyên đề trong word từ 10 đến 20 trang, trình bày báo cáo bằng Powerpoint.
- Thời gian dự kiến: 2 tuần trước khi kết thúc học phần
- Trọng số điểm là: 0.3 tổng điểm lượng giá lý thuyết

**c. Thi MCQs:**

- Hình thức: Thi tự luận có cấu trúc MCQs 30 câu trong thời gian 45 phút liên quan đến các vấn đề bệnh lý phụ khoa thường gặp.
- Thời gian dự kiến: vào tuần cuối của học phần

- Trọng số điểm là: 0.6 tổng điểm lượng giá lý thuyết

Lượng giá MCQ, 30 câu/45 phút, cấu trúc theo ma trận sau:

	Bloom				Tổng (Số câu)
	Nhớ	Hiểu	Áp dụng	Phân tích	
CLO1	0	0	10	0	10
CLO2	0	0	10	0	10
CLO3	0	0	10	0	10
<b>Tổng (số câu)</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>30</b>	<b>0</b>	<b>30</b>

Điểm số MCQs = số câu trả lời ĐÚNG/tổng số câu MCQs x 10.

### 3.4. Điểm tổng kết học phần

$$\text{Điểm TKHP} = \text{LS} \times 0,5 + \text{LT} \times 0,5$$

Học viên được coi là ĐẠT học phần nếu điểm lượng giá lâm sàng và lượng giá lý thuyết của học phần  $\geq 5,5$ . Ngược lại, học viên bị đánh giá là trượt, phải học lại và thi lại học phần lâm sàng và/hoặc lý thuyết có điểm thi không đạt.

## 4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

Nội dung	Số tiết			Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học	Giảng viên
	Lý thuyết	Thực hành /Lâm sàng	Tự học			
Bài 1: Nguyên lý và các mặt cắt cơ bản trong siêu âm sản phụ khoa.	0	10	5	CLO1	Tự học	
Bài 2: Siêu âm quý một thai kỳ	3	10	0	CLO2, 3	CBL/ Trình chuyên đề	BSCKII. Thái Thị Huyền

Bài 3: Siêu âm quý 2 và quý 3 thai kỳ	3	10	5	CLO2, 3	CBL/ Trình chuyên đề	TS.BS Đỗ Quang Anh
Bài 4: Siêu âm đánh giá song thai	3	10	5	CLO2, 3	CBL/ Trình chuyên đề	TS.BS. Nguyễn Thị Hoàng Trang
Bài 5: Siêu âm đánh giá phần phụ của thai	3	10	5	CLO2, 3	CBL/ Trình chuyên đề	TS.BS. Nguyễn Thị Hoàng Trang
Bài 6: Siêu âm một số bệnh lý phụ khoa thường gặp	3	10	5	CLO2, 3	CBL/ Trình chuyên đề	TS. Phạm Thị Mai Anh
Tổng	15	60	25			

## 5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

### 5.1. Tài liệu học tập

- Tài liệu phát tay

### 5.2. Tài liệu tham khảo

- 1) Paula J. Woodward (2021): Diagnostic Imaging: Diagnostic Imaging: Obstetrics 4th edition, Elsevier.
- 2) F. Gary Cunningham, Kenneth J. Leveno (2022): Williams Obstetrics, 26<sup>th</sup> edition, McGraw Hill.
- 3) Paula J. Woodward (2021): Diagnostic Imaging: Diagnostic Imaging: Obstetrics 4<sup>th</sup> edition, Elsevier.
- 4) Akram M Shaaban MBBCh, Douglas Rogers MD (2021): Diagnostic Imaging: Gynecology 3<sup>rd</sup> edition, Elsevier.
- 5) Robert Casanova, Alice Chuang, et al (2023): Beckmann and Ling's Obstetrics and Gynecology, 9th edition, Wolters Kluwer.

6) Sonal Panchal, Chaitanya Nagori (2022): Practical Guide to Ultrasound in Obstetrics and Gynecology: A Comprehensive Book, *Jaypee Brothers Medical Publishers*.

7) Peter M. Doubilet, Carol B. Benson, Beryl R. Benacerraf (2018): Atlas of Ultrasound in Obstetrics and Gynecology, *Wolters Kluwer*.

## 6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY

### 6.1. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1	TS.BS. Nguyễn Thị Hoàng Trang	BM SPK	nthtrang@hpmu.edu.vn
2	TS. Phạm Thị Mai Anh	BM SPK	drmaianhhp3105@gmail.com
3	TS.BS Đỗ Quang Anh	BM SPK	dqanh@hpmu.edu.vn
4	BSCCKII. Thái Thị Huyền	BM SPK	tthuyen@hpmu.edu.vn

### 6.2. Danh sách cán bộ hỗ trợ giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Nhiệm vụ
1	ThS.BS. Nguyễn Thị Mai Phương	BM SPK	Trợ giảng LT-TH
2	ThS.BS. Lê Anh Nam	BM SPK	Trợ giảng LT-TH
3	ThS.BS. Bùi Văn Hiếu	BM SPK	Trợ giảng LT-TH
4	BSNT. Lê Đắc Hiệp	BM SPK	Trợ giảng LT-TH
5	ThS.BS. Nguyễn Thị Thủy	BM SPK	Trợ giảng LT-TH
6	ThS.BS. Phạm Thanh Nhân	BM SPK	Trợ giảng LT-TH
7	ThS.BS. Trần Thu Hà	BM SPK	Trợ giảng LT-TH

8	ThS.BS. Nguyễn Thị Lan Oanh	BM SPK	Trợ giảng LT-TH
9	ThS.BS. Phạm Thị Diễm	BM SPK	Trợ giảng LT-TH

### 7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu, bảng di động, mic không dây, wifi, phần mềm tương tác Kahoot, Poll Everywhere, Menti, trung tâm mô phỏng.

### 8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

**Phụ trách Học phần**

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thị Hoàng Trang

**Phụ trách CTĐT**

(Ký và ghi rõ họ tên)



PGS.TS. Vũ Văn Tâm

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN  
PHẪU THUẬT NỘI SOI PHỤ KHOA**

**1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN**

Tên học phần: <b>PHẪU THUẬT NỘI SOI PHỤ KHOA</b>	
Mã học phần: Lâm sàng: 005803, lý thuyết: 005802	
Đối tượng áp dụng: Thạc sĩ ứng dụng	
Loại học phần: <input type="checkbox"/> Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/> xTự chọn	
Thuộc khối kiến thức:	<input type="checkbox"/> Giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/> x Chuyên ngành <input type="checkbox"/> Cơ sở ngành. <input type="checkbox"/> Tự chọn <input type="checkbox"/> Ngành
Khoa/Bộ môn/Module/Đơn vị phụ trách: Bộ môn Sản - Phụ khoa	
Email liên hệ: drmaianhnp3105@gmail.com	
Điện thoại liên hệ: 0989089342	

	<b>Tổng</b>	<b>Lý thuyết</b>	<b>Thực hành</b>	<b>Lâm sàng</b>	<b>Tự học</b>
Tín chỉ/ĐVHT	3	1	0	2	0
Số tiết	100	15	0	60	50
Số buổi	27	5	0	12	10

**2. MÔ TẢ HỌC PHẦN**

**Mô tả chung**

Phẫu thuật nội soi là phương pháp điều trị ngoại khoa cơ bản cho nhiều bệnh lý phụ khoa. Học viên thạc sĩ cần: 1) Nắm vững kiến thức và thành thạo các kỹ năng cơ bản của phẫu thuật nội soi; 2) Là thành viên nhóm chăm sóc-điều trị phẫu thuật nội soi tham gia vào: chỉ định phẫu thuật, chuẩn bị trước phẫu thuật, thực hiện phẫu thuật, chăm sóc và tư vấn sau phẫu thuật; 3) Có khả năng thực hiện thành thạo quy trình phẫu thuật nội soi cho chẩn đoán và xử trí thai ngoài tử cung; 4) Thực hiện thành thạo vai trò trợ giúp cho phẫu thuật viên chính trong các quy trình phẫu thuật nội soi khác như: chẩn đoán và điều trị u buồng trứng, chẩn đoán và điều trị hiếm

muộn, chẩn đoán và điều trị lạc nội mạc tử cung, bóc u xơ tử cung, cắt tử cung do bệnh lý lành tính của tử cung, chẩn đoán điều trị ung thư phụ khoa. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes –CLOs)

CĐR học phần (CLO)	Mô tả CĐR học phần (CLO)	CĐR của CTĐT (PLO)
CLO1	Áp dụng kiến thức về giải phẫu, phẫu thuật thực hành, sinh lý bệnh phụ khoa và khoa học lâm sàng để giải thích các chỉ định, chống chỉ định, ưu nhược điểm của các phương pháp phẫu thuật nội soi ổ bụng và nội soi buồng tử cung trong điều trị một số bệnh lý phụ khoa thường gặp	PLO 1,3
CLO2	Áp dụng kiến thức về giải phẫu, phẫu thuật thực hành, sinh lý bệnh phụ khoa và khoa học lâm sàng để chăm sóc bệnh nhân sau phẫu thuật nội soi và dự phòng, chẩn đoán sớm, điều trị kịp thời các biến chứng sau phẫu thuật nội soi	PLO 1,2,3, 4,5,6,7,8,10,11,12,13,14,15
CLO3	Thực hiện dưới sự giám sát liên tục các kỹ năng cơ bản của phẫu thuật nội soi (phẫu thuật nội soi chữa ngoài tử cung, u buồng trứng, lạc nội mạc tử cung)	PLO7
CLO4	Thực hiện dưới sự giám sát liên tục một phần hoặc toàn bộ các phẫu thuật nâng cao (PTNS cắt tử cung hoàn toàn, bán phần, bóc u xơ tử cung, PTNS buồng tử cung can thiệp, PTNS trong điều trị vô sinh)	PLO7

### 3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

#### 3.1. Lượng giá lâm sàng

##### 3.1.1. Hình thức áp dụng và cách tính điểm

*Lượng giá tiến trình:* 50%

- Mini-CEX cải tiến (M): 10%

- DOPS (D):	10%
- Báo cáo BA và Trình ca bệnh trong giao ban (CBD):	10%
- Nhận xét từ GV phụ trách:	10%
- Chuyên cần:	10%
<b>Lượng giá cuối kỳ:</b>	<b>50%</b>
- Vấn đáp – Bốc BN, làm BA và trình BA (CBD):	35%
- DOPS	15%

**Lượng giá lâm sàng** = 0.5\* Lượng giá tiến trình + 0.5\*Lượng giá cuối kỳ

### 3.1.2. Lượng giá tiến trình

#### a. Mini-CEX cải tiến

- Thời gian dự kiến: Vào giữa học phần
- Trọng số điểm là: 0,1 tổng điểm lượng giá lâm sàng

#### b. DOPS

- Thời gian dự kiến: Vào giữa học phần
- Trọng số điểm là: 0,1 tổng điểm lượng giá lâm sàng

#### c. Báo cáo giao ban

Học viên báo cáo giao ban cần chuẩn bị:

- Case lâm sàng là bệnh nhân thực tế gặp tại khoa phòng, tua trực
- Cung cấp tổng quan tài liệu tham khảo theo cách tiếp cận của y học thực chứng về tiêu chuẩn chẩn đoán, phương pháp điều trị, tiên và dự phòng... về chủ đề/bệnh chọn báo cáo giao ban.
- Đưa ra những vấn đề cần làm sáng tỏ trên case lâm sàng
- Bàn luận dưới sự cố vấn và hướng dẫn của giảng viên để thực hiện chẩn đoán, đề xuất hướng quản lý tối ưu cho case lâm sàng theo cách tiếp cận dựa trên bằng chứng khoa học.

#### d. Chuyên cần

- Học viên chỉ được thi kỹ năng khi tham gia đầy đủ các buổi học lâm sàng.
- Trọng số điểm là: 0,1 tổng điểm lượng giá lâm sàng

### 3.1.3. Lượng giá cuối kỳ

*a. Điều kiện dự thi*

- Học viên thực hiện đầy đủ số chỉ tiêu lâm sàng theo quy định và có minh chứng là chữ kí của phẫu thuật – thủ thuật viên chính vào sổ tay lâm sàng.
- Học viên không được nghỉ quá 10% số buổi lâm sàng và không bỏ buổi trực nào.

*b. DOPS*

- Thời gian dự kiến: vào cuối của học phần
- Trọng số điểm là: 0,15 tổng điểm

### Lượng giá lâm sàng

Chuẩn đầu ra	Hiểu và biết cách làm	Làm có sự giám sát liên tục	Làm có sự giám sát tối thiểu	Làm độc lập, không giám sát	Dạy người khác làm
CLO3	-	-	X	-	-
CLO4	-	X	-	-	-

#### c. Biện luận lâm sàng (CBD)

- Hình thức: Thảo luận dựa trên các case lâm sàng tại các khoa lâm sàng
- Lượng giá dựa trên form chấm CBD xây dựng trước.
- Thời gian dự kiến: tuần cuối cùng kết thúc học phần.
- Trọng số điểm: 0,35 tổng điểm lâm sàng.

### 3.3. Tỷ lệ tính điểm cho các phần lượng giá kiến thức

- Chuyên cần **10%**
- Lượng giá vào giữa kỳ học kỳ: báo cáo chuyên đề **30%**
- Lượng giá vào cuối học kỳ: MCQs **60%**

Công thức tính điểm lượng giá kiến thức =  $0.1 * \text{chuyên cần} + 0.3 * \text{Báo cáo chuyên đề} + 0.6 * \text{MCQs}$

#### a. Điều kiện dự thi

- Học viên tham dự ít nhất 80% số tiết lên lớp lý thuyết đã quy định trong đề cương chi tiết môn học
- Tự hoàn thành các bài tập được giao và nộp bài đúng thời gian quy định.

#### b. Báo cáo chuyên đề

- Hình thức: báo cáo chuyên đề trong word từ 10 đến 20 trang, trình bày báo cáo bằng Powerpoint.
- Thời gian dự kiến: 2 tuần trước khi kết thúc học phần
- Trọng số điểm là: 0.3 tổng điểm lượng giá lý thuyết

#### c. Thi MCQs:

- Hình thức: Thi tự luận có cấu trúc MCQs 30 câu trong thời gian 45 phút liên quan đến các vấn đề bệnh lý phụ khoa thường gặp.

- Thời gian dự kiến: vào tuần cuối của học phần
- Trọng số điểm là: 0.6 tổng điểm lượng giá lý thuyết

Lượng giá MCQ, 30 câu/45 phút, cấu trúc theo ma trận sau:

	Bloom				Tổng (Số câu)
	Nhớ	Hiểu	Áp dụng	Phân tích	
CLO1	0	0	20	0	10
CLO2	0	0	10	0	10
<b>Tổng (số câu)</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>30</b>	<b>0</b>	<b>30</b>

Điểm số MCQs = số câu trả lời ĐÚNG/tổng số câu MCQs x 10.

### 3.4. Điểm tổng kết học phần

$$\text{Điểm TKHP} = \text{LS} \times 0,5 + \text{LT} \times 0,5$$

Học viên được coi là ĐẠT học phần nếu điểm lượng giá lâm sàng và lượng giá lý thuyết của học phần  $\geq 5,5$ . Ngược lại, học viên bị đánh giá là trượt, phải học lại và thi lại học phần lâm sàng và/hoặc lý thuyết có điểm thi không đạt.

## 4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

### 4.1. Kiến thức

Nội dung	Số tiết			Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học	Giảng viên
	Lý thuyết	Thực hành/ Lâm sàng	Tự học			
<b>Bài 1. Các nguyên tắc cơ bản trong phẫu thuật nội soi</b>	0	5	5	CLO1	Tự học	

<b>Bài 2. Các kỹ thuật cơ bản trong mổ nội soi ổ bụng</b>	3	5	0	CLO1	Thuyết trình Báo cáo chuyên đề	TS. Phạm Thị Mai Anh
<b>Bài 3. Các biến chứng của phẫu thuật nội soi và chăm sóc người bệnh sau PTNS</b>	0	5	5	CLO 2	Tự học	
<b>Bài 4. Phẫu thuật nội soi thai ngoài tử cung</b>	3	5	0	CLO1,2,3	Thuyết trình CBL Báo cáo chuyên đề	TS.BS Đỗ Quang Anh
<b>Bài 5. Phẫu thuật nội soi u buồng trứng</b>	3	5	0	CLO1,2,3	Thuyết trình CBL Báo cáo chuyên đề	TS.BS Đỗ Quang Anh
<b>Bài 6. Phẫu thuật nội soi bóc u xơ tử cung</b>	3	5	5	CLO1,2,4	Thuyết trình Báo cáo chuyên đề	TS. Phạm Thị Mai Anh
<b>Bài 7. Phẫu thuật nội soi cắt tử cung</b>	0	5	5	CLO11,2,4	Thuyết trình Báo cáo chuyên đề	TS. Phạm Thị Mai Anh

<b>Bài 8. Phẫu thuật nội soi trong điều trị lạc nội mạc tử cung</b>	0	5	5	CLO1,2,4	Tự học	TS. Phạm Thị Mai Anh
<b>Bài 9. Phẫu thuật nội soi trong điều trị vô sinh</b>	3	5	5	CLO1,2,4	Thuyết trình Báo cáo chuyên đề	PGS.TS. BS Vũ Văn Tâm
<b>Bài 10. Nội soi buồng tử cung</b>	0	5	5	CLO1,2,4	Thuyết trình Báo cáo chuyên đề	PGS.TS. BS Vũ Văn Tâm
<b>Tổng</b>	15	50	35			

#### 4.2. Thực hành

Nội dung	Số tiết			Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học
	Lý thuyết	Thực hành /Lâm sàng	Tự học		
Bài 1. Tổ chức phòng mổ nội soi	0	0	5	CLO3	Trung tâm mô phỏng/Khoa GMHT
Bài 2. Dụng cụ phẫu thuật nội soi	0	5	5	CLO3	Trung tâm mô phỏng/Khoa GMHT

Bài 3. Thực hiện các kỹ thuật cơ bản trong mổ nội soi trên mô phỏng	0	5	5	CLO3	Trung tâm mô phỏng/Khoa GMHT
---------------------------------------------------------------------	---	---	---	------	------------------------------

Chỉ tiêu lâm sàng	Giám sát trực tiếp	Giám sát chủ động
PTNS điều trị chửa vòi tử cung (cắt vòi, bảo tồn)	20	10
PTNS triệt sản	5	2
PT làm lại thành trước, thành sau âm đạo	10	5
PT bóc kén tuyến Bartholin	5	3
PTNS bóc u BT	10	5
PTNS cắt phần phụ	10	5
PTNS bóc u xơ TC	10	5
PTNS cắt TC bán phần	10	5
PTNS cắt TC hoàn toàn	10	5

## 5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

### 5.1. Tài liệu học tập

1. Bộ môn Phụ Sản, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng (2014): “Bài giảng sau đại học”, Nhà xuất bản y học năm 2014

2. Tài liệu phát tay

### 5.2. Tài Liệu Tham Khảo

1. Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị các bệnh sản phụ khoa, Tác giả: Nguyễn Việt Tiến, Nhà xuất bản Y học (2018)

2. Kỹ năng thực hành sản phụ khoa, Tác giả Trần Thị Lợi, Nxb. ĐHQG tp. Hồ Chí Minh (2021).

3. Giáo trình Sản phụ khoa, Tập 2: Phụ khoa, Tác giả Nguyễn Vũ Quốc Huy, Cao Ngọc Thành, Lê Minh Tâm, Trương Quang Vinh, NXB Đại học Huế (2022).

4. Akram M Shaaban MBBCh, Douglas Rogers MD (2021): Diagnostic Imaging: Gynecology 3rd edition, Elsevier.
5. Robert Casanova, Alice Chuang, et al (2023): Beckmann and Ling's Obstetrics and Gynecology, 9th edition, Wolters Kluwer.
6. Sonal Panchal, Chaitanya Nagori (2022): Practical Guide to Ultrasound in Obstetrics and Gynecology: A Comprehensive Book, Jaypee Brothers Medical Publishers.
7. Peter M. Doubilet, Carol B. Benson, Beryl R. Benacerraf (2018): Atlas of Ultrasound in Obstetrics and Gynecology, Wolters Kluwer.
8. Barbara L. Hoffman, John O. Schorge, Lisa M. Halvorson, Cherine A. Hamid, Marlene M. Corton, Joseph I. Schaffer (2020): Williams Gynecology 4<sup>th</sup> edition, *McGraw Hill*.
9. Linda Van Le, Victoria L. Handa, Danielle Patterson (2023): Te Linde's Operative Gynecology, 13<sup>th</sup> edition, *Wolters Kluwer*.
10. Tommaso Falcone, M. Jean Uy-Kroh, Linda Bradley, Jonathan S. Berek (2017): Operative Techniques in Gynecologic Surgery: Gynecology, *Wolters Kluwer*.
11. Steven T Nakajima, Travis W McCoy, Miriam S Krause, Jonathan S. Berek (2017): Operative Techniques in Gynecologic Surgery: REI: Reproductive, Endocrinology and Infertility, *Wolters Kluwer*.
12. Christopher M. Tarnay, Jonathan S. Berek (2018): Operative Techniques in Gynecologic Surgery: Urogynecology, *Wolters Kluwer*.

## 6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY

### 6.1. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1	TS. Phạm Thị Mai Anh	BM SPK	drmaianhhp3105@gmail.com
2	PGS.TS. BS Vũ Văn Tâm	BM SPK	drvuvantam@gmail.com
3	TS.BS Đỗ Quang Anh	BM SPK	dqanh@hpmu.edu.vn
4	TS.BS Vũ Quang Vinh	BVPSHP	tsvinhbvps@gmail.com

5	BSCKII. Nguyễn Thị Duyên Hải	BVPSHP	duyenhaiibs@gmail.com
---	---------------------------------	--------	-----------------------

## 6.2. Danh sách cán bộ hỗ trợ giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Nhiệm vụ
1	ThS.BS. Nguyễn Thị Mai Phuong	BM SPK	Trợ giảng LT-TH
2	ThS.BS. Lê Anh Nam	BM SPK	Trợ giảng LT-TH
3	ThS.BS. Bùi Văn Hiếu	BM SPK	Trợ giảng LT-TH
4	BSNT. Lê Đắc Hiệp	BM SPK	Trợ giảng LT-TH
5	ThS.BS. Nguyễn Thị Thủy	BM SPK	Trợ giảng LT-TH
6	ThS.BS. Phạm Thanh Nhân	BM SPK	Trợ giảng LT-TH
7	ThS.BS. Trần Thu Hà	BM SPK	Trợ giảng LT-TH
8	ThS.BS. Nguyễn Thị Lan Oanh	BM SPK	Trợ giảng LT-TH
9	ThS.BS. Phạm Thị Diễm	BM SPK	Trợ giảng LT-TH

## 7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu, bảng di động, mic không dây, wifi, phần mềm tương tác Kahoot, Poll Everywhere, Menti, trung tâm mô phỏng.

## 8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

**Phụ trách Học phần**

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thị Hoàng Trang

**Phụ trách CTĐT**

(Ký và ghi rõ họ tên)



PGS.TS. Vũ Văn Tâm

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN SOI CỔ TỬ CUNG

### 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: <b>SOI CỔ TỬ CUNG</b>	
Mã học phần: Lâm sàng: 005805, lý thuyết: 005804	
Đối tượng áp dụng: Thạc sĩ ứng dụng	
Loại học phần: <input type="checkbox"/> Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/> Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức:	<input type="checkbox"/> Giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/> Chuyên ngành <input type="checkbox"/> Cơ sở ngành. <input type="checkbox"/> Tự chọn <input type="checkbox"/> Ngành
Khoa/Bộ môn/Module/Đơn vị phụ trách: Bộ môn Sản - Phụ khoa	
Email liên hệ: dthyen@hpmu.edu.vn	
Điện thoại liên hệ: 0912082153	

	<b>Tổng</b>	<b>Lý thuyết</b>	<b>Thực hành</b>	<b>Lâm sàng</b>	<b>Tự học</b>
Tín chỉ/ĐVHT	3	1	0	2	0
Số tiết	115	15	0	60	40
Số buổi	25	5	0	12	8

### 2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

#### Mô tả chung

*Học phần soi cổ tử cung khi khám phụ khoa là một học phần tự chọn nhằm cung cấp cho các bác sĩ, đặc biệt các bác sĩ chuyên ngành Sản Phụ khoa những kiến thức chuyên sâu về các dấu hiệu bất thường, giúp phát hiện sớm các tổn thương lành tính, tiền ung thư và ung thư cổ tử cung và qua đó đưa ra các quyết định tiếp theo trong việc quản lý các tổn thương này.*

### Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes –CLOs)

CĐR học phần (CLO)	Mô tả CĐR học phần (CLO)	CĐR của CTĐT (PLO)
CLO1	Áp dụng kiến thức về giải phẫu bệnh, sinh lý bệnh, kiến thức về giải phẫu đường sinh dục nam giới và nữ giới, di truyền, vi sinh và khoa học lâm sàng để sàng lọc, chẩn đoán các bệnh lý lành tính cổ tử cung	PLO1,2,3, 4,6,7,8,10, 11,12,13, 14,15
CLO2	Áp dụng kiến thức về giải phẫu bệnh, sinh lý bệnh, kiến thức về giải phẫu đường sinh dục nam giới và nữ giới, di truyền, vi sinh và khoa học lâm sàng để sàng lọc, chẩn đoán các bệnh lý tiền ung thư và ung thư cổ tử cung	PLO1,2,3, 4,6,7,8,10, 11,12,13, 14,15

### 3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

#### 3.1. Lượng giá lâm sàng

##### 3.1.1. Hình thức áp dụng và cách tính điểm

**Lượng giá tiến trình:** 50%

- Mini-CEX cải tiến (M): 10%
- Báo cáo BA và Trình ca bệnh trong giao ban (CBD): 20%
- Nhận xét từ GV phụ trách: 10%
- Chuyên cần: 10%

**Lượng giá cuối kỳ:** 50%

- Vấn đáp – Bóc BN, làm BA và trình BA (CBD): 50%

**Lượng giá lâm sàng** = 0.5\* Lượng giá tiến trình + 0.5\*Lượng giá cuối kỳ

##### 3.1.2. Lượng giá tiến trình

###### a. Mini-CEX cải tiến

- Thời gian dự kiến: Vào giữa học phần
- Trọng số điểm là: 0,1 tổng điểm lượng giá lâm sàng

###### b. Báo cáo giao ban

Học viên báo cáo giao ban cần chuẩn bị:

- Case lâm sàng là bệnh nhân thực tế gặp tại khoa phòng, tua trực
- Cung cấp tổng quan tài liệu tham khảo theo cách tiếp cận của y học thực chứng về tiêu chuẩn chẩn đoán, phương pháp điều trị, tiên và dự phòng... về chủ đề/bệnh chọn báo cáo giao ban.
- Đưa ra những vấn đề cần làm sáng tỏ trên case lâm sàng
- Bàn luận dưới sự cố vấn và hướng dẫn của giảng viên để thực hiện chẩn đoán, đề xuất hướng quản lý tối ưu cho case lâm sàng theo cách tiếp cận dựa trên bằng chứng khoa học.

### c. Chuyên cần

- Học viên chỉ được thi kỹ năng khi tham gia đầy đủ các buổi học lâm sàng.
- Trọng số điểm là: 0,1 tổng điểm lượng giá lâm sàng

### 3.1.3. Lượng giá cuối kỳ

#### a. Điều kiện dự thi

- Học viên không được nghỉ quá 10% số buổi lâm sàng và không bỏ buổi trực nào.

#### b. Biện luận lâm sàng (CBD)

- Hình thức: Thảo luận dựa trên các case lâm sàng tại các khoa lâm sàng
- Lượng giá dựa trên form chấm CBD xây dựng trước.
- Thời gian dự kiến: tuần cuối cùng kết thúc học phần.
- Trọng số điểm: 0,5 tổng điểm lâm sàng.

### 3.2. Tỷ lệ tính điểm cho các phần lượng giá kiến thức

- |                                                   |     |
|---------------------------------------------------|-----|
| - Chuyên cần                                      | 10% |
| - Lượng giá vào giữa kỳ học kỳ: báo cáo chuyên đề | 30% |
| - Lượng giá vào cuối học kỳ: MCQs                 | 60% |

Công thức tính điểm lượng giá kiến thức = 0.1 \* chuyên cần + 0.3\*Báo cáo chuyên đề + 0.6\*MCQs

#### a. Điều kiện dự thi

- Học viên tham dự ít nhất 80% số tiết lên lớp lý thuyết đã quy định trong đề cương chi tiết môn học

- Tự hoàn thành các bài tập được giao và nộp bài đúng thời gian quy định.

**b. Báo cáo chuyên đề**

- Hình thức: báo cáo chuyên đề trong word từ 10 đến 20 trang, trình bày báo cáo bằng Powerpoint.
- Thời gian dự kiến: 2 tuần trước khi kết thúc học phần
- Trọng số điểm là: 0.3 tổng điểm lượng giá lý thuyết

**c. Thi MCQs:**

- Hình thức: Thi tự luận có cấu trúc MCQs 30 câu trong thời gian 45 phút liên quan đến các vấn đề bệnh lý phụ khoa thường gặp.
  - Thời gian dự kiến: vào tuần cuối của học phần
  - Trọng số điểm là: 0.6 tổng điểm lượng giá lý thuyết
- Lượng giá MCQ, 30 câu/45 phút, cấu trúc theo ma trận sau:

	Bloom				Tổng (Số câu)
	Nhớ	Hiểu	Áp dụng	Phân tích	
CLO1	0	0	15	0	15
CLO2	0	0	15	0	15
<b>Tổng (số câu)</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>30</b>	<b>0</b>	<b>30</b>

Điểm số MCQs = số câu trả lời ĐÚNG/tổng số câu MCQs x 10.

**3.3. Điểm tổng kết học phần**

$$\text{Điểm TKHP} = \text{LS} \times 0,5 + \text{LT} \times 0,5$$

Học viên được coi là ĐẠT học phần nếu điểm lượng giá lâm sàng và lượng giá lý thuyết của học phần  $\geq 5,5$ . Ngược lại, học viên bị đánh giá là trượt, phải học lại và thi lại học phần lâm sàng và/hoặc lý thuyết có điểm thi không đạt.

**4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY**

Nội dung	Số tiết			Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy-học	Giảng viên
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học			

		/Lâm sàng		học phần		
Bài 1: Giải phẫu - Mô học - Sinh lý cổ tử cung	0	10	5	CLO1	Tự học	
Bài 2: Kỹ thuật soi cổ tử cung	0	10	5	CLO1, CLO2	Tự học	
Bài 3: Soi cổ tử cung chẩn đoán	3	10	5	CLO1,2	CBL, Thuyết trình	BSCCKII. Thái Thị Huyền
Bài 4: Tổn thương viêm cổ tử cung	3	5	5	CLO1	CBL, Thuyết trình	TS. Phạm Thị Mai Anh
Bài 5: Lộ tuyến và các tổn thương lành tính cổ tử cung	3	5	5	CLO1,2	CBL, Thuyết trình	TS.BS. Đào Thị Hải Yến
Bài 6: Tổn thương tiền ung thư cổ tử cung và công cụ quản lý	3	5	5	CLO2	CBL, Thuyết trình	TS.BS. Đào Thị Hải Yến
Bài 7: Các kỹ thuật điều trị tổn thương tiền ung thư cổ tử cung	0	10	5	CLO2	CBL, Thuyết trình	TS.BS. Đào Thị Hải Yến
Bài 8: Ung thư cổ tử cung	3	5	5	CLO2	CBL, Thuyết trình	PGS.TS. BS Vũ Văn Tâm
Tổng	15	60	40			

## 5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

### 5.1. Tài liệu học tập

1. Bộ môn Phụ Sản, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng (2014): “Bài giảng sau đại học”, Nhà xuất bản y học năm 2014

2. Tài liệu phát tay

### 5.2. Tài Liệu Tham Khảo

1. Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị các bệnh sản phụ khoa, Tác giả: Nguyễn Viết Tiến, Nhà xuất bản Y học (2018)

2. Kỹ năng thực hành sản phụ khoa, Tác giả Trần Thị Lợi, Nxb. ĐHQG tp. Hồ Chí Minh (2021).

3. Giáo trình Sản phụ khoa, Tập 2: Phụ khoa, Tác giả Nguyễn Vũ Quốc Huy, Cao Ngọc Thành, Lê Minh Tâm, Trương Quang Vinh, NXB Đại học Huế (2022).

4. Akram M Shaaban MBBCh, Douglas Rogers MD (2021): Diagnostic Imaging: Gynecology 3rd edition, Elsevier.

5. Robert Casanova, Alice Chuang, et al (2023): Beckmann and Ling's Obstetrics and Gynecology, 9th edition, Wolters Kluwer.

6. Sonal Panchal, Chaitanya Nagori (2022): Practical Guide to Ultrasound in Obstetrics and Gynecology: A Comprehensive Book, Jaypee Brothers Medical Publishers.

7. Peter M. Doubilet, Carol B. Benson, Beryl R. Benacerraf (2018): Atlas of Ultrasound in Obstetrics and Gynecology, Wolters Kluwer.

8. Barbara L. Hoffman, John O. Schorge, Lisa M. Halvorson, Cherine A. Hamid, Marlene M. Corton, Joseph I. Schaffer (2020): Williams Gynecology 4<sup>th</sup> edition, McGraw Hill.

9. Linda Van Le, Victoria L. Handa, Danielle Patterson (2023): Te Linde's Operative Gynecology, 13<sup>th</sup> edition, Wolters Kluwer.

10. Tommaso Falcone, M. Jean Uy-Kroh, Linda Bradley, Jonathan S. Berek (2017): Operative Techniques in Gynecologic Surgery: Gynecology, Wolters Kluwer.

11. Steven T Nakajima, Travis W McCoy, Miriam S Krause, Jonathan S. Berek (2017): Operative Techniques in Gynecologic Surgery: REI: Reproductive, Endocrinology and Infertility, *Wolters Kluwer*.

12. Christopher M. Tarnay, Jonathan S. Berek (2018): Operative Techniques in Gynecologic Surgery: Urogynecology, *Wolters Kluwer*.

## 6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY

### 6.1. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1	TS.BSCKII. Đào Thị Hải Yến	BM SPK	dthyen@hpmu.edu.vn
2	PGS.TS. BS Vũ Văn Tâm	BM SPK	drvuvantam@gmail.com
3	TS. Phạm Thị Mai Anh	BM SPK	drmaianh3105@gmail.com
4	TS.BS. Nguyễn Thị Hoàng Trang	BM SPK	nthtrang@hpmu.edu.vn
5	BSCKII. Thái Thị Huyền	BM SPK	tthuyen@hpmu.edu.vn

### 6.2. Danh sách cán bộ hỗ trợ giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Nhiệm vụ
1	ThS.BS. Nguyễn Thị Mai Phương	BM SPK	Trợ giảng LT-TH
2	ThS.BS. Lê Anh Nam	BM SPK	Trợ giảng LT-TH
3	ThS.BS. Bùi Văn Hiếu	BM SPK	Trợ giảng LT-TH
4	BSNT. Lê Đắc Hiệp	BM SPK	Trợ giảng LT-TH
5	ThS.BS. Nguyễn Thị Thủy	BM SPK	Trợ giảng LT-TH
6	ThS.BS. Phạm Thanh Nhân	BM SPK	Trợ giảng LT-TH
7	ThS.BS. Trần Thu Hà	BM SPK	Trợ giảng LT-TH

8	ThS.BS. Nguyễn Thị Lan Oanh	BM SPK	Trợ giảng LT-TH
9	ThS.BS. Phạm Thị Diễm	BM SPK	Trợ giảng LT-TH

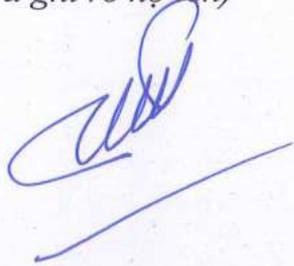
### 7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu, bảng di động, mic không dây, wifi, phần mềm tương tác Kahoot, Poll Everywhere, Menti, trung tâm mô phỏng.

### 8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

**Phụ trách Học phần**

(Ký và ghi rõ họ tên)



PGS.TS. *ĐU ...*

**Phụ trách CTĐT**

(Ký và ghi rõ họ tên)



PGS.TS. *Vũ Văn Cẩm*

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN HỖ TRỢ SINH SẢN

### 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: <b>HỖ TRỢ SINH SẢN</b>	
Mã học phần: Lâm sàng: 005807, lý thuyết: 005806	
Đối tượng áp dụng: Thạc sĩ	
Loại học phần: <input type="checkbox"/> Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/> Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức:	<input type="checkbox"/> Giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/> Chuyên ngành <input type="checkbox"/> Cơ sở ngành. <input type="checkbox"/> Tự chọn <input type="checkbox"/> Ngành
Khoa/Bộ môn/Module/Đơn vị phụ trách: Bộ môn Sản - Phụ khoa	
Email liên hệ: drmaianhnp3105@gmail.com	
Điện thoại liên hệ: 0989089342	

	<b>Tổng</b>	<b>Lý thuyết</b>	<b>Thực hành</b>	<b>Lâm sàng</b>	<b>Tự học</b>
Tín chỉ/ĐVHT	3	1	0	2	0
Số tiết	135	15	0	60	45
Số buổi	29	5	0	15	9

### 2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

#### Mô tả chung

Học phần hỗ trợ sinh sản cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về vô sinh và hỗ trợ sinh sản. Sau khi kết thúc học phần này, học viên có thể thực hiện được thăm khám, chỉ định thăm dò, lập luận chẩn đoán đúng và định hướng xử trí phù hợp cho người bệnh hiếm muộn; phát hiện được và thực hiện xử trí ban đầu phù hợp các biến chứng thường gặp liên quan đến hỗ trợ sinh sản

## Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes –CLOs)

CĐR học phần (CLO)	Mô tả CĐR học phần (CLO)	CĐR của CTĐT (PLO)
CLO1	Áp dụng kiến thức về sinh lý trực nội tiết sinh sản, giải phẫu đường sinh dục nam giới và nữ giới, di truyền, miễn dịch và khoa học lâm sàng để chẩn đoán được nguyên nhân gây vô sinh cho cặp vợ chồng	PLO1,3, 4, 5,7,8,10, 11,12,13, 14,15
CLO2	Áp dụng kiến thức về sinh lý trực nội tiết sinh sản, giải phẫu đường sinh dục nam giới và nữ giới, di truyền, miễn dịch và khoa học lâm sàng để lựa chọn các phương pháp hỗ trợ sinh sản phù hợp và tư vấn bệnh nhân.	PLO1,3,4, 5,6,7,8, 10,11,12,1 3,14,15

### 3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

#### 3.1. Lượng giá lâm sàng

##### 3.1.1. Hình thức áp dụng và cách tính điểm

**Lượng giá tiến trình:** 50%

- Mini-CEX cải tiến (M): 10%
- Báo cáo BA và Trình ca bệnh trong giao ban (CBD): 20%
- Nhận xét từ GV phụ trách: 10%
- Chuyên cần: 10%

**Lượng giá cuối kỳ:** 50%

- Vấn đáp – Bộc BN, làm BA và trình BA (CBD): 50%

**Lượng giá lâm sàng** = 0.5\* Lượng giá tiến trình + 0.5\*Lượng giá cuối kỳ

##### 3.1.2. Lượng giá tiến trình

###### a. Mini-CEX cải tiến

- Thời gian dự kiến: Vào giữa học phần
- Trọng số điểm là: 0,1 tổng điểm lượng giá lâm sàng

###### b. Báo cáo giao ban

Học viên báo cáo giao ban cần chuẩn bị:

- Case lâm sàng là bệnh nhân thực tế gặp tại khoa phòng, tua trực
- Cung cấp tổng quan tài liệu tham khảo theo cách tiếp cận của y học thực chứng về tiêu chuẩn chẩn đoán, phương pháp điều trị, tiên và dự phòng... về chủ đề/bệnh chọn báo cáo giao ban.
- Đưa ra những vấn đề cần làm sáng tỏ trên case lâm sàng
- Bàn luận dưới sự cố vấn và hướng dẫn của giảng viên để thực hiện chẩn đoán, đề xuất hướng quản lý tối ưu cho case lâm sàng theo cách tiếp cận dựa trên bằng chứng khoa học.

### c. Chuyên cần

- Học viên chỉ được thi kỹ năng khi tham gia đầy đủ các buổi học lâm sàng.
- Trọng số điểm là: 0,1 tổng điểm lượng giá lâm sàng

### 3.1.3. Lượng giá cuối kỳ

#### a. Điều kiện dự thi

- Học viên không được nghỉ quá 10% số buổi lâm sàng và không bỏ buổi trực nào.

#### b. Biện luận lâm sàng (CBD)

- Hình thức: Thảo luận dựa trên các case lâm sàng tại các khoa lâm sàng
- Lượng giá dựa trên form chấm CBD xây dựng trước.
- Thời gian dự kiến: tuần cuối cùng kết thúc học phần.
- Trọng số điểm: 0,5 tổng điểm lâm sàng.

### 3.2. Tỷ lệ tính điểm cho các phần lượng giá kiến thức

- |                                                   |     |
|---------------------------------------------------|-----|
| - Chuyên cần                                      | 10% |
| - Lượng giá vào giữa kỳ học kỳ: báo cáo chuyên đề | 30% |
| - Lượng giá vào cuối học kỳ: MCQs                 | 60% |

Công thức tính điểm lượng giá kiến thức =  $0.1 * \text{chuyên cần} + 0.3 * \text{Báo cáo chuyên đề} + 0.6 * \text{MCQs}$

#### a. Điều kiện dự thi

- Học viên tham dự ít nhất 80% số tiết lên lớp lý thuyết đã quy định trong đề cương chi tiết môn học

- Tự hoàn thành các bài tập được giao và nộp bài đúng thời gian quy định.

**b. Báo cáo chuyên đề**

- Hình thức: báo cáo chuyên đề trong word từ 10 đến 20 trang, trình bày báo cáo bằng Powerpoint.

- Thời gian dự kiến: 2 tuần trước khi kết thúc học phần

- Trọng số điểm là: 0.3 tổng điểm lượng giá lý thuyết

**c. Thi MCQs:**

- Hình thức: Thi tự luận có cấu trúc MCQs 30 câu trong thời gian 45 phút liên quan đến các vấn đề bệnh lý phụ khoa thường gặp.

- Thời gian dự kiến: vào tuần cuối của học phần

- Trọng số điểm là: 0.6 tổng điểm lượng giá lý thuyết

Lượng giá MCQ, 30 câu/45 phút, cấu trúc theo ma trận sau:

	Bloom				Tổng (Số câu)
	Nhớ	Hiểu	Áp dụng	Phân tích	
CLO1	0	0	15	0	15
CLO2	0	0	15	0	15
<b>Tổng (số câu)</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>30</b>	<b>0</b>	<b>30</b>

Điểm số MCQs = số câu trả lời ĐÚNG/tổng số câu MCQs x 10.

**3.3. Điểm tổng kết học phần**

$$\text{Điểm TKHP} = \text{LS} \times 0,5 + \text{LT} \times 0,5$$

Học viên được coi là ĐẠT học phần nếu điểm lượng giá lâm sàng và lượng giá lý thuyết của học phần  $\geq 5,5$ . Ngược lại, học viên bị đánh giá là trượt, phải học lại và thi lại học phần lâm sàng và/hoặc lý thuyết có điểm thi không đạt.

**4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY**

Nội dung	Số tiết			Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học	Giảng viên
	Lý thuyết	Thực hành/	Tự học			

		Lâm sàng				
Bài 1: Đại cương về vô sinh- Nguyên nhân gây vô sinh	0	5	5	CLO1, 2,3	Tự học	
Bài 2: Vô sinh do rối loạn phóng noãn	0	5	5	CLO1, 2,3	CBL + báo cáo chuyên đề	TS. BS. Đỗ Quang Anh
Bài 3. Lạc nội mạc tử cung và vô sinh	0	5	5	CLO1, 2	CBL + báo cáo chuyên đề	TS. BS. Vũ Thúy Hà
Bài 4. Vô sinh do nguyên nhân từ tử cung	3	5	5	CLO1, 2	CBL + báo cáo chuyên đề	PGS.TS. BS Vũ Văn Tâm
Bài 5. Vô sinh do nguyên nhân di truyền và miễn dịch	3	5	5	CLO1, 2	CBL + báo cáo chuyên đề	PGS.TS. BS Vũ Văn Tâm
Bài 6. Vô sinh do nam	0	5	5	CLO1, 2	CBL + báo cáo chuyên đề	PGS. TS. Trịnh Thế Sơn
Bài 7. Hội chứng quá kích buồng trứng	3	10	5	CLO1, 2	CBL + báo cáo chuyên đề	TS. Vũ Thị Bích Loan

Bài 8. Các phác đồ kích thích buồng trứng trong HTSS	3	10	5	CLO1, 2	CBL + báo cáo chuyên đề	PGS.Lê Hoàng
Bài 9. Các Phương pháp HTSS	3	10	5	CLO1, 2	CBL + báo cáo chuyên đề	PGS.TS. BS Vũ Văn Tâm
Tổng	15	60	45			

## 5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

### 5.1. Tài liệu học tập

1. Bộ môn Phụ Sản, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng (2014): “Bài giảng sau đại học”, Nhà xuất bản y học năm 2014

2. Tài liệu phát tay

### 5.2. Tài Liệu Tham Khảo

1. Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị các bệnh sản phụ khoa, Tác giả: Nguyễn Việt Tiến, Nhà xuất bản Y học (2018)

2. Kỹ năng thực hành sản phụ khoa, Tác giả Trần Thị Lợi, Nxb. ĐHQG tp. Hồ Chí Minh (2021).

3. Giáo trình Sản phụ khoa, Tập 2: Phụ khoa, Tác giả Nguyễn Vũ Quốc Huy, Cao Ngọc Thành, Lê Minh Tâm, Trương Quang Vinh, NXB Đại học Huế (2022).

4. Akram M Shaaban MBBCh, Douglas Rogers MD (2021): Diagnostic Imaging: Gynecology 3rd edition, Elsevier.

5. Robert Casanova, Alice Chuang, et al (2023): Beckmann and Ling’s Obstetrics and Gynecology, 9th edition, Wolters Kluwer.

6. Sonal Panchal, Chaitanya Nagori (2022): Practical Guide to Ultrasound in Obstetrics and Gynecology: A Comprehensive Book, Jaypee Brothers Medical Publishers.

7. Peter M. Doubilet, Carol B. Benson, Beryl R. Benacerraf (2018): Atlas of Ultrasound in Obstetrics and Gynecology, Wolters Kluwer.
8. Barbara L. Hoffman, John O. Schorge, Lisa M. Halvorson, Cherine A. Hamid, Marlene M. Corton, Joseph I. Schaffer (2020): Williams Gynecology 4<sup>th</sup> edition, McGraw Hill.
9. Linda Van Le, Victoria L. Handa, Danielle Patterson (2023): Te Linde's Operative Gynecology, 13<sup>th</sup> edition, Wolters Kluwer.
10. Tommaso Falcone, M. Jean Uy-Kroh, Linda Bradley, Jonathan S. Berek (2017): Operative Techniques in Gynecologic Surgery: Gynecology, Wolters Kluwer.
11. Steven T Nakajima, Travis W McCoy, Miriam S Krause, Jonathan S. Berek (2017): Operative Techniques in Gynecologic Surgery: REI: Reproductive, Endocrinology and Infertility, Wolters Kluwer.
12. Christopher M. Tarnay, Jonathan S. Berek (2018): Operative Techniques in Gynecologic Surgery: Urogynecology, Wolters Kluwer.

### 6.1. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1	PGS.TS. BS Vũ Văn Tâm	BM SPK	drvuvantam@gmail.com
2	PGS.TS.BS Lê Hoàng	BVĐK Tâm Anh	lehoang2001@gmail.com
3	PGS.TS.BS Trịnh Thế Sơn	Học viện Quân Y	trinhtheson@vmmu.edu.vn
6	TS.BS Đỗ Quang Anh	BM SPK	dqanh@hpmu.edu.vn
9	TS.BS. Vũ Thị Bích Loan	BVPSHP	drloantss@gmail.com
12	TS. Vũ Thuý Hà	BM Mô – Bệnh học	vthuy@hpmu.edu.vn

### 6.2. Danh sách cán bộ hỗ trợ giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Nhiệm vụ
1	ThS.BS. Nguyễn Thị Mai Phuong	BM SPK	Trợ giảng LT-TH
2	ThS.BS. Lê Anh Nam	BM SPK	Trợ giảng LT-TH
3	ThS.BS. Bùi Văn Hiếu	BM SPK	Trợ giảng LT-TH
4	BSNT. Lê Đắc Hiệp	BM SPK	Trợ giảng LT-TH
5	ThS.BS. Nguyễn Thị Thủy	BM SPK	Trợ giảng LT-TH
6	ThS.BS. Phạm Thanh Nhân	BM SPK	Trợ giảng LT-TH
7	ThS.BS. Trần Thu Hà	BM SPK	Trợ giảng LT-TH
8	ThS.BS. Nguyễn Thị Lan Oanh	BM SPK	Trợ giảng LT-TH
9	ThS.BS. Phạm Thị Diễm	BM SPK	Trợ giảng LT-TH

## 7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu, bảng di động, mic không dây, wifi, phần mềm tương tác Kahoot, Poll Everywhere, Menti, trung tâm mô phỏng.

## 8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

**Phụ trách Học phần**

(Ký và ghi rõ họ tên)



PGS.TS. Vũ Văn Cẩm

PGS.TS. Vũ Văn Cẩm

**Phụ trách CTĐT**

(Ký và ghi rõ họ tên)



PGS.TS. Vũ Văn Cẩm

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN NỘI TIẾT SINH SẢN

### 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: NỘI TIẾT SINH SẢN	
Mã học phần: Lâm sàng: 005809, lý thuyết: 005808	
Đối tượng áp dụng: Thạc sĩ ứng dụng	
Loại học phần: <input type="checkbox"/> x Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức:	<input type="checkbox"/> Giáo dục đại cương <input type="checkbox"/> Chuyên ngành <input type="checkbox"/> Cơ sở ngành. <input checked="" type="checkbox"/> x Tự chọn <input type="checkbox"/> Ngành
Khoa/Bộ môn/Module/Đơn vị phụ trách: Bộ môn Sản - Phụ khoa	
Email liên hệ: dqanh@hpmu.edu.vn	
Điện thoại liên hệ: 0976134682	

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Lâm sàng	Tự học
Tín chỉ/ĐVHT	3	1	0	2	0
Số tiết	130	15	0	60	55
Số buổi	28	5	0	12	11

### 2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

#### Mô tả chung

Học phần nội tiết sinh sản là một trong những học phần tự chọn nhằm cung cấp cho học viên những kiến thức về hoạt động chức năng của hệ sinh sản, sự điều hoà hormon, từ đó tiếp cận, sàng lọc, chẩn đoán, quản lý được các rối loạn liên quan đến nội tiết sinh sản, dựa trên bằng chứng khoa học tốt nhất; hình thành thái độ chuyên nghiệp, phối hợp hiệu quả với nhóm làm việc, tôn trọng các qui định của hệ thống y tế trong thực hành chuyên khoa. Học xong học phần này, học viên có khả năng cung

cấp dịch vụ chăm sóc có chất lượng tốt cho cộng đồng trong việc sàng lọc, chẩn đoán và quản lý các vấn đề về nội tiết sinh sản thường gặp.

**Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes –CLOs)**

<b>CĐR học phần (CLO)</b>	<b>Mô tả CĐR học phần (CLO)</b>	<b>CĐR của CTĐT (PLO)</b>
CLO1	Áp dụng kiến thức về cơ chế hoạt động của trục hạ đồi – tuyến yên – buồng trứng, khoa học lâm sàng để giải thích các hiện tượng sinh lý và các rối loạn nội tiết sinh sản thường gặp qua các thời kỳ sinh sản và ứng dụng lâm sàng	PLO 1,2
CLO2	Áp dụng cơ chế tác động của các sex steroids để giải thích một số rối loạn nội tiết sinh sản thường gặp qua các thời kỳ sinh sản và ứng dụng lâm sàng	PLO 1,2
CLO3	Áp dụng kiến thức về cơ chế hoạt động của trục hạ đồi – tuyến yên – buồng trứng, cơ chế tác động của các sex steroids, sinh lý bệnh sinh dục sinh sản và khoa học lâm sàng để sàng lọc, chẩn đoán, điều trị các bệnh lý nội tiết thời kỳ sinh sản.	PLO1,2,3, 4,5,6,7,8, 10,11,12, 13,14,15
CLO4	Áp dụng kiến thức về cơ chế hoạt động của trục hạ đồi – tuyến yên – buồng trứng, cơ chế tác động của các sex steroids, khoa học lâm sàng để giải thích sự phù hợp của các biểu hiện lâm sàng, chẩn đoán, điều trị cho trường hợp mãn kinh	PLO1,2,3, 4,5,6,7,8, 10,11,12, 13,14, 15

**3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN**

**3.1. Lượng giá lâm sàng**

**3.1.1. Hình thức áp dụng và cách tính điểm**

*Lượng giá tiến trình:*

**50%**

- Mini-CEX cải tiến (M):	10%
- Báo cáo BA và Trình ca bệnh trong giao ban (CBD):	20%
- Nhận xét từ GV phụ trách:	10%
- Chuyên cần:	10%
<b>Lượng giá cuối kỳ:</b>	<b>50%</b>
- Vấn đáp – Bốc BN, làm BA và trình BA (CBD):	50%

**Lượng giá lâm sàng** = 0.5\* Lượng giá tiến trình + 0.5\*Lượng giá cuối kỳ

### 3.1.2. Lượng giá tiến trình

#### a. Mini-CEX cải tiến

- Thời gian dự kiến: Vào giữa học phần
- Trọng số điểm là: 0,1 tổng điểm lượng giá lâm sàng

#### b. DOPS

- Thời gian dự kiến: Vào giữa học phần
- Trọng số điểm là: 0,1 tổng điểm lượng giá lâm sàng

#### c. Báo cáo giao ban

Học viên báo cáo giao ban cần chuẩn bị:

- Case lâm sàng là bệnh nhân thực tế gặp tại khoa phòng, tua trực
- Cung cấp tổng quan tài liệu tham khảo theo cách tiếp cận của y học thực chứng về tiêu chuẩn chẩn đoán, phương pháp điều trị, tiên và dự phòng... về chủ đề/bệnh chọn báo cáo giao ban.
- Đưa ra những vấn đề cần làm sáng tỏ trên case lâm sàng
- Bàn luận dưới sự cố vấn và hướng dẫn của giảng viên để thực hiện chẩn đoán, đề xuất hướng quản lý tối ưu cho case lâm sàng theo cách tiếp cận dựa trên bằng chứng khoa học.

#### d. Chuyên cần

- Học viên chỉ được thi kỹ năng khi tham gia đầy đủ các buổi học lâm sàng.
- Trọng số điểm là: 0,1 tổng điểm lượng giá lâm sàng

### 3.1.3. Lượng giá cuối kỳ

a. Điều kiện dự thi

- Học viên không được nghỉ quá 10% số buổi lâm sàng và không bỏ buổi trực nào.

b. Biện luận lâm sàng (CBD)

- Hình thức: Thảo luận dựa trên các case lâm sàng tại các khoa lâm sàng
- Lượng giá dựa trên form chấm CBD xây dựng trước.
- Thời gian dự kiến: tuần cuối cùng kết thúc học phần.
- Trọng số điểm: 0,35 tổng điểm lâm sàng.

**3.2. Tỷ lệ tính điểm cho các phần lượng giá kiến thức**

- |                                                   |            |
|---------------------------------------------------|------------|
| - Chuyên cần                                      | <b>10%</b> |
| - Lượng giá vào giữa kỳ học kỳ: báo cáo chuyên đề | <b>30%</b> |
| - Lượng giá vào cuối học kỳ: MCQs                 | <b>60%</b> |

Công thức tính điểm lượng giá kiến thức =  $0.1 * \text{chuyên cần} + 0.3 * \text{Báo cáo chuyên đề} + 0.6 * \text{MCQs}$

a. Điều kiện dự thi

- Học viên tham dự ít nhất 80% số tiết lên lớp lý thuyết đã quy định trong đề cương chi tiết môn học
- Tự hoàn thành các bài tập được giao và nộp bài đúng thời gian quy định.

b. Báo cáo chuyên đề

- Hình thức: báo cáo chuyên đề trong word từ 10 đến 20 trang, trình bày báo cáo bằng Powerpoint.
- Thời gian dự kiến: 2 tuần trước khi kết thúc học phần
- Trọng số điểm là: 0.3 tổng điểm lượng giá lý thuyết

c. Thi MCQs:

- Hình thức: Thi tự luận có cấu trúc MCQs 30 câu trong thời gian 45 phút liên quan đến các vấn đề nội tiết sinh sản thường gặp.
  - Thời gian dự kiến: vào tuần cuối của học phần
  - Trọng số điểm là: 0.6 tổng điểm lượng giá lý thuyết
- Lượng giá MCQ, 30 câu/45 phút, cấu trúc theo ma trận sau:

	Bloom				Tổng (Số câu)
	Nhớ	Hiểu	Áp dụng	Phân tích	
CLO1	0	0	7	0	7
CLO2	0	0	7	0	7
CLO3	0	0	8	0	8
CLO4	0	0	8	0	8
<b>Tổng (số câu)</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>30</b>	<b>0</b>	<b>30</b>

Điểm số MCQs = số câu trả lời ĐÚNG/tổng số câu MCQs x 10.

### 3.3. Điểm tổng kết học phần

$$\text{Điểm TKHP} = \text{LS} \times 0,5 + \text{LT} \times 0,5$$

Học viên được coi là ĐẠT học phần nếu điểm lượng giá lâm sàng và lượng giá lý thuyết của học phần  $\geq 5,5$ . Ngược lại, học viên bị đánh giá là trượt, phải học lại và thi lại học phần lâm sàng và/hoặc lý thuyết có điểm thi không đạt.

## 4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

Nội dung	Số tiết			Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học	Giảng viên
	Lý thuyết	Thực hành /Lâm sàng	Tự học			
Bài 1: Trục hạ đồi - tuyến yên - buồng trứng	0	5	5	CLO1	Tự học	
Bài 2: Sex steroids sinh chuyển hoá và cơ chế tác dụng	0	5	5	CLO2	CBL + báo cáo chuyên đề	TS. BS. Vũ Thúy Hà
Bài 3. Vai trò của trục hạ đồi tuyến yên buồng	0	5	5	CLO1	Tự học	

trúng với chu kỳ buồng trúng, chu kỳ niêm mạc tử cung và đường sinh dục						
Bài 4. Progesterone trong thực hành sản phụ khoa	0	5	5	CLO1,2,3	CBL + báo cáo chuyên đề	PGS. TS. Vũ Văn Tâm
Bài 5. Vô kinh	3	5	5	CLO1,2,3,4	CBL + báo cáo chuyên đề	TS.BS Đỗ Quang Anh
Bài 6. Xuất huyết tử cung bất thường	0	5	5	CLO1,2,3	CBL + báo cáo chuyên đề	TS. Phạm Thị Mai Anh
Bài 7. Nội tiết tuổi dậy thì và các rối loạn tuổi dậy thì	3	10	5	CLO1,2,3	CBL + báo cáo chuyên đề	BSCCKII. Thái Thị Huyền
Bài 8. Nội tiết quanh mãn kinh và mãn kinh	3	5	5	CLO1,2,4	CBL + báo cáo chuyên đề	TS.BS Đỗ Quang Anh
Bài 9: Liệu pháp hormon thay thế	3	5	5	CLO1,2,3,4	CBL + báo cáo chuyên đề	TS.BS Đỗ Quang Anh

Bài 10: Nội tiết học thai nghén	0	5	5	CLO1,2,3	CBL + báo cáo chuyên đề	PGS. TS. Vũ Văn Tâm
Bài 11: Nội tiết với các khối u tử cung và khối u buồng trứng	3	5	5	CLO1,2,3,4	CBL + báo cáo chuyên đề	TS. Phạm Thị Mai Anh
Tổng	15	60	55			

## 5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

### 5.1. Tài liệu học tập

1. Bộ môn Phụ Sản, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng (2014): “Bài giảng sau đại học”, Nhà xuất bản y học năm 2014

2. Tài liệu phát tay

### 5.2. Tài Liệu Tham Khảo

1. Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị các bệnh sản phụ khoa, Tác giả: Nguyễn Việt Tiến, Nhà xuất bản Y học (2018)

2. Kỹ năng thực hành sản phụ khoa, Tác giả Trần Thị Lợi, Nxb. ĐHQG tp. Hồ Chí Minh (2021).

3. Giáo trình Sản phụ khoa, Tập 2: Phụ khoa, Tác giả Nguyễn Vũ Quốc Huy, Cao Ngọc Thành, Lê Minh Tâm, Trương Quang Vinh, NXB Đại học Huế (2022).

4. Akram M Shaaban MBBCh, Douglas Rogers MD (2021): Diagnostic Imaging: Gynecology 3rd edition, Elsevier.

5. Robert Casanova, Alice Chuang, et al (2023): Beckmann and Ling’s Obstetrics and Gynecology, 9th edition, Wolters Kluwer.

6. Sonal Panchal, Chaitanya Nagori (2022): Practical Guide to Ultrasound in Obstetrics and Gynecology: A Comprehensive Book, Jaypee Brothers Medical Publishers.

7. Peter M. Doubilet, Carol B. Benson, Beryl R. Benacerraf (2018): Atlas of Ultrasound in Obstetrics and Gynecology, Wolters Kluwer.
8. Barbara L. Hoffman, John O. Schorge, Lisa M. Halvorson, Cherine A. Hamid, Marlene M. Corton, Joseph I. Schaffer (2020): Williams Gynecology 4<sup>th</sup> edition, McGraw Hill.
9. Linda Van Le, Victoria L. Handa, Danielle Patterson (2023): Te Linde's Operative Gynecology, 13<sup>th</sup> edition, Wolters Kluwer.
10. Tommaso Falcone, M. Jean Uy-Kroh, Linda Bradley, Jonathan S. Berek (2017): Operative Techniques in Gynecologic Surgery: Gynecology, Wolters Kluwer.
11. Steven T Nakajima, Travis W McCoy, Miriam S Krause, Jonathan S. Berek (2017): Operative Techniques in Gynecologic Surgery: REI: Reproductive, Endocrinology and Infertility, Wolters Kluwer.
12. Christopher M. Tarnay, Jonathan S. Berek (2018): Operative Techniques in Gynecologic Surgery: Urogynecology, Wolters Kluwer.

## 6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY

### 6.1. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1	PGS.TS. BS Vũ Văn Tâm	BM SPK	drvuvantam@gmail.com
5	TS. Phạm Thị Mai Anh	BM SPK	drmaianhhp3105@gmail.com
6	TS.BS Đỗ Quang Anh	BM SPK	dqanh@hpmu.edu.vn
9	TS.BS. Vũ Thị Bích Loan	BVPSHP	drloantss@gmail.com
12	TS. Vũ Thuý Hà	BM Mô – Bệnh học	vthuy@hpmu.edu.vn
13	BSCCKII. Thái Thị Huyền	BM SPK	tthuyen@hpmu.edu.vn

### 6.2. Danh sách cán bộ hỗ trợ giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Nhiệm vụ
-----	-----------	--------	----------

1	ThS.BS. Nguyễn Thị Mai Phương	BM SPK	Trợ giảng LT-TH
2	ThS.BS. Lê Anh Nam	BM SPK	Trợ giảng LT-TH
3	ThS.BS. Bùi Văn Hiếu	BM SPK	Trợ giảng LT-TH
4	BSNT. Lê Đắc Hiệp	BM SPK	Trợ giảng LT-TH
5	ThS.BS. Nguyễn Thị Thủy	BM SPK	Trợ giảng LT-TH
6	ThS.BS. Phạm Thanh Nhân	BM SPK	Trợ giảng LT-TH
7	ThS.BS. Trần Thu Hà	BM SPK	Trợ giảng LT-TH
8	ThS.BS. Nguyễn Thị Lan Oanh	BM SPK	Trợ giảng LT-TH
9	ThS.BS. Phạm Thị Diễm	BM SPK	Trợ giảng LT-TH

### 7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu, bảng di động, mic không dây, wifi, phần mềm tương tác Kahoot, Poll Everywhere, Menti, trung tâm mô phỏng.

### 8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

**Phụ trách Học phần**

(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Phạm Thị Mai Anh

**Phụ trách CTĐT**

(Ký và ghi rõ họ tên)



PGS.TS. Vũ Văn Tâm

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN ELECTRONIC FETAL MONITORING

### 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: <b>ELECTRONIC FETAL MONITORING (EFM)</b>	
Mã học phần: Lâm sàng: 005813, lý thuyết: 005812	
Đối tượng áp dụng: Thạc sĩ ứng dụng	
Loại học phần: <input type="checkbox"/> Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/> Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức:	<input type="checkbox"/> Giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/> Chuyên ngành <input type="checkbox"/> Cơ sở ngành. <input type="checkbox"/> Tự chọn <input type="checkbox"/> Ngành
Khoa/Bộ môn/Module/Đơn vị phụ trách: Bộ môn Sản - Phụ khoa	
Email liên hệ: <a href="mailto:bmsan@hpmu.edu.vn">bmsan@hpmu.edu.vn</a> ; <a href="mailto:dqanh@hpmu.edu.vn">dqanh@hpmu.edu.vn</a>	
Điện thoại liên hệ: 0976134682	

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Lâm sàng	Tự học
Tín chỉ/ĐVHT	3	1	0	2	0
Số tiết	100	15	0	60	25
Số buổi	20	3	0	12	5

### 2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

#### Mô tả chung

Học Phần EfM trong sản phụ khoa là một trong những học phần tự chọn nhằm giúp học viên thạc sĩ sản phụ khoa đạt được kiến thức đầy đủ về cách sử dụng, chỉ định, phiên giải kết quả biểu đồ tim thai và cơn co tử cung trong lượng giá sức khỏe của thai và theo dõi chuyển dạ, trong phát hiện một số tình trạng bệnh lý sản khoa, từ đó học viên Thạc sĩ chuyên ngành Sản thuần thực kỹ năng đọc và phân tích một băng CTG (Cardiotocography) và đưa ra quyết định lâm sàng phù hợp.

## Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes –CLOs)

CĐR học phần (CLO)	Mô tả CĐR học phần (CLO)	CĐR của CTĐT (PLO)
CLO1	Nắm vững kiến thức về nguyên lý của phương pháp EFM trong lượng giá sức khỏe thai.	PLO1
CLO2	Sử dụng thành thạo máy monitoring sản khoa, đọc và phân tích một băng CTG	PLO1
CLO3	Nhận diện được những bất thường trên băng CTG và đề xuất được hướng xử trí phù hợp.	PLO1,4,5

### 3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

#### 3.1. Điều kiện tham dự kì thi kết thúc học phần

- Tham gia đầy đủ và đúng giờ các buổi học lý thuyết và thực hành.
- Tự hoàn thành các bài tập được giao và nộp bài đúng thời gian quy định.
- Nghiêm túc trong các buổi học lý thuyết và thực hành.
- Học viên không được nghỉ quá 10% số buổi học.

#### 3.2. Nội dung lượng giá

Để đảm bảo thạc sĩ được đánh giá đúng năng lực và hỗ trợ thạc sĩ trong quá trình học để đạt được các mốc năng lực đã xác định, thạc sĩ được lượng giá với các phương pháp cụ thể như sau:

- Lượng giá tiến trình (giữa kỳ): Diễn giải kết quả bài báo khoa học, Áp dụng Y học thực chứng vào tình huống lâm sàng.
- Lượng giá cuối kỳ: OSCE cho lượng giá thực hành, MCQs cho lượng giá kiến thức.
- Lượng giá không tính điểm, dùng tham khảo với quyết định cuối cùng:
  - o Chỉ tiêu lâm sàng, chuyên cần: rà soát, đánh giá và phản hồi sau vòng luân khoa

- Phản hồi 360, áp dụng cuối học kỳ (Lấy ý kiến phản hồi từ GV, Bác sĩ hướng dẫn)

Ban năng lực lâm sàng rà soát tổng thể vào cuối học kỳ và Quyết định mức năng lực mà thực sĩ đạt được vào cuối học kỳ và có kế hoạch hỗ trợ tiếp theo – remediation (nếu cần).

### 3.3. Lượng giá thực hành

#### 3.3.1. Hình thức áp dụng và cách tính điểm

**Lượng giá tiến trình:** **50%**

- Phân tích 1 biểu đồ CTG: 10%
- Ra quyết định lâm sàng dựa vào CTG và bối cảnh lâm sàng 20%
- Nhận xét từ GV phụ trách: 10%
- Chuyên cần: 10%

**Lượng giá cuối kỳ:** **50%**

- Ở tuần cuối của học phần, học viên trải qua 1 kỳ thi OSCE gồm 3 trạm được xây dựng trên các tình huống lâm sàng có thật:

+ 02 tình huống lâm sàng phân tích CTG

+ 01 tình huống về ra quyết định lâm sàng dựa vào phiên giải CTG và các thông tin lâm sàng.

Thang điểm chấm 1 trạm là 10 điểm, Điểm thực hành cuối kỳ = Điểm OSCE = trung bình cộng của điểm thi 3 trạm

**Điểm lượng giá lâm sàng** = 0.5\*Lượng giá tiến trình + 0.5\*Lượng giá cuối kỳ

#### 3.3.2. Lượng giá tiến trình

##### a. Phân tích 1 biểu đồ CTG theo chỉ định

- Thời gian dự kiến: Vào giữa học phần
- Trọng số điểm là: 0,1 tổng điểm lượng giá lâm sàng

##### b. Ra quyết định lâm sàng dựa vào CTG và bối cảnh lâm sàng

- Thời gian dự kiến: Vào giữa học phần
- Trọng số điểm là: 0,2 tổng điểm lượng giá lâm sàng

- Học viên chuẩn bị báo cáo 1 tình huống lâm sàng có ghi CTG. Học viên cần thu thập đầy đủ các thông tin lâm sàng và cận lâm sàng từ người bệnh, kết hợp với kết quả CTG để ra quyết định lâm sàng phù hợp.

*c. Nhận xét từ giảng viên phụ trách*

- Vào các thời điểm giữa và 02 tuần trước khi kết thúc học phần.
- Giảng viên theo dõi cho phản hồi về quá trình học tập của học viên theo mẫu.
- Trọng số điểm là: 0,1 tổng điểm lượng giá lâm sàng

*d. Chuyên cần*

- Học viên chỉ được thi kỹ năng khi tham gia đầy đủ các buổi học lâm sàng.
- Trọng số điểm là: 0,1 tổng điểm lượng giá lâm sàng

**3.3.3. Lượng giá OSCE cuối kỳ**

*a. Điều kiện dự thi*

- Học viên không được nghỉ quá 10% số thực hành

*b. Nội dung thi*

- 03 trạm OSCE được thiết kế sẵn, thời lượng mỗi trạm thi là 5 phút

**3.4. Tỷ lệ tính điểm cho các phần lượng giá kiến thức**

- Chuyên cần 10%
- Lượng giá vào giữa kỳ học kỳ: báo cáo chuyên đề 30%
- Lượng giá vào cuối học kỳ: MCQs 60%

Công thức tính điểm lượng giá kiến thức = 0.1 \* chuyên cần + 0.3\*Báo cáo chuyên đề + 0.6\*MCQs

Lượng giá MCQ, 20 câu/30 phút, cấu trúc theo ma trận sau:

	Bloom				Tổng (Số câu)
	Nhớ	Hiểu	Áp dụng	Phân tích	
CLO1	0	0	4	0	4
CLO2	0	0	8	0	8

CLO3	0	0	8	0	8
<b>Tổng (số câu)</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>20</b>	<b>0</b>	<b>20</b>

Điểm số bài thi LT = số câu trả lời ĐÚNG/tổng số câu MCQs x 10.

### 3.5. Điểm tổng kết học phần

$$\text{Điểm TKHP} = \text{LS} \times 0,5 + \text{LT} \times 0,5$$

Học viên được coi là ĐẠT học phần nếu điểm lượng giá lâm sàng và lượng giá lý thuyết của học phần  $\geq 5,5$ . Ngược lại, học viên bị đánh giá là trượt, phải học lại và thi lại học phần lâm sàng và/hoặc lý thuyết có điểm thi không đạt.

#### 4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

Nội dung	Số tiết			Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học	Giảng viên
	Lý thuyết	Thực hành /Lâm sàng	Tự học			
Bài 1: Cơ sở khoa học và nguyên lý cơ bản của EFM	0	10	5	CLO1,2,3 ,5,7,8,9,1 1,12,13,1 4,15	Tự học	
Bài 2: Vận hành máy monitoring sản khoa và phân tích băng CTG	0	10	5	CLO1,2,3 ,5,7,8,9,1 1,12,13,1 4,15	Tự học	
Bài 3: Non-stress test	5	10	5	CLO1,2,3 ,5,7,8,9,1 1,12,13,1 4,15	CBL/Báo cáo chuyên đề	TS.BS. Nguyễn Thị Hoàng Trang
Bài 4: Stress test	5	10	5	CLO1,2,3 ,5,7,8,9,1 1,12,13,1 4,15	CBL/Báo cáo chuyên đề	BSCCKII. Thái Thị Huyền
Bài 5. Theo dõi tim thai và cơn co tử	5	20	5	CLO1,2,3 ,5,7,8,9,1	CBL/Báo cáo chuyên đề	TS.BS Đỗ Quang Anh

cung trong chuyên dạ				1,12,13,1 4,15		
Tổng	15	60	25			

## 5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

### 5.1. Tài liệu học tập

- Tài liệu phát tay

### 5.2. Tài liệu tham khảo

- CTG made easy, biên dịch GS. Nguyễn Duy Tài, NXB Tổng hợp TPHCM, 2018.

- Âu Nhật Luân, Võ Minh Tuấn, Vương Thị Ngọc Lan, Nguyễn Hồng Hoa (2020), Bài Giảng Sản Khoa, NXB Y học.

## 6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY

### 6.1. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1	TS.BS Đỗ Quang Anh	BM SPK	dqanh@hpmu.edu.vn
2	TS.BS. Nguyễn Thị Hoàng Trang	BM SPK	nthtrang@hpmu.edu.vn
3	TS.BS Vũ Quang Vinh	BVPSHP	tsvinhbvps@gmail.com
4	TS.BS. Nguyễn Hải Long	BVPSHP	nguyenhl.pshp@gmail.com
5	BSCKII. Thái Thị Huyền	BM SPK	tthuyen@hpmu.edu.vn
6	BSCKII. Bùi Thị Minh Thu	BVPSHP	Buithu17977@gmail.com
7	BSCKII. Lê Thị Dung	BVPSHP	ledungpshp@gmail.com

### 6.2. Danh sách cán bộ hỗ trợ giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Nhiệm vụ
1	ThS.BS. Nguyễn Thị Mai Phương	BM SPK	Trợ giảng LT-TH
2	ThS.BS. Lê Anh Nam	BM SPK	Trợ giảng LT-TH
3	ThS.BS. Bùi Văn Hiếu	BM SPK	Trợ giảng LT-TH
4	BSNT. Lê Đắc Hiệp	BM SPK	Trợ giảng LT-TH
5	ThS.BS. Nguyễn Thị Thủy	BM SPK	Trợ giảng LT-TH

6	ThS.BS. Phạm Thanh Nhân	BM SPK	Trợ giảng LT-TH
7	ThS.BS. Trần Thu Hà	BM SPK	Trợ giảng LT-TH
8	ThS.BS. Nguyễn Thị Lan Oanh	BM SPK	Trợ giảng LT-TH
9	ThS.BS. Phạm Thị Diễm	BM SPK	Trợ giảng LT-TH

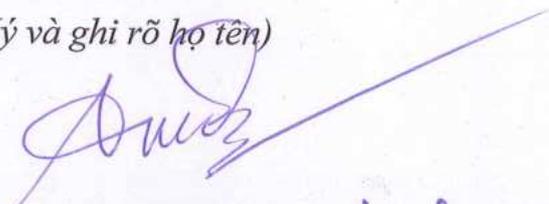
## 7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu, bảng di động, mic không dây, wifi, phần mềm tương tác Kahoot, Poll Everywhere, Menti, trung tâm mô phỏng.

## 8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

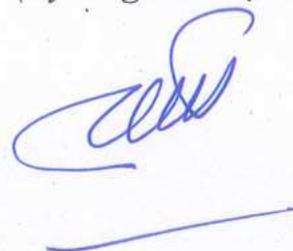
**Phụ trách Học phần**

(Ký và ghi rõ họ tên)

  
Đỗ Quang Anh

**Phụ trách CTĐT**

(Ký và ghi rõ họ tên)



PGS.TS. Vũ Văn Tâm

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN  
SÀNG LỌC VÀ CHẨN ĐOÁN TIỀN SẢN**

**1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN**

Tên học phần: <b>SÀNG LỌC VÀ CHẨN ĐOÁN TIỀN SẢN</b>	
Mã học phần: Lâm sàng: 005815, lý thuyết: 005814	
Đối tượng áp dụng: Thạc sĩ ứng dụng	
Loại học phần: <input type="checkbox"/> Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/> Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức:	<input type="checkbox"/> Giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/> Chuyên ngành <input type="checkbox"/> Cơ sở ngành. <input type="checkbox"/> Tự chọn <input type="checkbox"/> Ngành
Khoa/Bộ môn/Module/Đơn vị phụ trách: Bộ môn Sản - Phụ khoa	
Email liên hệ: nthtrang@hpmu.edu.vn	
Điện thoại liên hệ: 0938879590	

	<b>Tổng</b>	<b>Lý thuyết</b>	<b>Thực hành</b>	<b>Lâm sàng</b>	<b>Tự học</b>
Tín chi/ĐVHT	3	1	0	2	0
Số tiết	100	15	0	60	25
Số buổi	22	5	0	12	5

**2. MÔ TẢ HỌC PHẦN**

**Mô tả chung**

Học phần *Sàng lọc và chẩn đoán tiền sản* là một trong những học phần tự chọn nhằm cung cấp cho học viên thạc sĩ sản phụ khoa kiến thức về các phương pháp chẩn đoán tiền sản, nguyên lý và giá trị của từng phương pháp nhằm áp dụng trên lâm sàng để phát hiện sớm những bất thường của thai nhi.

**Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes –CLOs)**

<b>CĐR học phần</b>	<b>Mô tả CĐR học phần (CLO)</b>	<b>CĐR</b>

(CLO)		của CTĐT (PLO)
CLO1	Vận dụng kiến thức về sinh lý, sinh hóa và di truyền học để giải thích được cơ chế, cơ sở khoa học và nguyên lý hoạt động của các phương pháp sàng lọc và chẩn đoán tiền sản	PLO1,2,3, 4,5,7,8,10, 11,12,13, 14,15
CLO2	Vận dụng kiến thức về y học bằng chứng để chỉ định và phân tích kết quả của các phương pháp sàng lọc và chẩn đoán tiền sản	PLO1,2,3, 4,5,7,8,10, 11,12,13, 14,15
CLO3	Nhận định bất thường của thai và đề xuất hướng quản lý phù hợp.	PLO1,2,3, 4,5,6,7,8, 10,11,12, 13,14,15

### 3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

#### 3.1. Điều kiện tham dự kì thi kết thúc học phần

- Tham gia đầy đủ và đúng giờ các buổi học lý thuyết và thực hành.
- Tự hoàn thành các bài tập được giao và nộp bài đúng thời gian quy định.
- Nghiêm túc trong các buổi học lý thuyết và thực hành.
- Học viên không được nghỉ quá 10% số buổi học.

#### 3.2. Nội dung lượng giá

#### 3.3. Lượng giá thực hành

##### 3.3.1. Hình thức áp dụng và cách tính điểm

<b>Lượng giá tiến trình:</b>	<b>50%</b>
- Mini-CEX cải tiến (M):	10%
- DOPS (D):	10%
- Báo cáo BA và Trình ca bệnh trong giao ban (CBD):	10%
- Nhận xét từ GV phụ trách:	10%

- Chuyên cần: 10%
- Lượng giá cuối kỳ:** 50%
- Vấn đáp – Bốc BN, làm BA và trình BA (CBD): 50%

**Lượng giá lâm sàng** = 0.5\*Lượng giá tiến trình + 0.5\*Lượng giá cuối kỳ

### 3.3.2. Lượng giá tiến trình

#### a. Mini-CEX cải tiến

- Thời gian dự kiến: Vào giữa học phần
- Trọng số điểm là: 0,1 tổng điểm lượng giá lâm sàng

#### b. DOPS

- Thời gian dự kiến: Vào giữa học phần
- Trọng số điểm là: 0,1 tổng điểm lượng giá lâm sàng

#### c. Báo cáo giao ban

Học viên báo cáo giao ban cần chuẩn bị:

- Case lâm sàng là bệnh nhân thực tế gặp tại khoa phòng, tua trực
- Cung cấp tổng quan tài liệu tham khảo theo cách tiếp cận của y học thực chứng về tiêu chuẩn chẩn đoán, phương pháp điều trị, tiên và dự phòng... về chủ đề/bệnh chọn báo cáo giao ban.
- Đưa ra những vấn đề cần làm sáng tỏ trên case lâm sàng
- Bàn luận dưới sự cố vấn và hướng dẫn của giảng viên để thực hiện chẩn đoán, đề xuất hướng quản lý tối ưu cho case lâm sàng theo cách tiếp cận dựa trên bằng chứng khoa học.

#### d. Chuyên cần

- Học viên chỉ được thi kỹ năng khi tham gia đầy đủ các buổi học lâm sàng.
- Trọng số điểm là: 0,1 tổng điểm lượng giá lâm sàng

### 3.3.3. Lượng giá cuối kỳ

#### a. Điều kiện dự thi

- Học viên thực hiện đầy đủ số chỉ tiêu kiến tập các ca lâm sàng có thực hiện sàng lọc và chẩn đoán tiền sản (20 cases)
- Học viên không được nghỉ quá 10% số buổi lâm sàng và không bỏ buổi trực nào.

### Lượng giá lâm sàng

Chuẩn đầu ra	Hiểu và biết cách làm	Làm có sự giám sát liên tục	Làm có sự giám sát tối thiểu	Làm độc lập, không giám sát	Dạy người khác làm
CLO 5	-	X	-	-	-
CLO 6	-	X	-	-	-

#### b. Biện luận lâm sàng (CBD)

- Hình thức: Thảo luận dựa trên các case lâm sàng tại các khoa lâm sàng
- Lượng giá dựa trên form chấm CBD xây dựng trước.
- Thời gian dự kiến: tuần cuối cùng kết thúc học phần.
- Trọng số điểm: 0,5 tổng điểm lâm sàng.

#### 3.4. Tỷ lệ tính điểm cho các phần lượng giá kiến thức

- Chuyên cần **10%**
- Lượng giá vào giữa kỳ học kỳ: báo cáo chuyên đề **30%**
- Lượng giá vào cuối học kỳ: MCQs **60%**

Công thức tính điểm lượng giá kiến thức =  $0.1 * \text{chuyên cần} + 0.3 * \text{Báo cáo chuyên đề} + 0.6 * \text{MCQs}$

Lượng giá MCQ, 20 câu/30 phút, cấu trúc theo ma trận sau:

	Bloom				Tổng (Số câu)
	Nhớ	Hiểu	Áp dụng	Phân tích	
CLO1	0	0	6	0	6
CLO2	0	0	7	0	7
CLO3	0	0	7	0	7
<b>Tổng (số câu)</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>20</b>	<b>0</b>	<b>20</b>

Điểm số bài thi LT = số câu trả lời ĐÚNG / tổng số câu MCQs x 10.

#### 3.5. Điểm tổng kết học phần

$$\text{Điểm TKHP} = \text{LS} \times 0,5 + \text{LT} \times 0,5$$

Học viên được coi là ĐẠT học phần nếu điểm lượng giá lâm sàng và lượng giá lý thuyết của học phần  $\geq 5,5$ . Ngược lại, học viên bị đánh giá là trượt, phải học lại và thi lại học phần lâm sàng và/hoặc lý thuyết có điểm thi không đạt.

#### 4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

Nội dung	Số tiết			Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học	Giảng viên
	Lý thuyết	Thực hành / Lâm sàng	Tự học			
1. Đại cương các phương pháp chẩn đoán tiền sản	0	10	5	CLO1,2, 3,4	Tự học	
2. Phương pháp siêu âm sàng lọc trước sinh	3	10	0	CLO1,2, 3,4	CBL/Báo cáo chuyên đề	TS.BS. Nguyễn Thị Hoàng Trang
3. Các xét nghiệm sàng lọc trước sinh	3	10	5	CLO1,2, 3,4	CBL/Báo cáo chuyên đề	TS.BS. Nguyễn Thị Hoàng Trang
4. Chiến lược sàng lọc trước sinh các bất thường lệch bội	3	10	5	CLO1,2, 3,4	CBL/Báo cáo chuyên đề	TS.BS Đỗ Quang Anh

5. Phương pháp lấy bệnh phẩm của thai	3	10	5	CLO1,2,3,4	CBL/Báo cáo chuyên đề	PGS.TS. BS Vũ Văn Tâm
6. Một số kỹ thuật di truyền được áp dụng trong chẩn đoán tiền sản	3	10	5	CLO1,2,3,4	CBL/Báo cáo chuyên đề	BSCCKII. Thái Thị Huyền
Tổng	15	60	25			

## 5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

### 5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

#### 5.1. Tài liệu học tập

1. Bộ môn Phụ Sản, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng (2014): “Bài giảng sau đại học”, Nhà xuất bản y học năm 2014
2. Tài liệu phát tay

#### 5.2. Tài Liệu Tham Khảo

1. Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị các bệnh sản phụ khoa, Tác giả: Nguyễn Viết Tiến, Nhà xuất bản Y học (2018)
2. Kỹ năng thực hành sản phụ khoa, Tác giả Trần Thị Lợi, Nxb. ĐHQG tp. Hồ Chí Minh (2021).
3. Giáo trình Sản phụ khoa, Tập 2: Phụ khoa, Tác giả Nguyễn Vũ Quốc Huy, Cao Ngọc Thành, Lê Minh Tâm, Trương Quang Vinh, NXB Đại học Huế (2022).
4. Akram M Shaaban MBBCh, Douglas Rogers MD (2021): Diagnostic Imaging: Gynecology 3rd edition, Elsevier.
5. Robert Casanova, Alice Chuang, et al (2023): Beckmann and Ling’s Obstetrics and Gynecology, 9th edition, Wolters Kluwer.

6. Sonal Panchal, Chaitanya Nagori (2022): Practical Guide to Ultrasound in Obstetrics and Gynecology: A Comprehensive Book, Jaypee Brothers Medical Publishers.
7. Peter M. Doubilet, Carol B. Benson, Beryl R. Benacerraf (2018): Atlas of Ultrasound in Obstetrics and Gynecology, Wolters Kluwer.
8. Barbara L. Hoffman, John O. Schorge, Lisa M. Halvorson, Cherine A. Hamid, Marlene M. Corton, Joseph I. Schaffer (2020): Williams Gynecology 4<sup>th</sup> edition, McGraw Hill.
9. Linda Van Le, Victoria L. Handa, Danielle Patterson (2023): Te Linde's Operative Gynecology, 13<sup>th</sup> edition, Wolters Kluwer.
10. Tommaso Falcone, M. Jean Uy-Kroh, Linda Bradley, Jonathan S. Berek (2017): Operative Techniques in Gynecologic Surgery: Gynecology, Wolters Kluwer.
11. Steven T Nakajima, Travis W McCoy, Miriam S Krause, Jonathan S. Berek (2017): Operative Techniques in Gynecologic Surgery: REI: Reproductive, Endocrinology and Infertility, Wolters Kluwer.
12. Christopher M. Tarnay, Jonathan S. Berek (2018): Operative Techniques in Gynecologic Surgery: Urogynecology, Wolters Kluwer.

## 6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY

### 6.1. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1	TS.BS. Nguyễn Thị Hoàng Trang	BM SPK	nthtrang@hpmu.edu.vn
2	PGS.TS. BS Vũ Văn Tâm	BM SPK	drvuvantam@gmail.com
3	TS.BS Đỗ Quang Anh	BM SPK	dqanh@hpmu.edu.vn
4	BSCCKII. Thái Thị Huyền	BM SPK	tthuyen@hpmu.edu.vn

### 6.2. Danh sách cán bộ hỗ trợ giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Nhiệm vụ
1	ThS.BS. Nguyễn Thị Mai Phương	BM SPK	Trợ giảng LT-TH

2	ThS.BS. Lê Anh Nam	BM SPK	Trợ giảng LT-TH
3	ThS.BS. Bùi Văn Hiếu	BM SPK	Trợ giảng LT-TH
4	BSNT. Lê Đắc Hiệp	BM SPK	Trợ giảng LT-TH
5	ThS.BS. Nguyễn Thị Thủy	BM SPK	Trợ giảng LT-TH
6	ThS.BS. Phạm Thanh Nhân	BM SPK	Trợ giảng LT-TH
7	ThS.BS. Trần Thu Hà	BM SPK	Trợ giảng LT-TH
8	ThS.BS. Nguyễn Thị Lan Oanh	BM SPK	Trợ giảng LT-TH
9	ThS.BS. Phạm Thị Diễm	BM SPK	Trợ giảng LT-TH

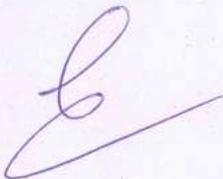
### 7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu, bảng di động, mic không dây, wifi, phần mềm tương tác Kahoot, Poll Everywhere, Menti, trung tâm mô phỏng.

### 8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

**Phụ trách Học phần**

(Ký và ghi rõ họ tên)

  
Nguyễn Thị Hoàng Trang

**Phụ trách CTĐT**

(Ký và ghi rõ họ tên)

  
PGS.TS. Vũ Văn Tâm

**PHỤ LỤC I**  
**DANH SÁCH GIẢNG VIÊN**

**1.1. DANH SÁCH GIẢNG VIÊN CƠ HỮU CHUYÊN NGÀNH**

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành
1	Vũ Văn Tâm	PGS.TS. BS	Sản Phụ khoa
2	Phạm Thị Mai Anh	TS.BS	Sản Phụ khoa
3	Đỗ Quang Anh	TS.BS	Sản Phụ khoa
4	Nguyễn Thị Hoàng Trang	TS.BS	Sản Phụ khoa
5	Vũ Thuý Hà	TS.BS	Sản Phụ khoa
6	Thái Thị Huyền	BSCCKII	Sản Phụ khoa
7	Đào Thị Hải Yến	TS.BSCCKII	Y tế công cộng
8	Nguyễn Ngọc Sáng	GS.TS.BS	Nhi khoa

**1.2. DANH SÁCH GIẢNG VIÊN MỜI GIẢNG (GIẢNG VIÊN CHUYÊN NGÀNH SẢN PHỤ KHOA LÀM VIỆC TẠI CÁC CƠ SỞ KHÁC (BỆNH VIỆN), TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ, CHUYÊN KHOA 1 TRỞ LÊN)**

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành
1	Lê Hoàng	PGS.TS.BS	Sản Phụ khoa
2	Trịnh Thế Sơn	PGS.TS.BS	Mô Phôi
3	Vũ Quang Vinh	TS.BS	Sản Phụ khoa
4	Vũ Thị Bích Loan	TS.BS	Sản Phụ khoa
5	Nguyễn Hải Long	TS.BS	Sản Phụ khoa
6	Trần Mạnh Linh	TS.BS	Sản Phụ khoa
7	Lê Thị Hoàn	BSCCKII	Sản Phụ khoa
8	Bùi Thị Minh Thu	BSCCKII	Sản Phụ khoa

9	Lê Thị Dung	BSCKII	Sản Phụ khoa
10	Nguyễn Thị Duyên Hải	BSCKII	Sản Phụ khoa
11	Trần Văn Mạnh	BSCKII	Sản Phụ khoa

**1.3. DANH SÁCH GIẢNG VIÊN CƠ HỮU CỦA TRƯỜNG GIẢNG CÁC MÔN CHUNG – HỖ TRỢ CHO CHUYÊN NGÀNH MỞ TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ, CHUYÊN KHOA CẤP I TRỞ LÊN**

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành
1	Trịnh Thị Thủy	TS	Triết học
2	Lại Thị Mai	Th.S	Triết học
3	Phạm Minh Khuê	GS.TS	Y tế công cộng
4	Nguyễn Thị Thu Thảo	TS	Y tế công cộng
5	Nguyễn Thanh Hải	TS	Y tế công cộng
6	Hoàng Thị Giang	TS	Y tế công cộng
7	Nguyễn Thị Phương Mai	TS.BS	Hóa sinh
8	Đào Thu Hồng	TS.BS	Sinh lý
9	Vũ Mạnh Tân	TS.BS	Nội khoa
10	Kê Lan Anh	TS.BS	Nội khoa
12	Phạm Văn Thương	PGS.TS	Ngoại khoa
13	Đỗ Minh Tùng	TS.BS	Ngoại khoa
14	Hoàng Anh Công	BSCKII	Ngoại khoa
15	Trịnh Đình Thanh	BSCKII	Ngoại khoa
17	Phạm Quốc Hiệu	BSCKII	Ngoại khoa
18	Phạm Thanh Hải	TS. BS	Răng Hàm Mặt

**PHỤ LỤC II**  
**PHIẾU LƯỢNG GIÁ KỸ NĂNG LÂM SÀNG NGẮN**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG**  
**KHOA Y – BỘ MÔN PHU SẢN**

**PHIẾU LƯỢNG GIÁ KỸ NĂNG LÂM SÀNG NGẮN**  
**(Mini-CEX cải tiến)**

Thông tin học viên thạc sĩ và Người lượng giá			
Họ và tên thạc sĩ	.....	Năm .....	Lớp ..... Khoa .....
Người lượng giá	.....	Chức vụ .....	
Thông tin Bệnh nhân			
Tuổi	Giới .....	Bệnh phòng số.. ..... Giường .....	
Chẩn đoán	.....		
Tình trạng BN	Đơn giản .....	Trung bình .....	Phức tạp .....
Lĩnh vực lượng giá			
Hỏi bệnh sử, tiền sử .....	Khám lâm sàng .....	Giao tiếp và TCN .....	
Chi định và lý giải CLS .....	Biện luận LS .....	Tóm tắt và xác định VĐ .....	
Lập kế hoạch ĐT và CS .....			

**Đánh dấu vào các ô tương ứng trong khi quan sát thạc sĩ tương tác với BN, tham khảo các tiêu chí đánh giá cho từng lĩnh vực trong file Rubric sử dụng chung cho phần lượng giá bằng mini-CEX**

STT	Lĩnh vực lượng giá	Không làm (0)	Không đạt (1)	Tạm được (2)	Đạt (3)	Xuất sắc (4)
1	Kỹ năng hỏi BS, TS					
2	Kỹ năng khám lâm sàng					
3	Kỹ năng giao tiếp và TCN					
4	Chi định và lý giải CLS					
5	Biện luận lâm sàng					
6	Tóm tắt và xác định vấn đề					
7	Lập kế hoạch điều trị					

**Tính điểm:** .....

**Đánh giá năng lực tổng thể<sup>1</sup>:**

Không đạt ..... Đạt ..... Xuất sắc .....

Đây là phần đánh giá năng lực tổng thể năng lực và tính chuyên nghiệp (TCN) của thạc sĩ này. Kết quả này không phải là việc cộng điểm số các lĩnh vực trên mà là việc **phản ánh năng lực tổng thể** trong khi thực hiện dịch vụ của thạc sĩ so với chuẩn đầu ra của năm học và học phần.

**Ghi chú:** <sup>1</sup> Áp dụng với trường hợp đánh giá không tính điểm

**Nhận xét của giảng viên:**

Liệt kê các ưu điểm thạc sĩ đã thể hiện:

.....  
.....  
.....  
.....

Liệt kê các hạn chế của thạc sĩ:

.....  
.....  
.....  
.....

Kế hoạch cải thiện (gồm thời gian và phương pháp):

.....  
.....  
.....  
.....

Thời gian quan sát ..... phút

Ngày ..... tháng ..... năm 202...

**Giảng viên ký**  
**(ghi rõ họ và tên)**

Thời gian phản hồi ..... phút

Ngày ..... tháng ..... năm 202...

**Học viên thạc sĩ ký**  
**(ghi rõ họ và tên)**



**PHỤ LỤC III**  
**PHIẾU LƯỢNG GIÁ KỸ NĂNG THẢO LUẬN CA LÂM SÀNG**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG**

**KHOA Y – BỘ MÔN SẢN PHỤ**

**PHIẾU LƯỢNG GIÁ KỸ NĂNG THẢO LUẬN CA LÂM SÀNG (CBD)\***

Thông tin học viên thạc sĩ và Người lượng giá			
Họ và tên thạc sĩ	.....	Năm .....	Lớp ..... Khoa .....
Người lượng giá	.....	Chức vụ .....	
Thông tin Bệnh nhân			
Tuổi	Giới .....	Bệnh phòng số.. ..... Khoa .....	
Chẩn đoán	.....		
Tình trạng BN	Đơn giản .....	Trung bình .....	Phức tạp .....

**Thảo luận ca lâm sàng** (Case-Based Discussion - CBD) là một hình thức lượng giá tập trung vào việc thảo luận hồ sơ bệnh án của một ca bệnh mà thạc sĩ /người học đã tham gia chăm sóc. Thông thường, người học sẽ chọn hồ sơ bệnh án của hai hoặc ba bệnh nhân mà họ đã tham gia khám, điều trị và chăm sóc. Giảng viên/người giám sát sẽ chọn một hồ sơ bệnh án và thảo luận với người học việc chăm sóc bệnh nhân, đồng thời đưa ra phản hồi sau khi thảo luận. **Mục tiêu** của CBD là đánh giá khả năng biện luận lâm sàng của người học liên quan đến các quyết định trong quá trình đánh giá, nghiên cứu, chẩn đoán, điều trị và theo dõi hay chuyển tuyến bệnh nhân. Phương pháp này cũng cho phép đánh giá tính chuyên nghiệp và kỹ năng ghi chép hồ sơ bệnh án của người học.

Đánh dấu vào các ô tương ứng trong khi nghe và thảo luận với thạc sĩ về ca bệnh, tham khảo các tiêu chí đánh giá cho từng lĩnh vực

TT	Nội dung	Không làm (0)	Kém (1)	T.bình (2)	Khá (3)	Tốt (4)
1	Kỹ năng ghi hồ sơ bệnh án					
2	Chẩn đoán phân biệt và liệt kê tóm tắt các vấn đề					

3	Kế hoạch quản lý, điều trị và theo dõi ca bệnh					
4	Biện luận lâm sàng					
5	Tính chuyên nghiệp					

**Điểm:** .....

**Nguồn:** \* Tham khảo từ biểu mẫu của Hội đồng y khoa Úc

**Nhận xét của giảng viên:**

*Vui lòng liệt kê những điểm làm tốt của thực sĩ này*

*Và những điểm hạn chế của thực sĩ này:*

<b>Giảng viên/người giám sát</b> (Ký và ghi rõ họ tên)	<b>Thực sĩ/học viên</b> (Ký và ghi rõ họ tên)
Ngày ...../...../202...	Ngày ...../...../202...

## CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ TRONG QUÁ TRÌNH BÁO CÁO CA BỆNH

<p><b>Hồ sơ bệnh án</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Thể hiện việc ghi chép rõ ràng về cấu trúc và nội dung của bệnh án BN</li> <li>○ Có các nội dung bệnh sử, tiền sử, khám lâm sàng, cận lâm sàng, tóm tắt và liệt kê các vấn đề của BN</li> <li>○ Có kế hoạch xử trí, thủ thuật/phẫu thuật và tiến triển của bệnh và biểu đồ theo dõi kết quả điều trị.</li> <li>• Tạo ghi chú đầy đủ để các cán bộ y tế khác có thể sử dụng trong chăm sóc BN hoặc để BS sử dụng khi theo dõi BN.</li> </ul>
<p><b>Chẩn đoán phân biệt, tóm tắt và liệt kê danh sách vấn đề lâm sàng</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Đưa ra tóm tắt/chẩn đoán và danh sách các vấn đề phù hợp</li> <li>• <b>Kết nối triệu chứng của bệnh nhân</b> với các phát hiện khám lâm sàng để đưa ra chẩn đoán.</li> <li>• <b>Truyền đạt đánh giá lâm sàng</b> một cách phù hợp cho bệnh nhân.</li> </ul>
<p><b>Kế hoạch quản lý – thăm dò, điều trị và theo dõi</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Thể hiện việc lựa chọn các phương pháp thăm dò, hỗ trợ hiệu quả việc chẩn đoán và xử trí vấn đề của BN</li> <li>• Lựa chọn phương pháp và thuốc điều trị dựa trên chứng cứ khoa học và hiệu quả với điều kiện của BN và phù hợp với yêu cầu của hệ thống y tế</li> <li>• Ghi chép rõ ràng theo thứ tự trên biểu đồ điều trị</li> <li>• Kế hoạch quản lý bao gồm:             <ul style="list-style-type: none"> <li>○ Những thăm dò, điều trị, dự phòng và giáo dục sức khỏe cho BN</li> <li>○ Thời gian theo dõi phù hợp với các vấn đề lâm sàng của BN</li> </ul> </li> </ul>
<p><b>Biện luận lâm sàng</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>Thể hiện quy trình giải quyết vấn đề thành công</b>, bao gồm thu thập dữ liệu, đánh giá thông tin và đưa ra quyết định về chẩn đoán, tiên lượng, điều trị và phòng ngừa</li> </ul>
<p><b>Tính chuyên nghiệp</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Thể hiện sự tôn trọng, đồng cảm, thấu cảm trong khi phản ánh tình trạng của BN</li> </ul>

**PHỤ LỤC IV**  
**PHIẾU LƯỢNG GIÁ KỸ NĂNG LÀM THỦ THUẬT (DOPS)**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG**  
**KHOA Y – BỘ MÔN PHU SẢN**

**PHIẾU LƯỢNG GIÁ KỸ NĂNG LÀM THỦ THUẬT (DOPS)**

Thông tin học viên thạc sĩ và Người lượng giá			
Họ và tên thạc sĩ	.....	Năm .....	Lớp ..... Khoa .....
Người lượng giá	.....	Chức vụ .....	
Thông tin Bệnh nhân			
Tuổi	Giới .....	Bệnh phòng số.. ..... Giường .....	
Chẩn đoán	.....		
Thủ thuật	.....		
Độ khó của thủ thuật	Đơn giản .....	Trung bình .....	Phức tạp .....

Đánh dấu vào các ô tương ứng trong khi quan sát thạc sĩ làm thủ thuật với BN, tham khảo các tiêu chí đánh giá cho từng lĩnh vực

STT	Tiêu chuẩn năng lực	Không làm (0)	Kém (1)	T. bình (2)	Khá (3)	Tốt (4)
<b>1</b>	<b>Năng lực lâm sàng</b>					
1.1	Chuẩn bị BN và thầy thuốc					
1.2	Chuẩn bị dụng cụ					
1.3	Thực hiện thủ thuật					
1.4	Đảm bảo vô khuẩn					
1.5	Theo dõi sau thủ thuật					
<b>2</b>	<b>Các năng lực khác</b>					
2.1	Tính chuyên nghiệp					
2.2	Kỹ năng giao tiếp					
2.3	Kiến thức liên quan					

Mức độ khó của thủ thuật (*Thủ thuật khó được cộng thêm điểm*):

<b>Dễ</b> +0	<b>Trung bình</b> +2	<b>Khó</b> +4
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Đánh giá chung toàn bộ quá trình làm thủ thuật:

<b>Kém</b>	<b>Tạm được</b>	<b>Trung bình</b>	<b>Khá</b>	<b>Tốt</b>
<input type="checkbox"/>				

Đánh giá KHÁ hoặc TỐT chứng tỏ khả năng thuần thục với thủ thuật này (thạc sĩ có thể tự thực hiện được một cách độc lập, khi thường xuyên duy trì ở cấp độ này)

Tổng điểm: ...../xx\* 10 = .....

**Nhận xét của giảng viên:**

*Vui lòng liệt kê những điểm làm tốt của thạc sĩ này*

*Và những điểm hạn chế của thạc sĩ này:*

<b>Giảng viên/người giám sát</b> (Ký và ghi rõ họ tên)	<b>Thạc sĩ/học viên</b> (Ký và ghi rõ họ tên)
Ngày ...../...../202...	Ngày ...../...../202...
Thời gian quan sát ..... phút	Thời gian phản hồi ..... phút



## CÁC TIÊU CHÍ CHUNG VỀ THỦ THUẬT

<b>Chuẩn bị bệnh nhân và thầy thuốc</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Xác định đúng bệnh nhân, số phòng, số giường, chẩn đoán và thủ thuật sẽ thực hiện</li> <li>• Giới thiệu tên, chức danh của thầy thuốc</li> <li>• Giải thích chỉ định, kỹ thuật, lợi ích của thủ thuật và đề nghị BN hợp tác</li> <li>• Giải thích các rủi ro có thể có trong và sau thủ thuật</li> <li>• Giải thích vị trí làm thủ thuật và tư thế BN khi làm thủ thuật</li> <li>• Lấy ý kiến đồng thuận của BN (nếu thủ thuật đòi hỏi có phiếu đồng thuận, thì đề nghị BN ký phiếu đồng thuận)</li> </ul>
<b>Chuẩn bị dụng cụ</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Chuẩn bị đầy đủ dụng cụ phù hợp với thủ thuật</li> <li>• Sắp xếp dụng cụ theo trình tự thuận lợi khi làm thủ thuật</li> </ul>
<b>Thực hiện thủ thuật</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Thực hiện các biện pháp giảm đau phù hợp</li> <li>• Thực hiện đúng các bước và theo trình tự hợp lý khi thực hiện thủ thuật</li> <li>• Giải thích cho BN phù hợp trong quá trình thực hiện</li> <li>• Biết tìm sự trợ giúp khi cần</li> </ul>
<b>Đảm bảo vô khuẩn</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Đảm bảo vô khuẩn trước, trong và sau thủ thuật: rửa tay, đi găng (phù hợp), xử lý dụng cụ sau thủ thuật, kể cả vật sắc nhọn</li> </ul>
<b>Theo dõi sau thủ thuật</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Ghi hồ sơ bệnh án phù hợp</li> <li>• Theo dõi các phản ứng sau thủ thuật, phát hiện các dấu hiệu bất thường</li> <li>• Giải thích và trả lời các câu hỏi của BN và người nhà về thủ thuật</li> </ul>
<b>Tính chuyên nghiệp</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Thể hiện sự tôn trọng với BN và người nhà</li> <li>• Quan tâm đến cảm xúc của BN, thể hiện sự đồng cảm, thấu cảm</li> <li>• Tác phong, trang phục phù hợp</li> </ul>
<b>Kỹ năng giao tiếp</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tự giới thiệu, xưng hô với BN và người nhà phù hợp</li> <li>• Giao tiếp rõ ràng, sử dụng ngôn từ dễ hiểu</li> <li>• Lắng nghe và trả lời các câu hỏi của BN ngắn gọn, dễ hiểu</li> </ul>
<b>Kiến thức liên quan</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Giải thích được chỉ định, chống chỉ định, liên quan giải phẫu, sinh lý bệnh, tai biến, xử trí.</li> </ul>

**PHỤ LỤC V**  
**PHẢN HỒI 360**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG**  
**KHOA Y – BỘ MÔN SẢN PHỤ**

**PHẢN HỒI 360**  
**(Phiếu lấy ý kiến từ Giảng viên/Bác sỹ điều trị)**

Thông tin học viên thạc sĩ	Thông tin Người đánh giá
Họ và tên: .....	Họ và tên .....
Vòng luân khoa/học kỳ .....	Vị trí công tác .....
Thạc sĩ năm ..... Năm học .....	SĐT: .....
	Email.....

- Mục tiêu của việc phản hồi này là giúp cho thạc sĩ trong việc học và phát triển chuyên môn,
- Thầy cô **tự đánh giá cho thạc sĩ này dựa trên các chuẩn năng lực đầu ra** được viết trong Đề cương chi tiết vòng luân khoa,
- Nếu thầy cô đánh giá “xuất sắc” hoặc “chưa đạt” ở bất kỳ lĩnh vực nào. Thầy cô cho ví dụ cụ thể,

TT	Thầy cô đánh giá năng lực của thạc sĩ này thế nào về các lĩnh vực:	Xuất sắc	Đạt	Chưa đạt	Không quan sát
<b>1</b>	<b>Kỹ năng lâm sàng</b>				
1.1	Kỹ năng hỏi Bệnh sử, tiền sử và khám lâm sàng				
1.2	Kỹ năng ghi chép bệnh án				
1.3	Kỹ năng chẩn đoán và kiến thức liên quan				
1.4	Khả năng lập kế hoạch điều trị phù hợp				
1.5	Kỹ năng thực hiện thủ thuật, phẫu thuật				
<b>2</b>	<b>Duy trì thực hành y khoa</b>				
2.1	Khả năng quản lý thời gian và làm việc dưới áp lực				
2.2	Kỹ năng ra quyết định và thực hiện				
2.3	Nhận thức được các hạn chế của bản thân và lập kế hoạch cải thiện				

2.4	Kỹ năng lãnh đạo, sáng tạo				
2.5	Chú ý đến an toàn người bệnh				
<b>3</b>	<b>Học tập và giảng dạy</b>				
3.1	Sẵn sàng xin ý kiến phản hồi và học hỏi				
3.2	Giảng dạy, hướng dẫn SV/ thạc sĩ lớp dưới (nhiệt tình, hiệu quả)				
<b>4</b>	<b>Quan hệ với đồng nghiệp, bệnh nhân</b>				
4.1	Giao tiếp với BN, người nhà				
4.2	Giao tiếp với đồng nghiệp và cán bộ y tế				
4.3	Tham gia làm việc nhóm				
4.4	Khả năng tiếp cận và độ tin cậy				

**Nhận xét cụ thể:**

- Điểm nổi trội (đưa ra các ví dụ cụ thể):

.....

.....

.....

.....

- Điểm cần cải thiện (đưa ra ví dụ cụ thể và ghi rõ làm thế nào để cải thiện):

.....

.....

.....

.....

Ngày ..... / ..... / 202..

**GV/BS ký và ghi rõ họ tên**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG**  
**KHOA Y – BỘ MÔN PHU SẢN**

**PHẢN HỒI 360**

(Phiếu lấy ý kiến từ bạn đồng niên hoặc lớp trên)

Thông tin thạc sĩ được đánh giá	Thông tin Người đánh giá
Họ và tên: .....	Họ và tên .....
Vòng luân khoa/học kỳ .....	Vòng luân khoa/học kỳ .....
Thạc sĩ năm ..... Năm học .....	Thạc sĩ năm ..... Năm học .....
	Thời gian làm việc/học chung ..... tuần

- Mục tiêu của việc phản hồi này là giúp cho thạc sĩ trong việc học và phát triển chuyên môn,
- Bạn đánh giá cho thạc sĩ này theo thang điểm 1 – 5, trong đó 5 rất tốt, 1 rất kém,
- Nếu bạn đánh giá ở mức “rất kém và kém” hoặc “rất tốt” ở bất kỳ lĩnh vực nào. Bạn cho ví dụ cụ thể.
- Phản hồi này được bảo mật và chỉ sử dụng nhằm hỗ trợ thạc sĩ phát triển bản thân và nâng cao kỹ năng nghề nghiệp

TT	Bạn đánh giá thạc sĩ này thế nào về:	Rất tốt (5)	Tốt (4)	TB (3)	Kém (2)	Rất kém (1)
<b>1</b>	<b>Kỹ năng lâm sàng</b>					
1.1	Kỹ năng đánh giá và tiếp cận bệnh nhân					
1.2	Kỹ năng chẩn đoán					
1.3	Khả năng lập kế hoạch điều trị phù hợp					
1.4	Tuân thủ quy trình y tế và nguyên tắc an toàn					
<b>2</b>	<b>Tính chuyên nghiệp và đạo đức nghề nghiệp</b>					
2.1	Thái độ với BN và người nhà					
2.2	Tôn trọng đồng nghiệp và nhân viên y tế					
2.3	Trách nhiệm và chịu trách nhiệm với công việc					
2.4	Tinh thần học hỏi và tiến bộ					
<b>3</b>	<b>Tinh thần và năng lực học tập</b>					
3.1	Khả năng tự học và nghiên cứu					
3.2	Sẵn sàng chia sẻ kiến thức với đồng nghiệp					
3.3	Ứng dụng kiến thức mới vào thực hành LS					
<b>4</b>	<b>Kỹ năng giao tiếp và hợp tác</b>					

4.1	Giao tiếp rõ ràng và phù hợp					
4.2	Lắng nghe và phản hồi tích cực					
4.3	Khả năng làm việc nhóm					

**Ý kiến phản hồi chung:**

Điểm mạnh nổi bật của thực sĩ này (ví dụ cụ thể):

.....

.....

.....

.....

Lĩnh vực cần cải thiện:

.....

.....

.....

.....

Ngày ..... / ..... / 202..

**Người điền phiếu ký và ghi rõ họ tên**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG**  
**KHOA Y – BỘ MÔN PHU SẢN**

**PHẢN HỒI 360**

(Phiếu lấy ý kiến từ Điều dưỡng/Hộ sinh)

Thông tin thạc sĩ được đánh giá	Thông tin Người đánh giá – Điều dưỡng/Hộ sinh
Họ và tên: .....	Họ và tên .....
Vòng luân khoa/học kỳ .....	Chức danh .....
Thạc sĩ năm ..... Năm học .....	Khoa .....

- Mục tiêu của việc phản hồi này là giúp cho thạc sĩ trong việc học và phát triển chuyên môn,
- Bạn đánh giá cho thạc sĩ này theo thang điểm 1 – 5, trong đó 5 rất tốt, 1 rất kém,
- Nếu bạn đánh giá ở mức “rất kém và kém” hoặc “rất tốt” ở bất kỳ lĩnh vực nào. Bạn cho ví dụ cụ thể.
- Phản hồi này được bảo mật và chỉ sử dụng nhằm hỗ trợ thạc sĩ phát triển bản thân và nâng cao kỹ năng nghề nghiệp

TT	Bạn đánh giá thạc sĩ này thế nào về:	Rất tốt (5)	Tốt (4)	TB (3)	Kém (2)	R. kém (1)
<b>1</b>	<b>Kỹ năng giao tiếp</b>					
1.1	Giao tiếp rõ ràng và hiệu quả với BN và người nhà					
1.2	Giao tiếp hiệu quả với nhân viên y tế					
1.3	Thái độ lắng nghe và tôn trọng ý kiến của người khác					
<b>2</b>	<b>Chuyên cần và trách nhiệm với công việc</b>					
2.1	Đúng giờ và duy trì sự chuyên cần trong công việc					
2.2	Hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ lâm sàng					
2.3	Thực hiện nhiệm vụ hành chính đúng thời hạn và chính xác					
2.4	Sẵn sàng hỗ trợ khi được yêu cầu					
<b>3</b>	<b>Sự chuyên nghiệp trong công việc</b>					
3.1	Tôn trọng, đồng cảm bệnh nhân và người nhà					
3.2	Tuân thủ quy trình và quy định của bệnh viện và khoa phòng					

3.3	Tính thần làm việc tập trung và hiệu quả					
3.4	Tạo sự tin cậy của đồng nghiệp và nhân viên y tế					

**Ý kiến phản hồi chung:**

Điểm mạnh của thực sĩ này (ví dụ cụ thể):

.....

.....

.....

.....

Lĩnh vực cần cải thiện:

.....

.....

.....

.....

Ngày ..... / ..... / 202..

**Điều dưỡng**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG**  
**KHOA Y – BỘ MÔN SẢN PHỤ**

**PHẢN HỒI 360**  
**(Phiếu tự đánh giá)\***

**Thông tin thạc sĩ**

Họ và tên thạc sĩ ..... Năm ..... Lớp ..... Khoa .....

Phiếu này do thạc sĩ tự đánh giá mà không cần thảo luận với người đánh giá khác và cần được so với **chuẩn đầu ra và mong đợi của vòng luân khoa** hoặc học kỳ mà thạc sĩ đã học

TT	Bạn tự đánh giá năng lực của bản thân về các lĩnh vực:	Tốt	Đạt	Chưa đạt	Không đánh giá
<b>1</b>	<b>Kỹ năng lâm sàng</b>				
1.1	Kỹ năng hỏi Bệnh sử, tiền sử và khám lâm sàng				
1.2	Kỹ năng ghi chép bệnh án				
1.3	Kỹ năng chẩn đoán và kiến thức liên quan				
1.4	Khả năng lập kế hoạch điều trị và chăm sóc phù hợp				
1.5	Kỹ năng thực hiện thủ thuật				
<b>2</b>	<b>Duy trì thực hành y khoa</b>				
2.1	Khả năng quản lý thời gian và làm việc dưới áp lực				
2.2	Kỹ năng ra quyết định và thực hiện				
2.3	Nhận thức được các hạn chế của bản thân và lập kế hoạch cải thiện				
2.4	Kỹ năng lãnh đạo, sáng tạo				
2.5	Đảm bảo an toàn người bệnh				
<b>3</b>	<b>Học tập và giảng dạy</b>				
3.1	Sẵn sàng xin ý kiến phản hồi và học hỏi				
3.2	Giảng dạy, hướng dẫn SV/ thạc sĩ lớp dưới (nhiệt tình, hiệu quả)				

4	<b>Quan hệ với đồng nghiệp, bệnh nhân</b>				
4.1	Giao tiếp với BN, người nhà				
4.2	Giao tiếp với đồng nghiệp				
4.3	Tham gia làm việc nhóm				
4.4	Khả năng tiếp cận và độ tin cậy				

**Nhận xét cụ thể:**

- Điểm nổi trội (đưa ra các ví dụ cụ thể):

.....

.....

.....

.....

- Điểm cần cải thiện (đưa ra ví dụ cụ thể và ghi rõ làm thế nào để cải thiện):

.....

.....

.....

.....

Ngày ..... / ..... / 202..

**Học viên thạc sĩ ký và ghi rõ họ tên**

PHỤ LỤC VI

ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG  
BỘ MÔN PHỤ SẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
*Độc lập – Tự do – Hạnh phúc*

RUBRICS CHẤM ĐIỂM TRÌNH CHUYỀN ĐỀ THẠC SĨ

PHẦN 1:

Tên chuyên đề được trình		Thời gian từ ngày chuyển
Ngày trình chuyên đề		e-mail đến ngày trình:
Ngày nộp chuyên đề qua thư điện tử		.....(ngày)
Giảng viên đánh giá		
Các thành viên soạn chuyên đề	1.....	
	2.....	
Thời gian gửi email đến khi trình chuyên đề..... (ngày)	3.....	
	4.....	
	5.....	
	6.....	

7.....

**PHẦN 2: ĐÁNH GIÁ**

**Teamworking (10)**

Gửi bài đúng hạn	Trễ hạn	Đúng hạn qui định (5)
Có hỗ trợ trong nhóm khi chuẩn bị bài	Không	Có thể hiện làm việc nhóm trong chuẩn bị bài (2.5)
Có hỗ trợ trong nhóm khi trình bày	Không	Có hỗ trợ khi trình bày bài và trả lời câu hỏi (2.5)

**Hình thức trình bày (5)**

Có cấu trúc: dẫn nhập vấn đề / giải quyết vấn đề / kết luận	Không	Có nhưng không rõ ràng (1)	Có, rõ ràng và dễ hiểu (2.5)
Slides đúng chuẩn (7 hàng mỗi slide, 7 chữ mỗi hàng, font chữ và background rõ ràng, phục vụ đúng nội dung trình bày)	Kém	Trình bày slide chưa tốt (1)	Trình bày slide tốt (2.5)

**Phong cách trình bày (10)**

Trình bày lấy người nghe làm trung tâm	Kém	Có chú ý đến người nghe (1)	Lôi cuốn người nghe (2.5)
Chứng tỏ được mình đang làm chủ vấn đề (không lệ thuộc slides)	Độc slide	Lệ thuộc nhiều vào slide (2.5)	Làm chủ được bài trình (5)
Kích hoạt, tương tác với audience trong quá trình	Kém	Có nỗ lực (1)	Hoàn toàn làm chủ

trình bày				lớp (2.5)	
<b>Nội dung khoa học (75)</b>					
Bài nói bao trùm đầy đủ các learning objectives được yêu cầu (10)	Thiếu rất nhiều	Chưa đủ (5)	Đủ (10)		
Bài nói chuyên tai được đủ các thông điệp liên quan (20)	Thiếu rất nhiều	Chưa đủ (10)	Đủ (20)		
Bài nói có dùng các luận điểm của Y học chứng cứ (10)	Hoàn toàn không	Thỉnh thoảng (5)	Thường xuyên (10)		
Bài nói dùng các luận điểm được cập nhật (10)	Lỗi thời	Chưa cập nhật (5)	Cập nhật (10)		
Trả lời đầy đủ và thỏa mãn nhu cầu của giảng viên, audience (15)	Không trả lời, bé tắc	Chưa thỏa mãn (5)	Rất thỏa mãn (15)		
Có trình bày ca lâm sàng và điều phối thảo luận trên ca (10)	Không / rất kém	Có, chưa tốt (5)	Có, thảo luận tốt (10)		
<b>Phản hồi của Giảng viên đánh giá</b>					
Điểm mạnh.....	.....				Tổng điểm
.....	.....				/100
Điểm cần hoàn thiện hơn.....	.....				

Chữ ký của Giảng viên đánh giá.